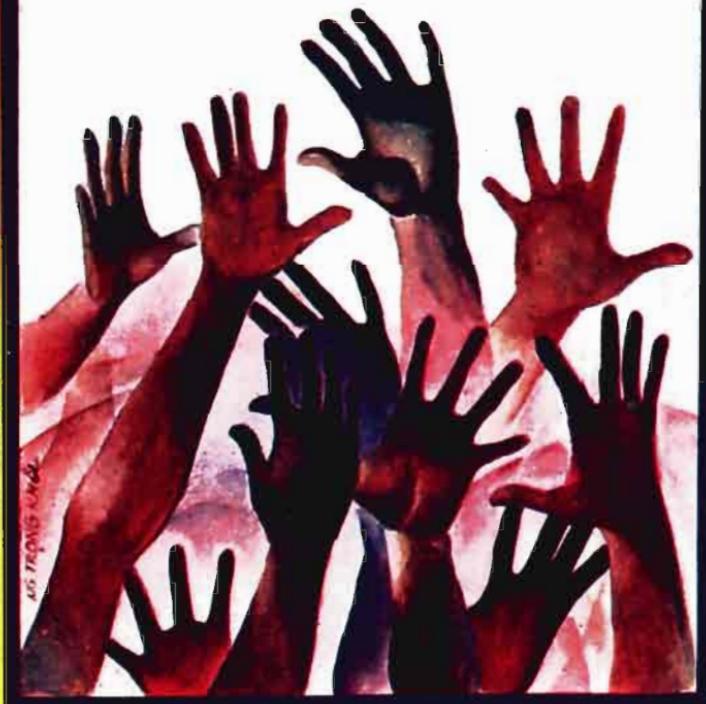


MALAPARTE



THƯỢNG ĐẾ
ĐÃ CHẾT TRONG
THÀNH PHỐ

"la peau"

Bản dịch: NGUYỄN QUỐC TRUNG

MALAPARTE

**Thương đế đã chết
trong thành phố**

Nguyên tác: LA PEAU

Bản Việt văn: NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG

VÀNG SON

XUẤT BẢN

CHƯƠNG I

DỊCH HẠCH

TRONG NHỮNG NGÀY TRẬN DỊCH TÀN PHÁ thành phố, chiều nào cũng vậy, vào lúc năm giờ, Đại tá Jack Hamilton và tôi thả bộ xuống khu San Ferdinando. Cả hai cũng phải dơ tay xô người này huých người kia, trong một biển người ồn ào tấp nập suốt từ sáng sớm cho tới giờ giới nghiêm tại quảng đường Toledo.

Chúng tôi là hai kẻ sạch sẽ, quần áo turom tất, ăn uống đầy đủ giữa đám dân thành Náp, người nào người nấy trông thật thiêu não, bần thần, đói rách, bên cạnh những người lính Đồng minh giải phóng gồm đủ mọi sắc dân trên hoàn vũ. Đám lính cũng vừa chen lấn vừa chửi thề bằng

mọi ngôn ngữ thô tục, và bằng đủ thứ tiếng nói khác nhau ở trên mặt đất. Vinh dự được giải phóng đầu tiên, so với toàn thể Âu Châu, nay không còn nữa : Sau ba năm trời chết chóc vì đói ăn, bệnh tật và bom đạn, đám dân thành Náp đáng thương đã vui vẻ chấp nhận chiến thắng vinh quang, nhờ thua trận mà họ đã được hưởng. Họ ca hát, nhảy múa giữa đám gạch ngói vụn nát, phất Quốc kỳ của những quốc gia bùa trước còn là thù nghịch, và liệng bóng, ném hoa theo từng bước chân của đoàn người chiến thắng.

Tuy bẽ ngoài phẫn khởi, hân hoan là vậy, nhưng trong đám dân thành Náp, rất nhiều người tự hiểu rằng họ đã thua trận. Không hiểu bằng cách nào, tình cảm lạ lùng này đã nảy sinh trong lòng Dân tộc. Chuyện nước Ý bại trận, ai mà chẳng biết. Nhưng thua trận coi vậy mà khó hơn thắng trận rất nhiều. Mọi người ai cũng biết cách chiến thắng, không ai nghĩ mình có thể dễ cho thua trận. Và không phải cứ thua trận là có quyền tự nghĩ, tự coi mình như kẻ bại trận. Thua trận không thôi chưa đủ để cảm thấy mình là kẻ thất thế nô lệ. Do sự khôn ngoan từ ngàn xưa để lại, sau bao kinh nghiệm đau thương truyền từ đời này qua đời khác lại thêm tính tình khiêm cung giản dị, người dân thành Náp không thể tự nhiên một sáng một chiều nghĩ rằng họ là những kẻ thất thế. Chính vì vậy mới nên chuyện. Nhưng còn mấy người bạn Đồng minh của họ thì sao ? Chẳng lẽ họ vừa giải phóng vừa bắt dân phải chịu nhục nhã vì thua trận ? Hoặc là được tự do, hoặc là bị thua trận, vẫn dễ chỉ có vậy. Cho nên, thật bất công và cùng khai trách cứ

dám dàn thành Náp đã không cảm thấy họ tuy thất trận nhưng lại vẫn được tự do.

Trong khi đi thả bộ bên cạnh Đại Tá Hamilton, tôi cảm thấy lỗ bích, tức cười trong bộ đồ đang mặc. Bình phục của đoàn quân giải phóng Ý nguyên là bình phục cũ của lính Anh, màu ka ki, do Bộ Tư Lệnh Anh nhượng lại cho Thống Chế Badoglio, và được đem nhuộm lại màu xanh đậm với những rắn rỉ, cốt che dấu vết máu và vết đạn. Người ta đã lấy những bộ quần áo này từ xác những lính Anh chết trận El Alamein và Tobrouk. Quần tôi cũng có ba vết đạn liêu thanh. Áo lót, áo dài tay, và quần xà lỏn cũng dính đầy máu người chết. Ngay đôi giày tôi đang đi cũng đã được lột ra từ chân một tên lính Anh nào đó. Lần đầu tiên đi thử, tôi thấy đau nhói ở ngay bàn chân. Thoạt tiên tôi lại ngờ là một khúc xương người chết mắc kẹt ở trong đó. Nhưng không phải chỉ là một chiếc đinh. Tuy nhiên, nếu là một khúc xương có lẽ lại tốt hơn, vì dễ gỡ. Tôi mất hơn nửa giờ tìm kim, và gỡ chiếc đinh. Chuyện đó cũng đâu có gì đáng nói. Cuộc chiến tranh xuân ngõc này thực sự kết liễu đối với chúng tôi. Ngoài cách đó ra, đâu còn cách nào tốt hơn? Tự ái của lũ lính thua trận chúng tôi cũng vẫn còn nguyên. Kể từ nay trở đi, sau khi đã thua trận, chúng tôi lại sắp xếp hàng ngũ chiến đấu bên cạnh những người bạn đồng minh, để chiến thắng cùng với họ. Vẫn để lấy quần áo của những lính Đồng minh đã bị chúng tôi giết chết đó, rồi mặc lên người, đó là một chuyện tất nhiên, đâu có gì đáng phàn nàn.

Sau khi nhổ xong chiếc đinh, đi xong đội giầy

đám binh sĩ do tôi chỉ huy đã tập họp xong trước đó vài phút trong sân trại. Trại lính vốn là một tu viện cổ đã bị phá hủy, một phần vì dài dầu năm tháng, một phần vì bom đạn. Một hành lang bao bọc ba phía sân trại, phía thứ tư là một bức tường lớn, quét vôi màu vàng, loang lổ những vết rêu xanh, bên trên có gắn những phiến đá hoa trắng khắc hàng cột dài tên người ngay dưới dấu thánh giá đen to tướng. Xưa kia, mỗi lần có dịch, tu viện lại biến thành nhà thương và tên người khắc trên tường đều là nạn nhân của thần dịch tả. Bức tường còn khắc một hàng chữ đen thật lớn : *Xin an gắt nghìn thu*

Đại tá Palese đích thân giới thiệu tôi trước hàng quân, trong một nghi thức thông thường nhưng thận trọng, làm phấn khởi đám binh lính già. Ông người cao lèn khẽn mái tóc bạc phơ. Ông xiết chặt tay tôi không nói năng gì và thở dài rầu rĩ. Bọn lính đều rất trẻ. Họ vừa mới bị quân Đồng minh đánh bại trên khắp các chiến trường từ Phi Châu sang tới Sicile. Nay họ lại được Đồng minh tuyển chọn thành lập lực lượng giải phóng Ý. Đại Lợi.

Tập họp ngay giữa sân, họ đứng đối diện và chăm chắm nhìn tôi. Quân phục của họ cũng chính là quân phục của bọn lính Anh tử trận trên khắp chiến địa từ El Alamein tới Tobrouk, những đôi giày của họ cũng chính là những đôi giày của binh sĩ Anh đã chết. Mắt mũi mọi người đều hom hem, mắt trợn trừng trắng dã. Họ nhìn tôi dăm dăm không hề chớp mắt.

Đại tá Palese gật đầu ra hiệu và thượng sĩ thường vụ hô to. «Nghiêm! Đám lính nhìn tôi, vẻ

trâu nặng đau đớn như ánh mắt cuối cùng một con mèo chết toàn thân cứng đờ. Những bàn tay trắng nhợt xiết chặt vũ khí : da nhão nhạt, rã xuống đầu ngón tay như thê một chiếc vót tay rộng thùng thình.

Đại tá Palese bắt đầu nói : « Tôi giới thiệu với các anh đây là vị Đại úy mới được bổ nhiệm để chỉ huy các anh ... »

Trong khi ông nói, tôi nhìn bọn lính Ý mặc toàn quân phục nhặt từ bọn lính Anh tử trận, những bàn tay xanh xao thiếu máu, môi xám nhợt mắt trắng dã. Bộ quân phục nào cũng lốm đốm những vết máu bầm tím đây đó trên ngực, bụng và đùi. Bỗng nhiên tôi thoáng sơ, cảm thấy rõ ràng những binh sĩ này đều đã tử trận. Hơi thở của họ thoảng mùi vải mộc mùi da thối, thịt cháy dưới nắng mặt trời. Giọng nó phát ra từ đôi môi nghe sao ấm ướt, lạnh lẽo, huyền nhầy như những tiếng sôi bụng kinh tởm phát ra từ miệng người chết khi ta lấy tay đè mạnh lên bụng họ.

Sau bài diễn văn ngắn, Đại tá Palese bảo viên thượng sĩ : « Ra lệnh nghỉ đi ! Viên thượng sĩ héto : « Đại đội nghe lệnh, « Nghỉ ! »

Đám binh sĩ uể oải, thẫn thờ đang rộng chiếc chân trái ra. Họ dăm dăm nhìn tôi. Ánh mắt thật hiền hòa xa vắng.

Đại tá Palese lên tiếng : « Bay giờ tan Đại úy sẽ nói chuyện với các anh »

Tôi hé miệng, thay vì những tiếng nói rõ ràng, minh bạch, nhưng chỉ là những tiếng ọc ọc gợm ghè phát ra từ cuống họng : những âm thanh nhão nh利物, vô nghĩa. Tôi cố gắng nói : « Chúng ta đều là những chí nguyệt quân giải phóng, những người quân nhân của một nước Ý mới. Chúng ta sẽ chiến

đầu chống Phát-Xít Đức, đuổi chúng ra khỏi nhà cửa, ra khỏi bờ cõi nước chúng ta. Dân chúng đều nhìn vào chúng ta. Chúng ta phải nhặt lá quốc kỳ từ đống bùn lèn. Chúng ta phải làm gương cho hết thảy mọi người đang chìm đắm trong nhục nhã, hổ thẹn. Phải tỏ ra xứng đáng trong giờ phút hiện tại, xứng đáng với trách nhiệm tông quốc giao phó cho chúng ta»

Khi tôi dứt lời, đại tá Palese nói với đám binh sĩ : « Bây giờ một người trong bọn các anh hãy nhắc lại những điều tàn-đại-úy vừa nói. Tôi muốn chắc chắn tất cả mọi người đều đã hiểu rõ Anh kia (ông ta lấy tay chỉ một người lính) hãy nhắc lại coi nào ! » Người lính nhìn tôi, da mặt xanh xao, môi xám ngoét, mềm nhão như môi người chết. Bằng những tiếng ọc ọc ghê tởm, anh ta cất tiếng nói : chúng ta phải làm sao cho xứng đáng với những túi hồ mà nước Ý đã chịu đựng.

Đại tá Palese đến gần tôi, khẽ nói, tai nó hiểu rồi. Rồi ông im lặng lảng ra xa. Ngay dưới nách áo bên trái của ông có một vết máu đen, và hình như vết máu cứ thế lan rộng mãi ra. Tôi nhìn vết máu lan rộng, nhìn viên đại tá già nua mặc bộ đồ của một tên lính Anh tử trận đang chầm chậm bước ra xa, đôi giày của một kẻ đã chết lách cách nẹn trên mặt đất. Và trong miệng tôi lúc đó xông lên một mùi hôi thối, giống như mùi một miếng thịt ôi. Đó là mùi của ba tiếng « Ý-Đại-Lời. »



— Tui khổn nan !

Đại Tá Hamilton rít lên qua kẽ răng trong khi cố gắng lách ra một lối đi giữa biển người đông đặc. Tôi nói :

— Tại sao bồ lại nói vậy ?

Sau khi đi tới phía trên Augosto, theo như thường lệ, chúng tôi quay trở về bằng ngã Santa Brigida, nơi ít người qua lại, và chúng ta ngừng lại một chút để thở.

Jack vừa nói vừa sửa lại bộ quân phục xốc xểch

— Lũ khốn nạn !

Tôi nói : — Đừng nên nói như vậy, Jack !

Sao lại không ? Tui khốn nạn, dơ dáy bần tiện !

Tôi đáp : — Thì chính tôi cũng là một thằng bần tiện, một tên Ý bần thỉu. Không được sinh bẻ tại Mỹ đâu phải là lỗi của chúng tôi. Mà dù có sinh ở Mỹ, chúng tôi vẫn là một lũ khốn nạn, bần tiện. Phải không, Jack ?

— Thôi mà, đừng giận, bồ tèo ! Đời đẹp lắm !

— Đúng như vậy. Đời đẹp lắm ! Tôi biết chứ !

Nhưng lần sau đừng nói như vậy nữa.

Jack vỗ vai tôi :

— Sorry, tôi đâu muốn làm mếch lòng bồ tèo. Đó chỉ là mấy câu chửi thề quen miệng. Tôi yêu dân tộc Ý, tôi thích lũ người kỳ diệu, khốn nạn, bần tiện !

— Tôi biết ! Bồ yêu mến dân tộc kỳ diệu, bất hạnh và khốn nạn này. Trên thế giới không có một dân tộc nào chịu đựng đau thương cay đắng bằng dân tộc Ý. Họ đã chịu đựng đói khát, nô lệ dòng dõi hai mươi thế kỷ, vày mà không hề kêu than, khóc lóc. Không hề nguyên rúa, hoặc ghét bỏ bất cứ người nào. Cũng không hề ghét bỏ, ruồng rẫy chính mình. Chúa cứu thế là một người dân thành Náp.

— Bạn chờ cô nói bậy !

— Đầu phải bậy bạ. Chúa Cứu Thế thực sự là dân thành Náp mà.

Jack nhìn tôi ra vẻ thương yêu. Anh nói :

— Bữa nay sao vậy ?

— Chẳng sao cả. Bồ muốn tôi sao ?

— Bữa nay bạn hơi bần tính.

— Tại sao tôi lại phải bần tính ?

— Tôi biết bồ tèo quá mà ! Bạn hôm nay coi bộ hơi có vẻ bức mình !

— Tôi phát rầu vì mặt trận Cassino.

— Thay kệ Cassino !

— Không biết có chuyện gì xảy ra không ?

— Thay kệ anh !

— Hồi ở đó, anh gặp chuyện rắc rối, tôi qua nhỉ ?

— Thôi câm miệng đi !

— Sorry, tôi đâu muốn làm mất lòng bồ tèo. Tôi cũng giống như bạn nói tôi lúc nãy. Tôi yêu những người Mỹ. Tôi yêu dân tộc Mỹ, một dân tộc sạch sẽ, kỳ diệu, trong sạch. Tôi khoái dân Mẽo lắm !

— Tôi biết bạn khoái người Mẽo. Nhưng *đời đẹp lắm*, để ý làm chi mấy chuyện đó.

— Cóc thèm nói tới mặt trận Cassion nữa !

— Ồ, đúng vậy. Cóc thèm nói tới Náp nữa !

Trong không khí thoang thoảng một mùi chi thật kỳ lạ. Không phải mùi bốc lên vào lúc hoàng hôn, từ những khu phố chật hẹp, bẩn thỉu, khu Toledo, từ công trường delle Carrette, từ khu phố của người Tây Ban Nha. Cũng không phải mùi cát ướt trong mấy xưởng làm đồ hộp, mùi khó ngửi thoát ra từ mấy quán nước, mùi nước tiểu đóng kin

trong mấy khu phố tối tăm từ Toledo tới San Martino. Cũng không phải cái mùi vàng vàng, đục đục, nhầy nhầy do hàng ngàn xú khí, hàng ngàn hơi thở, hàng ngàn mùi hôi thối kỳ cục bốc lên từ những đóa hoa héo tàn chất đống dưới chân tượng Thánh mẫu đồng trinh trong những đèn miếu nơi đầu đường, góc phố, rồi theo gió tràn lan ra khắp mọi nơi. Cũng không phải mùi gió đồng nam thổi về từ Địa Trung Hải, trong gió có lẫn mùi phô mát làm bằng sôra dê, mùi cá thối. Cũng đâu phải mùi thịt nấu chín bốc lên vào mỗi buổi chiều từ những đồ điểm, rồi sau đó bay là là bên trên thành phố Náp. Nhà văn Jean-Paul Sartre cũng đã hạnh được ngửi mùi này, trong lúc đi ngang khu phố Toledo tối om như hũ nút, đầy bóng đèn nóng hổi, lờ mờ mùi đậm đặc, nhờ đó ông đã tìm thấy mối cảm tình nhợp nhúa giữa ái tình và thực phẩm. Không, không phải mùi thịt chín đè nặng lên thành phố Náp, vào lúc chập choạng tối, khi da thịt người đàn bà hình như sôi lên vì những ý nghĩ tục tĩu. Đó là một thứ mùi thật tinh khiết, và thật nhẹ nhàng thanh thoát : Mảnh khảnh, nhẹ nhàng, trong suốt, giỗng như mùi biển cả có lẫn vô một chút xù bụi, mùi đêm đầy hơi muối, mùi khu rừng cổ trồng toàn cây bằng giấy.

Từng đám đàn bà, tóc xõ tung, phấn son nhè nhẹ, đang bị những tên lính da đen có những bàn tay xám ngoét, chạy theo săn đuổi, họ chạy lên chạy xuống suốt khu Toledo. Đám đàn bà vừa xõ đầy đám đồng vừa la lên la hét : « È, Joe ! È, Joe ! » Ngay tại lối vô những đường hẻm, những người thơ hót tóc đàn bà, le capere, đứng

thành dây dài mỗi người đứng sau lưng một chiếc ghế. Một bọn lính da đen ngồi trên những chiếc ghế đó, mắt nhăm nhăm, đầu ngả lên lưng ghế hay gục xuống ngực. Những tên lực sĩ da đen này có cái đầu tròn vo giống như đầu con cừu, tóc xoăn tít, chân mang giầy da màu vàng đánh xi bóng láng trông chẳng khác gì mấy chiếc bàn chân bằng vàng trong nhà thờ Santa Chiara. Chúng gọi nhau ơi ơi, ca hát ồm tối, hoặc chửi nhau tay đài với mấy con mèo đầu đang cùi người từ trên cao lơ, hoặc thò đầu ra từ mấy khung cửa sổ, trông như những hàng ghế lô trong rạp hát. *Le capere* ăn mạnh chiếc lược vào trong mớ tóc rồi của tên lính da đen, rồi kéo chiếc lược về phía ngực bằng cả hai tay. Họ khạc nước miếng vào răng lược cho trơn và đồ brilliantine vào lòng bàn tay rồi chà xát mớ tóc man dại của khách hàng chẳng khác gì mấy con mèo tầm quất.

Hàng đàn trẻ con quần áo rách rưới, quì trên những chiếc hộp gỗ, chúng vừa gỗ lưng bài chải vào nắp hộp yura la to : « Đánh giầy đà-ánh gi-giầy ! Mấy bàn tay xương xẩu của chúng tham lam tranh cướp, hẫu chặt lấy mấy gấu quần của tụi da đen tinh cờ trườn mông đi ngang. Từng đám lính Maroc, chùm áo mưa đen thui, ngồi xồm xộc theo bờ tường, mặt rõ chẳng chít, mắt hấp háy vàng khè, cánh mũi pháp phòng một ngửi một mùi khó chịu tỏa cùng khắp bầu không khí bụi bặm.

Bọn đàn bà da trắng nhợt, ốm nhom, môi tô son nhè nhẹ, má hốc hác, mặt trét một lớp phấn dày trông phát tỳm, họ đứng ngay tại mấy góc phố, phô bày chỉ trỏ mời gọi khách qua đường. « Hàng họ » của đám đàn bà này gồm toàn những con trai

và con gái cõi chìrgng tám. tới mươi tuổi. Bọn lính Maroc, Ár dộ, hoặc kéo áo, hoặc lẩy tay sờ xoạng mò mẫm mấy nút khuy quần của lui nhỏ. Bọn đàn bà la to : «Con trai hai, con gái ba đôn !»

Tôi bảo Jack :

— Mày thích đứa con gái ba đôn không ?

— Câm miệng đi !

— Đâu có mắc. Đứa bé gái chỉ có ba đôn. Rẻ hơn cả một ký thịt cừu. Chắc chắn ở Luân đôn hay Nữu ước giá cả mắc hơn thế nhiều.

— Mày làm tao phát lوم !

Tôi nói :

— Ba đôn đâu bằng ba trăm lires. Một bé gái từ tám tới mươi tuổi nặng mấy ký ? Dám tới hai mươi lăm ký. Bồ nghĩ coi, chỉ một ký thịt cừu bán giá chợ đen cũng tới năm trăm lires nghĩa là bằng năm đôn rồi.

Jack nói to :

— Thôi mà ! Câm đi !

Từ mấy ngày qua, trẻ con gái và trai đều xuống giá, và nay lại xuống thêm. Trong khi đường, dầu, bột mì, thịt, bánh mì đua nhau tăng, và còn tiếp tục tăng nữa, giá thịt sống cứ ngày lại giảm dần. Tuần trước, một thiếu nữ từ hai mươi tới hai mươi lăm tuổi giá tới mươi dollars, nay chỉ còn bốn dollars kè cả xương xâu. Lý do : tất cả đàn bà ở miền Nam nước Ý đều đồ dồn về Náp. Trong những tuần vừa qua giới mua sỉ đã tung vào thị trường một số rất nhiều phụ nữ đảo Sicile. Không phải thị trường cần thịt tươi : Bọn con buôn dầu cơ biết rõ rằng bọn lính da đen, vốn sành sỏi, không thích thịt tươi cho lắm. Thường thường thịt đàn bà

đảo Sicile không được khách hàng ưa chuộng, và nhiều khi bọn lính da đen cồn lắc đầu chê dai. Tui da đen không ưa đàn bà da trắng có màu da quá đen. Bù lại thịt bọn đen lai lên giá, và may mắn thay, sự kiện này làm thăng bằng cân cân thị trường.

Tôi hỏi Jack :

— Thịt Mỹ đen bữa nay bao nhiêu ?

Jack lato :

— Cảm miệng đi !

Tôi nói :

— Có thiệt thịt Mỹ đen đắt gấp mười Mỹ trắng ?

— Đừng có chọc giận tao !

Thực ra tôi không có ý định làm tồn thương người bạn da trắng này, cũng chẳng định chử nhạo, và cũng không hề tỏ vẻ mạn thương đối với quân đội Mỹ, một quân đội đáng yêu, đáng kính nhất trên thế giới. Chuyện Mỹ đen đắt hơn Mỹ trắng đâu có ăn thua gì tôi tôi ? Tôi yêu thích người Mỹ, bất kể màu da nào, và tôi đã chứng tỏ điều này hàng trăm lần trong cuộc chiến vừa qua. Dù da trắng hay da đen, tâm hồn họ đều trong sáng, trong sáng hơn tâm hồn chúng tôi nhiều. Tôi yêu thích người Mỹ vì họ là dân Thiên chúa giáo lương thiện, thành thực mồ đạo. Bởi vì họ tưởng rằng Chúa luôn luôn đứng về phe có lẽ phải. Bởi vì họ tưởng rằng làm trái là có lỗi, làm trái là một chuyện phi luân lý. Bởi vì họ tưởng rằng chỉ có họ là những con người can đảm, còn tất cả các dân tộc Âu châu đều bất lương không ít thì nhiều. Bởi vì họ tưởng rằng một dân tộc chiến bại là một dân tộc làm bệ,

và thất trận là do lương tâm đã bị kết án, tạo hóa chỉ công đã muộn như vậy.

Tôi yêu thích người Mỹ vì những lý do trên và cũng vì những lý do khác nữa không tiện nói ở đây. Ý thức của họ về lòng nhân đạo, bao dung, sự ngày thơ lương thiện trong cách nghĩ, cách cảm, sự thuần khiết trong cách cư xử, tất cả những điều đó gây cho tôi ảo tưởng lẩn hy vọng về lòng tốt của loài người, trong suốt mùa thu hãi hùng 1943, khi dân tộc tôi hai vai chịu nặng những tang thương. Ảo tưởng rằng tất cả mọi người đều ghét điều ác, đều hy vọng một tình thương yêu nhân loại cao quý, tốt đẹp hơn mãi. Thêm vào đó là niềm tin vững chắc, chỉ có lòng nhân từ và tinh ngày thơ của những đứa trẻ Hoa kỳ đẹp đẽ từ bên kia bờ Đại tây dương xuông tàu sang Âu châu để trừng phạt kẻ ác, ban thưởng cho người lành, chỉ có lòng tốt đó mới có thể thuộc lỗi cho mọi người, mọi dân tộc.

Trong số những bạn Mỹ của tôi, Jack là người thân thiết nhất. Tham mưu trưởng Jack Hamilton năm nay ba mươi tam tuổi, người cao ốm, rất hào hoa, lịch-sự, cách cư xử gần giống như người Âu châu. Thoạt trông, Jack giống người Âu châu hơn là người Mỹ. Nhưng không phải vì lý do đó mà chúng tôi thân nhau. Tôi coi Jack như một người anh trong gia đình. Cùng với tinh thần mỗi ngày một tăng, cá tính «Người Mỹ» của anh cũng theo đó lộ dần, thật sâu xa, rõ rệt. Vốn sinh trưởng tại một tiểu bang miền Nam Hoa kỳ, miền California (Anh vẫn thường nói : Tôi được nuôi nấng bởi một bà

vú da đen, dữ như quỷ), Jack là một người học thức tinh tế nhưng tính tình đơn giản, ngây thơ như trẻ con. Tôi nhủ thầm, đó mới chính là một người Mỹ trong ý nghĩa cao quý nhất của danh từ đó. Một trong những người Mỹ rất đáng kính trọng, tôi chưa hề gặp trong đời. Một người quân tử Thiên chúa giáo ! Những ai đã biết và đã từng yêu thích người Mỹ chắc chắn sẽ hiểu thế nào là một dân tộc Mỹ theo đạo Thiên chúa. Và Jack đúng là một người quân tử Thiên chúa giáo !

Được đào tạo, huấn luyện tại Wooberry Forest School và Đại học Virginia, Jack đã từng say mê học tiếng La tánh, Hy lạp, và say mê tập thể thao. Năm 1928, anh đã từng là một lực sĩ chạy đua của Đoàn thể thao Hoa kỳ tham dự thế vận hội tại thủ đô Hôa Lan. Sau năm 1929, anh đã sống vài năm tại Ba lê làm kế toán cho Liên hiệp Thông tấn xã. Anh rất hanh diện vì tài nói tiếng Pháp của mình.

Jack nói : Tôi học tiếng Pháp trong sách vở cõi điền. Các giáo sư Pháp văn của tôi là Lã phung tiên và bà Bonnet, người đàn bà gác cổng căn nhà tôi thuê tại phố Vaugirard. Anh không thấy tôi nói tiếng Pháp như mấy con vật trong thơ ngữ ngôn của La Fontaine ư ?

Tôi đã học được một điều ở ông La Fontaine. Đó là : *Một con chó có thể tha hồ ngầm nghĩa một vị giáo chủ* (1).

Tôi nói với anh : Đầu phải hễ học được điều

(1) Tục ngữ Pháp, ý nói tha hồ tự do, muốn làm gì làm.

đó là đã sống ở Âu châu. Ở Mỹ, con chó cũng có thể tha hồ ngắm nghĩa một bậc giáo chủ.

Jack đáp : Ấy không đâu ! Ở Mỹ chỉ những bậc giáo chủ mới được quyền ngắm nghĩa những con chó.

Jack biết rất rõ không những thủ đô Ba lê, mà còn biết cả những nơi mà anh gọi là ngoại ô Ba lê ám chỉ toàn thế Âu-Châu. Anh đã lè gót khắp Thụy Sĩ, Bỉ, Đức, Thụy Điển mang theo tấm lòng thương yêu, khao khát hiểu biết. Sau những cuộc du lịch này, Jack đã trở về Mỹ với một tác phẩm đầu tay bàn về tinh thần văn minh Âu châu và một tập khảo luận về Descartes, do đó anh được cử làm giáo sư văn chương tại một đại học lớn bên Mỹ. Nhưng đối với một lực sĩ, những vinh dự đại học đâu có bằng những vinh dự thế vận hội ? Và Jack không thể nào hết buồn mỗi khi nghĩ rằng chỉ vì vết thương ở chân nên không được phép dự thi trong những cuộc tranh tài quốc tế mang vinh quang về cho xứ cờ hoa. Để cố quên đi tai nạn đó, Jack thường đọc thi hào Virgile, vốn rất được anh ái mộ, hoặc triết gia Xénophon, những khi ngồi trong phòng ăn, phòng thay đồ tại vận động trường đại học xưa, mũi ngửi mùi cao su, khăn tắm ướt đầm, mùi xà phòng, vải sơn, tất cả đều là những mùi rất đặc biệt của nền văn hóa cổ điển thuộc các quốc gia theo truyền thống Anglo Saxon.

Một buổi sáng tại Náp, trong giờ điềm tĩnh, tôi bắt gặp anh trong phòng thay đồ của vận động trường PBS và đang cầm cuộn đọc thơ Pindare, một thi sĩ trữ tình Ý. Anh đỏ mặt nhìn tôi mỉm cười và hỏi tôi có yêu thơ Pindare không. Và anh nói thêm

trong những bài thơ ngắn ca ngợi những lực sĩ chiến thắng vang tại Thế vận hội, người ta không bao giờ cảm thấy sự mệt mỏi vì gian nan tập luyện, trong những câu thơ thần thánh đó còn vang lên những tiếng la hét của khán giả, cùng những tiếng reo hò của sự đắc thắng. Không có những tiếng huýt gió khàn khàn, tiếng khò khè mệt mỏi của những lực sĩ khi đã cố gắng hết sức.

Anh nói: Tôi biết, tôi hiểu rõ hai mươi thước rút cuối cùng gian nan khủng khiếp như thế nào. Pindare không phải là thi sĩ hiện đại. Ông ta là một thi sĩ Anh dưới thời đại nữ hoàng Victoria.

Jack ưa thích Horace và Virgile hơn các thi sĩ khác vì vẻ thanh cao, buồn bã của họ. Anh yêu thi ca Hy lạp và nước Hy lạp cõi xưa bằng một thứ tình cảm của một đứa con yêu cha mẹ, không phải thứ tình cảm của một học sinh. Một hôm, ngồi trên bờ sông Volturno, bên cạnh cầu Capone, trong lúc đợi người lính gác cầu rả hiệu cho đi qua, chúng tôi nói về quan niệm cái đẹp của người Hy-Lạp cổ xưa. Jack nói anh không ưa những hình bóng ảm đạm huyền bí của nước Hy lạp cổ thời, anh chỉ ưa những hình ảnh tươi vui, rộn ràng, mới mẻ của nước Hy lạp trẻ trung, một nước Hy lạp theo kiểu Pháp, nước Hy-Lạp của thế kỷ 18. Khi tôi nói đùa anh nghĩ sao về nước Hy lạp theo kiểu Mỹ, anh cười trả lời : Hy lạp của triết gia Xénophon.

Thi sĩ Mỹ được anh mến chuộng nhất vẫn là Edgar Poe. Nhưng khi đã làm quá vài ly whisky, anh thường lầm thơ Horace với thơ Poe. Anh cũng thường lầm chiếc lá biết nói của Mme de Sévigné với con vật biết nói của La Fontaine.

Tôi bảo anh : Không phải một con vật mà là một chiếc lá, một chiếc lá cây.

Và tôi dẫn cả đoạn văn trong lá thư bà nữ sĩ đã từng ao ước có một lá cây biết nói ở trong hoa viên của bà.

— Vô lý quá ! Lá cây mà biết nói ! Một con vật biết nói, chuyện đó còn có thể hiểu được, nhưng một cái lá cây thì quá lầm !

Tôi nói với anh :

— Dùng phương pháp luận lý của Descartes để tìm hiểu Âu châu thì không ích lợi gì cả. Âu châu là một xứ sở đầy huyền bí, đầy bí mật không ai khám phá nổi.

Jack kêu to lên :

— Ô ! Âu Châu ơi ! Một xứ sở lạ lùng ! Cần phải có Âu châu ta mới cảm thấy mình là người Mỹ !

Nhưng Jack không phải là loại *Người Mỹ sống tại Ba Lê* như ta thường gặp trong tiểu thuyết *The Sun Also Rises* (1) của Hemingway vào khoảng những năm 1925, thường lui tới quán cà phê Select ở Montparnasse và «chê» không thèm tới thất Ford Maxon Ford, thư quán Sylvia Beach. Sinclair Lewis nhận khi bàn về vài nhân vật của Eleanor Green đã nói rằng họ đều « là những nhà tị nạn trí thức của tả phái vào quãng năm 1925, hay như T.S. Eliot, Ezra Pound, Isadore Duncan, những con ruồi ngũ sắc bị mắc vào màng lưới đen của nền văn hóa Âu châu phi luân và cỗ diễn Jack cũng không thuộc nhóm thanh niên suy đồi

(1) Mặt Trời Vẫn Mọc, tác phẩm của E. Hemingway. Bản Việt văn do nhà Vàng Sơn xuất bản (CTND)

thường tụ tập quanh tạp chí Mỹ *Transition* xuất hiện tại Ba lê vào khoảng năm 1925. Không, Jack không phải là một con người «mất gốc», «điếc truy» : Đó chỉ là một người Mỹ say mê Âu châu.

Anh quá yêu thương và ngưỡng mộ Âu châu. Dù khác biệt văn hóa, dù biết rõ tinh túc cũng như tinh xảo của dân Âu châu, nhưng cũng giống như những người Mỹ «thứ thiệt» khác, tất cả đều có tự ti mặc cảm trước Âu châu cổ kính lâu đời. Nhưng không phải vì mặc cảm này mà họ không thể hiểu, không thể tha thứ những nỗi khổ đau, tủi hổ của chúng tôi; chính họ sợ hãi, hổ thẹn khi phải đối đầu với thực tế hiện nhiên đó. Ở con người Jack, mặc cảm tự ti, tinh xảo hổ bẽn lẽn lại còn rõ hơn những người khác. Mỗi lần đi trong đường phố Náp, trong một làng quê thuộc vùng ngoại ô Capone trên đường đi Cassino, thỉnh thoảng nhìn thấy một vài cảnh tượng đau lòng nói lên nỗi cơ hàn, tuyệt vọng của dân tộc chúng tôi, (nỗi cơ hàn, tuyệt vọng của Náp, của Ý đại lợi và của toàn thể Âu châu) mỗi khi phải chứng kiến những cảnh đó, Jack thường đỏ bừng mặt vì xấu hổ.

Nhờ anh đỏ mặt cho nên tôi mến anh như một người thân trong gia đình. Nhờ tinh liêm sỉ, thật trầm ngâm thật Mỹ đó, tôi thấy mang ơn Jack, mang ơn tất cả những binh lính dưới quyền chỉ huy của tướng Clark, tất cả những trẻ con, đàn ông; đàn bà của nước Mỹ (Ôi Mỹ quốc ! Vùng chăn trời sáng chói ở nơi xa xăm kia, vùng bờ biển không làm sao tới gần được, xứ sở ngẫu cảm đầy hoan lạc sung sướng) Đôi khi để cõi che đậm tinh bẽn lẽn cửa anh, Jack vừa đỏ mặt vừa thốt lên những lời chửi rủa : «Lũ

khốn nạn Ý đại lợi». Và tôi thường cự lại ánh bắng những lời châm chọc, những câu chua chát đầy tiếng cười đau thương và độc ác, nhưng sau đó tôi hối hận liền, và cứ thế ăn năn rãm rút suốt đêm. Có thể anh tra thách tôi khóc. Những giọt nước mắt của tôi chắc tự nhiên hơn những lời châm chọc, bởi tàn nhẫn hơn thái độ chua cay. Nhưng tôi cũng có một vần điệu cần phải dẫu điểm, che đậy. Trên lục địa Âu châu khốn khổ này, chúng tôi cũng thấy sợ hãi và xấu hổ vì tính kiêu si của mình.



Hơn nữa, đâu phải lỗi chúng tôi, nếu giá bọn đèn cứ tăng lên vụn vụt. Một anh Mỹ đèn chết là đồ vô giá trị, còn tệ hơn cả một anh Mỹ trắng chết. Tệ hơn cả một người Ý còn sống! Giá cả chỉ bằng độ chừng hai trẻ con Ý chết vì đói. Không hiểu tại sao một Mỹ đèn chết, giá lại rẻ đến như thế; tuy rằng cái chết của tụi đó rất ngoạn mục: Thật sảng sủa, đồ sộ và vĩ đại. Nằm dài trên mặt đất, xác một gã da đèn chiếm một khoảng gấp đôi gấp ba xác một gã da trắng.

Nhưng một Mỹ da đèn khi còn sống đặt già lâm Giá cả Mỹ da đèn còn sống đã gia tăng từ vài ngày nay tại Napoli, đang từ hai trăm lên tới cả ngàn Mỹ kim và trong tương lai còn lên nữa. Cứ quan sát những cặp mắt thèm thuồng của đám khốn cùng hau hú nhìn một Mỹ da đèn, một Mỹ da còn sống, thì mới biết bọn Mỹ da đèn còn sống được giá biết là chừng nào. Người dân Napoli nghèo khổ, nhất là đám «Scugnizzo», bọn trẻ nít, tất cả đều mơ mộng làm

(1) Một người Mỹ da đèn.

THƯƠNG ĐẾ ĐÃ CHẾT

sao có tiền mua nồi một «black» (1) dù chỉ trong vài giờ cũng được. Bọn trẻ nít thích nhất trò chơi đi săn bắt Mỹ da đen. Thành phố Náp vốn là một khu rừng nhiệt đới rộng mênh mông, sực nức mùi bánh bột xán, ngọt lịm và âm ấm, trong thành phố đó bọn Mỹ da đen chuồn choáng, vừa đi vừa ngung nguầy hai cái mệng, mắt ngang nhìn trời. Bỗng đâu có một tên «Scugnizzo» đi tới nắm ngay lấy tay áo anh Mỹ da đen và dắt đi hết trà định này tới trà thất kia, hết túu quán này tới túu quán nọ, từ động này tới đ kia trong những đường hẻm tại khu Toledo và Forcella. Từ những khung cửa sổ, ngưỡng cửa, góc phố, hàng trăm cái miệng, hàng trăm bàn tay nhau nhau bám lấy gã «Scugnizzo» : Bán cho tao thằng Black (1) của mày đi ! Tao trả hai chục dollars đó ! Nay ba chục đó ! Thời năm chục dollars vậy ! Người ta gọi đó là thị trường lưu động *the flying market*. Năm chục dollars là giá cao nhất của một tên Mỹ đen, trong một ngày, nghĩa là chỉ vài giờ đồng hồ : Thời gian đủ để nhử hắn say mèm, sau đó lột hết tất cả những gì hắn có trên người, từ cái mũ nón đội trên đầu cho tới đôi giày đi ở dưới chân và, khi màn đêm buông xuống, họ bỏ mặc hắn trần truồng trên vỉa hè trong hẻm.

Tên Mỹ đen không một chút nghi ngờ. Gã không nhận thấy bị mua đi bán lại trong nháy mắt, và gã vẫn cứ bước đi, vẻ thơ ngây và hân hoan, rất tự hào vì có đôi giày vàng bóng, bộ quần phuc rất chỉnh tề, đôi tất tay vàng ~~nhẵn~~, nhẵn cà rà những chiếc răng vàng, và ~~lão~~ lão, trắng dã, trong suốt như mắt bao ~~vừa~~ vừa ~~vừa~~ vừa mím cười, đầu ngồi trên ~~nhìn~~ nhìn đám may

xanh lững thững trôi trên bầu trời mầu nước biển. Bọn con gái ngồi ti trên bao lớn để lộ những bắp đùi tròn lẳn, những đóa cầm chướng đỏ nở trong những bình hoa bằng đất sét đặt trên thành cửa sổ. Gã bước đi như một người mộng du, vừa khoan khoái thưởng thức mọi mùi vị mầu sắc, âm thanh hình ảnh đã làm cuộc sống trở nên quá êm đềm : nào là mùi vị của bánh bột rán, rượu chát, cá rán; hình ảnh mực đàn bà bụng mang dạ chửa ngồi trên ngưỡng cửa ra vô, một cô thiếu nữ đang gãi lưng, một cô khác còn mải tìm bắt con rận trong yếm, những tiếng trẻ thơ khóc oa oa trong nôi, tiếng cười của gã « Scugnizzo », ánh mặt trời phản chiếu trên khung kính cửa sổ, tiếng hát phát ra từ một máy hát, những ngọn lửa cõi Thập Nhị Diêm Vương đang thiêu đốt những kẻ tội lỗi dưới chân tượng Thành nữ Đồng trinh nơi đèn miếu ở góc phố, một đứa bé đê ngang miệng khoanh dưa hấu làm như đang thổi khâu cầm, một cô gái kết tóc bên thành cửa sổ, vừa hát « Ohi Mari » vừa ngắm bầu trời như thể ngắm bóng mình trong gương.

Gã Mỹ da đen không nhận thấy đứa trẻ đang vuốt ve cổ tay gã, nói chuyện ngọt ngào, thỉnh thoảng nhìn thẳng vào mặt gã bằng cặp mắt đầy nhân từ, lâu lâu lại đổi thành đứa khác. (Khi đứa bé bán gã « black » của mình cho một đứa « Scugnizzo » khác, hắn bèn đổi tên Mỹ đen của mình vào tay người mua, rồi biến vào đám đông). Giá một Mỹ đen trong « thị trường lưu động » được ước tính cẩn cứ vào lòng rộng lượng, tinh khoe khoang tinh hau ăn, lối cười, cách hút thuốc hoặc nhìn ngắm đàn bà của tên đó. Hàng trăm con mắt lão luyện hau hau theo dõi từng

cứ chidieu bộ của gã Mỹ đen đêm tiền gã vua rút ở túi ra, dò xét từng ngón tay có những chiếc móng xám nghịt những câu ghét. Có những thằng bé sành nghề tính toán rất tinh mỉ và nhanh chóng. (Em bé Pasquale Mele mới mười tuổi, trong khi làm nghề buôn đi bán lại bơn Mỹ đen trong «thị trường lưu động», đã kiếm được khoảng sáu ngàn dollars trong vòng hai tháng trời và dùng tiền lậu một căn nhà ngay tại vùng phụ cận Piazza Olivella). Trong khi gã đen lang thang từ trà thất nợ sang trà thất kia, từ túu già này đến túu quán khác, hết đ đây sang động nợ, trong khi gã cười cợt ăn uống, trong khi ve vuốt cánh tay thằng bé con, gã Mỹ đen không nhận thấy rằng mình là một loại tiền mậu dịch, gã cũng không biết mình bị mua đi bán lại chẳng khác gì người ta mua bán một tên nô lệ.

Thật là mắt mặt những binh sĩ da đen trong Quân lực Hoa kỳ, những binh sĩ thật đen đùi, thật tốt bụng và cũng thật đáng kính trọng. Những kẻ đã từng chiến thắng và khi đ đây lại bị người ta mua đi bán lại như những tên nô lệ nghèo khổ. Nhưng hàng ngàn năm trước đây tại Náp, sự kiện này cũng đã xảy ra cho người Normand, Angevin, Aragonnai, vua Charles đệ VIII nước Pháp và ngay cả Garibaldi và Mussolini. Dân Náp có lẽ đã chết đói từ cả chục thế kỷ trước nếu thỉnh thoảng không có dịp được mua đi bán lại tất cả những người Ý, hay người ngoại quốc giả vờ tới Náp với tư cách là kẻ chiến thắng hoặc để làm chủ nhân ông.

Nếu việc mua bán một linh Mỹ da đen tại «thị trường lưu động» dù chỉ mua tạm trong một vài giờ chỉ đáng giá vài chục Mỹ kim, việc mua bán

nội Mỹ đen đẽ đứng trong một hay hai tháng, giá
hai quả mắc, từ ba trăm đến sáu ngàn Mỹ kim, và
có khi còn cao hơn nữa. Một gã đen đứng là một mỏ
vàng, làm chủ nhân ông một gã Mỹ đen chắc chắn
là lời to. Có một lợi tức rõ ràng, bảo đảm, giải quyết
được vấn đề bao tử, đòi khi lại giàu xụ cung nên,
nhưng hiềm nguy cũng rất lớn lao, vì bọn Quân cảnh
không hiểu tí gì về Âu châu, họ vẫn cứ một lòng
thù ghét, không làm sao giải thích cho họ hiểu nỗi
việc buôn bán nô lệ. Nhưng mặc kệ bọn QC, người
ta vẫn tranh dành nhau mua bán da đen. Một gia
đình người Ý dù nghèo khó đến đâu cũng cố gắng
mua cho được một anh Mỹ đen.

Chủ nhân ông của một Mỹ đen đối đãi với tên
nô lệ của mình như một thượng khách; lão mời gã
ăn uống, tống đầy rượu và bánh bột rán, cho gã
được khiêu yết với mấy đứa con gái của chính lão
theo điệu nhạc từ chiếc máy hát cũ, cho gã được
ngủ trong giường riêng sạch sẽ của lão, được ngủ
với tất cả mọi người trong gia đình, không phân
biệt phái nam hay nữ trong một chiếc giường rộng
thênh thang vốn là niềm kiêu hãnh của mọi basso
trong thành phố Napoli. Và cứ chiều chiều, tên Mỹ
đen trở về mang theo nào đường; thuốc lá, mõ,
bánh mì, bột trắng, áo lót; vớ, giầy dép, hàng bộ
quân phục, mền, áo mưa, và hàng núi kẹo l. Gã
đen thích cuộc sống gia đình yên vui, được đón
tiếp nồng hậu và nhiệt thành, nụ cười của đàn bà
và trẻ nít, chiếc bàn kè dưới ngọn đèn, rượu,
bánh «pizza» bánh bột rán ngọt lịm. Chỉ vài ngày
sau, gã Mỹ da đen sung sướng, vốn là nô lệ cho
gia đình người Ý khốn cùng và ăn căn đó, lại chọn

cưới một người con gái con ông chủ của mình, và để rồi cứ chiều chiều lại đem về cho vị hôn thê nhiều két thịt bò nấu với lúa mạch, nhiều bích đường và bột, nhiều tút thuốc lá, tất cả những kho hàng đủ loại mà gã đã xoáy được trong những hợp tác xã quân đội, và người cha cũng những em trai vị hôn thê vội đem ra bán chợ đen hết. Người ta cũng có thể mua bợ nô lệ da trắng ngay trong khu rừng Napoli nhưng bọn này mang lợi lộc về ít hơn, và do đó giá cũng rẻ hơn, đôi khi một Mỹ da trắng làm trong P.X bán cũng mắc như một anh tài xế da màu.

Mắc nhất vẫn là dân tài xế. Một anh tài xế da đen giá tới hai ngàn Mỹ kim. Có vài anh tài xế làm quà tặng cho vị hôn thê hàng mấy xe vận tải chở toàn bột, đường, vỏ quân xa, bình xăng. Có một anh tài xế đen một ngày nọ đã tặng cho vị hôn thê Concetta Esposito, ở Vicolo de la Torretta, ngay dưới Riviera di Chiaia nguyên một thiết giáp xa hạng nặng, đó là chiến xa Sherman. Chiến xa được đem dấu trong sân nhà rồi được tháo tung ra. Và chỉ hai giờ sau, chiến xa đó biến mất chẳng còn dấu vết gì ngoài vài ba vết dầu nhớt trên mặt sân. Có một đêm nọ, tại hải cảng Napoli người ta đã đánh cắp, luôn cả một chiếc tàu *Liberty Ship*, vừa từ Mỹ tới cập bến trước đó độ vài giờ, cùng đi với một chiếc tàu khác: Không những chỉ đánh cắp hàng hóa trên tàu mà họ còn ăn cắp luôn cả chiếc tàu nữa. Chiếc tàu biệt dạng từ đó, và người ta không biết gì hơn về nó nữa. Cả tỉnh Napoli từ Capodimonte tới Paolilippe, khi biết tin này đều phâ ra cười như bè đồng đất. Người ta nhìn thấy Nữ thần Nghệ thuật, thần Nữ sắc, nữ thần Junon, Minerve, Diane cùng những nữ thần

Olympe chiều nào cũng nghiêng mình từ những đám mây trên đỉnh hỏa diệm sơn Vésuve, chiêm ngưỡng Náp, hóng mát và cười rũ ra, vừa cười vừa lấy hai tay ôm lấy bộ ngực. Trong khi đó, thẳn núi Vésuve làm cả bầu trời Náp run rẩy khi nhe hầm răng trăng nhởn của mình ra.

Tôi hỏi Jack : Nay già Jack , giá chợ đèn một chiếc *Liberty Ship* bao nhiêu nhỉ ?

Jack vừa đỏ mặt vừa đáp lại ! « Ô ! cũng không đắt lắm đâu ?

Tôi nói : Bồ phải cho lính đứng trên boong thiết giáp hạm canh chừng cẩn thận.Nếu lơ mơ là cả một hạm đội của bồ cũng bị đánh cắp đấy nhé.

Jack nói : Vừa thôi ! Cha Nội !

Chiều nào cũng vậy,khi chúng tôi xuống tận Toledo ngay trước cửa tiệm café nồi tiếng Caflish, nơi đã được người Pháp trưng dụng làm Hỏa đầu vụ cho binh sĩ,chúng tôi đều đi chậm bước dè lảng nghe những binh sĩ của tướng Juin nói tiếng Pháp với nhau.Chúng tôi thích được nghe nói tiếng Pháp do chính miệng người Pháp nói. (Jack hay nói tiếng Pháp với tôi. Ngay sau khi quân đội Đồng minh đổ bộ xuống Salerne, tôi liền được chỉ định làm sĩ quan tuy viên đảm trách công tác liên lạc giữa lực lượng Giải phóng Ý và Đại Bản doanh Đồng minh Peninsular Base Section, Jack lúc đó là Đại tá Tham mưu trưởng đã lập tức hỏi tôi có biết tiếng Pháp không. Và khi nghe thấy tôi trả lời ; Dạ biết, thưa Đại Tá, anh ta sung sướng đến đỏ mặt. Anh nói với tôi : « Anh hẳn biết là nói tiếng Pháp hay lắm đấy. Tiếng Pháp là một ngôn ngữ quan trọng.Rất thích hợp cho sức khỏe».

Một đám lính bộ, lính thủy gốc ở Algérie, Maroc Sénégale, Tahiti, Đông dương, túc trực mỗi ngày trên vỉa hè tiệm café Caflish, nhưng tiếng Pháp họ nói không phải là thứ tiếng Pháp của La Fontaine, một chữ cắn dối, chúng tôi cũng nghe không ra. Nhiều lúc cố vểnh tai, chúng tôi mới loáng thoáng nghe thấy vài ba chữ Pháp phát âm theo giọng Ba lè hay Marseille. Jack sướng đến đỏ mặt và cầm lấy cánh tay tôi. Anh nói : «nghe này, Malaparte, lắng nghe đi đó tiếng Pháp đó, đích thực là dân Pháp nói rồi !» Chúng tôi cùng dừng lại, cảm động nghe tiếng Pháp lời Pháp phát âm theo giọng Ménilmontant hay Canebiète và Jack nói : «Ồ ! hay quá ! Ồ ! Sướng quá !»

Đôi khi, sau khi đã do dự một hồi, chúng tôi bước vào ngưỡng cửa quán café Caflish. Jack tiến đến gần viên Thượng sĩ Pháp, phụ trách Hỏa đầu vụ, vừa hỏi vừa đỏ mặt : «Anh có thấy Trung-Úy Lyautey ở chỗ đó không ? »

Viên Thượng sĩ Pháp trả lời : «Dạ không, thưa Đại Tá. Từ mấy ngày nay không thấy ông ta đâu cả.»

Jack nói : «Cám ơn, thôi chào anh nhé !» Sau đó Jack bước ra khỏi quán café Caflish và sung sướng đỏ mặt nói : «Ồ ! có làm như thế mới nghe được chính người Pháp nói tiếng Pháp ! »



Thỉnh thoảng Jack và tôi cùng đi với Đại Úy Jimmy Wren, trú quán tại tỉnh Cleveland, tiểu bang Ohio thưởng thức những chiếc bánh taralli nóng hổi vừa mới lấy từ bếp ra ở tiệm Pendino di Santa Barbara.

Pendino là một con đường nhỏ sâu thẳm, không những chỉ vì chật hẹp bị xén giữa những bức tường cao ngất phủ đầy rêu xanh, cùng những căn nhà cổ lỗ bần thiểu, luôn luôn bao trùm trong bóng tối, (dù trong những ngày nắng ráo nhất), nhưng vì hình dáng dàn cự sở tại rất dị kỳ.

Pendino di Santa Barbara nổi tiếng vì có rất nhiều dàn bà lùn cư ngụ. Họ đều nhỏ xíu, đến nỗi khomà đứng lời đầu gối một người đàn ông tầm thường. Tất cả đều xấu xí, da nhăn nheo, họ thuộc về đám dàn bà lùn xấu xí sơ nhát trên thế giới. Ở bên Tây ban nha cũng có những dàn bà lùn nhưng rất xinh đẹp, tay chân và đường nét rất cân đối. Tôi đã có lần nhìn thấy ở bên Anh có những dàn bà lùn thực sự rất đẹp, làn da hồng hào và hung hung như nữ thần Vénus tí hon. Nhưng bọn dàn bà lùn tại Pendino di Santa Barbara đều phát gformData="block" style="display: inline-block; vertical-align: middle; width: 40%;">, và tất cả, kè cả những người rất trẻ, đều có một nhân dạng của những bà già cổ lỗ sỉ, nét mặt héo hon, lrän xù xì, tóc lơ thơ và bạc màu.

Trong khu hẻm hõi thõi này, và trong đám dàn cự toàn dàn bà lùn, ta thấy có một điều rất ngạc nhiên đó là vẻ đẹp của bọn dàn ông, vóc người cao lớn, mắt và tóc rất đen, cử chỉ từ tốn và quý phái, giọng nói sang sảng và rõ ràng. Không thấy bọn dàn ông lùn trong miền Pendino di Santa Barbara. Sự kiện này làm mọi người tưởng là bọn dàn ông lùn còn đang phải nằm nôi, hoặc sứa nhỏ nhẫn của bà chỉ là một yết kế di truyền quai dàn khí dành riêng cho phái nữ.

Suốt ngày bọn dàn bà lùn ngồi trên ngưỡng cửa cassia hoặc ngồi xóm trên những chiếc ghế

đầu ti hon ngay tại cửa những ô chuột, kêu ợp ợp gọi nhau như loài cóc nhái. Vóc dáng nhỏ nhắn ; hình như quá bé nhỏ so với những đồ đạc chất đầy trong hang tối tăm của họ. Muốn với tới đồ đạc, bọn đàn bà lùn phải leo lên ghế dựa, ghế dài, cõi lấy tay níu kéo, rướn lên, đeo toòng teng vào thành giường bằng sắt rỗng thêng thang. Những ai lần đầu tiên tới Pendino di Santa Barbara đều tưởng mình là Gulliver lạc tới quốc gia của giống dân tí hon Lilliput, hoặc là người thân cận trong sân triều Madrid giữa đám bọn lùn Velasquez. Trán đòn đàn bà lùn này đều in hằn những vết nhăn rất sâu như trán bọn bà già ghê tởm của Goya. Không phải tự nhiên mà người ta nhớ tới xứ Tây Ban Nha, nhưng vì cả khu phố gợi ta nhớ tới xứ đó ngoài ra còn những kỷ niệm rất sống động suốt thời kỳ đô hộ dài dằng dặc của người Castille tại Napoli, và trong những khu phố và ngõ hẻm trôi nổi một vẻ Tây Ban Nha cũ xưa, những mùi khó thở và êm ái, những tiếng nghẹn trong cổ họng, những câu hát than van dài từ bao lớn này sang bao lớn khác, cùng với tiếng khàn khàn phát ra từ những chiếc máy hát đặt tận trong khu ô chuột tối tăm.

« Taralli » là loại bánh hình đũa cuộn tròn làm bằng bột lặm đường. Lò làm bánh nằm ngay hành lang Pendino, suốt ngày đỗ ra thí bánh « taralli » thơm phức và ròn tan nồi tiếng tại Napoli. Khi anh thợ bánh thò chiếc xéng gỗ dài vào trong miệng lò nóng hùng hực, bọn đàn bà lùn chạy ủa lại chia tay nhỏ nhắn đầy lồng lá nhăn nheo như tay khỉ; và kêu gào bằng những tiếng nhỏ khàn khàn họ nằm chặt lấy những chiếc bánh « taralli » nóng

hồi còn bốc khói, rồi tập tành tâng vào trong khu phố hẻm đè bầy « taralli » trên những chiếc mâm bằng đồng màu vàng sáng loáng và sau đó họ ngồi trên ngưỡng cửa, đặt chiếc mâm bánh trên đùi, vừa chờ đợi khách mua vừa ca hát : « Oh li taralli ! Oh li taralli belli cauri ! » Mùi « taralli » nóng hổi lan khắp khu Pendino di Santa Barbara, bọn đàn bà lùn ngồi chồm hổm trên ngưỡng cửa, kêu ợp ợp và cùng nhau cười dồn. Một người, (cô lẽ còn trẻ ?) vừa chống khuỷu tay vào cánh cửa sò cao vừa ca hát : trông cô ta như một con nhện không lồ nhô đầu đầy lông lá ra khỏi kẽ hở trong vách tường.

Một số đàn bà lùn móm, hỏi chống người trên cây nang đi đi lại lại trên cầu thang ợp ẹp, cắp đùi ngắn ngắn những vấp cùng té, họ bò lết hoặc đưa đầu gối lên đến tận cằm cổ leo một bậc thang, vừa eo éo nói vừa xùi bọt mép : Trông chẳng khác gì những con quỉ nhỏ bé của Breughel hoặc của Jérôme Bosch. Jack cùng tôi đã có lần nhìn thấy một người lùn ôm trong tay một con chó bệnh hoạn. Trên đầu gối, ở giữa hai cánh tay nhỏ tí teo, con chó giống như một con vật không lồ, một con thú quái dị. Một người bạn đi tới, và cả hai nắm lấy con chó ôm, kẻ nắm hai chân sau, người nắm đầu, họ tách khiêng con chó vào trong ổ chuột : Phải nói là họ bê một con khủng long bị thương. Những tiếng nói vọng lên từ phía trong những ổ chuột nghe chói tai, như tắt nghẹn trong cuồng hụt, những tiếng khóc của đám trẻ nit gầm ghiếc, da nhăn nheo như những bà già băng búp bê, nghe như tiếng mèo kêu sắp chết. Nếu có

ai vào một trong những nhà ở chuột này, trong cảnh tranh tối tranh sáng, thối nồng nặc, người đó sẽ thấy lũ trẻ bò lồn nhồn trên mặt đất trông như những con dán to đầu, và phải coi chừng nếu không muốn dẫm nát tại chúng dưới gót giày.

Đôi khi chúng tôi thấy vài người đàn bà lùn vừa bò lên mẩy cầu thang tại khu Pendino, vừa bám vào gấu quần không lồ của đám lính Mỹ da trắng hoặc da đen, và đầy họ vào khu ở chuột, (Nhờ ơn Trời Phật, bọn da trắng đều say bí tỉ). Tôi rùng mình tưởng tượng tới những cảnh ăn ngủ giữa những con người không lồ này với những con vật tí hon trên những chiếc giường vừa cao vừa rộng mènh mông.

Tôi nói : « Tôi rất khoan khoái khi nghĩ các bạn từ Mỹ tới đây chỉ có mục đích cải thiện dân Ý. Nếu không có các bạn, bọn đàn bà lùn này vẫn cứ còn như vậy mãi ! Bọn Ý chúng tôi vốn nghèo khổ nên đều nhỏ thó. Thật là sung sướng khi thấy các bạn từ Mỹ tới đây dễ kết hôn với bọn đàn bà lùn của chúng tôi ».

Rồi tôi nói tiếp :

— Không hiểu các giới chức Đồng minh sẽ khuyến khích những cuộc hôn nhân như vậy hay không ? Thật là một đại phúc nếu bọn lính Mỹ của bạn kết hôn với bọn đàn bà lùn tí tẹo này. Bạn thuộc giống dân rất to con. Nước Mỹ cần phải xuống ngang bằng với tầm mức của bọn tôi, bạn nghĩ sao Jimmy ?

Jimmy vừa đáp vừa nguyệt tôi :

— Tôi cũng nghĩ vậy !



Trận «Dịch Hạch» đã thực sự phát hiện tại Náp vào ngày mồng 1 tháng 10 năm 1943, đúng vào ngày quân đội Đồng minh tiến vào giải phóng thành phố bất hạnh này. Ngày mồng 1 tháng 10 năm 1943 là một ngày ghi nhớ trong lịch sử thành Náp : ngày đánh dấu cuộc giải phóng đất Ý và Âu Châu khỏi nỗi khổ đau, niềm tủi nhục, vong nô lệ, và chính vào ngày đó đã bộc phát trận dịch hạch kinh hồn, từ thành phố nhỏ bé bất hạnh này dần dần lan tràn trên khắp nước Ý và sau cùng lan khắp Âu châu. Những ai nghi ngờ cơn bệnh ghê gớm này do chính những người bạn giải phóng đem vào Náp thì quả là đã nghĩ sai và độc đoán, nhưng mỗi hoài nghi đã thành sự thực trong tâm hồn quần chúng khi đột nhiên họ nhận thấy, vẻ sững sốt pha lẫn mê tín sợ sệt, những binh sĩ Đồng minh đã không hề nhiễm bệnh. Họ đi đứng lúc nào mặt mũi cũng hồng hào, ấm áp, tươi cười trong giữa đám dân bị cơn bệnh hành hạ. Căn bệnh đặc biệt chỉ tàn sát những nạn nhân trong đám dân sự, tại thành thị và cả ở thôn quê nữa, và mỗi ngày một lan rộng như giọt dầu loang trong lanh thô vừa được giải phóng, cùng nhịp độ mà quân đội Đồng minh đã phải vất vả đè đầy lui quân Đức về phía Bắc.

Có những hình phạt rất nghiêm khắc, triệt để cấm mọi người loan truyền công khai nguồn tin cho rằng chính những người bạn giải phóng đã mang bệnh tới cho nước Ý. Càng nguy hiểm khi thì thầm khe khẽ trong câu chuyện riêng tư, bởi vì trong số những hậu quả ghê tởm của bệnh này, tởm nhất chính là những lời tố cáo bệnh dịch đó. Ngay lúc mới chớm bệnh, người ta bèn cáo giác

cha mẹ, anh chị, con cái, vợ chồng, người tình, người phổi ngẫu, bạn bè rất thân, nhưng chính mình lại lờ đi. Thực vậy, một trong những tính chất kỳ quặc, khủng khiếp nhất của chứng bệnh dịch hạch quái dị này là nó biến đổi ý thức nhân loại thành một vùng ảo thổi.

Để đàn áp tai ương này, những giới chức thầm quyền Anh và Mỹ không sao tìm thấy một phương thức nào khác ngoài việc cấm binh sĩ Đồng minh tới những khu vực trong thành phố bị nhiễm bệnh nhiều nhất. Trên những bức tường, người ta thấy những chữ *Off limits, Out of bonds* (1) kèm theo biểu hiệu của bệnh dịch hạch : một vòng tròn đen có vẽ hai lăn đen chéo nhau giống như hai khúc xương ống chân dưới một chiếc đầu lâu như ta thường thấy trên những đồ trang sức của ngựa kéo xe tang.

Chỉ ít lâu sau, trừ vài đường phố chính tại khu trung tâm, tất cả thành phố đều bị đặt trong tình trạng *Off limits*. Nhưng những khu vực được quân giải phóng lai vãng nhiều nhất lại chính là những khu có cấm榜 *Off limits*, nghĩa là những khu bị nhiễm bệnh nặng nhất, và bị cấm lai vãng. Dù bệnh truyền nhiễm do quân đội giải phóng truyền vào Náp, hoặc họ chỉ truyền từ đầu tinh đến cuối tinh, từ vùng bị nhiễm bệnh cho tới những vùng an toàn, sau cùng căn bệnh đạt tới một mức kinh khủng thêm vào đó, những quang cảnh vĩ đại, lố bịch trong những ngày hội hè bình dân sầu thảm những buổi chợ phiên buồn bã, những cuộc khiêu vũ giữa bọn Mỹ da đen say mèm cùng những bọn đàn bà

Nguyên tắc : (1) Vùng cấm địa, khu hạn chế.

gần như khoda thân hoặc đã hoàn toàn khoda thân trong những công viên hay trên phố xá, giữa cảnh nhà cửa tàn phá đỗ nát vì mưa bom, trong cơn cuồng nhiệt ăn uổng, ca hát, cười đùa, nghịch ngợm trong bầu không khí hôi thối nghẹt thở bốc ra từ hàng ngàn xác chết chôn vùi dưới đám gạch vụn đỗ nát tắt cả những thứ đó tạo nên một hồn không khí vừa hung ác, vừa quái đản.

Đó là một trận dịch hạch hoàn toàn xa lạ, (tuy không kém phần ghê gớm) khác hẳn những bệnh truyền nhiễm hoành hành khắp cả Âu Châu trong thời kỳ Trung cổ. Trận thiên tai này kỳ cục ở chỗ là, (tới bây giờ người ta cũng chưa biết rõ ra sao), không tàn phá thân xác, nhưng lại hủy hoại tâm hồn. Trong bề ngoài thì từ chi còn nguyên, nhưng trong cái lớp da thịt lành mạnh ấy, tâm hồn người bệnh đang ung thối. Đó là một thứ bệnh dịch hạch tinh thần, hình như chưa có một phương cách nào đè chổng lại nó. Những kẻ bị mắc bệnh đầu tiên là đám đàn bà, những kẻ ở mọi nơi đều giống nhau đều không thể cưỡng lại được với tội lỗi, nên sẵn sàng buông thả theo thói hư tật xấu. Sự kiện đó gây sững sốt và làm cho mọi người hết sức đau khổ, bởi vì trong những năm bị gò bó vì chiến tranh, chờ tới ngày được giải phóng bọn đàn bà, không phải chỉ ở Napoli, nhưng ở cả nước Ý và khắp Âu Châu, đã từng chứng minh họ rất xứng đáng, đã từng chịu đựng dẻo dai hơn bọn đàn ông dù cả hai đều sống trong thống khổ và bất hạnh chung. Tại Napoli, và trong hầu hết các quốc gia Âu Châu, đàn bà không hiến thân cho bọn phát xít Đức. Chỉ những bọn

đã điểm mới kiếm chác với địch quân : không công khai nhưng làm vung làm trộm, vì không chịu đựng nổi những phản ứng gay gắt của những người quen thuộc, một cuộc buôn bán như thế hình như làm họ cũng cảm thấy phạm một tội rất xấu xa trong thời gian đó.

Do sự tiếp tay của trận dịch hạch ghê tởm này, trước hết, nó làm băng hoại ý nghĩa, phẩm cách cũng danh dự nữ giới sự mẫn dâm đê tiện đã reo rắc tủi nhục vào từng khu nhà ồ chuột và vào ngay cả những căn nhà lầu.

Nhưng một khi hiểu rõ trận thiên tai này, ta thấy ý tưởng đó quá bất chính. Vì bọn đàn bà là những người đầu tiên ta thán số phận mình : và chính tôi dày cũng đã nghe thấy nhiều bà khóc lóc và nguyền rủa trận dịch hạch tàn bạo đã xô đẩy họ vào con đường hư hỏng.

Họ khóc lóc để cõi mình chứng cuộc sống truy lạc của họ và để mua lòng thương hại. Nhưng lần này dù sao cũng đành phải coi là họ có lý và phải thương hại họ !

Nếu quả đó là số phận nữ giới thì số phận bọn nam giới cũng không kém phần thảm thương. Ngay khi mới chớm mắc bệnh, bọn đàn ông mất hết tự trọng : họ lao vào những cuộc buôn bán đê tiện, làm những điều rất hèn hạ đê mạt, vừa hò lết trong đám bùn dơ vừa liếm gót giày bọn giải phóng không những chỉ để mong thoát khỏi những khổ đau và tủi nhục kéo dài trong những năm nô lệ và chiến tranh nhưng còn muốn vinh hạnh được quan thầy mới chà đạp lên người. Và hình như, những người không bị mắc bệnh dịch hạch, họ lại

mắc 1 bệnh hoàn toàn mới mẻ, và không kém hãi hùng: họ trở nên ngượng ngùng khi thấy mình là người Ý, và vẫn còn là giống người! Họ làm thế chỉ cốt tỏ ra không muốn mang danh kiếp người. Số người không mắc bệnh dịch rất hiếm, hình như là bệnh dịch không làm sao chống lại lương tâm của bọn người đó: họ rụt rè đi lang thang, lo sợ, bị một người khinh bỉ như những nhân chứng quấy rầy, dã mục kích mỗi túi nhục chung của đại chúng.

Ngay sau khi mối hoài nghi đã thành sự thực rằng bệnh dịch hạch đã do chính những giải phóng quân đem vào Âu châu một nỗi đớn đau xâu xa và chấn thành đã nảy nở trong lòng mọi người. Dù cho truyền thống rất xa xưa và cao quý cho phép kẻ bại trận được quyền ghét kẻ chiến thắng, dân tộc thành Náp vẫn không hề ghét quân đội Đồng minh. Họ còn hy vọng đón chờ, họ đã vui mừng tiếp nhận. Kinh nghiệm hàng ngàn năm trước đây về những cuộc chiến và những lúc bị nạn ngoại xâm đã gây cho họ hiểu rằng những kẻ chiến thắng thường bắt kẻ thua trận làm nô lệ, phe Đồng minh đã mang tự do tới cho dân Ý. Và ngay lập tức dân chúng đã yêu thương những chàng lính chiến cao quý, quá trẻ trung, quá đẹp trai, quá chải chuốt, răng trắng nhõn và môi quá hồng này. Trải qua bao thế kỷ bị nạn ngoại xâm, cùng bao cuộc chiến lúc thắng lúc bại, chưa bao giờ Âu Châu nhìn thấy những chàng lính chiến quá hào hoa, sạch sẽ, lịch duyệt, luôn luôn cao mặt nhẫn thin, quân phục láng coóng, cà vạt thắt cần thận, áo luôn luôn sạch, giầy lúc nào cũng mới và bóng loáng, ống quần cung cánh tay áo không một vết trầy xước, không xút một khuy. Một toán

quân toàn hảo như thế này chỉ có thể giống như nữ thần ái tình Vénus đã sinh ra từ bọt bè ! Không một chiến binh nào mang một mụn lở trên người, không một chiếc răng sâu, không một mụn trên mặt. Trên khắp Âu châu, chưa bao giờ người ta được nhìn thấy những chàng chiến binh được tẩy trừ xú uế, không có một tí ti vi trùng nào ẩn dấu trong làn da kẽ tóc hoặc trong nếp gấp của tâm hồn. Và ôi chao những bàn tay ! Vừa trắng, lại được săn sóc kỹ lưỡng luôn luôn được che phủ bằng những chiếc tất tay nhẵn thín bằng da hoẵng.

Những dân thành phố Náp xúc động vì những cử chỉ dễ thương của bọn người giải phóng, nhất là những chàng Hoa kỳ, vẻ lễ độ đầy bình dị của họ, ý thức về nhân loại của họ, những nụ cười ngày thơ và thân mật của những chàng trai lớn con vừa lương thiện, tử tế, lại ngày ngô. Nếu thua trận là một vinh dự, thì chắc chắn đó là một niềm đại vinh dự cho dân thành Náp và cho cả những dân tộc thất trận khác nữa, những kẻ đã thua cuộc chiến chống lại những quân lính quá lịch duyệt, hào hoa, quá hoàn hảo và cũng tử tế, khoan dung.

Chính những anh chàng giải phóng cũng cảm động và đau lòng trước một đại thiên tai như thế Boccace, trong bài dẫn khởi cuốn *Thập nhật đám* có nói về nạn dịch hạch khủng khiếp đã tàn phá đô thị Florence vào năm 1348 . « Vì nhân đạo ta phải thương xót những kẻ bị nạn » Nhưng những lính chiến Đồng minh nhất là người Hoa kỳ, khi đứng trước cảnh ai oán do trận dịch hạch tại Náp gây ra đã không những chỉ thương xót đám dân Náp bất hạnh : chính họ cũng thương xót bản thân của họ.

Và chỉ ít lâu sau, trong tâm hồn ngày thơ và tử tế của họ, vẫn lên một mối hoài nghi rằng có lẽ cơn bệnh kinh khủng gày ra vì nụ cười lương thiện và e lệ của họ, và những cái vuốt ve triu mến của họ. Bệnh dịch hạch nắm ngay trong lòng thương cảm của họ, trong ước muối cứu giúp đám dân bất hạnh, an ủi nỗi khổ đau, kéo ra khỏi cơn thiêng tai khủng khiếp này.

Cơn bệnh nắm ngay dưới làn da của họ, trong bàn tay thân ái họ chia ra để bắt tay dân tộc chiến bại.

Có lẽ nên viết rằng tự do Âu châu không phải phát sinh từ chuyện được giải phóng, nhưng từ trận dịch hạch. Có thể viết rằng ngay khi cuộc giải phóng được phát sinh từ những nỗi khổ đau vì nô lệ và chiến tranh, thì tự do được phát sinh từ những thống khổ mới mẻ và ghê gớm, từ trận dịch hạch do cuộc giải phóng đem vào. *Tự do đắt giá, còn đắt hơn cả nô lệ.* Và người ta không thể nào mua được tự do bằng vàng bạc hay bằng xương máu, cũng không bằng những sự hy sinh cao quý : nhưng tự do có thể mua được bằng tính uốn hèn, với tất cả những cái gì ung thối trong tâm hồn con người.



Cũng ngày hôm ấy chúng tôi bước qua ngưỡng cửa nhà *Hỏa Đầu vụ* của *Binh Sĩ*, và Jack vừa tiến lại gần viên Thượng sĩ Pháp, rụt rè hỏi bằng giọng gần như tâm sự : «Có ai nhìn thấy Trung úy Lyautey ở đó không ?».

Viên Thượng sĩ mỉm cười đáp : «Đã Thưa Đại Tá, có ạ, tôi vừa mới thấy ông ta. Xin Đại Tá đợi chút xíu, tôi sẽ đi kiểm».

Jack đỏ mặt vì sung sướng, anh bảo tôi : « Đó là một Thượng sĩ rất đáng mến. Thượng sĩ trong quân đội Pháp là những thượng sĩ đáng mến nhất trên đời ».

Ngay sau đó viên Thượng sĩ trở lại và nói : « Thưa Đại Tá rất tiếc, Trung Ủy Lyautey vừa mới đi khỏi ».

Jack nói : « Cám ơn. Anh đáng mến lắm. Thôi tôi đi nghe anh bạn ! ».

Viên Thượng sĩ mỉm cười nói : « Dạ. xin chào Đại Tá ».

Khi tôi bước ra khỏi quán café Caflish, Jack liền nói : « Ô ! nghe nói tiếng Pháp thật ! » Mặt anh rạng rỡ niềm vui ấu thơ, và trong những lúc này tôi cảm thấy thực sự thương mến anh. Tôi ít thích thương mến ai tuyệt hảo hơn tôi, thường thường tôi vẫn khinh miệt hoặc có ác cảm với những kẻ tuyệt hảo hơn tôi, và đây là lần đầu tiên tôi sung sướng vì thấy mình thương mến một người tuyệt hảo hơn mình. Jack nói : « Này Malaparte, chúng mình đi coi biển đi ».

Chúng tôi vượt qua La place Royale tới, ti người vào bờ đá dốc chạy xuống mặt biển cuối đường Via Partenope. Jach, vốn thuộc lòng thơ Rimbeaud lên tiếng : « Đây là một trong những bao lớn cõi nhất tại Âu châu ».

Mặt trời đã lặn, dần dần biển có màu rượu chát đúng là màu biển khơi trong thi ca Homère. Nhưng ở dưới kia, ở giữa Sorrente và Capri, những làn nước, những bờ biển cao, thẳng, dốc, những núi non những bóng núi, tất cả bồng loé sáng một màu san hô sống động như thể những khu rừng san hô

trong lòng biển khơi bồng nhiên từ vực sâu biển trỗi lên và nhuộm bầu trời bằng những ánh sáng phản chiếu từ một màu máu xa xưa. Bờ biển Sorrente, phủ đầy những vườn cam hiện ra từ ngoài biển xa như một vành đá hoa xanh cứng từ phía bên kia chân trời, vầng dương hấp hối đang bắn xéo những mũi tên lửa đùa tạo ra một vùng ánh sáng nóng vàng ẩy, màu cam, trộn với những ánh sáng lạnh lẽo và xanh nhạt màu chanh.

Giống như một khúc xương khô đã lóc hết thịt và nhăn thín vì mưa gió, hỏa diệm sơn Vésuve đứng sừng sững, trơ vơ, trần trụi trong bầu trời bao la không vẫn mây đang dần dần sáng lên một màu hồng bí ẩn giống như ngọn lửa từ trong lòng ngực hiện ra qua một lớp phún xuất thạch, dày, xám và láng như ngà : chẳng bao lâu sau đó, mặt trăng phá vỡ miệng núi lửa (giống như một vỏ trứng và lên cao dần sáng vắng vặc xa vời với giữa vực thẳm xanh ngát của buổi chiều. Từ cuối chân trời, những bóng tối đầu tiên của màn đêm theo gió và tới. Vé trong suốt kỳ quái của mặt trăng, vé tàn bạo lạnh lùng của khung cảnh thần tiên đầy ma quái, một nỗi u buồn vụn vặt trong không khí, giống như một dự tưởng về một cái chết thật hạnh phúc, sung sướng.

Ngồi trên bờ đá dốc xuống biển, một bọn trẻ con quần áo rách rưới đang ca hát, mắt ngược nhìn trời, đầu hơi ngả trên vai, gương mặt hốc hác xanh xao, đôi mắt mờ vì đói. Chúng ca hát như bọn mù lòa thường ca hát, đầu ngả về phía sau, mắt ngược lên trời. Cơn đói của nhân loại có một âm thanh thật êm ái, thanh khiết. Trong tiếng nói của

sự đói làm gì còn có tinh người ! Từ một vùng bí mật của bản tính con người đã phát sinh ra tiếng nói trên đó cũng là nơi phát sinh gốc rễ ý thức xau xa về cuộc sống, và đồng thời cũng là cuộc sống, một cuộc sống rất bí mật và cũng rất sống động của con người không khi trong sạch và êm ái ở đôi môi ta. Một cơn gió nhẹ thoảng mùi hải tảo, và hơi muối bốc lên từ biển khơi, tiếng kêu ai oán của bầy hải âu làm rung động ánh trăng vàng phản chiếu trên những đợt sóng, và ở dưới kia, ngay dưới đường chân trời, bóng ma hỏa diệm sơn Vésuve xanh xao dần dần đắm chìm trong lớp sương bạc của đêm trường. Tiếng hát bọn trẻ nít tạo cho khung cảnh này một vẻ thật thanh khiết, thật vô vi, trừu tượng đến nỗi trở thành dã man, vô nhân đạo, hoàn toàn xa lạ đối với cơn đói khát và nỗi tuyệt vọng của loài người.

Jack nói : « Trong cảnh thiên nhiên huyền diệu như thế này làm sao còn có chỗ cho lòng thương ?

Tôi nói : « Thiên nhiên vốn bạo tàn, và thù ghét chúng ta. Thiên nhiên là địch thủ của chúng ta. Thiên nhiên ghét loài người. ».

Jack khẽ nói : « Thiên nhiên thích nhìn thấy chúng ta đau khổ ».

Tôi đáp : « Thiên nhiên nhìn chúng ta chăm chăm bằng đôi mắt lạnh lùng, đầy thù hận và khinh miệt ».

Jack nói : « Đứng trước cảnh thiên nhiên như thế này, tôi cảm thấy mình có tội, xấu xa, tủi hổ. Không phải là một thiên nhiên Thiên chúa giáo. Thiên nhiên ghét loài người vì loài người khổ đau ».

Tôi nói : « Thiên nhiên ghen tức những nỗi khổ của loài người ».

Tôi yêu mến Jack vì anh là người duy nhất trong số những bạn bè người Mỹ của tôi đã cảm thấy mình có tội, đầy tủi hổ và đáng thương mỗi khi đứng trước cảnh đẹp tàn bạo và vô nhân tính của trời đất, biển khơi cùng những quần đảo chạy dài tới mãi tận cuối chân trời. Chỉ có anh là người duy nhất đã hiểu rằng thiên nhiên này không phải là Thiên chúa giáo rằng thiên nhiên ở ngoài cõi Thiên chúa giáo, và phong cảnh này đây không khoác bộ mặt của Chúa cứu thế, nhưng lại có hình ảnh một vũ trụ không thương đế, trong đó loài người bị bỏ quên trong đau khổ tuyệt vọng ; anh là người duy nhất đã hiểu biết mọi điều bí mật trong lịch sử cũng như trong cuộc sống của quần chúng Ý, những gì đã tùy thuộc rất ít ỏi vào ý chí của con người. Trong số những bạn bè Mỹ của tôi có rất nhiều thanh niên thông minh, học thức, đa cảm : nhưng họ đều miệt thị Náp, Ý và Âu Châu, họ khinh khi chúng tôi vì tưởng chúng tôi là người duy nhất có trách nhiệm về những nỗi khổ đau và khốn cùng, ti tiện, tội ác, phản bội và tủi nhục của chính chúng tôi. Họ đâu có hiểu rằng trong cảnh khốn cùng và bất hạnh của chúng tôi còn có những điều thật bi ảm vượt ra ngoài phạm vi một kiếp người. Có vài người đã nói : « Bạn không phải là dân Thiên chúa giáo vậy bạn là kẻ tà giáo » Và họ dồn mạnh sự khinh miệt vào chữ « tà giáo ». Tôi yêu mến Jack chỉ vì chỉ có mình anh đã hiểu chữ « tà giáo » không đủ giải thích nỗi những lý do cỗ lỗ, xa xưa bi ảm về những cảnh khổ của chúng tôi, rằng cảnh đau

khô, niềm tủi đau của chúng tôi, cách thức chúng tôi bị khốn cực hay được sung sướng, và ngay cả động lực cao cả hay ti tiện của chúng tôi, tất cả đều xa lạ với tinh thần Thiên chúa giáo.

Tuy rằng tự nhận mình có tinh thần duy lý luôn luôn tỏ vẻ tự hào về sở trường lý trí, cho rằng lý trí có thể hiểu thấu và soi sáng mọi vấn đề, nhưng thái độ của họ trước Náp, Ý và Âu Châu thực sự chỉ là một thiện cảm pha lẫn kính nể và nghi ngờ. Với mọi người Mỹ, Náp là một mặc khải vừa bất ngờ vừa đón đau. Họ đã tưởng được ghé tới một thế giới do lý trí và ý thức nhân loại trị vì, và đột nhiên họ thấy họ ở trong một thế giới bí ẩn, không lý trí, không ý thức, mà chỉ đầy những động lực tối tăm và bí ẩn đã ngự trị loài người và cai quản những hành vi của họ.

Jack trước đã du lịch khắp Âu Châu, nhưng chưa hề tới Ý. Anh đã bộ xuống Salerne ngày mồng 9 tháng 9 năm 1943 trong cảnh bom đạn rơi bời, trong tiếng gào thét đến khan cổ của bọn binh lính bò lết trên bờ cát Paestrum dưới làn lửa đạn đại liên của Phát xít Đức. Trong xứ Âu châu lý tưởng, đầy lý luận Descarte của anh, trong *Alte kontinent* của thi hào Goethe, nơi tinh thần và lý trí ngự trị, nước Ý vốn là quốc của Virgile và Horace: Cũng một phong cảnh thần tiên nó làm cho anh tưởng tới vùng Virginia nơi anh đã trải qua những năm học tập; nơi anh đã sống những năm tháng đẹp nhất trong đời nơi anh có gia đình nhà cửa sách vở. Trong quốc gia Ý của tâm tưởng anh, những hàng trụ bao quanh nhà cửa theo kiểu George, trong tiểu bang Virginia, và những hàng cột tại Quốc Dân Hội Nghị trường thời

cô La mã tại Vermont Hill, cả hai kết hợp thành một cảnh trí quen thuộc dưới mắt anh. Vẻ sáng lạng xanh tươi của rừng cây và cảnh đồng hòa hợp với vẻ sáng lạng trăng toát của đá hao dưới một bầu trời xanh biếc giống như bầu trời báo quanh đỉnh đền Chiến thần Cồ La mã (đền Capitole).

Vào buổi sáng ngày mồng chín tháng chín 1948 khi Jack nhảy từ trên boong xuồng chiếc tàu L.S.T xuồng bờ biển Paestum, anh đã thấy xuất hiện trước mắt, qua đám mây bụi đỏ do chiến xa chạy cuồn tung lên những cột kiến trúc ở đền Hải thần Neptune dựng cạnh bờ một đồng bằng mọc đầy sim và trác bá cuối rặng núi trợ trui miền Cilento. Ô ! đó là phong cảnh nước Ý, đó là nước Ý trong thi ca của thi hào Virgile, nước Ý của hoàng tử Énée thành Troie xưa kia ! Và anh vừa khóc vừa vui mừng quì gối lên bờ biển như thè Enée xưa kia đã từng đồ bộ từ chiến thuyền ba tầng chế tạo tại thành Troie trên bờ biển đầy cát tại cửa sông Tibre trước mặt những ngọn núi Latium phủ đầy những ngọn tháp màu đỏ tía cùng những cây cột màu trắng trong màu xanh biếc của những vùng rừng núi La mã cổ thời.

Nhưng trước mặt anh cách trang trí cô diền ở những cột kiến trúc theo lối Doirde trong những đền đài Paestum đã che kín một xứ Ý bí ẩn và kỳ bí che kín thành phố Náp. Và hình ảnh đầu tiên vừa kinh khủng vừa kỳ diệu một hình ảnh về một nữ Âu châu xa lạ, vượt ra ngoài lý luận Descartes, một xứ Âu châu khác cho tới nay, anh chỉ mơ hồ hoài nghi, nhưng anh đang nhập vô từ từ, nó làm cho anh run rẩy vì sợ hãi và ghê tởm.

Tôi nói với anh : « Náp là một thành phố rất kỳ bí tại Âu châu, một thành phố duy nhất của một thế giới cổ xưa không bị diệt vong như các thành phố Ilion, Ninive và Babylone. Đó cũng là thành phố độc nhất trên thế giới không bị hủy diệt cùng với nền văn minh cổ thời. Náp là một thành phố Pompei đã không bị chôn vùi. Đó không phải là một thành phố, nhưng mà là một thế giới. Cái thế giới cổ xưa, trước thiên-chúa-giáo, còn nguyên vẹn chưa tiếp giáp với thế giới hiện đại. Náp là nơi nguy hiểm nhất không nên đỗ bộ. Chiến xa của bạn sẽ chôn vùi trong chiếc bình cổ đen ngòm, như bị nuốt chửng trong bãi cát lầy. Nếu bạn đã đỗ bộ xuống Bỉ Hà lan, Đan mạch hay Pháp, nhờ tình thần khoa học kỹ thuật và sự dồi dào vô tận về phuơng diện vật chất, chắc hẳn bạn sẽ chiến thắng không những thằng quân đội Đức quốc xã, mà còn thắng luôn cả cái linh thần của xứ Âu Châu, thắng luôn cả một xứ Âu Châu bí mật khác, mà Náp là một biểu tượng kỳ bí, một bóng ma trấn truođng. Nhưng tại đây, ngay tại Náp này, mọi chiến xa, đại pháo và cơ giới của bạn chỉ là trò cười. Chẳng làm được tích sự gì ngoài việc biến thành đống sắt vụn. Jack này, bạn có nhớ câu nói của một anh chàng Náp khi bạn vào giải phóng thành phố đó không ? Hắn đã nhìn đoàn chiến xa dài thườn thượt dì chuyền trên đường Tokdo và nói : «Đống sắt rỉ rỉ đẹp quá trời ! » Tại đây tình nhân loại đặc biệt kiều Mỹ của bạn sẽ trở nên lộ liễu tro trên, vô phuơng chống đỡ. Các bồ chỉ là bọn trẻ nít lớn xác. Bạn không thể nào hiểu nổi Náp, sẽ không bao giờ hiểu nổi Náp»

Jack đáp : « Tôi tin là với lý trí, ta có thể hiểu rõ Náp. Than ôi, tôi là đồ đệ phái luận lý Descartes mà ! »

Tôi đáp : « Bạn tưởng có thể dùng lý trí để hiểu Hitler ? »

Jack nói : « Sao lại không hiểu nỗi Hitler ? »

Tôi nói : « Hitler cũng là một hiện tượng kỳ bí tại Âu Châu. Hitler cũng thuộc về một Âu Châu khác mà lý luận của Descartes không sao thấu hiểu nỗi. Bạn tưởng rằng cứ lôi Descartes ra là giải thích nỗi hiện tượng Hitler ư ? ».



CHƯƠNG II

TRINH NỮ THÀNH NÁP

— ANH ĐÃ NHÌN THẤY MỘT TRINH NỮ BAO
giờ chưa?

Một bữa Jimmy hỏi tôi như vậy, trong lúc cả hai cùng ra khỏi một lò bánh, vừa đi vừa gặm những chiếc bánh taralli nóng hổi, ròn tan.

— Có chứ, nhưng chỉ được nhìn từ xa.

— Nhìn từ xa thì nói làm gì. Kế bên kia!

— Chuyện đó dễ gì!

— Đi theo tao, Malaparte.

Thoạt đầu, tôi không tinh theo hắn ta. Tôi biết trước hắn ta sẽ dẫn tôi theo tới chứng kiến một cảnh tượng thật thương tâm, thật tủi hổ, nơi mà giá

trị con người chẳng khác chi con vật. Tôi không muốn tham dự vào mấy trò chơi con heo đó. Thật ghê tởm khi đóng vai quan toà hay khán giả, ngồi nhìn những kẻ khác làm những trò mỉa hắt nhân tính : Tôi sợ nhất những lúc họ quay lại nhìn tôi và mỉm cười ...

— Đì thôi ! Đừng làm bộ !

Jimmy nói trong lúc lần bước đi vô mây con hẻm vùng Fôrcella.

Tôi không ham chứng kiến cảnh tượng con người biến thành súc-vật để kiểm tiền nuôi thân. Sau khi được giải phóng, nạn đói kém đã làm cho lũ chúng tôi, từ đàn ông, đàn bà cho tới trẻ con, trở thành những kẻ người không ra người, ngơm chẳng ra ngơm. Nhân tâm ly tán, xã hội lầm than, đầy rẫy những chuyện xấu xa, tủi hè. Trước ngày giải phóng, chúng tôi chiến đấu và cố gắng chịu đựng gian khổ, cốt khỏi bị chết. Nay giờ ngược lại, chúng tôi chiến đấu và chịu đựng gian khổ để được sống. Có một cách biệt xâu xa giữa vấn đề chiến đấu để khỏi chết và chiến đấu để được sống .Những kẻ chiến đấu để khỏi chết lúc nào cũng giữ nhân phẩm .Họ cương quyết không để mất sự cao ngạo đó. Họ không bao giờ cúi đầu chịu nhục .Họ chạy trốn vào những vùng rừng núi,sống trong hang hốc ,chiến đấu chống kẻ xâm lăng chẳng khác gì mấy con chó sói. Chiến đấu để chết. Đúng là một cuộc chiến đấu đầy vinh quang, thật hào hùng và thật đẹp đẽ.Mấy người đàn bà đâu có bán mình để mua đồ nữ trang giày vớ, son phấn, thuốc lá và bánh mì ? Họ chịu đựng cơn đói nhưng không hề bán mình. Cũng không bán mấy người đàn ông,

mấy thân nhân cho kẻ địch. Thà rằng, nhìn thấy con cái chết đói, còn hơn bán mình, bán thân nhân của mình cho kẻ thù. Chỉ có những con điểm mới làm nghè đó. Trước ngày được giải phóng, dân chúng Âu Châu chiến đấu với những vầng trán cao ngạo. Họ chiến đấu để gìn giữ phẩm giá, lòng kiêu hãnh và sự tự do. Chiến đấu để gìn giữ tâm hồn. Nhưng sau khi được giải phóng, họ chiến đấu để tranh sống. Thật là thảm thương tủi hổ ! Chiến đấu để dành ăn để khỏi chết đói. Hết còn là cuộc chiến đấu để chống lại sự nô lệ, để gìn giữ tự do, hạnh phúc phẩm giá danh dự, lương tâm con người. Nay giờ là cuộc chiến đấu chống lại cái đói. Chiến đấu vì một mẩu bánh mì, một manh áo. Khi con người phải chiến đấu để tranh sống một mẩu bánh mì, một khúc xương, cũng thật là giá trị đối với họ. Họ có thể làm bất cứ chuyện gì, dù hèn nhát, nhơ bẩn tới đâu đi chăng nữa, để tranh ăn. Chỉ một miếng bánh nhỏ xíu cũng đủ khiến cho họ sẵn sàng bán vợ, bán con, hy sinh cha mẹ anh em, họ hàng. Sẵn sàng dâng mình cho một người đàn ông khác không phải chồng mình, sẵn sàng quỳ xuống đất liếm giày liếm gót kẻ nào có thể cho họ miếng ăn. Sẵn sàng chịu phỉ nhè, sau đó, họ vừa chui má vừa mỉm cười nhìn kẻ đã phỉ nhè họ : một nụ cười, tuy ngờ nghênh nhưng thật dịu dàng, khiêm tốn và cái nhìn của họ tràn đầy hy vọng — một niềm hy vọng thần thánh tuyệt vời !

Thà rằng chiến tranh còn hơn trận dịch kè trên. Chẳng mấy chốc đàn ông cũng như đàn bà, trẻ con cũng như người lớn, ai ai cũng đều nhuốm phải căn bệnh kinh tởm, kỳ dị đó. Điều làm mọi

người ngạc nhiên và sợ hãi, đó là, không hiểu do đâu, họ trở nên hung bạo, tàn nhẫn. Chỉ trong vài ngày, trận dịch tàn phá khủng khiếp hơn cả cuộc chiến tranh ròng rã ba năm trời với bao đau thương, khổ sở. Trong mấy con hẻm, dân chúng thành Náp đang bay bán lòng kiêu ngạo, danh dự và chính ngay thân thể, thịt da của họ. Cũng đám dân chúng đó, vài ngày trước đó, đã chiến đấu với tất cả can đảm, tất cả giận dữ, chống lại đám lính Đức. Phải họ không, hay những người nào khác ? Một dân tộc khác hay vẫn dân Ý ?

Ngày mồng một tháng mười năm 1943, cùng với những người giải phóng đầu tiên đặt chân vô Náp, dân chúng ở đây, trong một cuộc chiến đấu khủng khiếp kéo dài bốn ngày, đã vùng dậy đánh đuổi đám lính Đức ra khỏi thành phố. Đầu tháng bảy trước đó, đám dân thành Náp đã nồi lén chống lại người Đức, nhưng cuộc nổi dậy này bị dẹp tan trong máu lửa của dân chúng và trong sự tàn bạo của đám người chiếm đóng.

Vào cuối tháng chín, lính Đức bắt đầu làm «rap» đám dân ông thanh niên trong các đường phố rồi chất đầy xe cam không đưa qua Đức chẳng khác gì một lũ người nô lệ. Dân chúng thành phố Náp, dẫn đầu bởi những bà mẹ, phẫn nộ ào ra đường kêu lớn : «Trả con trai tao đây ! » và chân tay không, họ cù thế nhào vô đám lính Đức, quây chặt chúng lại, rồi tàn sát từng đứa một trong các đường hẻm, hoặc nghiền nát những tên lính ngoại xâm bằng những trận mưa gạch ngói, nước sôi đồ xuỗng từ trên mái nhà, sân thượng, cửa sổ v.v.... Từng đám trẻ con, hai tay dơ cao những bó rơm cháy đỏ rực

lao tới đốt những chiếc *panzer*, những con rùa bằng thép, và đốt luôn thân thề nhỏ bé của chúng. Những cô bé gái đầy vẻ ngày thơ mím cười duyên dáng trong khi nâng cao những chùm nho cho mẩy anh lính Đức đang ngồi trong lòng những chiếc xe tăng nóng bỏng dưới ánh mặt trời. Và đúng lúc mẩy anh dở chiếc nắp lên, tính nghiêng người ra ngoài nhận mẩy chùm nho thân ái, một lũ trẻ con nấp sẵn gần đó liền ra tay tiêu diệt cả người lẫn xe bằng một trận mưa lựu đạn. Con số thiêu thân, hy sinh cuộc đời vì mẩy trò chơi chiến tranh này cũng không phải là ít.

Xe cam nhông, xe hàng, xe điện đồ ngay giữa đường, ngăn chặn đoàn quân tiếp viện Đức tới các mặt trận. Dân thành Náp không thèm đánh sau lưng. Họ đánh ngay mặt đám lính Đức. Thật là điên rồ khi chiến đấu mà trong tay không một tấc sắt, không một khẩu súng, trong khi chịu đựng ròng rã ba năm trời những trận mưa bom cùng đạn dội ǎn. Chiến đấu ngăn chận đoàn quân Đức định vượt Náp dối đầu quân đội Đồng Minh đang đồ bộ ở Salerne. Trong cuộc chiến đấu thảm thương đó, đàn bà trẻ con là những kẻ cuồng nhiệt hơn hết. Hai ngày sau khi Náp đã được giải phóng, chính mắt tôi trông thấy xác lính Đức còn nằm ngổn ngang trên mặt đường, mặt mày rách nát, cổ họng còn in hằn những vết răng cắn. Nhiều xác chết bị đàn bà, trẻ con dùng kéo cắt nát bấy mặt mũi. Nhiều xác chết đầu bị đóng đinh nằm giữa một hố một ao máu ! Không tìm ra khí giới, đám trẻ con dùng cả mẩy chiếc đinh dài, đóng sâu vào sọ một tên lính Đức, trong khi những đứa khác cầm đá

nên lia lịa. Trước khi chết tên lính còn cố giãy giụa, tìm cách thoát khỏi đám trẻ con chừng độ mươi hoặc hai chục tên, đang mắm môi mắm lợi ghi chặt tên giặc người lớn xuống mặt đường.

— Đi theo tao ! Đừng làm bộ ! Jimmy bảo tôi trong lúc xắn lê, đi vô mấy con hẻm vùng Force-Ha.

Thà rằng chiến tranh còn hơn trận dịch thảm thương vừa kề. Chỉ trong vài ngày, thành phố Náp trở thành một hố sâu tội lỗi, sa đọa, đầy đau thương, tủi hổ, một địa ngục ở trên trái đất. Tuy nhiên, dù thế nào đi chăng nữa, trận dịch ghê tởm trên không sao làm tắt được cái tình cảm thiêng liêng cao cả nǎm sâu trong lòng dân tộc, kẻ cả ba thế kỷ dồi khỗ và nô lệ. Không gì làm chết nỗi lòng thương hại cao quý có từ ngàn xưa ở trong lòng những người dân thành Náp. Họ không phải chỉ rủ lòng thương hại kẻ khác, nhưng còn lòng thương hại chính mình Một dân tộc không thể biết thương yêu tự do nếu không biết thương hại. Ngay cả những người đàn ông bán vợ, con, những người đàn bà bán mình chỉ vì một bao thuốc lá, những đứa con gái, chỉ vì 1 gói kẹo... Đám người đó cũng vẫn còn biết xấu hổ thương thân mình. Thật là một tình cảm kỳ lạ, tuyệt vời cao quý. Chỉ bằng chút xút tình cảm thương hại, một ngày nào đó, họ sẽ trở thành những người tự do. Hết còn xiềng xích, nô lệ :

— Ô. Jimmy, họ là những người yêu chuộng tự do. Họ yêu tự do, họ yêu cả thuốc lá nữa. Những đứa trẻ con cũng biết yêu tự do và kẹo cao su. Jim

my, anh có thấy tuyệt diệu không khi, thay vì chết
đói lại được nhai kẹo. Thích quá ta!

— Đi theo tao ! Jimmy vừa nói vừa nhô toet
xuống đất.

Và tôi theo Jimmy đi coi «trinh nữ», cô gái còn
trinh. Đó là một «basso» ở tận cùng một con hẻm
gần Piazza Olivella. Một đám lính Đồng minh, phần
đông là da đen, đang đứng sấp hàng phía trước một
căn nhà lụp xụp, dơ dáy. Cũng còn có một vài anh
Mỹ trắng, mấy tên Ba lan, mấy gã thủy thủ Anh lê.
Chúng tôi cũng đứng sấp hàng đằng sau bụi đó và
chờ tới phiên mình.

Sau nửa giờ chờ đợi, lâu lâu lại nhích lên một
chút, chúng tôi tới được ngưỡng cửa ra vào. Bên
trong căn lều lụp xụp bần thiủ, một tấm màn rideau
màu đỏ, đầy những mìn vá và những vết dầu mỡ,
ngăn chặn cái nhìn tò mò của chúng tôi. Ngay
ngưỡng cửa có một gã đàn ông đứng tuồi, mặt mày
xanh lét, hai tay bắt chéo trước ngực, Những đầu
giấy bạc thò ra khỏi những kẽ ngón tay của hắn ta.

— Mỗi người 1 đòn ! Hắn ta nói lớn.

Chúng tôi đi vô và tò mò, đưa mắt nhìn chung
qua nhau. Đó là một căn phòng không cửa sổ. Cuối
phòng có một chiếc cửa hậu nhỏ. Một chiếc giường
lớn kê sát vách phia đằng trước. Dọc theo mấy
vách kia có một chiếc gương lớn đặt trên một cái kệ.
một cái tủ và chiếc giường. Và trong một góc phòng
giữa chiếc giường và chiếc kệ, một bàn thờ nhỏ trên
đè hình Đức Mẹ Đồng trinh, chiếu sáng bởi một ngọn
đèn ngủ. Trên mặt giường lớn có trải một chiếc mền
rộng bằng lụa màu xanh lơ. Một người con gái ngồi
ở mép giường. Nàng đang hút thuốc.

Nàng ngồi, chân buông thõng, khuyễn tay chống
vô đùi lòng bàn tay nàng mặt, và chăm chú hút thuốc.
Trong nàng còn trẻ nhưng đôi mắt đầy vẻ
già nua, mệt mỏi. Tóc chải theo kiểu mấy
nàng Madones thế kỷ thứ mười bảy, khuôn mặt
đề lộ vẻ buồn chán, nhưng đôi môi dày trong ihat
gọi tình, càng làm tăng thêm nét buồn «tượng thánh»
của khuôn mặt nàng.

Nàng mặc một bộ đồ lụa đỏ. Cỗ áo mở rộng
vừa phải. Chân mang vớ cùng màu với da nàng.
 Tay áo đề dài. Cỗ đeo một chuỗi san hô thật xưa.
 Mấy cô gái nghèo người Ý chỉ mong có được một
xấu chuỗi như vậy để chứng diện.

Nàng lặng lẽ ngồi hút thuốc, mắt nhìn thẳng
về phía cửa, tỏ vẻ đứng đong, bất cần đời. Đúng
lúc tôi đi vô, nàng nhìn thấy mấy ngôi sao quan
ba gắn trên áo tôi và mỉm cười khinh khi rồi quay
mặt vô tường. Trong phòng có chừng trên dưới
mười người. Chỉ có mình tôi là dân bản xứ ! Không
một ai lên tiếng trò chuyện.

-- Đủ rồi ! Mấy người sau chờ năm phút nữa
sẽ tới lượt .

Gã đàn ông ở bậc cửa, phía sau bức màn đỏ,
cất cao giọng rồi sau đó vạch màn thò đầu vào
trong căn phòng nói :

— Sẵn sàng chưa ?

Cô gái ném bỏ điếu thuốc lá rồi dùng đầu
ngón tay sờ nhón chiếc jupe nàng lên từ từ. Cặp
giò mang vớ tới tận đùi của nàng lộ ra trước tiên
sau tới làn da trắng phía bên trên ... Trong chốc
lát, nàng cứ đứng yên như thế, dáng vẻ au sầu
nét mặt trang nghiêm, môi trề xuống tỏ vẻ khinh

khi. Rồi nàng nghiêng dần dần về phía sau, ngả người lên mặt giường, dương mặt nhìn khách mờ điệu. Trong phòng yên lặng như tờ.

— Nàng là một trinh nữ. Anh có thể sờ mó nàng. Đừng sợ. Nàng không cắn đâu. Nàng là một trinh nữ. Trinh nữ thật !

Gã đàn ông thò đầu qua chiếc màn lải nhải nói
trỗi vó căn phòng.

Một tênh da đen sờ soạng một hồi rồi lấy ngón tay làm thử. Có tiếng người cười nhưng nghe chẳng khác chi tiếng khóc. «Trinh nữ» vẫn không thèm động đậy nhưng nàng nhìn tênh da đen bằng cặp mắt thù hận xen lẫn sợ hãi. Tôi nhìn chung quanh tôi. Người nào người nấy, mắt trắng nhợt. Sợ hãi cũng có mà thù hận cũng có.

— Đúng vậy. Nàng chẳng khác chi một đứa bé. Tênh da đen nói bằng một giọng khàn khàn.

— Bỏ tay ra ! Gã đàn ông ở bức cửa la lên.

— Đúng rồi ! Nàng còn trinh. Tênh da đen nói. Bất thình linh, cô gái khép chặt đùi lại và ngồi nhôm dậy, kéo jupe xuống rồi sau đó lấy tay gõ điếu thuốc trên miệng gá thủy thủ Ăng lê đứng cạnh giường.

— Mời tất cả ra ngoài. Gã đàn ông nói.

Chúng tôi người nọ sau người kia, theo lối cửa hậu ra ngoài. Ai nấy đều tỏ vẻ sượng sùng, xấu hổ.

— Trông thấy dân ở đây phải làm mấy trò đó, chắc là mày hài lòng lắm không Jimmy ?

Tôi hỏi gã như vậy khi cả hai đã ra tới bên ngoài.

— Đầu có phải lỗi ở tao ?

— Chắc chắn như vậy rồi. Đâu có phải lỗi mày. Nhưng chắc mày khoái lắm. Không có mấy trò đó làm sao mày thấy ta đây là những kẻ thắng trận? Đúng thế không Jimmy?

— Không có tại tao thì thành phố Náp cũng vẫn như vậy.

— Làm gì có chuyện đó trước khi tại bảy tới.

— Tại tao đâu có tạo ra được một thành phố Náp như vậy, khi tại tao tới là đã có sẵn tất cả rồi.

— Không phải tại bảy trực tiếp dùng tay vồ, nhưng nếu không có tại bảy, làm sao có mấy cảnh đó ? Giả dụ nước Mỹ thua trận, đứa con gái nằm trên giường sẽ là một em tóc vàng, hoặc tóc bạch kim, và cảnh đó xảy ra ở Nữu ước chứ không phải ở Náp !

— Đừng nói nhảm. Dù cho nước Mỹ có thua trận, cảnh đó cũng không xảy ra !

— Ối dào ! Nếu Mỹ thua trận, nhiều chuyện tệ hơn thế xảy ra ở Mỹ chứ không phải chỉ bấy nhiêu đó.

— Mày chỉ nói bậy !

— Thà rằng thua trận, cam chịu nỗi cay đắng, è chề như đứa con gái, còn hơn thắng trận mà làm như tên da đen.

— Tại tao đã vậy còn mày thì sao ? Mày cũng mò tới đó vậy ?

— Tao là một thằng hèn. Vì hèn nhát nên tao vẫn phải chứng kiến những cảnh đó để rồi than thân trách phận.

— Tao sao mày không nằm trên giường thế chỗ đứa con gái ?

— Tao năm, mày có chịu bỏ ra một đòn để tôi coi không ?

— Mày đâu có gì hấp dẫn mà coi ?

— Sao mày ngu quá vậy. Mày không coi, có đứa khác. Mấy đứa thắng trận khoái nhìn thấy cảnh tượng thắng bị thua phải cởi quần cởi áo trước mặt tụi nó. Có vậy mới khoái chứ. Nếu không làm sao biết mình thắng trận ?

— Câm miệng lại. Tụi bây đúng là một lũ khùng, một bầy heo. Đầu óc toàn chuyện gì đâu.

— Tao sợ khi về Mỹ, chính miệng mày sẽ kể lại cho bè bạn nghe chiến công lúc nãy.

— Thôi mày, đừng nói vậy. Mày biết tính tao quá mà.

— Tao xin lỗi mày. Thật ra đâu phải lỗi tụi mình. Đầu có đứa nào muốn vậy. Có điều, cứ nghĩ tối mấy cảnh tượng đó, tao lại thấy đau nhói như bị người cầm dao đâm vào tim .

— Thôi bỏ qua chuyện đó đi.



Bữa trèo mấy bức cầu thang ở Chiaia, tôi cũng cảm thấy thê thảm như vậy. Đó là một ngày có gió sirocco». Mỗi lần gió đông nam từ vùng Địa Trung Hải thổi về, thành phố Náp trong thật tồi tàn, ảo não. Nhà cửa, phố xá bầy ra cảnh tro trân, thảm thương. Bầu trời xám xịt trong chẳng khác chi một miếng giấy dơ. Mùi gió biển hăng hắc. Mỗi khi gió thổi qua da người phủ thêm những vết mốc giống như vết hắc lào. Mặt mũi chân tay nhôp nhúa mồ hôi. Tiếng người nói cũng thay đổi, nghe khàn khàn như giọng nói của một kẻ lười biếng. Mấy người qua đường làm lùi đi lại. Họ có vẻ như sợ hãi một chuyện chi thật

bí mật. Trẻ con không nỡ đứa vui ve như mọi ngày. Chúng ngồi hàng giờ đồng hồ bên vỉa hè, lặng lẽ gặm bánh mì, nhìn khách bộ hành hoặc ngắm mấy hình vẽ trên bờ tường.

Tôi đi xuống phía biển, cảm thấy lạc lõng giữa đám lính Đồng minh đang chen chúc qua lại trên hè phố. Bộ đồ nhà binh lỗ chỗ vết đạn chỉ làm tôi thêm lố bịch. Đàm ngoại nhân xô tôi ngã chui về phía trước, hoặc gạt tôi qua một bên để lấn đường. Một vài đứa quay lại nhìn một cách khinh bỉ mấy ngôi sao vàng gắn lên bộ quần áo của tôi. Có đứa còn thốt lời chửi rủa thật thô tục : Sĩ-quan Ý Đại Lợi hả ? Đồ chó đẻ !

Tôi vừa đi vừa nghĩ ngợi. Tôi tự hỏi không hiểu mấy chữ «đồ chó đẻ» dịch ra tiếng ngoại quốc được hay không ? Trời đất làm sao dịch mấy chữ đó qua tiếng Đức ? Tôi mừng cười khi nghĩ rằng mấy tiếng Nga, Mỹ gì đó, tất cả đều dễ dàng dịch qua tiếng Đức, bởi vì mấy tiếng đó nhất là tiếng Đức so với tiếng Ý, đều là tiếng nói của mấy dân tộc thắng trận. Tất cả các thứ tiếng nói ở trên mặt đất đều là tiếng nói của kẻ thắng. Duy có tiếng Ý là của đám dân thua trận. Bỗng nhiên tôi cảm thấy kiêu ngạo, hảnh diện vì được là «đồ chó đẻ», tên sĩ quan Ý do đây. Tôi nhìn quanh quần coi trong đám đông có người nào cũng thấy kiêu hảnh như tôi. Tôi tìm mấy người đồng hương đang lạc lõng giữa đám ngoại nhân, đang bị những người ở tận đầu đầu, chen lấn xô đẩy ngay trên đường phố, quê hương mình. Chúng tôi nhìn nhau. Tuy nhiên cái nhìn của họ làm tôi cảm thấy đau đớn, nhục nhã. Cũng là sự kiêu hảnh. Nhưng họ kiêu hảnh là vì dối

chứ không phải như tôi kiêu hãnh vì được gọi là «đồ chó đẻ». Sự đau đớn của họ không ở trong đáy sâu tâm hồn, nhưng ở trong thịt, trong da. Bỗng nhiên tôi cảm thấy trơ trọi, một thân một mình giữa đám ngoại thân, giữa người đồng hương. Tôi cảm thấy xấu hổ vì «bị» ăn no không «được» ăn đói như họ. Tôi cảm thấy xấu hổ vì chỉ có mỗi một mình tôi là «đồ chó đẻ». Đồ chó đẻ! Thảm thương thật!

Cầu thang Chiaia thật dài, mẩy mụ đàn bà ngồi xếp hàng trên mẩy bậc thang. Hình như họ ngồi đó chờ coi một trò gì hết sức hấp dẫn. Họ ăn trái cây, nhai kẹo cao su, hút thuốc lá, gọi nhau ơi ơi, cười nói ồn ào như một cái chợ. Đám đàn bà tụ họp ở đây chắc để tham dự một cuộc lễ hay một trò vui mà họ vừa là diễn viên vừa là khán giả. Thỉnh thoảng trong bọn có người lai cắt tiếng hát nghe thật cô đơn buồn bã, nhưng tiếp theo sau là những tiếng cười đùa, la hét chứa đầy đau thương, tuyệt vọng. Những dáng điệu khi khóc hãi, lúc thương tâm đó khiến người qua đường khó lòng nghĩ xấu về đám đàn bà. Vào đúng lúc tôi đặt chân lên bậc thang đầu tiên, tất cả đều yên lặng. Một sự yên lặng thật kỳ lạ, chạy dài theo những lối thang lầu, từ trên cao cho xuống sợi cuối cầu thang.

Trước mặt tôi mẩy người lính da đèn đang bước lên thang lầu. Thần hình cứng đơ trong bộ đồ ka kí, mẩy người lính da đen từ từ bước lên bậc thang, giữa sự êm lặng trang nghiêm. Đám đàn bà dần ra hai bên theo từng nhịp giầy da bóng loáng. Tôi nhìn đám đàn bà đang trung đồ dưới mắt mẩy kè dì mưa. Rồi bỗng nhiên tất cả đều

nhao nhao : « Năm đòn ! Năm đòn ! » Trong khi là hét như vậy, đám người đáng thương vẫn ngồi yên không xô đẩy, níu kéo. Tui lính càng bước lên cao, những tiếng rao hàng càng tăng thêm lên. Cả mấy con mỵ dầu, từ trên bao lơn mấy căn lầu cũng thò đầu xuống, cất tiếng phụ họa : « Năm đòn ! Nhào vồ ! Nhào vồ, Joe ! Nhào vồ ! »

Nhưng ngay khi các tên lính da đen đi qua, những cặp đùi tự động khép lại, chẳng khác chi mấy cặp càng cua, hoặc những miệng sò, những miệng hến. Lúc bấy giờ mấy mụ đàn bà mới dơ chân vung tay, ngoác miệng ra chửi mấy tên lính da đen.



Nhục nhã, thảm thương nhất là ngày chúng tôi ném súng, hạ cờ, đầu hàng đám người chiến thắng. Súng ống túi tôi sử dụng đều cũ kỹ, nhưng đó là những kỷ vật gia đình. Chúng tôi đã dùng mấy khẩu súng, cây gươm đó chống lại bao nhiêu cuộc xâm lăng để giữ gìn tự do và độc lập cho xứ sở Ý đại lợi. Những lá quốc kỳ đã trải qua rất nhiều triều đại tham gia nhiều cuộc chinh chiến đem vinh quang về cho quê hương đất nước. Đầu có phải chỉ những lá quốc kỳ xứ Anh, xứ Nga mới biết mang lại vinh quang cho dân chúng những xứ đó ? Quốc kỳ Ý đại lợi cũng đâu có kém ? Nếu không, tại tôi đâu có xấu hổ nhục nhã khi ném chúng xuống bùn ?

Có những trường hợp, ngay cả những lá quốc kỳ vinh quang hiền hache nhất cũng bị ném vào trong đống bùn. Nhiều khi, người ta phải đem bùn, phết lên hai chữ vinh quang, có vậy, chúng mới được gọi là vinh quang chiến thắng.

Nói gì thì nói, ngày mừng tám tháng chín, bữa

tui này coi giáp quy hàng thật đúng là một ngày hội. Đầu phải đầu hàng tui Anh tui Mỹ tui Nga... mà thôi? Đầu hàng tuốt luốt! Kẻ thắng cũng như người bại. Khán giả ngồi coi cũng như người khách qua đường kẻ bộ hành. Những người lính cờ cũng như những kẻ tò mò, chỉ lính đi coi cuộc lễ. Dịp may hiếm có, bỏ qua rất uổng. Để gì được chứng kiến cảnh tượng một đoàn quân thua trận cởi bỏ khi giới trao cho đám người chiến thắng?. Đúng ra, tui này tuy không hay ho gì nhưng cũng không đến nỗi quá tệ. Trong cuộc chiến vừa qua, không chỉ riêng đám lính Ý đại lợi bỏ chạy mỗi khi có đụng độ. Lính Anh, Mỹ, Nga... lính nào cũng có kẻ làm như vậy. Công bình mà nói tui tôi không là những kẻ độc nhất tham dự trò chơi vương giả đúng cờ vào bùn, ném súng dưới chân những kẻ chiến thắng.

Mệnh lệnh đầu hàng do chính Đức Vua và Thống Chế Badoglio ký : «Toàn thể sĩ quan cũng như binh sĩ Ý đại lợi hãy anh dũng ném bỏ khi giới đầu hàng người lính Đồng minh đầu tiên các người bắt gặp». Mệnh lệnh ghi rõ ràng : Hãy anh dũng... người lính Đồng minh đầu tiên... Theo ý chúng tôi, đáng lý phải ban hành mệnh trên sớm hơn chút nữa, ngay từ những năm 1940 hay 1941, thay vì phải đợi tới năm 1943. Vào những năm 40-41 trò chơi ném súng đầu hàng trở thành một mổ, ở Âu Châu, ai ai cũng hoan hỉ cõi vô hết mình. Cho đến ngày tám tháng chín năm 1943; tất cả vẫn còn hoan hô tui tôi, nhưng khi đó họ bắt buộc phải làm như vậy, bởi vì ngoài hai chữ hoan hô ra đâu có còn chữ nào khác?

Đúng là một cuộc vui hiếm có, độc nhất vớ

nhi. Toàn thể sĩ quan cũng như binh sĩ, ai ai cũng đều hoan hô hết nính kẻ nào ném súng đầu hàng một cách anh dũng, hơn hết thảy mọi người. Đó là những kẻ anh dũng cầm lá quốc kỳ nhúng vào vào vũng bùn, ném súng đầu hàng-tất cả mọi thứ người, kẻ chiến thắng cũng như người chiến bại, bạn, bè, cũng như kẻ thù, khán giả người coi cũng như khách bộ hành qua lại. Những người vô tình đi qua, súng sờ không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Chúng tôi vừa ném súng, hạ cờ vừa cười đùa, nô đôn. Vừa mới làm xong, chúng tôi lại chạy ra làm nữa! Mỗi lần như vậy, đám đông đứng coi lại khoái chí hô to : «Hoan hô» Hoan hô Ý! đại lợi muôn năm ! Muôn năm ! Tất cả mọi người đều say sưa với trò chơi mới mẻ, lâu lâu mới có một lần. Đám lính Đồng minh cũng vỗ tay cổ vũ. Họ cầm những nắm kẹo ném vào đầu, vào mặt lui tôi, và hô to : « Bis ! Bis ! Hoan hô Ý đại lợi ! Ý đại lợi muôn năm ! » Và như được khuyến khích, chúng tôi làm đi làm lại trò chơi ném cờ vào bùn cho đến lúc mệt nhoài. Chưa bao giờ chúng tôi được vui đùa thỏa thích như vậy ! Đúng là một cuộc lễ vĩ đại, đáng ghi nhớ suốt đời. Cuộc lễ chấm dứt chúng tôi đều như đứt hơi vì cười quá độ, nhưng tất cả đều lấy làm hài lòng vì đã làm tròn bổn phận. Và hàng ngũ chỉnh tề, không súng ống, cờ quạt, chúng tôi tiến về phía mặt trận, cùng chia xé với những người bạn đồng minh vinh quang thắng trận. Thị cũng vẫn cuộc chiến tranh mà chúng tôi vừa bị thua đó ? Đầu có cuộc chiến nào khác nữa ? Chúng tôi vừa đi vừa hát, đầu ngẩng lên trời, hạnh diện vì đã dạy dỗ cho toàn thể Âu châu một bài học về

chiến thắng, vậy. Công bình mà nói lui tôi không
là những kẻ độc nhất tham dự trò chơi vương giả
dùng cờ vào bùn, ném súng dưới chân những kẻ
chiến thắng.



CHƯƠNG III

NHỮNG BỘ TÓC GIẢ

LẦN ĐẦU TIÊN TÔI SỢ HÃI BỊ LÂY BỆNH DỊCH, đó là bữa tôi cùng đi với Jimmy tới tiệm bán những bộ tóc giả. Tôi thấy nhục nhã vì con bệnh ghê tởm đó đã ăn tới những phần sâu xa nhất của tâm hồn mọi người dân Ý Đại Lợi. Tôi cái phần yêu đương, làm tình của người đó. Cơ quan sinh dục chiếm một địa vị rất quan trọng trong đời sống hàng ngày của dân tộc Ý. Là Quốc kỳ đích thực của xứ Ý không phải gồm ba màu nhưng chỉ gồm một màu độc nhất tượng trưng cho cái giông của người dân ông. Lòng ái quốc của mọi công dân Ý đều nằm ở trong cái giông đó. Truyền thống người Ý là như vậy! Ngay khi vừa bước vào tiệm bán tóc giả tôi cảm thấy bị xúc

phạm ngay tại nơi xứng đáng được coi là Ý đại lợi nhất, nghĩa là ngay tại cái sexe đó,

Tiệm bán tóc giả nằm ở mãi cuối con phố, trong một nơi thật kín đáo thuộc khu vực nghèo nàn nhơ bần nhất của kinh thành Náp.

Jimmy nói với tôi trong lúc cả hai lui-cui từ ngõ hẻm này qua ngõ hẻm khác :

— Xứ Âu Châu của anh tàn tạ, hôi thối quá rồi !

— Âu Châu là xứ của người đàn ông, ngoài Âu Châu ra, không ở đâu có người đàn ông đúng nghĩa là một người đàn ông.

— Đàn ông ? Các anh tự nhận các anh là đàn ông hả ?

Jimmy vỗ đùi cười lớn.

— Đúng thế !

— Một lũ dơ dáy, hôi thối ! Các anh đúng như vậy.

— Chúng tôi là một dân tộc thua trận một cách vẻ vang !

— Một lũ chó đẻ ! Hình như chính các anh đều tỏ ra hài lòng vì đã thua trận, phải vậy không ?

— Đúng thế ! Chúng tôi may mắn vô cùng vì đã thua trận. Duy chỉ một chút lỏng, đó là làm cách nào để chúng tôi có thể cai trị cả thế giới ! Chuyện này cũng thật dễ hiểu. Ngàn xưa tới nay bao giờ cũng vậy : Luôn luôn kẻ thua mang vắn minh tới cho kẻ thắng.

— Anh nói chi ? Các anh cho rằng các anh sẽ mang vắn minh đến cho xứ sở Mỹ quốc của chúng tôi.

Jimmy vừa hỏi vừa tỏ vẻ ngạc nhiên xen lẫn tức tối.

— Dũng thể Jimmy. Lịch sử đã chứng minh rõ rằng : Khi thành phố Athènes bị người La mã chiếm đóng, dân chúng đã bắt buộc phải mang vanguard cho La mã.

— Kẻ mẹ Athènes, La mã của các người!

Jimmy vừa nói vừa liếc xéo tôi. Anh ta bước vội con hẻm tối tăm, dơ dáy, nghênh ngang đi giữa đám dân nghèo đói, tóc phong đứng như một người Mỹ bình thường vẫn làm. Chỉ có người Mỹ là giống dân vẫn tỏ ra tự nhiên không chút bối rối, họ đi lai bình thường trên môi còn nở nụ cười giữa một đám dân nghèo đói, dơ dáy, khốn khổ. Không phải đó là dấu hiệu chứng tỏ họ là giống dân không có tình cảm : Đó chỉ là biểu hiện của lòng lạc quan quá lố, cộng thêm tính ngay thơ, vô tội. Dân Mỹ không phải là thứ người xi-nic họ chỉ quá lạc quan ! Những kẻ không hè làm, cũng không hè trờng tượng tội sự xấu, nhưng họ không thể nào tin rằng cái xấu lại không khiếp đến như thế ! Họ cũng từ chối không tin rằng cái xấu không thể nào sửa chữa được, không thể nào tránh được. Người Mỹ luôn luôn tin rằng con người có thể chiến thắng sự xấu, cái đói, nỗi khổ sở, khốn nạn. Thứ nào cũng có thuộc chia hết ! Họ đâu biết sự thật cái xấu không thể sửa chữa được. Nó là căn bệnh bất trị. Mặc dù là một dân tộc ngoại đạo nhất thế giới nhưng họ không thể nào hiểu được sự thực, nếu không có sự xấu, làm sao có Thiên chúa cho được ? Không có cái xấu, không có Christ ! Thế giới càng ít xấu, Đức Chúa càng bớt phần hiện diện ! Nhưng người Mỹ, người nào cũng tốt bụng cả. Dũng trước cái đói khát bệnh hoạn, phản ứng đầu tiên của họ

là giơ tay ra giúp đỡ những kẻ đang đau đớn vì khổ sở, đòi ăn ... Nhưng họ không có đề tâm đến sự khác biệt giữa tình thương thân, thương ái và lòng thương hại. Chúa bắt buộc mọi người phải có lòng thương hại. Chúa đau đớn hỏi tình thương thân, thương ái. Tình thương trợ đau phải là tình cảm của những người theo đạo Thiên chúa?

Jimmy vốn là Trung úy trong đội quân Truyền tin. Hắn ta rất tốt bụng, giống hầu hết mọi sĩ quan Hoa kỳ khác. Khi một người Hoa kỳ đã là người tốt bụng, người đó trở nên thứ người tốt nhất trên hoàn cầu. Tuy nhiên, dân tộc Ý đang đau khổ, chuyện đó đâu có phải lỗi của Jimmy? Những cảnh tượng khổ đau bầy đặt khắp các lối đi đâu có làm cho cặp mắt của anh bớt trong, tim anh thêm vẫn đục? Anh chàng Jimmy có một lương tâm rất là êm ái. Như hầu hết mọi người Mỹ, anh chàng lại còn là một kẻ lý tưởng. Đây là một trong những mâu thuẫn lớn lao đặc biệt này sinh từ những nền văn minh tư bản, vật chất. Anh chàng đối xử rất mực bình thường đối với sự xấu, sự khổ, cái đói những con đau thè xác. Anh chàng cũng chẳng cần tìm hiểu đến những nguyên nhân lịch sử, kinh tế xa vời làm chi cho thêm mệt. Anh chỉ chú ý đến những gì có bề ngoài đạo đức, không đến nỗi xấu xa gì cho lắm. Ích chi đâu khi cố gắng loay hoay, an ủi một cách vô ích những nỗi khổ đau của dân tộc Ý, của toàn cõi Âu châu? Tất cả những gì anh ta có thể làm, đó là làm sao cư xử cho đúng tình thần trách nhiệm của chính cá nhân anh ta; một người công dân Hoa kỳ ngoan đạo. Chính vì lý do đó cho nên tôi rất yêu mến những người Hoa kỳ. Tôi rất

cảm ơn họ, tôi coi họ như là những kẻ đại lượng, vị tha, trong sạch, vô tư nhất thế giới. Một dân tộc kỳ diệu !

Lẽ tự nhiên là anh chàng Jimmy đâu có thể hiểu những nguyên nhân đạo đức tôn giáo thật sâu xa đã đưa anh ta đến quyết định phải cảm thấy trách nhiệm của mình khi đứng trước những sự khổ đau của những kẻ khác. Có thể anh ta cũng không ý thức được rằng sự hy sinh của Đức chúa Jésu đã khiến cho tất cả mọi cá nhân đều can đảm nhận lấy trách nhiệm của từng người trước toàn thể nhân loại. Làm sao anh chàng có thể hiểu được sự thực sâu xa đó ? Thật ra anh ta đâu có buồn bã đớn đau ? Anh chàng lại không đọc được nhiều sách vở ! Jimmy chỉ là một gã thanh niên thật thà, lương thiện, thuộc một giai cấp trung bình trong xã hội Hoa kỲ. Khi còn ở Mỹ, anh chàng làm cho một công ty bảo hiểm. Học vấn của anh kém xa một người dân Âu châu cũng ở trong một hoàn cảnh xã hội như anh ta. Một người dân Hoa kỲ bình thường như Jimmy, khi được động viên xuống tàu vượt biển qua Ý để trừng phạt những kẻ gày nênc tội ác, làm sao anh ta có thể cảm thấy anh ta đang đau đớn như là Đức chúa Jē-su khi phải chứng kiến những nỗi khổ đau của cả một dân tộc Ý đại lợi ? Người ta đâu có quyền chỉ trích anh chàng không có một chút kiến thức nào về nền văn minh hiện đại. Chẳng hay anh ta làm sao có thể nghĩ rằng chỉ có xã hội tư bản mới dung nạp nỗi đạo Thiên Chúa. Phải chăng xã hội tư bản do tình cảm mà có ? Nếu không có những sự khổ đau, làm sao con người lại có thể

cảm thấy sung sướng hạnh phúc ? Nhữnq câu hỏi đó làm sao Jimmy hiểu nỗi ?

Nhữnq anh chàng lại tỏ ra hơn hẳn nhữnq người dân Âu Châu ở cùng trong một hoàn cảnh xã hội như anh, hơn hẳn cả tôi nữa. Than ôi ! Bởi vì anh chàng tỏ ra biết kính trọng nhân phẩm và tự do của con người; bởi vì anh chàng không hề làm, cũng không thèm nghĩ đến cái xấu. Và anh còn cảm thấy trách nhiệm tinh thần cá nhân anh ta trước nhữnq khổ đau của kẻ khác.

Cứ thế anh chàng Jimmy vừa đi nghênh ngang vừa mỉm cười tro ng lúc tôi lẽo dẽo đi bên cạnh, vừa đi vừa nghĩ ngợi vẫn vơ, bộ mặt làm ra vẻ đam mê lạnh lẽo.



Hai bên đường mọi người ngồi trên ngưỡng cửa nhữnq căn nhà nghèo nàn, đưa mắt lặng lẽ ngó lui tôi đi qua. Phần nhiều là trẻ con tròn truwng, mấy người già cằ đầu tóc bạc trắng, mấy mụ đàn bà bụng chửa vượt mặt; mấy người thiếu nữ gầy còm ốm yếu hai bên mông thóp lại, mặt mày xanh xao, ngực xẹp lép. Nhữnq cặp mắt long lanh trong bóng tối lặng lẽ theo dõi từng bước đi của chúng tôi. Chung quanh chúng tôi có tiếng cười cảm nín, một hàm răng trắng nhởn thoảng hiện ra rồi biến mất, nhữnq cử động âm thầm ngắt ngang làn ánh sáng dơ bẩn, đục ngầu thử ánh sáng bụi bặm tràn ngập các đường phố Náp. Mọi người ngồi hai bên đường lặng lẽ nhìn hai đứa chúng tôi, tinh thần thoảng có người mở miệng ra rồi sau đó khép lại trông giống như mấy con cá đang ngóp nước.

Một đám người ăn vận nhữnq bộ binh phục rách

nát; nằm ngordon ngang trên hè phố, bên cạnh những cánh cửa ra vào mấy căn nhà nghèo nàn. Họ là những binh sĩ Ý đại lợi, sau khi quân đội tan rã, bỏ chạy tứ tung ra khắp các ngã đường phố trong thành phố Náp để tránh khỏi rơi vào tay người Đức cũng như quân đội Đồng minh. Họ sống nhờ vào sự bõ thi của những người dân thành Náp, những người vừa nghèo đói vừa thiếu thốn lòng vị tha, đại lượng. Mấy con chó đói la cà thăm thú mấy người đang nằm ngủ, chúng liếm đói giày một chút, ngửi, bò quần áo rách bướm một lát hoặc bỗn tình liếm ngay cái bóng của chúng in trên bờ tường. Bỗng nhiên ngay đầu con hẻm, chúng tôi nhìn thấy một chiếc xe hơi màu đen chạy tới rồi dừng lại. Một chiếc xe hơi do hai con ngựa kéo. Trên xe có hai người dân ông ngồi. Một người cầm cương xe, còn người kia đứng dậy, cầm một chiếc kèn đưa lên miệng thổi. Tiếng kèn nghe nhẹo nhéo như tiếng khóc than của một người đàn bà. Sau đó, người dân ông la lên bằng một giọng khàn khàn : Poggioreale ! Poggioreale ! Đó là tên một nghĩa địa và cũng là tên một trong những nhà tù ở Náp. Tôi đã nhiều lần bị bắt giam vào nhà tù đó cho nên vừa nghe người dân ông la lên là tôi đã thấy lạnh cả gáy.

Người dân ông còn la lên thêm nhiều lần nữa cho đến khi cả con phố nhốn nháo cả lên. Đó là giờ đi nhặt xác người chết. Giờ mà những chiếc xe hơi màu đen đi từ phố này qua phố khác, từ căn nhà này qua căn nhà khác để nhặt nhạnh xác chết. Trước khi chiến tranh xảy ra, mấy chiếc xe đó được dùng vào việc nhặt rác quét dọn thành phố. Xã hội ngày một thêm nhường

cộng bao nhiêu là tai trời, ánh nước, càng ngày con người ta càng sợ hờ trong việc chôn cất người chết cho đúng lễ nghi, theo đúng tinh thần đạo Thiên chúa. Chuyện đó dành cho kẻ giàu sang hay có đặc quyền. Bởi vì, nguyên có việc chu yên chờ một xác chết từ nhà đến nghĩa địa trên một chiếc xe do một con lừa kéo, như vậy cũng phải tốn mất từ mười cho tới mươi lăm ngàn lires. Hơn nữa, quân đội Đồng minh mới tới chiếm đóng thành phố được một vài tháng, công việc buôn bán chợ đèn chợ đồ cũng chỉ mới có bắt đầu lai rai, cho nên đám người bình dân nghèo khó chưa dám phi phạm tiền bạc trong việc tống táng kẻ chết cho đúng lễ nghi. Thường thường, xác chết được giữ lại ở trong nhà từ năm, mười, có khi tới mươi lăm ngày trời trong khi chờ đợi xe đón đám ma. Và trong thời gian đó, thàn xác người chết cứ việc biến đổi theo sức nóng mặt trời. Trong ánh đèn cây sáng chan hòa, người ta có cảm tưởng người chết vẫn còn đang chăm chú nghe những người thân yêu chuyện trò, nghe tiếng cà phê rót từng giọt, tiếng nồi đậu hầm đang réo trong lò than cháy đỏ ở giữa căn phòng, tiếng trẻ con nô đùa, tiếng rên rỉ của những người già cả...

Cùng với tiếng la «Monatto», cùng với tiếng kèn tròn-pét, một tiếng động lào xào vang lên từ cuối con phố, tiếp theo là những tiếng khóc than, kêu la, tiếng người rầm rì cầu nguyện. Một đám người vừa đàn ông vừa đàn bà ló ra khỏi con phố trên vai khiêng một hòm gỗ. Đám người cứ thế vừa chạy vừa la khóc. Họ làm như đang chạy trốn tai nạn nguy hiểm. Tất cả đều xúm xít bên cạnh

chiếc hòm, nứu sơ hãi có người giành giựt, thỉnh thoảng lại sơ hãi quay về phía sau, những cùi chì đó làm cho đám tang thêm phần kỳ quặc. Mọi người đều có cảm tưởng đám người nói trên chắc đã đánh cắp hoặc cướp giật xác chết từ một gia chủ nào đó.

Trong một đường hẻm khác, một người đàn ông râu tóc xồm xoàm, trên tay ôm xác một em nhỏ phủ trong một tấm drap. Người đàn ông vừa chạy vừa la, đằng sau người đó là một đám đàn bà vừa vò đầu, đám ngực, xé quần xé áo, vừa thốt lên những tiếng la hét giỗng như tiếng thú kêu. Những người đứng ở ngưỡng cửa cũng la hét om sòm và dơ chân dơ tay phụ họa, và qua những cánh cửa mở rộng, người ta thấy bên trong một lũ trẻ con đáng điệu sơ hãi nằm ngồi, ngón ngang trên mặt giường, mặt quay về hướng cửa ra vào, một đám đàn bà gầy nhom đầu tóc bù xù, mặt mũi nhem nhuốc, và những cặp vợ chồng còn ôm chặt lấy nhau. Tất cả bằng đó cặp mắt đều dán chặt vào đám tang ở bên ngoài. Chung quanh chiếc xe, đã chặt cứng, vẫn còn có những người ùn ùn kéo tới. Họ sẵn sàng chen lấn, đánh lộn, cốt sao dành được một chỗ trống cho người thân đã chết. Cuộc đập lộn giữa đám người này làm náo loạn tất cả đường phố...



Đây không phải lần thứ nhất tôi được chứng kiến cảnh tượng náo loạn chung quanh xác người chết. Trong trận ném bom khủng khiếp tại Náp ngày 28-4-1943, tôi chạy trốn vỏ một cái hang thật rộng ngay sườn núi Echia, đằng sau khách sạn

Russie cũ ở cuối đường Santa Lucia. Một đám đông chen chúc nhau ở trong hang. Tôi đứng cạnh ông già Marino Cannale. Bốn mươi năm trời ông làm thuyền trưởng một chiếc tàu vét nhỏ chạy bằng hơi nước giữa Náp và Capri. Bên cạnh tôi còn có Đại úy Canavale, ông ta vừa từ Tobrouk trở về nghỉ phép vài ngày tại Náp. Đám người đông đúc đó làm tôi sợ hãi. Tôi bèn đề nghị với Cannale và Cannavale :

— Chúng mình ra khỏi nơi đây đi. Ở ngoài thấy còn đỡ sợ hơn ở giữa đám người này.

Cannavale ngạc nhiên nhìn tôi :

— Tại sao vậy ? Họ là những người can đảm, đâu có chuyện gì đáng lo ngại ?

— Tôi đâu có bảo họ hung dữ, độc ác, nhưng khi sợ hãi, họ trở nên hết sức nguy hiểm. Họ sẽ đè bẹp mấy đứa tụi mình.

Cannavale cười nói :

— Tôi đã từng đi biển mười lần trên những chuyến tàu nhà binh, vậy mà chẳng sao hết. Chẳng lẽ đời tôi lại bị kết thúc ở chỗ yên ổn này ?

— È ! Náp coi vậy mà còn tệ hơn mặt biển.

Và tôi cứ thế kéo Marino Cannale ra ngoài trong khi ông già lải nhải nói :

— Anh khùng rồi ! Anh làm tôi chết theo cùng với anh.

Đường phố lúc đó vắng tanh. Đèn đuốc tắt cả đều tắt ngấm. Trời đất mù mờ trong bầu không khí vẫn đục. Thành phố như đang chìm đắm trong một cơn mưa tro bụi dùn ra từ ngọn núi lửa Vésuve. Tiếng bom nổ rải rác khắp thành phố, nhà cùa theo nhau đổ xuống. Chúng tôi chạy ra

giữa phố, đúng lúc đó hai trái bom rót đằng sau chúng tôi, ngay cửa hàng, nơi chúng tôi vừa mới rời khỏi. Hơi bom quá mạnh đầy chúng tôi té nhào; Tôi nhìn đồng hồ: đúng 12 giờ 15.

Cả hai chúng tôi ngồi ngay bờ vỉa hè. Trong một thời gian rất lâu, không ai lên tiếng nói. Chúng tôi nghe thấy tiếng kêu từ miệng hang phát ra. Một tiếng kêu khủng khiếp nghe vang vẳng từ cõi xa vời vọng lại. Marino nói:

— Tôi nghiệp thằng chả. Nó được nghỉ phép vài ngày. Trong suốt mấy năm trời lệnh đèn trên mặt biển cả không sao, vậy mà nay lại chết chìm giữa lòng đất!

Chúng tôi đứng dậy đi tới miệng hang. Chiếc vòm bên trên đã xụp đổ. Có tiếng la hét ầm ầm từ bên trong vọng ra.

Marino kêu to :

— Họ đang giết lẫn nhau !

Chúng tôi nằm rạp xuống mặt đất và kê tai nghe ngóng. Không phải những tiếng kêu la thất thanh, tuyệt vọng. Rõ ràng là những tiếng la hét đậm lộn.

Marino nức nở la lên :

— Họ đang giết lẫn nhau .

Tôi ngồi trên vỉa hè và châm lửa hút thuốc lá. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng này, tôi đâu có biết làm chuyện chi khác.

Tuy nhiên, ngay lúc đó, một số người dâng điệu kinh hoàng, từ khắp mọi ngã đường đỗ xô tới miệng hang. Họ nhảy lên khu đất lở, rồi cứ thế lấy tay cao bồi đống đất chằng khác gì một lũ chó đang tìm kiếm một khúc xương. Rồi sau cùng là toán cắp cứu : Một toán lính thiếu thốn vật liệu, dung cụ

đào đất nhưng lại được vô trang thật cần thận bằng đủ loại súng. Bình phục rách rưới, giày dép thủng lỗ, đám lính coi bộ mệt mỏi. Họ nhào xuống mặt đường lăn ra ngủ.

Tôi hỏi viên chỉ huy đám binh lính :

— Các anh tới đây làm chi ?

— Theo lệnh trên.

— Vậy hả ? Tốt lắm ! Các anh cứ việc bắn bỏ hết thảy bằng đó người, sau khi đã móc họ ra khỏi hang.

— Chúng tôi được lệnh ngăn cản đám đông xáp gần đám người bị nạn,

— Không ! Các anh được lệnh bắn bỏ lũ người đã chết đó, ngay sau khi người ta lôi họ ra khỏi nấm mồ.

— Ông muốn tôi làm gì đây ? Đã ba ngày nay mấy người lính của tôi chưa được chớp mắt, họ không có gì để ăn đã hai ngày rồi.

Khoảng năm giờ, có xe cứu thương của Hội Hồng thập tự cùng với một vài người y tá chạy tới.

Sau đó một lát, một toán thợ mang theo cuốc xêng cũng kéo tới chõ xảy ra tai nạn. Khoảng bảy giờ, những nạn nhân đầu tiên được lôi ra khỏi hang. Người nào người nấy, mặt mày tím bầm, sưng vù, không làm sao nhận ra ai vào ai. Người nào cũng mang thương tích : Mặt mũi, chân tay, ngực, lưng... chõ nào cũng có những vết cào, cắn, cấu, xé... Nhiều xác chết còn mang cả vết dao đâm. Một viên thanh tra cảnh sát tiến lại gần đám xác chết và cất cao giọng đe dọa : « Ba mươi bảy... Sáu chục » trong khi mấy nhân viên

đi theo lục lọi túi quần túi áo các nạn nhân để tìm kiếm giấy tờ, thẻ căn cước v.v... Tôi lại nghĩ họ đang tính bắt giữ mấy người đã chết đó !

Đến nửa đêm, người ta lôi ra được hơn bốn trăm xác chết ! Ngoài ra còn hơn một trăm người bị thương ! Vào khoảng một giờ sáng, thêm một số binh sĩ nữa tới mang theo một cái đèn rọi thật lớn, chiếu thẳng vào miệng hang. Tôi lại gần một người đàn ông trông có vẻ xanh xao, mặc bộ đồ đen, hình như là viên chỉ huy. Tôi hỏi ông ta :

— Tại sao không mang thêm nhiều xe cứu thương. Một chiếc làm sao đủ ?

Ông ta là vị kỹ sư của thành phố. Một người thật can đảm.

— Thành phố Náp chỉ còn lại tất cả 12 chiếc xe cứu thương. Những chiếc xe khác được mang tới La mã. Ở đó đâu có cần ? Thảm thật ! Trong khi ở Náp, mỗi ngày hai bữa ăn bom, vậy mà không có xe cứu thương ! Hôm nay có tới hàng ngàn người chết. Toàn mấy xóm lao động trúng bom không à ! Mười hai chiếc làm ăn chi được ! Phải ngàn chiếc mới đủ.

— Sao không xin xe đạp ? Mấy người bị thương có thể đạp xe máy tới bệnh viện !

— Đúng vậy ! Mấy người bị thương có thể đạp xe máy. Nhưng còn mấy người chết làm sao đạp ?

— Bắt họ đi bộ ? Nếu họ không chịu đi, đá vào đít họ mấy cái !

Viên kỹ sư dương mắt kính ngạc nhiên tôi:

— Ông nói dởn rẽn ? Tôi không hơi sức đâu mà nói chuyện diễn với ông. Nhưng thôi, được rồi, tôi sẽ nghe theo lời ông. Tui này sẽ mang mấy kẻ bị

chết tới nghĩa địa và trước khi chôn, túi này sẽ đâm vào đít mỗi xác chết một cái !

— Ai sao chứ mấy người đó đáng bị đòn lầm. Chỗ nào cũng có người chết ! Họ làm như chỉ có người chết là dân thành Napoli mà thôi !

Chúng tôi châm thuốc lá hút và đứng nhìn xác chết nằm thẳng trên vỉa hè, dưới ánh đèn sáng choang. Bỗng nhiên có tiếng ồn ào nồi lèn, đám dân chúng bắt đầu tản công chiếc xe cứu thương ! Họ ném đá túi bụi vào mấy người y tá và đám binh sĩ.

Viên kỹ sư bảo tôi :

— Bao giờ cũng xảy ra chuyện đó ! Đám dân chúng đòi hỏi phải mang người chết tới nhà thương không được đem họ đi chôn ! Họ cho rằng mấy ông đốc tờ có thể chích thuốc cứu họ tĩnh lại ! Hoặc làm hô hấp nhân tạo ! Nhưng chết là hết ! Trông kia ! Như thế mà còn bảo chưa chết hả ? Óc lòi cả ra hai bên tai, ruột dùn đầy một đống trong đũng quần. Đám đông bao giờ mà chẳng vậy. Họ muốn mang người chết tới nhà thương, không được mang tới nghĩa địa ! Vậy đó ! Sự đau khổ đã làm cho con người ta phát điên !

Tôi nhận thấy ông ta vừa khóc vừa nói. Ông ta khóc như thế một người khác, đứng kế bên ông ta khóc chứ không phải ông ta ! Có khi chính ông cũng không nhận ra mình đang khóc.

Tôi an ủi ông :

— Ôi ! Khóc mà ích chi đâu ?

— Đó là một trò giải trí độc nhất của tôi .

— Giải trí ? Ông tĩnh nói an ủi ?

— Không ! Giải trí ! Giúp vui ! Chúng tôi cũng có quyền thỉnh thoảng được vui thú chứ ?

Và ông ta cười bảo tôi :

— Tại sao ông không thử coi ?

— Tôi không thể làm vậy. Khi phải chứng kiến những cảnh tượng như trên, tôi chỉ muốn mỉa. Mỉa mời là trò vui của tôi.

— Vậy là ông may mắn hơn tôi ! Mỉa ra được là khoẻ lǎm. Khóc có ích chi đâu ? Ôi chao ! Vài trời cho tôi có thể mỉa được như anh .

Nói xong ông ta bỏ đi.

Trong số những nạn nhân, có cả anh chàng Đại úy đáng thương Cannavale. Tôi cảm thấy áy náy trong lòng khi phải đè xác anh ta nằm giữa đồng người chết lẫn bị thương. Thật tội nghiệp. Anh ta đúng là một gã thanh niên can đảm, anh đối xử với tôi rất cảm tình. Anh là một trong những người hiếm hoi đã can đảm tiến ra khỏi đám đông đường phố để bắt tay tôi, ngày người ta giải tôi từ đảo Capri về Náp. Bây giờ anh ta đã chết. Không hiểu anh ta đang nghĩ gì ở bên kia thế giới ? Mọi người đều thấy rõ những kẻ chết đều tỏ ra rất ict kỹ. Họ làm như chỉ có họ hiện diện trên mặt đất. Những người khác đều không đáng kể. Họ vừa ghen tuông vừa đầy ham muỗn. Họ có thể tha thứ mọi điều cho những kẻ đang sống, trừ cái chuyện đang sống đó ra !

Trong khi tôi nghĩ lần thàn như vậy, đám tang tiếp tục di chuyển, những chiếc xe di trước, theo sau là một đám đông quần áo tả tơi, đầu tóc rũ rượi, mấy người đàn bà vừa khóc vừa vò đầu, đám ngực, thỉnh thoảng lại hú lên như mấy con chó điên. Đám

tang ồn ào đánh thức tất cả mọi người ở hai bên đường phố. Họ đồ xô ra cửa, nhoai người ra bên ngoài vừa la hét vừa vẩy tay. Tất cả mọi người đều cất tiếng khóc, tiếng nguyễn rủa cầu nguyện Đức Mẹ Đồng Trinh, thánh Janvier... Tất cả mọi người đều khóc. Đối với dân thành Náp, một đám tang là của chung. Ai cũng có quyền khóc lóc, than thở, cầu nguyện. Sự đau khổ của một cá nhân, một gia đình cũng là sự đau khổ của tất cả mọi người. Tất cả đều đau đớn khổ sở lẫn nhau, người nọ khóc dùm người kia «Nước mắt chính là kẹo cao su của dân Náp», một bữa Jimmy đã bảo tôi như vậy.

Khi đám tang tới nhà thương Pelerins, tất cả những xác chết cũng như những người bị thương đều được bỏ ng่อน ngang xuống mặt sân. Nơi đây cũng đầy nghẹt những thân nhân, bè bạn của những nạn nhân từ khắp nơi trong thành phố. Người nào cũng xụt xùi, cũng than van, rên rỉ hoặc điên cuồng gào thét. Họ xúm vào khiêng những nạn nhân đi thành hàng dài dọc theo mấy hành lang. Lộn xộn một hồi, chẳng mấy chốc trời đã rạng sáng, đám đông tấp nập đi lại trong vòng sân bệnh viện. Họ cất cao giọng cầu nguyện. Thỉnh thoảng họ ngừng lại để khóc lóc, kè kè.

Vào khoảng mười giờ sáng hôm sau, cơn náo loạn nổ bùng ra. Quá mệt mỏi vì chờ đợi quá lâu, lại thêm nóng nực không biết thân nhân còn sống hay đã chết, bị thương nặng nhẹ thế nào, đám đông đâm ra nghi ngờ những người y tá, bác sĩ đã lừa dối bọn họ. Mọi người đồng la hét, và lấy đá liệng bể mấy khung cửa kính. Sau cùng họ xúm lại xô đẩy mấy cánh cửa lớn. Chịu không nổi sức mạnh

của đám đông, mẩy then cài cửa gãy làm đôi. Ngay sau khi mẩy cánh cửa lớn bật tung ra, một đám đông hung dữ đang ồ ạt la hét như vậy bỗng nhiên im thin thít. Chẳng khác một đàn chó sói, họ nghĩ rằng, cúi đầu lặng lẽ tiến vô dãy hành lang, mắt lão liên dòm ngó hết phòng này tới phòng khác. Nhưng sau khi đi hết dãy hành lang, tới ngưỡng cửa một tu viện, từ đó dẫn vô một dãy hành lang tối thui, xoè ra như một chiếc quạt, đám người cùng thốt lên một tiếng kêu khủng khiếp, rồi đứng xứng lại.

Trong một góc tu viện mọc lên một chiếc tháp làm bằng những chiếc đầu lâu miệng mở toang hoác. Đám đông thốt lên những tiếng kêu khóc thát thanh đầy bi thương và giận dữ, rồi sau đó họ lao tới ôm những thây người đã chết, họ kêu tên người chết bằng một giọng thê thảm. Nhiều người cùng tranh cướp một tử thi đã mất đầu, ai cũng nghĩ rằng nhờ tình máu mủ và lòng thương xót cho nên họ đã nhận ra mó chân tay nát bấy hoặc thân người mất đầu đó là của họ.

Từ trước tới nay, chưa có người nào được chứng kiến một cuộc tranh dành, đánh lộn khủng khiếp hơn lần đó. Chỉ một miếnh thịt còn lại mà có tới mười người, hai chục người tranh dành. Đầu thương đã biến đổi đám người đó trở nên hung dữ, ngoài ra, họ còn sợ hãi những kẻ khác chiếm đoạt xác người thân của họ. Lại còn địch thủ của họ cũng có thể lợi dụng lúc này cướp xác để trả thù. Đây mới là kết quả khủng khiếp của trận đội bom. Bị xâu xé dảng co bởi hàng trăm chục ngàn cánh tay mỗi xác biến thành một miếng

mồi của lũ người hung dữ, tàn bạo. Kẻ nào cướp được xác chết bèn khư khư ôm chặt vào ngực rồi vội vã bỏ chạy, theo sau là cả đoàn người điên cuồng hò hét. Từ bên trong nhà thương, bên trong những dãy hành lang, trận giặc tranh cướp xác chết lan tràn ra ngoài mặt đường phố. Khi tới những căn nhà tồi tàn, cơn náo động mới lắng dần. Đám người nghèo khổ lúc đó mới nghĩ tới việc khóc than kẻ đã chết và sửa soạn tang lễ cho những mảnh tử thi rã rời, rách nát đó.



Đoàn xe tang đã biến mất đãng sau những con hẻm tối tăm của khu Forcella. Những tiếng khóc than của đám thân nhân đi đàng sau xe cũng đã tắt ngấm. Một vài tên Mỹ den lượn lờ dọc theo bờ tường hoặc quanh quần nơi ngưỡng cửa những căn nhà tồi tàn, dơ tay ra dấu, mà cả, so sánh giá mua một đứa con gái, với giá tiền một bao thuốc lá hay, một hộp thịt. Trong bóng đêm, những tiếng thì thầm vang lên từ khắp mọi chỗ, xen lẫn với những tiếng thở dài, tiếng chân người dồn dập đi lại. Ánh trăng chiếu sáng lấp lánh trên những mái hiên, những chấn song bao lớn những căn nhà hai bên đường. Đêm chưa khuya, mặt trăng còn quá thấp chưa chiếu sáng hết con ngõ sâu thẳm. Jimmy và tôi, cả hai yên lặng đi trong bóng đêm dày đặc, hôi hám. Khi tới trước một cánh cửa hé mở, chúng tôi ngừng lại trước bức thềm và nhìn vào.

Bên trong căn nhà, mọi người lóe mắt vì ánh sáng màu trắng từ một ngọn đèn đặt đặt trên mặt bàn bằng đá. Hai đứa con gái mặc đồ lụa rực rỡ

dưới ánh đèn, cả hai đứng kẽ bên một chiếc bàn đặt tại giữa căn phòng. Những bộ tóc giả bầy lật liệt trên mặt bàn. Đầu các kiều, đầu các kích thước. Thực ra, đó chỉ là những mớ tóc dài màu hung được chải chuốt một cách thật kỹ lưỡng. Tất cả đều được khâu dính vó một miếng vải băng lụa đỏ. Một vài bộ tóc màu hung vàng, vài bộ khác màu hung nhạt. Có bộ xoắn quăn, có bộ đẽ dài, có bộ lại kết thành từng búi như của trẻ con. Hai người con gái vừa léo nhéo bàn cãi, vừa mân mê mấy bộ tóc giả hoặc chuyền từ tay này qua tay khác, hoặc cầm bộ tóc quất lên mặt nhau, xá trông như họ đang cầm quạt xua ruồi.

Khi chúng tôi đi vô, cả hai quay ra cười, nhưng vội nín hặt làm như xấu hổ. Sau đó, cả hai buông mấy bộ tóc xuống mặt bàn, rồi làm ra vẻ dửng dưng lấy tay sờ lại nếp áo, hoặc đưa lên vuốt tóc, ra cái điều ngày thơ trong trắng. Một người đàn ông đứng phía sau chiếc bàn. Ngay sau khi thấy chúng tôi vô, người đó nghiêng người chào, xoè hai tay đặt lên mặt bàn rồi tỳ người lên, làm như muốn dấu điểm che dày món hàng. Người đàn ông nói :

— Chào các ông !

Sau đó, người đàn ông nháy mắt ra hiệu cùng một mụ đàn bà mập thù lù, ngồi trên một chiếc ghế phía trước mặt là bình cà phê đang đặt trên lò. Người đàn bà từ từ đứng dậy, lệ tay cuộn tròn mấy bộ tóc vào trước váy rồi đem bỏ vó ngăn bàn. Người đàn ông hỏi Jimmy :

— Anh có cần gì tôi không ?

Jimmy trả lời :

— Không, tôi muốn mua vật kỳ cục vừa rồi.

— Cái đó dè cho đàn bà xài. Không phải đồ dùng của đàn ông lịch sự!

— Không phải cái chi?

— Không phải dè cho anh xài. Không phải đồ dùng cho sĩ quan Hoa kỳ.

— Lấy hết ra coi nào!

Người đàn ông lặng yên ngó vào mắt Jimmy; rồi sau đó nhẹ nhàng đặt tay lên miệng. Gã nói chậm rãi:

— Tôi là một người đàn ông lương thiện. Anh muốn tôi làm chi cho anh?

— Muốn mấy món đồ kỳ cục đó!

Người đàn ông vẫn không nhíu mày, gã làm như đang nói chuyện với chính gã:

— *Sti feliente* (Bạn khốn kiếp!)

Rồi mỉm cười, gã nói tiếp:

— Tốt lắm. Đề tôi lấy cho anh coi. Tôi yêu mến người Mỹ lắm. *Sti feliente*. Đề tôi lấy cho anh coi.

Cho tới lúc đó, tôi chưa hề nói một tiếng. Tôi hỏi người đàn ông bằng tiếng Ý:

— Em gái của anh mạnh giỏi không?

Gã nhìn tôi, nhận ra bộ binh phục tôi đang mặc và mỉm cười. Gã coi bộ hài lòng, tự tin:

— Nó vẫn mạnh giỏi. Nhờ ơn trời! Đại úy không phải người Mỹ! Đại úy cũng giống như tôi, chắc Đại úy hiểu rõ ý nghĩ tôi ra sao. *Sti feliente!*

Rồi gã lấy đầu làm hiệu với người đàn bà, lúc đó đang đứng tựa lưng vào chiếc tủ, dáng điệu như đang thủ thế.

Người đàn bà mở ngăn kéo, lấy mấy bộ tóc ra ngoài, rồi cẩn thận bày lên mặt bàn. Bàn tay-mụ mập ú, vàng khè.

Jimmy cầm món đồ kỳ cục đó lên ngắm nghia.
Anh ta nói :

— Đâu phải tóc giả ?

Người đàn ông trả lời :

— Đúng thế. Không phải tóc giả !

— Mấy món đồ này dùng làm gì ?

— Để cho mấy người Mỹ đen. Tui Mỹ đều
chỉ khoái đàn bà tóc hung, đàn bà Ý tóc lại
màu nâu thành thử họ phải mang tóc giả.

Người đàn ông chỉ bốn sợi dây lụa đính vó
mảnh vải xa tanh đỏ rồi quay qua mấy người con
gái, gã nói tiếp :

— Hãy chỉ cho hắn coi nào !

Đứa con gái vừa ngón ngoéén cười vừa nhún
nhảy ra điều e thẹn. Cô ta cầm lấy «bộ tóc giả»
rồi áp lên bụng.

Jimmy mở to mắt vì n gạc nhiên :

— Dùng làm chi hả ?

Gã đàn ông giải thích :

— Tui Mỹ đen thích gái nâu. Mười đồn một cái,
Không có mắc đâu. Mua một cái đi !

Jimmy đưa bàn tay vô trong đống lụa xa tanh
màu đỏ rồi mút tròn bộ tóc. Hắn ta cười, mặt đỏ
ửng, đầu cúi về phía đằng trước. Lâu lâu hắn ta
nhắm mắt lại làm như thè trận cười quá mức đó
khiến hắn đau tim.

Tôi la lên :

— Ngừng lại ! Jimmy !

Thật ghê tởm khi nhìn thấy cả một nắm tay to
tướng của gã da đen Jimmy nắm ở trong mờ tóc giả
đó !

Gã đàn ông đưa tay lên miệng chầm rãi nói :

— Đàn có riêng gì đàn ông, đàn bà cũng nhục nhã vì thua trận vây!

Jimmy la lớn :

— Không phải thế! Chỉ có đàn ông thua trận mà thôi!

— Đàn bà cũng thế!

— Không! Chỉ có đàn ông thua trận!

Bỗng nhiên đứa con gái nhảy từ trên giường xuống và nhìn thẳng vào mặt gã da đen, bộ mặt cô ta trông vừa xấu xa vừa buồn bã. Cô gái la to :

— Ý Quốc muôn năm! Mỹ Quốc muôn năm!

Và liền sau đó cô gái cười rũ rượi. Nữ cười làm miệng cô ta méo xệch hẳn đi. Tôi bảo Jimmy :

— Thôi tựi mình đi đi!

Gã da đen gật đầu :

— Phải đấy.

Gã cuộn tròn bộ tóc giả vội túi quần, ném tờ giấy một ngàn lires lên mặt bàn rồi thích khuỷu tay tôi :

— Đi thôi.

Tới cuối phố, chúng tôi gặp một đoàn Cảnh Sát, người nào cũng vỗ tráng một cay ma trắc sơn trắng. Họ đi trong yên lặng. Chắc là họ đang đi lùng hàng chợ đen.

Có tiếng ơi ơi báo động chuyền từ nhà này qua nhà khác. Từ những khung cửa sổ, những bao lơn ở trên đầu chúng tôi : phát ra những tiếng kêu «Cha ơi, Mẹ ơi ! Cha ơi ! Mẹ ơi ! Và cùng với những tiếng kêu báo động đó, từ cuối những căn nhà có tiếng ồn ào vọng lại, tiếng chân người chạy tăm rập tiếng cửa đóng mở kêu kẹt.

— Cha mẹ ơi ! Cha mẹ ơi !

Tiếng kêu nghe thật vui tai bay là là trên không trong ánh trăng sáng long lanh như nạm bạc. Và đám Quân Cảnh; đám cha ơi ! Mẹ ơi ! yên lặng. Lướt đi dọc theo bờ tường, tay vung vẩy chiếc dùi cui sáng trăng.

Đứng trên bức thềm khách sạn nơi đám sĩ quan Hoa kỳ thuộc PSB vẫn thường hội họp, tôi nói với Jimmy :

— Ý Quốc muôn năm ! Mỹ Quốc muôn năm !

Jimmy la lớn :

— Câm miệng đi !

Và gã nhồ toẹt xuống đất.

Khi thấy tôi đi vô phòng hội, đại tá Jack Hamilton ra dấu cho tôi đến ngồi bên cạnh ông ta, tại chiếc bàn lớn dành riêng cho những sĩ quan cao cấp. Đại tá Brand ngang đầu lên khỏi chiếc đĩa ăn đè chào lại tôi và sau đó ông ta lịch sự mỉm cười.

Ông ta nói :

— Đêm nay trăng đẹp quá !

Ông ta tướng rắng dân Ý khoái nghe một anh chàng ngoại quốc nói : Đêm nay trăng sáng quá ! Ông ta nghĩ rắng dân Ý thích mặt trăng, như thế đó là một mảnh đất Ý được đem cất ra. Ông ta tuy không phải là một người cực kỳ thông minh, rất ư là có học, nhưng tâm hồn ông ta vô cùng đẹp đẽ. Qua câu nói của Ông, ý ông muốn tôi hiểu rõ những tình cảm tốt đẹp của ông dành cho dân Ý, cho những kẻ đau đớn, khổ sở nghèo đói, bị khinh khi, nhục nhã. Tôi phải cảm ơn ông vì mỹ ý đó. Tôi tính nói ra lời nhưng ngại ông ta không hiểu vì sao. Bỗng dung tôi lại nói « cảm

σn». Tôi tinh nǎm chặt tay ông ta qua mặt bàn và nói với ông ta rằng : «Thưa ông, đúng như vậy, mặt trăng là quốc gia thực sự của dân Ý. Quốc gia độc nhất. Kề từ nay». Tôi lại ngại những sĩ quan khác ngồi cùng bàn, ngoại trừ Jack, không hiểu ý nghĩa những lời nói kỳ cục đó. Họ là những chàng trai can đảm, thực thà giản dị trong trăng đúng như những người Mỹ khác, và chỉ có họ mới có thể như vậy. Nhưng họ vẫn tin tưởng chắc chắn một điều là giống như những người Âu Châu khác, tôi có thói quen nói lời nào cũng kèm theo dăm bẩy nghĩa. Và biết đâu họ lại nghĩ rằng câu nói của tôi còn có một ý nghĩa xấu xa, đen tối nào khác nữa cũng nên.

Thành thử tôi chỉ nói vắn tắt :

— Vàng, trăng đẹp thật !

Mặt đại tá Brand hơi ửng đỏ :

— Chắc căn nhà của ông tại Capri thiệt là đẹp dưới ánh trăng lộng lẫy như thế này !

Mấy người sĩ quan ngồi quanh nhìn tôi với ánh mắt trùm mền.

Tất cả bọn họ đều biết qua căn nhà tôi đang ở. Mỗi lần từ chiến trường Casino buồm thảm trở về, tôi thường mời tất cả bọn họ đến nhà tôi chơi và cùng với họ, tôi còn mời thêm cả những người bạn Anh, Pháp, Bồ đào nha ; Đại tướng Guillaume, Thiếu tướng André Lichtwitz, trung úy Pierre Lyautey... Tất cả bọn chúng tôi cùng trải qua một hai ngày câu cá trên những mỏm đá, hoặc uống rượu trong phòng khách quanh ngọn lửa hoặc nằm dài trên sáu thượng ngắm bầu trời xanh thăm thẳm...

Jack nói nhỏ bên tai tôi :

— Ngày hôm nay anh đi đâu ? Tôi kiểm cả buổi chiều.

— Tôi đi dạo với Jimmy.

Jack nhìn tôi dăm dăm :

— Hình như có chuyện gì xảy ra phải không.
Trông anh không được vui.

— Đâu có chi.

Trên bàn đầy những đồ ăn, món nào cũng bốc khói nghi ngút. Ly nào cũng đầy trà. Nào cà phê, nước cam... Tôi cảm thấy cõi họng như thắt lại, không sao dùng được bất cứ món nào.

Thiếu tướng Morris lên tiếng nói :

— Đức vua đáng thương quá. Ông ta đâu có ngờ bị đón tiếp như vậy ! Từ xưa, thành phố Napoli vẫn khoái nền quân chủ lắm cơ mà !

Jack hỏi tôi :

— Chiều nay, lúc dân chúng la ó Đức vua tại khu Toledo, anh có ở đó không ?

— Vua nào ?

— Đức vua của các anh chứ vua nào ?

— Tôi làm gì có Đức vua.

— Hoàng Đế Ý Quốc đó !

— A ha ! Hoàng Đế Ý Quốc !

— Dân chúng bữa này la ó, dân chào ông ta ở khu Toledo.

— Mà những ai la ó ? Mấy người Hoa kỳ phải không ? Nếu là bọn họ, họ đã lầm to !

— Đâu phải họ. Dân Napoli không à !

— Họ làm như vậy là phải. Bộ Đức vua muốn họ phải làm gì ? Phải ném hoa như mưa xuống mặt đường để đón tiếp ngài hay sao đây ?

— Thời này, một ông Vua mong đợi ở dân

chúng điều gì? Bữa nay là ô. Bữa mai, mưa hoa. Một là ô. Tôi không hiểu dân Ý làm cách nào phân biệt sự khác nhau giữa những lời là ô phản đối và những trận mưa hoa tung hô.

Tôi rất hài lòng khi thấy dân Ý đã là ô phản đối Đức vua của họ. May người Hoa kỳ không có quyền làm như vậy. Họ không có quyền là ô Đức vua Ý, không có quyền chụp hình một tên Mỹ đen ngồi lên ngai vàng của Đức vua Ý, ở trong Cung điện Hoàng gia tại Napoli, rồi sau đó mang bức hình ra in trên mặt báo.

— Anh nói có lý. Jack bảo tôi.

— Họ không có quyền đái vào mấy góc cung điện, nơi ngai vàng ngự trị. Vậy mà họ dám làm điều đó. Chính tôi và anh đã chứng kiến. Ngay cả chúng tôi, dân Ý, chúng tôi cũng không dám làm như vậy. Chúng tôi có quyền là ô chửi bởi Đức vua của chúng tôi. Hoặc có thể ăn ông ta vào chân tường. Nhưng phóng tiều vào mấy góc cung điện, điều đó quá lốm!

Jack đồi giọng bỗn cợt hỏi tôi :

— Còn riêng anh, có khi nào anh ném hoa hoan hô Đức vua bao giờ chưa?

— Không bao giờ. Đối với Đức vua, tôi có ý nghĩ thật rõ ràng. Không bao giờ tôi ném một bông hoa để hoan hô ông ta.

— Nếu anh có mặt ở Toledo chiều nay, anh có là ô, chửi rủa ông ta hay không?

— Không, đời nào tôi thèm làm như vậy. Thật xấu hổ khi là ô, chửi bởi một ông vua bại trận dù rằng đó là ông vua của mình. Đầu chỉ có mình ông ta thua trận. Tất cả nước Ý thất trận. Tất cả

mọi người, kể cả những kẻ bữa qua ném hoa hoan hô và bữa nay là ó chửi bời. Tôi chưa bao giờ tung hoa hoan hô, dù chỉ một bông hoa nhỏ bé. Bởi vậy, bữa nay nếu tôi có mặt ở Toledo, tôi cũng không la ó, chửi rủa ông ta.

Jack nói :

— Anh hoàn toàn có lý.

Đại Tá Brand tiếp lời.

— *Your poor King* (Đức vua đáng thương của anh). Tôi lấy làm thương hại cho ông ta.

Và cười thật tươi, ông ta nói thêm :

— Và cho cả anh nữa !

— Nhận danh ông ta, tôi cảm ơn bạn rất nhiều.

Trong giọng nói của tôi có điều chi khác lạ, chắc thế, bởi vì tôi thấy Jack đăm đăm nhìn tôi bằng cặp mắt buồn rầu, và anh ta nói thầm đủ cho tôi nghe :

— Anh dấu tôi điều gì, có chuyện gì không hay, phải không ?

— Không. Chẳng có gì hết;

Và tôi bật cười. Jack hỏi :

— Tại sao anh cười ?

— Lâu lâu cũng nên cười lấy hên.

— Tôi cũng vậy lâu lâu tôi cũng thèm được cười.

— Người Hoa kỳ có bao giờ phải khóc đâu !

— Cái gì ! Anh nói sao ? Người Hoa kỳ không bao giờ khóc hả ?

Tôi nhắc lại câu nói :

— *Americans never cry.*

Jack ngây thơ nói :

— Thực sự tôi không biết chuyện đó, mà có thiệt người Mỹ không bao giờ khóc hả ?

— Đúng như thế. Họ không bao giờ khóc.

Đại tá Brand hỏi tôi :

— Bạn nói ai không hề khóc ?

— Người Mỹ chứ ai. Jack vừa cười vừa trả lời Malaparte nói rằng người Mỹ không bao giờ khóc ?

Tất cả mọi người ngạc nhiên nhìn tôi. Đại tá Brand nói :

— Ý nghĩ gì thật kỳ cục.

Mọi người cười to Jack nói như để xin lỗi dùm cho tôi :

— Malaparte luôn luôn có những ý nghĩ thật tức cười.

Tôi nói :

— Đó đâu phải là một ý nghĩ tức cười. Đúng ra phải nói là một ý nghĩ buồn thảm. Người Hoa kỳ không bao giờ khóc.

Thiếu Tướng Morris nói :

— Kẻ nào mạnh không hề bao giờ phải khóc.

Tôi thêm vội :

— Người Hoa kỳ nào mà chẳng mạnh !

Và tôi bắt cười ha hả.

Đại Tá Brand hỏi tôi :

— Anh có bao giờ sang Hoa kỳ chưa ?

— Không ! Không bao giờ tôi sang Hoa kỳ hết !

— Đó là lý do tại sao anh nghĩ rằng người Hoa kỳ không bao giờ khóc.

Thiếu tướng Thomas la to :

— Mất mơi mà ! Ở Mỹ bây giờ có mất mới, đó là khóc, khóc là thời trang hiện giờ ở Mỹ. Dân tộc

Mỹ chúng tôi lúc nào cũng lạc quan, họ sẽ trả nên
lỗi bitch nếu thiếu nước mắt!

— Thiếu nước mắt, còn gì ghê gớm hơn!

Đại Tá Brand nói:

— Có nước mắt cũng thật là ghê gớm! Đó là ý
nghĩ của tôi sau khi đặt chân xuống Âu châu.

Tôi nói:

— Hình như ở Mỹ, người ta căm mọi người
không được khóc.

Thiếu tướng Morris cãi chính:

— Đâu có thể! Đâu có ai căm ai bao giờ!

Jack cười lớn:

— Ngày cả ngày chủ nhật cũng đâu có căm?

Thiếu tướng Morris nói thêm:

— Ở nước chúng tôi, nhiều khi người ta khóc
vì những chuyện không đâu. Chẳng có chuyện gì
cũng khóc. Cũng hay ho lắm chứ! Phải không?

Tôi nói:

— Nếu ở Mỹ người ta căm khóc, xứ đó thật
đã tuyệt diệu!

Thiếu tướng Morris nghiêm khắc nhìn tôi:

— Không! Ở Mỹ không có căm khóc. Có thể
nước Mỹ tuyệt diệu hơn vì lý do căm khóc cũng
nên.

— Uống chút chơi, Malaparte!

Đại Tá Brand vừa nói vừa lấy ở trong túi ra
một chai nhỏ bằng bạc rồi sau đó ông rót rượu vào
ly tôi, và lần lượt khắp các ly rượu của mọi người,
kè cả ly rượu của ông ta. Xong xuôi, ông ta quay
sang phía tôi, mỉm cười thật tươi:

— Đừng buồn, Malaparte! Ở đây toàn là bè

bạn cả. Ai cũng mến anh hết. Anh là một người bạn tốt. A *very good one.*

Ông ta nâng cao chiếc ly, và nháy mắt làm đúng như mấy tay bợm nhậu người Mỹ, ông ta lên tiếng :

— *Mud in your eye.* (Bùn ở trong mắt anh).

Tôi cũng nói theo, trong khi nước mắt đang trào :

— *Mud in your eye.*

Mọi người cùng uống và cùng nhìn nhau cười.

Đại tá Eliot bảo tôi :

— Dân tộc Ý thật kỳ lạ : Nhất là mấy người dân thành Náp như các anh.

— Tôi không phải dân Náp, tôi rất lấy làm tiếc. Dân Náp thật là tuyệt vời.

— Chính mấy anh tìm kiếm những khô sô rồi sau đó lại ngồi khóc vì những khô sô đó.

Đại tá Brand tiếp lời :

— Phải thật mạnh mới được. Thượng đế sẽ giúp mình sau đó.

Brand tính mời mọi người uống rượu nữa nhưng chai rượu của ông ta đã cạn. Vì vậy ông ta rủ mọi người tới câu lạc bộ. Vừa nói ông vừa bước đi. Mọi người cũng đi theo.

Jimmy đang ngồi ba hoa ở tại mặt bàn ở bên cạnh cửa sổ, giữa một đám sĩ quan không quân. Hắn ta đang đưa cho đám bè bạn coi một vật chí máu hung hung, tôi nhận ra ngay lập tức đó là một mớ lông ! Jimmy, mặt đỏ gay, cười hăng hắc, và mấy người sĩ quan kia mặt mũi cũng trở nên đỏ

vừa cười rũ rượi, gay, vừa lấy tay đập vào vai nhau.

Thiếu tướng Morris tiến đến gần bàn Jimmy ngồi, cắt tiếng hỏi:

— Cái gì thế kia?

Và ông tò mò ngắm nghĩa «vật lạ»

Jimmy vừa trả lời vừa cười:

— Đó là một món đồ thủ công. Một món đồ dùng dành cho mấy người da đen.

— Dùng làm gì?

Đại tá Brand là to, trong lúc nghiêng đầu xuống vai Jimmy để ngắm nghĩa vật lạ.

Tôi trả lời:

— Đúng thế! Vật đó dề cho mấy người Mỹ đen dùng.

Và tôi dang bộ tóc giả khỏi tay Jimmy, rồi sau đó tôi xoè cả bàn tay thọc vô. Tôi nói:

— Nhìn này! Đây là một người đàn bà, con gái Ý dành cho tụi đen.

Đại tá Brand hé lén:

— Ôi chao! Thật xấu hổ!

Và ông ta quay mặt đi, tỏ vẻ ghê tởm. Mặt mũi ông ta đỏ gay vì xấu hổ, ngượng ngùng. Tôi vẫn tiếp tục:

— Mấy người thấy chưa, thấy chưa! Cả nước Ý cuối cùng chỉ còn lại có thể!

Và nước mắt tôi chảy ròng ròng xuống hai gò má.

Tất cả mọi người lặng lẽ nhìn tôi. Sau cùng Đại tá Brand lên tiếng:

— Sorry! (Xin lỗi!)

Thiếu tướng Thomas nói :

— Đâu phải lỗi ở chúng tôi !

Tôi trả lời :

— Đúng rồi ! Đâu phải lỗi ở mấy ông. Toàn thể Âu châu chỉ là một mớ lông. Một chòm lông màu hung quấn quanh trán của những kẻ thắng trận !

Đại tá Brand nói bằng giọng cảm động :

— Thôi mà ! Đừng buồn, Malaparte !

Uống một chút đi.

Ông ta đưa chiếc ly cho tôi.

Thiếu tướng Morris cũng vỗ vai tôi nói :

— Thôi mà uống chút chơi !

Và đại tá Brand nâng cao chiếc ly :

— *Mud in your eye !*

Ông ta nhìn tôi mỉm cười. Mắt ông ta lúc đó cũng mọng nước.

Tất cả mọi người cùng nói một lúc.

— *Mud in your eye, Malaparte !*

Và bằng đó người cùng nâng cao ly rượu.

Tôi khóc lặng lẽ, trong khi nắm chặt trong tay món đồ dơ dáy. Và tôi vừa nói vừa khóc :

— *Mud in your eye*

Bùn trong mắt anh :

CHƯƠNG IV

CHỢ NÔ LỆ

THÀNH PHỐ VỪA MỚI ĐƯỢC GIẢI PHÓNG, đám thảnh niêん hứ hông từ khắp các nơi đã dồn xô về Náp để đón chào đạo quân Đồng minh. Bởi chúng hình như đều nghe theo một tiếng gọi huyền bí, đều ngửi thấy mùi thuốc lá thơm Pall-Mall, Lucky... thứ thuốc lá đặc biệt của vùng Virginie, từ trước tới nay vẫn được coi như mùi da thịt của một người đàn bà tóc nâu tượng trưng cho mùi vị của quân đội Hoa kỳ. Không những từ La mã, bọn thanh niên bệnh hoạn này còn từ khắp các đô thị lớn trên toàn cõi Âu Châu ùn ùn kéo về Náp. Bởi chúng liều lĩnh vượt qua vùng núi tuyết, coi thường những bãi mìn trên phỏng tuyến của quân đội Đức quốc xã, những phát súng của đám lính tuần tiễu. Chỉ trong vòng một tháng, thành

phố Náp đã trở thành kinh đô của đám thanh niên Âu châu mắc chứng đồng tình luyến ái. Một thành phố vốn nỗi tiếng trang nhã, qui phái nhất Âu châu nay biến thành một ngã tư quốc tế, trung tâm của tội lỗi, sa đọa. Đám thanh niên từ Ba lê, Luân đôn, Nữu ước, Le Caire, Venise, La mã, v.v.. tìm đủ mọi cách, nào dùng tàu, dùng thuyền, hoặc đi bộ, vượt núi, băng rừng, cốt sao có mặt ở trong thành phố. Không cần âm hiệu, bọn chúng vẫn nhận ra nhau. Chỉ cần một tia mắt nhìn, một giọng nói, một hơi thở, thế là chúng biết ngay kẻ đang nói chuyện cũng thuộc phe ta, cũng cùng trong hội. Chúng mừng rỡ hét lớn, ôm chặt lấy nhau, chẳng khác gì Virgile và Sordello ở trong địa ngục của thi sĩ Dante. Khắp mọi ngã đường trong thành phố đều vang lên những giọng nói kỳ cục của đám thanh niên lại cái : « Ô ! Bồ ơi ! Mình ơi ! Mình đấy à !...»

Trong khi đó chiến trận vẫn tiếp diễn ác liệt ở bên ngoài thành phố. Nhưng bên trong thành phố Náp, trên các đường phố, đám thanh niên con cháu thằn Narcisse lũ lượt kéo nhau đi lại, say mê ngắm nghía rồi đạt qua hai bên đường, nhường lối đi cho những anh chàng lính Anh, lính Mỹ đẹp trai, thân hình nầy nở, da dẻ hồng hào, trông chẳng khác gì mấy anh chàng lực sĩ vừa rời khỏi phòng tập. Đó là mẫu người yêu lý tưởng của bọn chúng !

Đám thanh niên hư hỏng này đại diện cho xứ Âu Châu trưởng giả, tội lỗi đang đi dần tới sa đọa. Chúng chẳng khác gì những nhân vật trong tiểu thuyết của nhà văn Mỹ Hemingway rượu chè

be bét, suốt ngày la cà nơi nhà hàng, quán nước, quần áo chúng đã bạc màu hoặc rách nát sau chuyến đi sanh tú, vượt rừng, qua núi đè lối Náp. Chúng cố ý ăn mặc lôi thôi như vậy, cốt để thích hợp với một bè ngoài lơ đãng, lười biếng. Quần không thắt lưng, cỗ áo không cà vạt, giày không buộc giày, áo vét mở nút, đầu không đội nón, tay không đeo găng. Thế rồi, hai tay đút túi quần, vừa đi vừa lắc lư hai vai, chúng làm ra vẻ bất cần đời, coi thường tất cả mọi chuyện đang xảy ra.

Điếc kỳ cục lạ, những thanh niên hư hỏng đó, không phải chỉ toàn là những cậu công tử con nhà giàu, dư tiền dư bạc không biết làm gì, đành phải hư hỏng, sa đọa lẫn lộn trong bọn họ, còn có cả những anh chàng thợ thuyền, thợ máy, đại diện cho đám thanh niên vô sản. Mấy anh chàng này ăn mặc cũng ra dáng lắm, mái tóc cũng chải, cũng sấy, cắp môi đỏ chót chẳng khác gì mấy đứa con gái. Trước chiến tranh làm gì có cảnh tượng con ông bán phở, con bác bán rau, đám công nhân, đóng bộ lượn phở như mấy cậu công tử con các ông lớn. Sự hiện diện của mấy anh trai vô sản, giữa đám thanh niên hư hỏng khiến mọi người nhận ra một sự thực, đó là chiến tranh đã cho phép người giàu, cũng như kẻ nghèo đều có quyền phạm tội như nhau Ngày trước đâu có vậy ; tội lỗi từ xưa vẫn được coi như một món đồ xa xỉ dành riêng cho những người quyền quý, sang trọng, dư tiền dư bạc. Chiến tranh làm cho những xấu xa, tội lỗi ăn sâu tới những tầng lớp thấp kém nhất ở trong xã hội, tới đám

người cùng khổ, nghèo đói. Anh giàu và anh nghèo chạm trán nhau một cách công khai ở ngõ hẻm tội lỗi. Mấy anh nhà giàu ích kỷ, muốn khu khu ôm lấy tội lỗi, muốn dành riêng mấy món ăn chơi cho giai cấp của mình, mấy tượng đài chắc tíc điên người vì cảnh tượng « tất cả mọi người công dân đều bình đẳng trước tội lỗi ».

Một trong những nhà xuất bản sách báo hiếm hoi hồi đó đã phát hành một tuyển tập thi ca gồm những bài thơ thuộc loại khói lửa do chính những kẻ đảng cầm súng ở ngoài mặt trận, sáng tác. Đám thanh niên hư hỏng với vàng vồ lấy tập thơ, đọc lấp đục đẽ, làm ra điều họ cũng vẫn còn chưa đến nỗi sa đọa, những tình cảm cao quý trưởng giả ngày xưa vẫn chưa chết hẳn trong lòng họ. Và để có dịp đọc những bài thơ đó, họ bèn hẹn hò tụ tập trong những sa-lông văn-nghệ trong những tòa lâu đài đồ nát vì bom đạn hay trong nhà hàng Baghetti. Chúng biến nhà hàng này thành một câu lạc bộ tư nhân dành riêng cho bọn chúng.

Thảm một nỗi là những bài thơ của nhóm thi sĩ Ăng lê trẻ tuổi trên đây lại không có ý hướng hòa giải chủ nghĩa ái tình đồng tính với chủ nghĩa Mác xít. Đó là những bài thơ rất bình dị viết về chiến tranh một cách thật là dứng đứng, lạnh lùng, pha lẫn đôi chút buồn rầu, chán nản, những bài thơ dành cho đám thanh niên thực sự tham gia cuộc chiến. Những bài thơ trắng toát không hô hào cõi vĩnh quang chiến thắng cũng không than van nỗi buồn thất trận. Không phản kháng, thất vọng gì hết. Thành ra sau những giây phút hân hoan phấn khởi, đám thanh niên « quý phái » bèn liệng tập thơ ra ngoài

cửa sổ, và vở lấy những tác phẩm của A. Gide, André Breton, J. P Sartre, v..v... Nhà văn A. Gide được coi là «nhà thơ Goethe» của bọn chúng. Cả bọn say sưa tìm kiếm, lục lạo trong những tác phẩm của những nhà văn kề trên như lời chỉ bảo, những mật lệnh, thầm chử để mở cửa một thánh địa mới dành riêng cho một xứ Âu châu tương lai hiện đang được xây cất tại một xó xỉnh nào đó. Và thánh địa mới mẻ này sẽ tiếp đón tất cả bọn họ, đám thanh niên lúc nào, cũng bắn khoăn, lo lắng cho một tương lai dân tộc, thế giới.

Bọn chúng vẫn đồng hóa xã hội với chủ trương «Mác-xít pê-đê» của bọn chúng.

Trong khi đó, trên vỉa hè đường phố, vào mỗi buổi sáng, những người nghèo đói tụ tập thành một đám đông trước cửa tiệm cà phê Van Boole và Fest. Họ quanh quẩn tại nơi đó suốt từ sáng sớm cho tới giờ giờ nghiêm mới chịu bỏ đi. Trong người nào cũng ốm nhom mặt mày xanh lèt. Toàn là những kẻ đói ăn. Quần áo, bã thử nào mặc thử đó từ chiếc áo nhà binh phế thải cho tới chiếc quần vá hàng trăm miếng. Trong bọn, phần đông là những sĩ quan, hoặc binh lính trong quân đội Ý đại lợi kẻ thoát chết sau những cuộc tàn sát của quân đội Đồng Minh, người sống sót từ một trại tập trung của Đức, họ dắt díu nhau, lầm mờ về tới Napoli hy vọng tìm việc làm nuôi thân hay gia nhập trở lại đạo binh do tướng Badoglio chỉ huy và chiến đấu bên cạnh Đồng Minh. Họ gốc gác có những tinh thần thuộc miền quê Ý đại lợi hiện nay vẫn còn nằm trong sự kiểm soát của quân đội Đức. Không làm sao trở về nơi chôn nhau cất rốn

Họ dành phải quanh quẩn tại Náp, chịu đựng sự đói khöh và bao nhiêu nỗi đau thương nhục nhã, cốt sao sống qua ngày. Bị từ chối không cho gia nhập quân đội trở lại, việc làm như không có, mấy người đó chỉ còn mỗi một cách là thoi thóp sống; chỉ còn mỗi một chút hy vọng làm sao khỏi gục ngã vì khöh sở, nhục nhã. Và đám người đó chết dần chết mòn vì đói. Để đánh lừa cái đói cái lạnh, đám người ăn mặc đủ mọi sắc phục đó cứ thế đi lại lại dọc theo hè phố, trong lúc chờ đợi một người trung sĩ Đồng minh kêu họ đi khuyên vài món đồ ra bến tàu, hoặc đợi ba công chuyện khó khăn nặng nhọc hơn thế nhiều.

Đám người ốm đói trở thành mục tiêu thường hại, không phải đối với những bộ hành khác cũng nghèo đói như họ, hay những người binh sĩ Đồng minh thường vẫn tỏ ra bối rối, khó chịu vì đám đông trở thành những kẻ làm chứng cho sự nghèo nàn thảm của cuộc chiến thắng của họ, đám đông thất nghiệp đói ăn chỉ làm mũi lòng những cô gái điếm tấp nập dưới mái vòm che phía trước rạp hát San Carlo, hoặc chen chúc nhau tại mấy địa điểm hò hẹn, Thỉnh thoảng một cô gái lân la đến gần đám đông mời họ một điếu thuốc lá, một mẩu bánh mì v.v nhưng đám người liền tỏ vẻ khinh khi người cho, hoặc cảm thấy xấu hổ vì bị làm nhục, và họ thường lịch sự từ chối, ít khi chia tay ra nhận món quà hổ thi của những kẻ cùng cảnh ngộ.

Thỉnh thoảng, đám thanh niên hư hỏng cũng « dù khöh » một hai người trong đám đông nghèo khổ gia nhập hàng ngũ bọn chúng. Và chúng coi đó là

một chiến công hiển hách. Hành động « hủ hóa » những kẻ không có nhà cửa, ngoài lòng kiêu hãnh ra không còn có một chút gì khác, hành động đó tốt hay xấu, đáng khen hay đáng chê, nào ai biết được. Râu tóc lởm chởm, cặp mắt đỏ ngầu vì đói ăn, mắt ngù, quần áo rách bươm thành từng mảnh, đáng điệu dữ dằn, hung bạo, tất cả những « vẻ đẹp rùng rợn » của lũ người nghèo đói đã đánh thức những ham muốn nhục dục « khác thường », những trò con heo tục tĩu ở trong lòng đám thanh niên bệnh hoạn.

Cũng có thể chủ nghĩa của riêng họen chúng còn thiếu yếu tố đau khổ, bởi vậy bọn chúng mới thèm thường vẻ kinh hoàng, sợ sệt, nỗi cơ cực thảm thương của đám người thất nghiệp. Sự khổ đau của người khác đâu có phải là đồ bỏ đi ? Phải sử dụng nó vào một công chuyện gì mới được chứ ?

Tôi gặp lại anh bạn Jean-Louis ở giữa đám người khổ sở đó, nhận một bữa ăn ngang qua tiệm Van Boole và Fest. Chỉ trong vòng hơn riột năm không gặp nhau vậy mà thoát nhín, tôi không nghĩ đó là bạn của mình. Nhận ra tôi, anh chạy vội lại. Tôi hỏi anh đang làm gì tại nơi đó. Jean Louis bảo anh trốn thoát khỏi tay cảnh sát Đức và từ La mã tới đây mới độ chừng một tháng. Bằng một giọng nói thật dịu dàng êm ái, anh kè cho tôi nghe những nguy hiểm anh ta trải qua khi vượt vùng núi tuyết Abruzzi. Tôi hỏi anh ta một cách bất thình linh :

— Tại sao cảnh sát Đức tinh túm anh ?

— A ! Anh không biết thiệt sao ?

Và anh kè thêm thành phố La mã hiện nay trở thành địa ngục. Mọi người đều sợ hãi, trốn tránh

đám linh Đức, ai ai cũng trông chờ ngày quân đội Đồng minh giải phóng La mã. Thế rồi anh ta khoe với tôi ở đây anh ta gặp rất nhiều bạn cũ, ngoài ra, còn làm quen được rất nhiều bạn mới, những sĩ quan, binh sĩ Áng lê và, Hoa kỳ ~~eto là~~ là những thanh niên lịch sự, tao nhã», anh ta nhấn mạnh như vậy.

Đột nhiên Jean Louis nói tới bà mẹ của anh. Jean Louis thuộc một trong những gia đình quý phái lâu đời nổi tiếng nhất thành phố Milan. Bà mẹ anh ta là một nữ bá tước. Anh ta kể cho tôi nghe bà mẹ già của anh cũng di cư và hiện giờ cư ngụ trong một villa ở bờ hồ Côme. Bà cụ cấm mọi người trong gia đình, trước mặt bà cụ không được bàn tán những chuyện hiện đang xảy ra tại Ý đại lợi và toàn cõi Âu châu. Bà cụ cũng mở rộng cửa tiếp đón bạn bè, chiến tranh chỉ được coi như một chuyện làm xàm chẳng đáng cho bà cụ phải bàn tâm.

Jean Louis bảo tôi :

— Simonetta nhờ tôi mang lại cho anh một món quà kỷ niệm:

Nói tới đó, bỗng nhiên anh ta nin thinh.

Simonetta là tên người em gái của Jean Louis.

Tôi nhìn thẳng vào mắt anh ta. Jean Louis mặt đỏ rần. Tôi bảo anh :

— Hãy để cho bọn thanh niên nghèo khổ này được yên ổn. Anh không thấy xấu hổ hả ?

Jean Louis chớp mắt, làm ra vẻ ngạc nhiên một cách thật ngây thơ :

— Bọn nào ? Anh nói chi kỳ vây ?

— Đứng đưa cợt trên sự đau khổ của kẻ khác,

Anh ta nhún vai :

— Tôi không hiểu anh định nói gì ?

Nhưng liền sau đó, anh ta kê lè nào là đám thanh niên đó đang đói ăn, anh và mấy người bè bạn đang tình giúp đỡ bọn họ, đó là bồn phận, nhiệm vụ của những người như anh và anh ta hy vọng số đông bè bạn trong số đó có những người Anh, người Mỹ, sẽ liếp tay cùng với anh «làm một cái gì» giúp đỡ đám người khốn khổ.

Tôi nhìn sững anh ta, Jean Louis chớp chớp cặp mắt :

— Tại sao anh nhìn tôi như vậy ?

— Anh có quen biết hoặc nói chuyện với bà trước Kác-Mác bao giờ không ?

— Anh nói ai ?

— Bà trước Kác-Mác.

— Thời đừng giận, cha nội. Anh chọc qué tôi làm gì !

— Nếu Mác không phải là một vị bà trước, anh không thể nào là con cháu của ông ta được. Anh vốn dòi quý tộc cơ mà.

— Anh chẳng hiểu gì hết. Dòng dõi mà kê làm chi ?

— Người khác không sao, nhưng riêng đồ cui li, cui leo như anh cần phải như vậy.

Thế rồi tôi nhấn mạnh :

— Hãy để cho những người nghèo khổ đáng kính trọng đó được yên thân. Đừng làm phiền họ. Họ đang đói nhưng thà là ăn cắp, ăn trộm còn hơn là ngủ với anh !

Jean Louis cười cười nhìn tôi :

— Không có tôi thì lại có đứa khác !

-- Không có đứa nào hết! Hãy đ𝐞 yèn đừng làm phiền họ.

— Miệng đói đâu gối phải bò. Anh đâu biết cái đói hành hạ con người ta ra sao? Không ngủ với tôi, họ cũng kiểm người khác.

— Anh làm tôi phát tởm.

— Tại sao lại tởm? Họ đang đói, đâu có phải lỗi ở tôi? Anh giúp họ ăn, còn tôi giúp họ chuyện khác, tùy theo khả năng của tôi. Bồn phận chúng ta là phải giúp đỡ lẫn nhau. Đâu có gì là lạ?

— Cái đói không có một sức mạnh nào hết. Nếu anh tính trông mong vào cái đói của những kẻ khác, anh lầm to. Khi còn trẻ độ hai mươi tuổi, người ta không đau khổ vì cái đói của mình nhưng vì cái đói của kẻ khác.

— Anh đâu biết bọn trẻ bây giờ ra sao?

Và anh ta kề anh ta có hẹn với một vài người bạn tại một nơi ở Vomero. Anh mời tôi đi cùng. Tôi nhận lời tuy không tin mấy người đó làm vui lòng tôi, nhưng biết đâu nhờ đó tôi biết rõ ràng hơn về tuổi trẻ bây giờ.

Chúng tôi cùng đi tới một địa điểm hội họp của mấy người thanh niên trí thức, bạn bè của Jean Louis. Đó là một căn nhà sang trọng, nhưng cách bày biện thật luộm thuộm, cành đẹp thiên nhiên với núi cao, biển rộng ở bên ngoài thật quá uồng so với cách trang hoàng thiếu mỹ thuật ở bên trong căn phòng. Dù sao đi nữa, cảnh vật bên ngoài cửa sổ cũng như bên trong căn nhà đều toát ra một vẻ trưởng giả. Đàm thanh niên ngồi trên những chiếc ghế sa lông bọc xa tanh đỏ, nhấm nháp cà phê, hút thuốc lá Mỹ, bàn về Mác, về Gide, Eluard

Sartre. Tất cả bọn đều say sưa ngâm nghĩa Jean Louis. Tôi ngồi nhìn đám thanh niên dơ chán, múa tay giữa cảnh thiên nhiên trời nước bao la ; họ đều khoảng từ mười tám cho tới hai mươi tuổi, đều là sinh viên đại học. Về nghèo đói, túng thiếu trong gia đình, thêm vào đó là nỗi bơ vơ của cả một tầng lớp thanh niên, băng hoang, ngờ ngác nhìn về tương lai, không biết làm gì, tất cả đều hiện rõ trong cách ăn mặc, phục sức của họ : Quần áo cũ kỹ, cái sờn cổ, cái rách vai, cái áo nào cũng dính đầy những vết dầu mỡ. Móng tay đẽ dài quên không cắt, chứa đầy cău ghét, râu ria lởm chởm quên không cạo, (hoặc cạo với vàng) đầu tóc bù xù, dơ dáy, tóc dài phủ xuống tận tai, tận cổ. Tôi nhìn đám thanh niên và tự hỏi không biết nên khóc vì cảnh nghèo nàn cơ cực hoặc nên cười vì cách phục sức bê bối của họ.

Trong đó có một cô gái còn trẻ, cỡ mười sáu tuổi, mập thù lù, trông như đang mang bầu. Cô gái ngồi trên một chiếc ghế nhỏ cạnh chiếc máy hát, chống khuỷu tay lên đùi, hai bàn tay ôm lấy mặt, nhìn không chớp mắt, khi thì cậu này, lúc cậu khác. Tôi không nhớ rõ trong cuộc nói chuyện, cô gái có lần nào phát biểu ý kiến hay không, nhưng sau cùng, khi mọi người sửa soạn ra về, lúc đó cô ta mới lên tiếng. Cô gái tuyên bố đám con trai là tại trốt kit. Hai tiếng trốt kit làm tất cả mọi người bối rối, và tan hàng.

Những người thanh niên trẻ tuổi đó cũng có đọc những tác phẩm của tôi. Nhưng họ đối xử với tôi một cách rề rùng, coi như một kẻ đáng khinh bỉ, hoàn toàn xa lạ, đối với đám người trẻ tuổi, không

thè nào hiều được ngắn ngủi, sự tưởng cũng như tình cảm của họ. Họ nói chuyện với nhau bằng một thứ tiếng nói mà họ coi như là tôi không thể nào biết được, họa hoắn lầm họ mới quay ra nhìn tôi. Họ nói thật chậm chạp, làm như thế rất khó khăn không kiểm tra được từ ngữ để diễn tả tư tưởng. Và trong khi nói lại đưa mắt nhìn nhau, kẻ coi như giữa bọn họ có một thỏa ước ngầm nào đó và tôi chỉ là một kẻ tầm thường, thô tục một đáng thương hại. Họ bàn cãi về Picasso, Eluard, Gide... coi những người đó như là bạn thân, đã có giao tình từ bao nhiêu năm.

Jean Louis đứng tựa vào bàn. Khuôn mặt tái xanh của anh ta toát ra một vẻ đẹp éo lả, giống như mấy cậu công tử bột trong những gia đình thượng lưu. Giọng nói êm ái, cẩn thận, điệu bộ thật là đỗi đáng, tôi ngồi nhìn anh ta và ngạc nhiên tự hỏi tại sao chúng tôi, lớp người đi trước, thật khỏe mạnh gần guốc, và cũng thật can đảm vì đã được đào tạo tôi luyện bởi lò lửa chiến tranh, một lớp người đàn ông như thế có sao lại để lại lớp người đi sau thật yếu đuối, hư hỏng, mất dậy, và cũng thật chán chường thất vọng như những thanh niên ngồi đây, những kẻ đại diện, những tinh hoa của thời đại ?

Jean Louis bắt đầu nói tới nghệ thuật Sô viết. Ngồi trong một góc, tôi mỉm cười khi nghe họ nhắc tới những tên tuổi như Simonov, Chostakowitch... chẳng khác gì một vài tháng trước họ nói tới những Proust, Apollinaire, Cocteau...

Những thi hào thi sĩ của văn chương Pháp. Một trong những thanh niên đưa ra ý kiến bản nhạc Cuộc vây thành Leningrad làm cho mọi người nhớ

tới một bản nhạc chiến tranh của bọn S.S Đức quốc xã. Tôi tức cười chõ miệng vô bàn gõ, bản nhạc đó cũng giống bản *hòe tấu thử năm* của Tchaikowsky.

Thế là bằng đó cái miệng ở lên phản đối. Tôi trẻ bảo tôi chẳng biết gì về âm nhạc hết, nhất là thử âm nhạc «vô sản» của Chostakowitch. Thấy vậy tôi bèn đỗ thêm câu :

— Đâu có khác gì nhạc «tư bản» của Tchaikowsky !

Bằng đó bộ mặt đều làm ra vẻ đau đớn vì bị sỉ nhục. Tất cả đều quay về phía tôi, và kẻ này cướp lời kẻ kia :

— Tư bản ? Nhạc của Chostakowitch mà dám nói là nhạc tư bản ? Vậy mà dám ra cái điều hiều biết chủ nghĩa vô sản. Thật không biết xấu hổ !

Đúng lúc đó, Jean Louis đến ngồi bên cạnh đám bè bạn và anh ta bắt đầu ngâm một bài thơ của Giaime Pintor, một thi sĩ trẻ tu di mới chết cách đó vài bữa, khi anh ta cố gắng vượt phòng tuyến Đức để tới La mã.

Một thanh niên hàn học nhìn tôi :

— Chắc anh cũng xếp loại Pintor vào hàng ngũ những thi sĩ tư bản ? Anh không có quyền chửi rủa một người đã chết.

Tôi trả lời Pintor đã viết những bài thơ đó khi anh ta còn là tên phát xít.

— Chuyện đó đâu ăn thua gì ? Phát xít hay không phát xít. Chỉ cần đọc thơ anh là người ta nhận rõ sự thực.

Tôi trả lời thơ của Pintor cũng như thơ của bao nhiêu thi sĩ trẻ tuổi như anh ta, tất cả đều không có tính cách phát xít, vô sản gì cả. Nếu muốn kinh

trọng anh ta thì đừng nên gán những tư tưởng này, chủ nghĩa họ lện thơ của anh.

— Nền văn chương Ý đại lợi hiện nay đã quá hư hỏng, sa đọa.

Jean Louis lên tiếng trong khi đưa tay vuốt tóc. Bàn tay anh ta nhỏ xíu, trắng nuốt với những móng tay đẽ dài, sáng lấp lánh dưới ánh đèn.

Một thanh niên tuyên bố tất cả những nhà văn Ý đều hèn nhát, và giả dối. Tôi bèn trả lời nhà văn độc nhất, xứng đáng nhất trong số những nhà văn kẻ có đúng lý phải là con đẻ của thời đại anh ta đang sống, anh ta phải chấp nhận hoàn cảnh xã hội anh. Tóm lại, anh ta cũng phải hư hỏng, sa đọa, thối nát, như tất cả mọi người.

— Nói vậy không đúng! Gã thanh niên giận dữ hét to và nhìn tôi với vẻ thù hận, đe dọa. Gã nói tiếp :

— Lòng tin tưởng vào chủ nghĩa sẽ cứu vớt tất cả mọi sự hư hỏng.

— Nếu đã nói tới lòng tin, cách tốt nhất là đi lênh nhà thờ thay vì vô đảng cộng sản.

— Anh nói gì?

Gã thanh niên mặc áo choàng thợ máy kêu to. Tôi bèn nhắc lại câu nói vừa rồi. Một gã khác lên tiếng phê bình :

— Nghe anh nói là biết liền anh thuộc vào lớp người thất trận vừa qua.

— Đúng vậy. Tôi thuộc vào lớp người thất trận. Tuy nhiên lớp người đó cũng có một vài điều đáng kể. Riêng phần tôi, tôi không hề xấu hổ vì thuộc vào một thế hệ thất trận, thuộc vào

một xứ Âu châu tan nát, hoang tàn vì chiến tranh. Điều tôi ăn hận, đó là đã đẽ mất năm năm lưu đày, tù tội. Mấttoi, chẳng được một tích sự gì cả.

— Những năm tháng tù đày của anh chẳng nghĩa lý gì hết. Chẳng đáng cho mọi người phải kính trọng.

— Tại sao ?

— Bởi vì nó không phục vụ cho một mục đích cao cả nào.

— Tại sao không ? Tôi chịu đựng tù đày vì tự do nghệ thuật !

— A ! Vì tự do nghệ thuật.

Vào lúc đó, hai người lính Anh và một viên đội người Mỹ bước vào trong phòng. Hai người lính Anh còn quá trẻ, dáng điệu thật dụ dè bối rối. Họ nhìn Jean Louis một cách say sưa. Viên đội Mỹ là một sinh viên Hayard, gốc người Mĩ tay cơ. Anh ta kể chuyện về xứ Mĩ, về Tranh Diaz và về cái chết của Trốt-ky. Jean Louis lên tiếng :

— Trốt-ky là một kẻ bội phản.

Tôi bật cười :

— Hãy nghĩ đến bà mẹ của anh. Nếu bà ta biết anh nói xấu một kẻ đã chết, một kẻ anh không quen biết, không hiểu lúc đó bà mẹ anh sẽ nghĩ sao ?

Tôi vẫn tiếp tục cười. Jean Louis đỏ mặt :

— Chuyện mắc mớ gì tới mẹ tôi ?

— Bà cụ của anh là một đảng viên trốt kit, anh không biết hả ?

Bỗng nhiên cánh cửa mở toang, và Jean Louis kêu to mừng rỡ, chạy vội ra, hai tay mở rộng tiếp

đón một viên Trung úy Anh-lê trẻ tuổi đang đứng trên thềm cửa.

— Ô ! Fred !

Jean Louis vừa la lớn vừa ôm lấy kẻ mới tới. Sự xuất hiện của Fred, giống như một trận gió cuốn tung những chiếc lá vàng bay phấp phới: Đám thanh niên nhỡn nhác, lảng xăng chạy đi chạy lại. Nhưng ngay khi Fred cất tiếng nói tất cả đều im lặng quay về chỗ ngồi. Fred là bá tước W. thứ bảy, nghị viên thượng viện, bạn thân của Sir Anthony Eden. Dáng người cao lớn, độ chừng ba mươi tuổi, nói năng rất từ tốn, sự xuất hiện của anh làm Jean Louis thay đổi hẳn, chẳng khác gì lũ bè bạn của anh. Tất cả trở thành dut dè, sợ sệt, cả bọn chăm chú nhìn Fred vừa có vẻ cảm phục, vừa ghen tức. Cuộc nói chuyện giữa tôi, Jean Louis và Fred chuyển sang bình diện xã giao, thường tục, điều này làm tôi ngạc nhiên và thất vọng. Fred khăng khăng cho rằng tôi quen biết ông thân sinh của hắn, chắc chắn như vậy. «Ông có biết Quận công Blair Atholl ? Hắn nhiên rồi, phải không ? Nếu vậy, chắc chắn ông phải biết ông già của tôi. Hai người đó đi đâu mà chẳng có nhau». Câu chuyện cứ như vậy mà tiếp diễn.

Sau cùng Fred quay sang Jean Louis và, bằng một giọng nói thật êm ái, nhẹ nhàng, anh ta bắt đầu nói về Luân đôn, về những tài tử, những cuộc phiêu lưu vớ vẫn này nọ. Vừa nói anh vừa lấy tay làm điệu, như muốn vẽ lên không khí những nhân vật bí mật của thành phố Luân đôn kỳ ảo, nơi xảy ra những chuyện thật dị thường,

nhiều cuộc phiêu lưu thật kỳ diệu... Rồi quay sang tôi, làm như tiếp tục trả lại câu chuyện vừa bị bỏ dở, anh hỏi cuộc lễ Torre del Greco sẽ cử hành vào ngày mai, có phải như vậy không. Jean Louis đưa mắt ra hiệu, và Fred ngừng lại, mặt đỏ bừng ra vẻ ngạc nhiên.

— Hình như vào ngày mai, phải không, Jean Louis ? Tôi nói với một nụ cười diễu cợt.

— Đúng vậy, ngày mai. Jean Louis trả lời trong khi nhìn tôi một cách giận dữ. Nhưng mày mờ gì đến anh ? Chúng tôi chỉ có một chiếc xe jeep, và hơn nữa, chúng tôi đã có tới chín người. Tôi rất lấy làm ân hận không còn chỗ ngồi cho anh.

— Tôi sẽ tới bằng xe của Đại tá Hamilton. Chẳng lẽ anh bắt tôi đi bộ tới Torre del Greco ?

— Anh nên đi bộ tới đó, và nên đi vào lúc chẳng có người nào mời anh tới,

Fred khó chịu lên tiếng :

— Nếu có thêm một chiếc xe nữa, như vậy sẽ có đủ chỗ cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, nếu anh cảm thấy khó chịu hay không được hài lòng, thì đó không phải là lỗi của tụi này.

— Khách được mời như tôi làm sao lại tò vò khó chịu ?

Tôi đã nghe nói rất nhiều lần về « *figliata* », một cuộc lễ thiêng liêng cử hành mỗi năm một cách bí mật ở Torre del Greco. Tất cả những tu sĩ của tôn giáo bí mật này từ khắp nơi trên toàn cõi Âu châu đều tới đó tham dự cuộc lễ. Tôi chưa hề được tham dự một lần nào cả. Nguồn gốc tôn giáo bí mật từ Á Châu truyền qua Âu Châu, một ít lâu sau khi Jésus Christ xuất hiện. Vào thời Tibère tri

vì, cuộc lễ *figliata* được cử hành trong rất nhiều đền thờ bí mật ở La mã. Trong thời kỳ chiến tranh, không ai có thì giờ nhớ tới cuộc lễ. Đây là lần thứ nhất, kể từ ngày giải phóng, cuộc lễ lại được cử hành. Tình cờ xui khiến cho tôi được tham dự, và tôi không muốn bỏ qua dịp may đó.

Jean Louis coi bộ vô cùng tức giận, giống như bị người ta xâm phạm, làm nhục. Nhưng hắn ta không dám ngăn cản tôi đi dự lễ. Còn Fred lúc đầu cầm tay tôi cũng là một «tín đồ» như bọn họ, khi nhận ra tôi chỉ là một kẻ phàm trần, anh ta coi bộ thích thú vì sự lầm lẫn của mình. Anh ta càng khoái chí khi nhìn thấy Jean Louis tỏ ra bối rối vì chuyện đó. Còn mấy anh chàng thanh niên, bởi vì họ không biết tiếng Anh cho nên không hiểu tại tôi nói chuyện gì. Tuy nhiên họ vẫn nhìn tôi, với những cặp mắt khinh khi, xen lẫn thù hận, độc ác.

— Có gì uống không?

Jean Louis kêu lên, làm ra vẻ hơn hỏi cốt xóa tan sự chú ý của bạn bè về chuyện rắc rối vừa rồi.

Viên đội người Mỹ mang theo một chai whisky. Chúng tôi bắt đầu uống. Khi chai rượu đã cạn, gã thanh niên mặc đồ thợ máy quay sang Jean Louis nói «Anh có tiền đưa đi mua thêm». Jean Louis móc tiền trong túi ra đưa cho gã, và dặn đi lẹ lén. Gã thanh niên đi ra và một lát sau quay lại với bốn chai rượu whisky. Mọi người chuyển tay nhau. Nhờ hơi rượu, đám thanh niên mắt dần vẻ ngượng ngùng, và lòng ghen tuông, tức tối. Họ bắt đầu cười nói, người nọ vuốt ve người kia một cách thật xô xát.

Jean Louis ngồi trên divan ngay cạnh Fred, anh

ta vừa thì thăm nói chuyện vừa vuốt ve bàn tay của người tình. Một gã thanh niên la lên :

— Hãy khiêu vũ !

Và cô gái từ lúc nãy tới giờ vẫn ngồi cạnh máy hát yên lặng hút thuốc lá, tay ôm lấy mặt, nàng đứng dậy, đặt một chiếc đĩa lên máy. Trong phòng đầy đặc hơi thuốc lá vang lên tiếng hát êm dịu, đầm ấm của F. Sinatra. Fred đứng vút dậy kéo Jean Louis, và cả hai bắt đầu khiêu vũ. Tất cả mọi người đều bắt chước. Gã thợ máy ôm dít lấy viên đội Mỹ, những người còn lại cũng chia thành từng cặp. Trong cách họ nhảy, dáng điệu của họ khi chạm đầu vào nhau, khi cười nói, hôn hít, người ngoài nhìn vô thấy chẳng khác gì những cặp đàn bà.

Bỗng nhiên một chuyện không ai ngờ tới, xảy ra : Cô gái sau khi cho máy hát chạy và quay về chỗ cũ ngồi, nàng chăm chú nhìn Jean Louis bằng một cặp mắt chứa đầy thù hận, giận dữ, đột nhiên nàng đứng dậy la lớn :

— Bọn hèn nhát ! Hèn nhát ! Tui bây chỉ là một bọn trốn kít khốn nạn, hèn nhát !

Và lao lại phía Fred, nàng dơ tay đập mạnh vào mặt anh ta.



Buổi chiều tối ngày 25 tháng bảy 1943, vào 11 giờ, viên thư ký Tòa Đại Sứ Hoàng Gia Ý Đại Lợi ở Bả linh ngồi duỗi dài trên chiếc ghế phô tơi bên cạnh chiếc cửa sổ mở rộng, trong căn phòng của Ridom, túy viên bảo chí bên cạnh Tòa Đại Sứ.

Trời quá nóng. Hai người bạn, sau khi đã tắt đèn, mở rộng cửa, họ ngồi trong bóng tối, yên lặng hút thuốc lá. Angela Lanza đi qua Ý nghỉ hè cùng

với đứa con gái nhỏ từ mấy bữa trước. Tất cả những gia đình nhân viên n goại quốc đều rời Bà lính từ hồi đầu tháng bảy, họ chạy trốn con nóng bức của những tháng hè, và những trận mưa bom mỗi ngày một tăng thêm lên. Michel Lanza cũng bắt chước mấy viên chức bộ ngoại giao, khi ngủ nhà người này, khi nhà người khác. Họ muốn cùng nhau chia sẻ nỗi kinh hoang lo sợ trong đêm khuya, nằm nghe bom nổ và chờ đợi buổi sáng ngày hôm sau.

Buổi tối đó, Lanza tới nhà Ridomi. Hai người ngồi trong bóng tối nói về cuộc thảm sát ở Hambourg. Trong những báo cáo của Tòa Lãnh Sự Hoàng Gia Ý ở Hambourg, họ được đọc toàn những chuyện khủng khiếp. Những trái bom lẩn tinh đã thiêu rụi toàn thê một khu phố, con số nạn nhân không sao đếm xuể. Cho tới nay, chuyện đó tất nhiên phải xảy ra : Người Đức, hay người gì đi nữa cũng phải chết như tất cả mọi người. Nhưng thảm thương nhất, hãi hùng nhất là con số hàng ngàn nạn nhân, người ngơm nứt nẻ vì bom lẩn tinh. Họ lao mình xuống mấy con sông đào để dập tắt ngọn lửa, chỗ nào có nước là họ lao xuống. Trong trường hợp không kiểm ra chỗ nào có nước, họ lao xuống những chiếc hố, những thông hào tránh bom và lấy đất đắp lên người.. Họ cầu khẩn nhà cầm quyền tìm ra một món thuốc hiệu nghiệm chống lại nạn bom lửa. Bởi vì lẩn tinh là một chất bám chặt vào da chẳng khác gì bệnh hủi ; mỗi khi gặp không khí là nó cháy bùng lên. Ngay khi vừa thò tay ra ngoài mặt nước hoặc lớp đất phủ lấp tức cánh tay đó cháy bùng lên như ngọn

đuốc. Đè chổng lại cơn đau khò ghê rợn đó, nạn nhân chỉ có mỗi một cách ngâm mình suốt ngày trong nước hoặc dưới đất chằng khác gì mấy kể bị tội trầm luân ở trong địa ngục của Dante. Và những đoàn y tá cứu thương lần lượt đi từ kè trầm luân này tới kẻ khác, phân phát nước uống, đồ ăn. Họ buộc những nạn nhân yếu ớt vào bờ sông để cho họ khỏi chết chìm những lúc quá mệt mỏi. Họ cố gắng chữa cháy những vết phỏng nhưng vô ích bởi vì vừa mới đưa vết thương ra khỏi mặt nước, lập tức nó bật lên cháy chảng khác gì một con rắn lửa.

Trong thời gian đó, thành phố Hambourg giống như Dilé, thành phố khủng khiếp. Rải rác đó đây, trên những công trường, trong đường phố trên mặt sông đào, hồ bơi v.v.. hàng ngàn đầu người nhô lên khỏi mặt đất và mặt nước trông như những đầu lâu đã bị cắt ra khỏi thân hình, và từng ấy cái đầu lắc la lắc lư, từng đó cặp mắt đong đầy, và bằng đó cái miệng phèu phào. Chung quanh những cái đầu nạn nhân, những thây nhân đi đi lại lại, cố gắng an ủi những kẻ trầm luân. Không ai căt tiếng nói lớn, sợ làm khõ thêm những nạn nhân đã quá khốn khổ. Người tiếp tế đồ ăn, đồ uống kẻ mang gối kê đầu cho nạn nhân đỡ mỏi cổ, một người khác ngồi quạt, hoặc lấy dù che ánh nắng, lấy khăn lau mồ hôi trên trán, lấy nước lạnh thảm môi cho đỡ khát miệng, khô cổ, lấy lược chải đầu cho nạn nhân. Có người đi thuyền ra ngoài rồi cuộn xuống mặt nước an ủi những nạn nhân quá yếu ớt. Những con chó chạy tới chạy lui, thè lưỡi liếm mặt chủ hay lao mình xuống nước để giúp đỡ những người thân. Thỉnh thoảng có những nạn nhân quâ

tuyệt vọng cất tiếng hú nghe thật bi thương, hoặc cố gắng lao người ra khỏi mặt nước để chấm dứt cơn đau, chấm dứt những giờ phút đợi chờ vô ích. Ngay lập tức, thân hình họ biến thành bó đuốc, và sau đó là cuộc chiến đấu giữa những kẻ tuyệt vọng và thân nhân. Nhiều khi thân nhân của họ phải đánh đập hoặc dùng cả thân hình đè lên nạn nhân cố đẩy họ xuống nước trở lại.

Những nạn nhân can đảm, kiên chí nhất vẫn là những đứa trẻ con. Chúng không hề khóc, cũng không hề kêu la, nhưng chỉ rờ to đôi mắt để nhìn cảnh tượng khủng khiếp đang diễn ra quanh chúng, đôi khi chúng mỉm cười nhìn cha mẹ, như lấy sự nhẫn nhục thầu thánh của chúng để an ủi những người lớn đã bất lực không giúp ích gì được cho chúng. Khi màn đêm buông xuống, một tiếng thì thầm nồi lên từ khắp các nơi, nghe như tiếng gió thổi rì rào qua ngọn cỏ, : Bỗng đó cái đầu cùng ngược lên nhìn trời cao với những đôi mắt đỏ rực niềm kinh hoàng, khủng khiếp

Đến ngày thứ bảy, mệnh lệnh ban ra bắt buộc mọi người phải rời khỏi những địa điểm có nạn nhân. Và đám đông lặng lẽ ra đi. Những người lính và những cô y tá nhẹ nhàng xô đẩy những kẻ quá quyến luyến không nỡ rời bỏ nơi đó. Còn lại những nạn nhân. Ban ngày, những chiếc đầu hồi chuyện lẩn nhau, hết nói chuyện thì lại khóc lóc, nguyên rủa, mồm dinh đầy đất, chúng lè lưỡi ra dọa mấy người lính gác. Rồi đêm đến. Những cái đầu nhìn thấy những bóng đen bí mật lượn lờ chung quanh họ, lặng lẽ cúi xuống từng nạn nhân. Rồi những đoàn xe cam không chạy tời, đèn pha tắt

ngầm, những chiếc xe ngừng lại một chốc lát rồi lại mở máy chạy. Từ khắp nơi người ta nghe tiếng đào đất, tiếng chèo thuyền, tiếng kêu la vút lên rồi tắt ngầm liền ngay sau đó, những tiếng rên rỉ, tiếng súng đập lách eách.

Lanza và Ridomi ngồi nói cho nhau nghe về thảm sát đó, và Lanza rùng mình. Chàng đứng bên cạnh cửa sổ, ngắm nền trời tối đen đầy những vì sao. Thỉnh thoảng Ridomi đứng dậy vặn máy la dò nghe những tin tức cuối cùng phát đi từ Rome. Một giọng hát dân bà vang lên cùng với tiếng nhạc. Giọng hát ấm áp run rẩy bên cạnh âm thanh lạnh lẽo của những sợi dây vĩ cầm, của những sợi thép căng thẳng.

Bỗng nhiên tiếng hát ngừng, và một giọng nói ð ð cất lên :

«Chú ý ! Chú ý ! Chiều nay, vào hồi 18 giờ, Mút xô li ni đã bị bắt giữ theo lệnh Hoàng đế. Thông chẽ Badoglio được lệnh thành lập tân uội các».

Cả hai bật người ngồi dậy, sững sốt nhìn nhau trong phòng tối. Tiếng hát tiếp tục. Ridomi rùng mình. Anh ta ra đóng cửa sổ và bật đèn.

Lanza chạy tới điện thoại kêu về Tòa Đại Sứ Ý đại lợi. Tùy viên Tòa đại sứ nói không được tin gì hết. Chắc là chuyện dồn chơi. Nhưng nếu là một trò đùa, thì đúng là một trò đùa rẻ tiền, không làm ai cười nỗi. Hắn ta trả lời như vậy. Lanza kêu điện thoại tới một vài chỗ nữa, nhưng không ai có nhà. Hai nhà ngoại giao Ý yên lặng dò hỏi lẫn nhau bằng cặp mắt. Phải biết thêm những tin tức khác rõ ràng, xác thực hơn thế. Phải làm gấp. Nếu tin Mút xô li ni bị bắt là đúng, phản ứng của

Đức sẽ rất mãnh liệt. Phải trốn đi một nơi nào an toàn nếu không chắc chết cả hai.

Ridomi đề nghị trốn vò Tòa đại sứ Tây ban nha hoặc Thụy sĩ. Nhưng nếu tin vừa rồi là sai? Cả hai sẽ làm trò cười cho cả thành phố Bá linh. Sau cùng cả hai quyết định gọi điện thoại hỏi thăm một người bạn gái, dân Bá linh, một kẻ có rất nhiều mối liên lạc trong giới ngoại giao ngoại quốc cũng như trong đám quốc xã nazi. Người bạn có thể giúp họ, hoặc tìm cho họ một nơi tạm trú trong một vài ngày, một vài giờ, tới khi nào tình thế trở nên sáng sủa hơn.

— Ô! Lanza đây hả? Tôi vừa tính kêu anh. Hiện đang có mấy người bạn gái rất xinh đẹp ở cạnh tôi. Anh tới ngay nghe? Cả Ridomi nữa. Đừng tỏ ra lười biếng chứ? Tôi chờ hai bạn tới ngay đây!»

Lanza đê xe ngay ngoài cửa. Họ nhảy vội ra xe và chạy thẳng tới nhà người bạn. Họ tướng chừng như Gestapo đang đuổi ngay sau lưng hai người.

Gerda, bạn gái của Lanza ở tại cuối khu phía tây thành phố. Đường tối thui, vắng tanh, Khi nhìn thấy hai người, Gerda cầm tay Lanza dẫn vô phòng khách, trong phòng hiện có năm người đàn bà còn trẻ. Họ uống xàm bánh, hút thuốc, nói chuyện về La mã, và Ba lè... Lanza) Ridomi vừa nói chuyện thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn nhau, ánh mắt đầy lo ngại. Rất nhiều lần, Lanza tĩnh nói cho người bạn gái biết tin tức vừa rồi, nhưng anh thấy ngần ngại. Nỗi lo ngại của hai người cứ mỗi phút lại gia tăng!

Đúng lúc Lanza quyết định đứng dậy kéo Gerda ra một góc nhà để thú thật nỗi lo ngại của mình và

nhờ nàng cho biết ý kiến, nhưng khi anh đến cạnh Gerda, nàng dơ cả hai tay ra đặt lên vai chàng và hỏi :

— Khiêu vũ nghe ?

— Được lắm ! Được lắm ! Đám đàn bà cùng la lên và một người thò tay vặn nút chiếc la-dô. Ridomi nói :

— Trễ quá rồi, chắc không còn dài nào đâu !

Nhưng người đàn bà loay hoay một hồi, rơi ngay vào đai phát thanh La mã. Một đoạn nhạc khiêu vũ vang lên trong căn phòng. Một giọng hát đàn bà đang ca bản *Tutta ura notte conte*. Gerda kêu to :

— Giọng hát Wunderlar ! La mã giờ này vẫn còn ca hát.

— Nàng chắc không còn hát lâu đâu ! Ridomi chêm vô như vậy.

— Tại sao ? Gerda hỏi.

— Bởi vì ...

Ridomi tính nói nhưng khựng lại. Nỗi ló lảng của chàng dần dần biến thành thực sự. Hai nhà ngoại giao Ý run rẩy trong ý nghĩ một lúc nào đó, bất chợt giọng hát xa xăm kia sẽ biến thành một giọng đàn ông khàn khàn, đục đục, và không biết phản ứng của đám người trong phòng sẽ ra sao trước cái tin khùng khiếp đó.

— Hãy khiêu vũ cùng một người bạn gái của tôi.

Gerda vừa nói vừa đẩy Lanza vào tay một thiếu phụ trẻ đẹp. Những người khác đã làm thành hai cặp ưỡn eo nhún nhảy theo điệu nhạc. Người thiếu phụ ôm chặt lấy Lanza và mỉm cười với chàng. Lanza cảm thấy rõ ràng đùi hai người chạm vào nhau, bụng chạm bụng, nhưng lúc

này, trong đầu óc chàng hiện lên những hình ảnh mơ hồ của Mút xô li ni, Hoàng đế, Thủ tướng Badoglio... tất cả chồng chất xô đẩy nhau, kẻ té nhào xuống đất người nọ tinh cầm còng khóa tay người kia...

Bỗng nhiên âm nhạc ngừng. Giọng nói đàn bà nín bặt. Và một giọng khác-bối hắc, khàn khàn cất lên : « Trước khi đọc bản thông cáo của Thủ tướng Badoglio, chúng tôi xin tóm tắt một số tin tức cuối cùng. Vào khoảng 18 giờ, Mút-xô-li-ni, Thủ tướng chính phủ đã bị bắt giữ theo lệnh của Hoàng đế. Tân thủ tướng, Thủ tướng Badoglio sẽ tuyên bố cùng quốc dân Ý Đại Lợi ».

Vừa nghe tới đó, thiếu phụ đang nhảy với Lanza xô chàng ra. Lanza cảm thấy thấy như bị ăn một cú đấm thật mạnh. Những cắp còn lại cũng ngừng nhảy và rời nhau. Liền sau đó, một chuyện kỳ quái đã xảy ra trước những con mắt sững sờ của hai nhà ngoại giao Ý :

Những cử chỉ, thái độ, tiếng cười giọng nói, cái nhìn của mấy thiếu phụ trẻ đẹp cứ thế mà biến dạng dần dần Cặp mắt xanh trở thành tối đen, nụ cười tắt ngầm trên những đôi môi đang trở thành tái nhợt, tiếng nói đổi sang khô khan, thâm hiểm. Những cử chỉ đáng điện của họ lúc trước thật ẻo lả, ống ẹo, nay trở thành cứng nhắc. Những cánh tay mềm mại trở nên dắn dỏi chẳng khác chi những khúc gỗ, mấy cánh cây bị gió thổi gãy, trở nên khô héo dần dần. Nhưng mấy cánh cây phải mất một thời gian khá lâu mới chuyển từ xanh tươi qua khô héo ; những cử chỉ của đám thiếu phụ biến dạng chỉ trong nháy mắt

làm sững sờ hai nhà ngoại giao. Chỉ trong chốc lát, những thiếu phụ trẻ đẹp đã biến thành những người đàn ông. Đúng rồi, họ đều là những người đàn ông, những đực rựa một trăm phần trăm !

— Ach, so !

Một giọng nói khô khát cất lên, cùng với cặp mắt chưa đầy đe dọa chăm chăm nhìn hai nhà ngoại giao.

— Ach, so ! Mấy người cho rằng cứ rút dù như vậy là xong hết hả ? Bộ mấy người tưởng Le Fuhrer sẽ dễ yên cho mấy người bắt giữ Mút xô li ni ! Ngài sẽ đập nát đầu mấy người ra !

Và người đàn ông quay qua phía mấy người bạn nói :

— Thôi, quay về trại ngay lập tức. Chắc là phi đội của chúng ta đã được lệnh phát xuất. Vài giờ nữa, chúng ta sẽ dội bom La mã !

— Jawohl, mein Hauptmann !

Bốn sĩ quan không quân trả lời trong lúc đập hai gót chân vào nhau kêu đánh xoạch một tiếng.

Viên đại úy và mấy người bạn yên lặng cuì đầu chào Gerda. Không thèm nhìn hai nhà ngoại giao Ý đang sững sờ vì kinh ngạc, họ hùng dũng bước ra, gót chân đập ròn ràng trên nền ván.



Sau tiếng la hét bất ngờ của cô gái, đám thanh niên rời nhau, và cùng một lúc, họ vứt bỏ bộ mặt đàn bà để biến thành những gã đàn ông, thanh niên. Tất cả đều xùm quanh cô gái, ra vẻ đe dọa. Và cô gái vẫn đứng giữa căn phòng mặt xanh lét, thở hồn hồn nhìn Fred bằng cặp mắt chưa đầy thù hận.

— Tui hèn nhát ! Cô gái nhắc lại lời nói vừa rồi.
Tui bây chừ là bọn trốt kit dơ dáy, bần thiu !

Tui con trai nhao nhao :

— Sao ? Mi nói sao ? Trốt-kết ? Chúng tao mà là
trốt kết ? Tại sao ? Mi mắc chứng gì vậy ? Mi điên
rồi !

— Không ! Cô ta không điên đâu, Fred nói.
Nàng lên cơn đấy !

Rồi anh ta phá lên cười. Tiếng cười nghe thật
ghê tai. Tôi nghĩ chắc anh ta sắp sửa khóc đến nơi
rồi.

— Ha ! Ha ! Đám thanh niên ò lèn cùng một lúc,
Cô ta ghen ! Ha ! Ha !

Jean Louis tiến đến bên cạnh cô gái. Anh ta
đưa tay dịu dàng xoa vai cô ta, và ghé sát miệng
vào tai cô gái thì thầm vài câu. Cô gái mặt mày
vẫn tái ngắt. Nàng gật đầu nhẹ tênh bằng lòng.
Tôi đứng dậy quan sát câu chuyện xẩy ra, và mỉm
cười một mình.

— Còn anh kia ! Anh ta muốn gì bọn mình ? Gã
kia kia !

Cô gái bỗng nhiên đầy mạnh Jean Louis ra,
rồi hắn học nhìn tôi, nói tiếp :

— Ai cho phép anh ta vô đây ? Anh không thấy
xấu hổ khi dẫn xác tôi gặp bọn này hả ?

— Tại sao tôi phải xấu hổ ? Tính tôi thích làm
quen với những người bạn trẻ can đảm. Mà có
đúng các anh là những thanh niên can đảm không ?

— Tôi không hiểu anh ám chỉ gì tại chúng tôi ?

Một gã thanh niên la lên bằng một giọng khiêu
khích trong khi gã tiến sát gần dung hắn vào người

tôi. Tôi trả lời trong khi đè cả bàn tay lên ngực y :

— Các anh không thừa nhận các anh là những thanh niên can đảm? Nếu không phải là các anh, ai là người chiến thắng cuộc chiến? Ngoài các anh ra, đâu còn ai?

Và tôi tiến ra cửa đi xuống thang lầu, vừa đi vừa cười lớn.

Jean Louis theo kịp tôi ở ngoài đường phố. Anh ta coi bộ lúng túng. Không ai lên tiếng trong một thời gian khá lâu. Sau đó, Jean Louis bảo tôi :

— Anh không nên lăng mạ chúng nó như thế. Chúng nó cũng đau khổ ghê gớm lắm.

— Tôi đâu có si nhục bọn họ.

— Không nên nói chỉ có bọn chúng chiến thắng cuộc chiến.

— Không phải vậy sao? Bộ chúng thua hả?

— Thua chứ! Ít ra là trong một khía cạnh nào đó của cuộc chiến. Nhưng tại chúng rất lấy làm khổ sở vì chuyện đó.

— Đau khổ? Tại sao chứ?

— Chúng đau khổ nhất là vì những chuyện xảy ra trong mấy năm gần đây.

— Anh muốn nói họ đau khổ vì chủ nghĩa phát xít, vì chiến tranh, vì thất trận?

— Đúng vậy.

— Đó chỉ là một trò bầy dặt. Bảo tại chúng ráng kiểm ra một lý lẽ nào hay ho hơn thế nữa.

— Tại sao anh cứ làm ra vẻ không hiểu vấn đề?

— Tôi hiểu chứ! Hiểu rất rõ. Anh muốn nói tại vì chiến tranh, thất trận cho nên họ mới trở nên như thế, phải không?

— Không hoàn toàn đúng như vậy, nhưng dù sao đó cũng là hậu quả tất nhiên.

— Thế còn thằng cha Fred ? Hắn ta cũng đau khổ ? Hắn ta làm điểm đực chỉ tại vì nước Anh đã thắng trận ?

— Tại sao anh sĩ nhục Fred ? Tại sao anh dám gọi Fred là điểm đực ?

— Bởi vì anh ta đau đớn khổ sở, bởi vì anh ta khổ sở như một tên điếm !

— Đừng nói bậy bạ như vậy. Anh biết rõ hơn ai hết tại trẻ bao giờ cũng khổ sở nhiều hơn những người khác, nhất là trong những năm vừa qua.

— Ngay cả những lúc tai nó vỗ tay hoan hô Hit-Le và nhồ vào mặt những người bị tù đầy ?

— Vậy là anh không hiểu bọn họ đang đau đớn khổ sở. Anh không thể hiểu tại sao chúng làm như vậy. Tai nó làm vậy bởi vì quá đau khổ.

— Lý luận nghe được lầm nhưng may mắn thay, tất cả đám thanh niên trai trẻ đều không làm như anh. Họ không làm điểm đực, dù đau đớn khổ sở cách mấy đi chăng nữa.

— Đầu có phải lối chúng tôi. Chúng tôi đâu muốn như vậy.

Anh ta đã luồn cánh tay của anh vào cánh tay tôi từ hồi nào tôi cũng không hay. Vừa đi anh ta vừa tựa hết cả người lên mình tôi, trông chẳng khác gì một đứa trẻ quá mệt mỏi hay một người vợ đang van xin đểng phu quân tha thứ một lỗi lầm nào đó.

— Mà anh biết đấy, tai tôi đâu phải là tai đĩ điếm. Gọi như vậy là không được.

Anh ta nói bằng một giọng năn nỉ, i ôi giống

như một đứa trẻ mệt mỏi, một người đàn bà nhõng nhẽo. Tôi nói :

— Bộ anh tính khóc hả? Anh muốn tôi gọi bằng gì đây?

— Không phải lỗi tại tôi, anh biết rõ không phải lỗi tại tôi.

— Đúng thế, không phải lỗi ở anh. Nhưng gọi các anh bằng gì bây giờ?

Sau chiến tranh, mấy chuyện đó tất nhiên phải xảy ra. Đám người trẻ tuổi phản ứng chống lại chủ nghĩa anh hùng, những sự hy sinh cao cả, những cái chết anh dũng. Họ quá ờn mấy trò đó rồi. Họ phải làm gì bây giờ? Chắc chắn họ sẽ chọn lựa những gì dễ dãi nhất nói lên sự nỗi loạn, nỗi bất bình của họ, chẳng hạn như sự hèn nhát thái độ dửng dưng, bất cần đời, tinh túc kỵ, chỉ cần lo cho cá nhân mình mà thôi. Họ tự coi họ là những tay phiến loạn, những người phản động, những kẻ phá hoại, những tên hư vô, bai hoại... Nói tóm lại họ chỉ là những tên dĩ diếm.

— Anh không có quyền gọi chúng tôi là những tên dĩ diếm. Bạn trẻ bây giờ phải được nề nang kính trọng. Anh không có quyền si nhục họ!

— Ôi dào! Đó chỉ là vấn đề danh từ này, nọ. Tôi biết rất nhiều người sau khi chiến tranh kết liễu, tự nhận là những da da, siêu thực... nhưng đúng ra họ chỉ là những tên diếm. Khi Đồng minh giải phóng xong xuôi toàn thể Âu châu, họ sẽ tìm thấy một bọn thanh niên hư hỏng, mất dạy, bệnh hoạn. Đám trẻ như anh, bởi vì chán ghét trò chơi anh hùng nên đã chọn lựa trò chơi ái tình con heo! Trò đồng tính luyến ái! Các anh tự cho rằng

THƯỢNG ĐẾ ĐÃ CHẾT

hành động như vậy là phá bỏ lề lối, phá bỏ xã hội tư bản, trưởng giả đầy những ước lệ này nọ.

Và các anh hoàn toàn tự do ! Cứ coi như là các anh hết sức thành thực khi hành động, nhưng các anh đâu biết đó cũng chỉ là một trò chơi anh hùng !

— Nếu anh gọi những gì xảy ra mấy năm gần đây là những trò chơi anh hùng, như vậy cũng được đi !

— Mà anh muốn gọi bằng gì ? Anh nghĩ thế nào về chủ nghĩa anh hùng ?

— Anh hùng tinh ! Ối dào ! Cái đó chính là sự hèn nhát trưởng giả của mấy người như anh ! Nếu anh muốn ám chỉ chủ nghĩa trót kit, anh lầm to. Chúng tôi đâu phải tự trót kit, những kẻ theo chủ nghĩa vô sản đệ tử !

— Tôi biết ! Các anh đâu đệ tử, đệ tiếc gì ! Các anh chỉ là một đám thanh niên nghèo đói đáng thương lúc nào cũng có mặc cảm, lúc nào cũng chỉ chực đỏ mặt lên vì cái gốc gác trưởng giả của mình ! Trong khi đó các anh lại không đủ can đảm để trở thành những người vô sản. Bộ anh nghĩ cứ chơi trò con heo là trở thành vô sản được hay sao ?

— Thôi đủ rồi ! Tui này không phải là heo ! Đừng gọi chúng tôi là heo !

— Có trăm ngàn cách thức để trở thành heo ! Một ngày nào đó, chắc chắn còn có kẻ nghĩ ra cả một nền văn chương, triết học, để biện minh cho mấy trò con heo của mấy người ! Những tên ma-cô thời nào mà chẳng có !

— Nếu chúng tôi trở nên như vậy, đó là lỗi

ở các anh. Các anh làm cho chúng tôi trở nên như thế. Ngoài ra, các anh đều làm được gì nữa ? Các anh cho rằng bị thăng hè Mút xô li ni bê vào tù là hay hả ? Nếu không e hãi nhận chiến tranh, tại sao các anh không làm cách mạng ?

— Chiến tranh hay cách mạng, thứ nào cũng vậy thôi ! Thứ nào thì cũng do những đấng anh hùng đáng thương, những kẻ như anh làm nên !

Jean Louis thở cùi ơi. Tiếng cười nghe thật độc ác :

— Chúng tôi đều phải là những đấng anh hùng. Chúng tôi tóm mấy đấng đó lầm. May người gọi chúng tôi là heo, là điếm, cũng được đi ! Điều cần nói đó là chúng tôi không nhận ra sự thực đó. Vậy là đủ rồi. Chúng tôi muốn được tự do, có vậy thôi ! Chúng tôi muốn đem lại cho đời mình một mục đích, một ý nghĩa...

— Tôi biết chứ ! Tôi biết các anh đều là những thanh niên can đảm.

Từ đỉnh đồi Vomero, chúng tôi đi xuống công trường Thánh tử đạo. Tới đó, cả hai đi vòng qua Cappella Vecchia lên tới Calascione. Công trường nhỏ Cappella Vecchia ở phía dưới Rampa Caprioli, trông như một sân lớn, một phía có ghềnh đá Monte di Dio dựng đứng, phía kia là bức tường giáo đường Do thái, và mặt tiền của tòa lâu đài, nơi Emma Hamilton trú ngụ từ nhiều năm qua.

Tôi dừng lại ngay chính giữa công trường nhỏ bé Cappella Vecchia, và nhìn lên những khung cửa sổ trên cao, nơi Lady Hamilton đang ở. Tôi không dám cúi nhìn xuống phía dưới không dám nhìn chung quanh tôi. Bởi vì nếu nhìn về phía chân

tường cuối sân, phía Giáo đường Do Thái, chắc chắn ai sẽ phải chứng kiến những cảnh tượng đau lòng tôi đã biết từ trước và nay sợ hãi không dám lại. Chợ buôn trẻ con đang diễn ra tại nơi đó. Chỗ tôi đứng chỉ cách chợ buôn trẻ con vài bước chân, tai tôi nghe thấy những tiếng cười yếu ớt của đám trẻ con, những giọng nói khàn khàn, đục đục của mấy tên lính Á-rập. Giờ này, đám trẻ con từ tám tới mười tuổi mình mẩy không một manh áo, ngồi xếp hàng dài trước mặt mấy tên lính Maroc đang sờ mó, quan sát từng đứa trẻ một, rồi cò kè trả giá cùng mấy mụ đàn bà bộ mặt khô queo, chét đầy phẩn. Mấy mụ đàn bà gồm ghiếc đó là chủ đám nô lệ trẻ con này.

Qua bao nhiêu thế kỷ khổ cực, nô lệ, người ta chưa hề thấy những chuyện khủng khiếp như thế tại Náp. Người ta đã buôn bán đủ mọi thứ, nhưng chưa hề có chuyện buôn bán trẻ con. Trong những đường phố Náp, những chuyện khủng khiếp đó chưa bao giờ xảy ra. Tại Náp, trẻ con một cái gì thật thiêng liêng cao quý. Trẻ con là vật thiêng liêng độc nhất tại Náp, dân tộc Ý là một dân tộc đại lượng, thương người nhất trên thế giới. Có những gia đình, dù nghèo cách mấy đi chăng nữa, dù nhiều con cái thế uào đi chăng nữa, họ vẫn nhận xin nuôi một đứa trẻ xin từ Viện mồ côi. Và đứa trẻ này lại được nuôi nấng săn sóc cẩn thận nhất, bởi vì nó là « con trai của Madone » nó là đứa trẻ mang lại hạnh phúc cho mấy lứa kia. Người ta có thể gán cho những người Ý ủ mọi chuyện, đủ mọi thứ tội, nhưng tội bán trẻ con, không bao giờ !

Vậy mà bây giờ, tại công trường Cappella Vecchia, ngay trung tâm thành phố Náp, dưới chân lâu đài Monte di Dio, công trường Thánh tử đạo, bên cạnh giáo đường Do thái, những tên lính Ma rốc đang bỏ ra vài xu để mua những đứa trẻ con Ý. Họ lấy tay sờ nắn, kéo áo mẩy đứa trẻ lên cao, hoặc thò tay vào trong quần chúng, rồi dơ mẩy ngón tay lèn đê mà cả. Trong khi đó đám trẻ xé ohàng dài dọc theo chân tường. Chúng ngồi nhai kẹo và ngây ngô quan sát mẩy người khách hàng. Chúng không cười, nói, khóc lóc không đùa nghịch, hát hò; cũng không nhăn nhó. Người ta có cảm tưởng chúng sợ hãi một điều gì.

Mấy người mẹ của chúng, hay mấy mụ đàn bà gớm ghiếc mặt chét đầy phấn tự nhện là mẹ của chúng, đám đàn bà cầm lấy tay mẩy đứa trẻ, họ làm như mẩy tên lính Ma rốc có thể mang chúng đi mà không chịu trả tiền. Sau đó, sau khi đã cầm mờ tiền đêm cần thận, mụ đàn bà vẫn nắm chặt tay đứa trẻ và kéo nó đi khỏi nơi đó. Một tên lính Á rập đi theo紧跟 sau. Đôi mắt người lính đen nháy dưới vạt áo choàng đầu.

Tôi nhìn lên cao, nhìn lên những khung cửa sổ lâu đài Emma Hamilton, và tôi không dám đưa mắt xuống phía dưới. Tôi nhìn mảnh trời xanh lơ viền quanh sân thượng căn nhà Lady Hamilton. Và Jean Louis lúc đó đứng im thin thít bên cạnh tôi. Không phải anh ta xấu hổ vì cảnh tượng đang xảy ra phía dưới, nhưng hình như một sức mạnh huyền bí, đang làm anh bối rối, gò má anh ta đỏ bừng, cõi họng anh thắt nghẹn.

Bỗng nhiên anh ta nói :

— Mấy đứa nhỏ thật đáng thương hại !

Tôi quay lại nhìn thẳng vào mặt anh :

— Anh chỉ là thằng hèn.

— Tại sao anh bảo tôi là thằng hèn ?

— Tui nhỏ làm anh thương hại ? Mà anh có chắc đó là lòng thương hại hay không ?

— Anh muốn tôi làm gì bây giờ ? Jean Louis cay độc nhìn tôi.

— Anh cũng dám bỏ ra một vài xu để mua một đứa trẻ lầm à !

— Nếu tôi bỏ tiền ra mua một đứa, anh sẽ làm gì tôi ? Dù sao tôi cũng hơn mấy tên Marốc kia. Tôi sẽ cho đứa trẻ ăn ngon mặc đẹp, không để cho nó thiếu thốn thứ gì. Đó là một công cuộc từ thiện.

— Từ thiện ! Anh đúng là vừa hèn lại vừa giả đạo đức !

— Thị đã sao ? Còn anh ? Bộ anh không hèn, không đạo đức giả ?

— Có thể lầm chứ. Nhưng tôi không bao giờ hờn giận vì thời đại tôi đang sống.

— Nếu vậy tại sao anh không có can đảm nói về trẻ con như vậy ? Nào, can đảm lên ! Tại sao anh không dám nói đám trẻ con đều là một tui trốt kit ?

— Một ngày nào đó, đám trẻ con sẽ trở nên những người đàn ông, và họ sẽ đập vỡ mặt tôi ra. Họ có lý khi hành động như vậy.

— Họ có lý. Nhưng họ sẽ không làm như vậy. Đám trẻ con khi mười tám tuổi, chúng sẽ chẳng đánh vỡ mặt người nào hết. Chúng sẽ hành động như anh, như tôi. Chúng ta cũng vậy. Chúng ta cũng bị đem bán khi bằng tuổi tại nhô đó.

Tôi bảo anh :

— Thể hệ của tôi bị đem bán vào năm hai mươi tuổi. Không phải vì đói nhưng vì một nguyên nhân tệ hại hơn nhiều : Vì sợ hãi.

— Những đứa trẻ như tôi, bị đem bán từ khi còn nhỏ nhưng lớn lên chúng tôi đâu có dám vờ mặt ai ? Đám trẻ con đó sẽ làm như chúng tôi đã làm : Chúng sẽ bò dài dưới chân và liếm giày chúng tôi. Và chúng sẽ tự nghĩ chúng là những kẻ tự do ! Âu châu là xứ sở của những kẻ tự do ! Âu châu là như vậy !

— May một điều là mấy đứa trẻ kia, khi lớn lên, chúng vẫn còn nhớ đã bị đem bán vì đói. Và chúng sẽ tha thứ cho tất cả mọi người. Còn tôi này, làm sao quên nổi người ta đem bán chúng tôi chỉ vì sợ hãi.

Jean Louis xiết chặt tay tôi nói nhỏ :

— Đừng nói như vậy ! Đừng nói thế !

Tôi cầm thấy tay anh run rẩy.

Tôi muốn nói với anh ta : « Cám ơn ! Jean Louis, cám ơn anh đã tỏ ra đau đớn khổ sở »

Tôi muốn bảo anh, tôi hiểu nhiều điều, nhiều chuyện, tôi rất thương anh ta, và thỉnh thoảng, vì tình cờ, tôi vẫn thường ngược mắt nhìn lên thấy bầu trời. Một bầu trời đẹp đẽ như vậy, có sao lại có hè có trong một thế gian đầy rẫy những chuyện xấu xa ? Tại sao vào giờ phút này, trong khi ở phía dưới người ta đang buôn bán trẻ con, vậy mà ở trên cao kia, bầu trời lại có hè xanh lơ, đẹp đẽ vô chừng đến như thế ? Tôi bỗng rùng mình vì sợ hãi và nhởn nhơm. Không phải tôi rùng mình vì người ta đang buôn bán những thiên thần

trẻ con ở phía dưới. Tôi rùng mình vì mảnh trời trong vắt, phía bên trên những mái nhà, những lùm cây xanh tươi, chim chóc rộn ràng bay lượn. Bầu trời cao thăm thẳm, xanh lạnh lẽo trông như một dải lụa sáng lấp lánh, và từ nơi xa xa, biển cả hắt lên nền trời một chút ánh sáng màu xanh lơ. Bầu trời nhõng nhẽo độc địa đó nhẹ nhàng uốn cong mình bên trên ngọn đồi Pausilippe rồi sau đó đổi sang màu hồng trông như làn da mịn màng của một đứa trẻ.

Bức tường cho chắn ngang phía cuối công trường trông sừng sững, thẳng băng giồng như một bờ thành. Mặt tường đã nứt nẻ nhiều chỗ. Ngày trước chắc màu đỏ, nhưng nắng mưa đã đổi thành nhè nhẹ, giồng như màu da người, chỗ hồng hồng, chỗ sạch trắng chỗ trong suốt. Không hiểu thời gian làm đổi màu bức tường, bay đó chỉ là một hiện tượng ánh sáng đổi màu, tùy theo chuyền động của biển cả, tùy theo chiều hướng gió hoặc từ biển đổi lên lục địa, hoặc từ vùng núi non đổi xuống. Mỗi lần gió thay đổi chiều hướng như vậy, ánh sáng cũng đổi theo. Đối với tôi, hình như bức tường trở nên một cái gì thật sống động; trông giồng như một bức tường băng thịt và trên mặt tường hiện ra tất cả những cuộc phiêu lưu của làn da con người. Từ màu hồng ngày thơ vô tội của thời trẻ con, cho tới màu vàng, xanh buồn bã của tuổi già yếu. Và bức tường băng thịt đó hình như mỗi lúc một thêm tàn tạ: Tất cả những màu xanh, vàng, ngà ngà... dần dần biến thành trắng toát, chẳng khác gì làn da nhân loại vốn đã nhăn nheo, mệt mỏi nay

bắt đầu lên mùi hôi thối và chảng mấy chốc trở thành cát bụi...

Bỗng nhiên mặt tường nứt ra, để lộ một khung cửa sổ và có tiếng người kêu gọi tên tôi. Đó là Pierre Lyautey. Anh ta đang gọi tôi từ cửa sổ Tầng hành dinh Sư đoàn Maroc do đại tướng Guillaume chỉ huy. Chúng tôi leo lên, và Pierre Lyautey ra đón tôi ngay đầu cầu thang. Trong anh thật cao khỏe, dắn dỏi, da mặt nứt nẻ vì tiết trời giá lạnh vùng núi Cassino. Anh ta là một người bạn thân của bà mẹ Jean Louis. Mỗi lần ghé Ý, anh thường tới thăm bà cụ tại villa bên bờ hồ Côme. Villa này là một trong những công trình đáng kề của Piermanni. Bà công tước, thân sinh ra Jean Louis thường để dành cho Pierre Lyautey căn phòng ngày trước Nã Phá Luân đã ở, chiếc giường Stendhal đã qua một đêm hạnh phúc với Angel Pietragrua, và chiếc bàn viết, tại đó nhà thơ Parimi đã viết nên tác phẩm bất hủ *Le four*.

— Trời đất ! Anh bô trai quá !

Pierre Lyautey vừa kêu lên vừa ôm chầm lấy Jean Louis. Rồi sau đó, anh ta kèn lại, khi anh chia tay cùng vợ Jean Louis, chừng vài năm trước đây khi đó anh chàng vẫn còn là một Éros (1) Bây giờ anh đã trở nên một... Tôi nghĩ Pierre Lyautey sẽ bảo Jean Louis bây giờ là một người anh hùng (héros), nhưng anh ta kịp giữ tiếng đùa lại và nói khác đi... một vị thần Apollon đẹp trai. Chúng tôi rời đúng vào giờ ăn, đại tướng Guillaume mời tất cả ngồi vào bàn.

Nhin nghiêng, trông Jean Louis đẹp như vị thần

(1) Éros : Vị thần ái tình (CTND)

Apollon. Môi hồng, mắt đen, sáng long lanh, da mặt hơi xanh, tiếng nói nhỏ nhẹ, vẻ đẹp trai của anh làm cho đám sĩ quan Pháp phải ngơ ngẩn. Đây là lần đầu tiên họ đặt chân lên đất Ý. Và đây cũng là lần thứ nhất họ được chứng kiến một vẻ đẹp đàn ông làm sống lại tất cả những bí mật xâu xa những huy hoàng sáng lạng của một Hy Lạp cổ xưa. Jean Louis chính là một khuôn mẫu tiêu biểu nền văn minh Ý đại lợi, sao bao nhiêu biến chuyen, qua bao thế kỷ giàu có, xa hoa, qua bao lựa chọn, thay đổi, cuối cùng đã đạt được vẻ đẹp đàn ông hoàn hảo, toàn bích đến như thế ! Sự hiện diện của vị thần Apollon băng xương băng thịt ngay giữa bàn tiệc đúng là một mặc khải, đối với đám sĩ quan Pháp. Tất cả đều lặng lẽ chiêm ngưỡng Jean Louis. Tôi băn khoăn tự hỏi, nếu họ biết rằng người thanh niên đẹp trai đang làm cho họ nhớ tới một nền văn minh Hy Lạp cổ xưa hiện nay đã bị hư hỏng vì những trò đàn bà lầm cảm, vẻ đẹp đàn ông đó rất đáng bị khinh khi vì thiếu vắng tất cả những tình cảm cao thượng, những đam mê mãnh liệt, những ý nghĩ cao đẹp ; sinh vật đẹp đẽ kia hiện nay là hình ảnh tượng trưng sự xấu xa đang dần vật toàn thể thanh niên Âu châu, trong những xứ sở hàng trận cũng như bụi trận; không hiểu khi đó họ sẽ nghĩ sao ? Lớp người trẻ tuổi hiện đang có khuynh hướng biến đổi những lý tưởng tự do, thành ham muỗn nhục dục, những ý hướng đạo đức thành chối bỏ trách nhiệm, những bôn phan xã hội thành những trò chơi trí tuệ vô ích.

Mấy người Marốc hầu hàn cũng long lanh nhìn Jean Louis. Trong mắt họ sáng lên lòng ham muốn

nhục dục. Đối với đám người đến từ sa mạc Sahara, Jean Louis đúng là một thứ «đồ chơi» ! Tôi cười thầm trong bụng khi tưởng tượng Jean Louis và mấy người bạn, những «anh hùng» trẻ tuổi cùng loại với anh ta, cả bọn ngồi xếp hàng dọc theo chân tường giữa đám trẻ con nô lệ tại chợ buôn người. Dù sao, Jean Louis cũng là hình ảnh đại diện một vài cá nhân «xuất sắc» nhất trong lớp người trẻ tuổi Âu châu đang bị những khổ đau làm cho bại hoại, đang bị nhục nhã vì nền tự do vừa mới được hưởng. Đúng lý ra họ phải trở nên trong sạch, đẹp đẽ hơn lên !

Thay vì vậy, họ chỉ còn là một thể hệ bị mang bán ! Tại sao thể hệ họ cũng bị mang bán ? Thể hệ chúng tôi cũng bị đem bán khi bằng tuổi họ. Phải chăng đó là định mạng của thanh niên Âu Châu : Bị người lớn đem bán vì đói và vì sợ ? Biết đâu một ngày nào đó, họ sẽ bị đem đi bán không phải vì đói và vì sợ nhưng vì một lý do khác nhục nhã hơn thế nữa cũng nên.

Không hiểu có phải những ý nghĩ của tôi quá lộ liễu nên ảnh hưởng đến mọi người, nhưng bỗng nhiên, đại tá Guillaume hỏi tôi, tại sao nhà cầm quyền Ý không ngăn cấm, và giải tán chợ buôn trẻ con, hình như họ không cần chú ý tới những cảnh tượng khủng khiếp đó nữa. Ông nói :

— Thật quá xấu hổ ! Tôi đã ra lệnh đuổi đám đàn bà ghê gớm đó hàng trăm lần rồi ! Tôi đã báo động nhà cầm quyền Ý. Tôi đã đích thân tôi gấp Đức giám mục ! Tất cả đều vô ích. Tôi lại còn ngăn cấm mấy tên lính Ả Rập dưới quyền tôi không được mua trẻ con làm nô lệ. Tôi dọa đem bắn bỏ

những kẻ không tuân lệnh. Nhưng họ vẫn bị cầm đế bởi lòng ham muốn quá mạnh. Họ không thể hiểu tại sao cấp trên lại ngăn cấm không cho họ bỏ tiền ra mua trẻ con, trong khi việc buôn bán đó xảy ra công khai ngay giữa thành phố Náp. Đúng lý ra nhà cầm quyền có nhiệm vụ phải bỏ tù những bà mẹ độc ác, mất hết nhân tính đem con mình đi bán; rồi sau đó đưa đám trẻ con vào viện giáo dục. Đó là bỗn phận của họ. Còn tôi, tôi đâu có quyền !

Ông ta chậm rãi nói, như thể là lời nói đơn đau đó đang làm cho miệng ông ta phải chảy máu.

Tôi cười lớn. Bắt bỏ tù những bà mẹ độc ác ! Cho trẻ con vào viện giáo dục ! Nhà cầm quyền Ý ! Ồi chao ! Một bọn khổ nạn, tham nhũng, mất dậy, một bọn xà lù ! Chính bọn người đó, ngày hôm qua đã nhân danh Mutt xô li ni đem bắt tù, dân chúng, những người nghèo khổ, những kẻ chống đối, bây giờ họ nhân danh Staline, Churchill, Roosevelt để làm việc bắt bớ giam cầm đó ! Họ đâu còn thì giờ dè ý đến trẻ con nô lệ, đám đàn bà mất hết nhân tính ?

— Bắt giữ các bà mẹ ? Những bà mẹ nào ? Tại sao bắt giữ họ ? Những đứa trẻ con đâu đã là tài nguyên của quốc gia ? Tạo sao họ không thể mang bán ? Họ đang đói, họ có quyền bán bớt một hai đứa con trong số mười một mươi bai đứa để lấy tiền nuôi thân, nuôi đám trẻ còn lại ? Hơn nữa, ông định nói tới những bà mẹ nào ?

Đại tá Guillaume thộn mặt ra vì ngạc nhiên. Ông ta đâu có thể tưởng tượng nổi những lời đó lại thoát ra bởi một người như tôi ! Ông ta nói :

— Thị những người đàn bà đáng thương đã đem bán con của họ, chứ còn ai nữa?

— Chẳng có bồ, mẹ nào hết!

— Tôi các cần biết bồ, mẹ, anh, em, nhà cầm quyền Ý. Nhưng những đứa trẻ con, đem bán chúng? A! Không được. Không được, Không! Xấu bồ quá! Nếu bữa nay người ta đem bán trẻ con ngay tại đường phố Náp, như vậy có nghĩa là chuyện đó vẫn thường xảy ra từ trước tới nay tại Ý!

— Không! Trước đây chưa hề có cảnh tượng đó, tại Náp! Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng cái đói đã làm cho người ta phải bán vợ bán con! Nhưng đó đâu phải lỗi chúng tôi!

— Bộ anh nghĩ là lỗi ở tai tôi?

— Không, cũng không phải lỗi ở các anh! Đó là lỗi ở mấy đứa trẻ con!

— Những đứa trẻ con? Mà những đứa nào chứ?

— Thị những đứa trẻ con Ý chứ còn gì nữa. Ông đâu tưởng tượng nỗi trẻ con Ý khùng khiếp tới cỡ nào! Không những trẻ con Ý mà tất cả trẻ con Âu châu đều như vậy. Chính chúng nó đã bắt buộc cha mẹ chúng phải đem chúng đi bán giữa đường phố. Ông biết tại sao không? Đề có tiền, đề lấy tiền bao gái, và sống một cuộc sống xa hoa. Không một đứa trẻ Âu châu nào không có tiền gửi băng, không có nhà lầu, xe hơi, bồ bịch... Đề có những thứ đó, chúng bắt buộc bồ mẹ đem chúng ra chợ bán. Nếu bồ mẹ từ chối không chịu làm, chuyện gì sẽ xảy ra, theo ý ông? Lũ trẻ đó sẽ đem bồ mẹ ra chợ bán đề có tiền!

Tất cả đều ngạc nhiên nhìn tôi. Đại tướng Guillaume nói :

— Tôi không muốn nghe anh nói như thế !

— À ! Ông không muốn nghe tôi nói sự thực ? Mà thực ra ông biết gì về xứ Âu châu ? Trước khi xuống tàu tới Ý, ông đã ở đâu ? Ở Maroc, ở một xó xỉnh nào đó tại Bắc Phi, phải vậy không ?

Còn những người Mỹ, người Anh, họ biết gì về Âu châu ? Chắc họ tưởng xứ Âu châu hiện nay vẫn còn đầy rẫy trẻ em ? Vẫn còn bõ mẹ, anh em, họ hàng ? Không ! Chẳng còn gì hết ngoài một đống thịt hôi thối ! Đó là xứ Âu châu sau khi đã được các người giải phóng ! Chắc chắn không ai muốn có người nói với họ như vậy nhưng đó chính là sự thực. Đó chính là xứ sở Âu châu sau ngày được Đồng minh giải phóng : Một đống thịt thối !

Tất cả đều im lặng. Đại tướng Guillaume chăm chú nhìn tôi. Mắt ông tối xâm. Ông ta đang thương hại tôi, ông ta không dấu diếm sự kiện ông ta thương hại tôi, thương hại những người Âu châu như tôi. Đây là lần đầu tiên một trong những kẻ chiến thắng tỏ vẻ thương hại chúng tôi. Nhưng ông Đại tướng này là dân Pháp, một người Âu châu như tôi. Thành phố ông sinh ra chắc cũng đã bị phá hủy, nhà cửa của ông chắc cũng đã ra tro, gia đình ông sống trong lò lắng, sợ sệt, và các con ông ta cũng đang bị đói.

Một lúc sau Đại tướng lên tiếng :

— Thảm thương thay, không phải anh là kẻ độc nhất đã nói ra sự thực đau lòng đó. Đức Hồng Y Ascalesi, Giám mục thành Náp cũng nói với tôi như anh. Có quá nhiều chuyện không khíếp xảy ra

ở Âu châu, đó chính là nguyên nhân khiến các ông trở nên cay đắng như vậy.

— Chẳng có chuyện gì xảy ra tại Âu châu hết.

— Không có gì xảy ra ? Bom đạn, thủ tiêu, tra tấn, trại tập trung, những cuộc tàn sát tập thể, nạn đói, nỗi kinh hoàng sơ sệt... Bộ ngàn ấy thử đổi với anh không là gì hết ?

— Những điều đó đâu có đáng kể ! Toàn là những chuyện tầm phào. Chuyện chọc quê ! Xứ Âu châu đã quá quen thuộc với những chuyện đó. Đầu có phải đó là lý do khiến xứ sở này trở nên thảm thương như các người hiện đang chứng kiến.

— Vậy thì chuyện gì ?

Giọng nói của ông trở nên cộc cằn.

— Làn da.

— Làn da. Da nào ?

Tôi hạ thấp giọng :

— Làn da khổn kiếp bao bọc thân thể người ta. Chỉ vì muốn bảo vệ làn da dơ dáy đó, người ta có thể làm bất cứ chuyện gì. Làm sao các người có thể tưởng tượng nổi ? Trước kia, người ta nhìn đói chịu khát, chịu đựng trăm ngàn cay khô cực, hy sinh thân thể của mình hay của kẻ khác, người ta làm đủ mọi chuyện mọi hành động (hèn hạ, cũng được, anh hùng thì càng hay), để cứu vớt linh hồn, giữ cho linh hồn được trong sạch. Ngày nay ngược lại người ta đau khổ, hoặc làm cho kẻ khác đau khổ, giết người hoặc tự giết mình, làm đủ chuyện dẹp dẽ, bẩn thỉu, không phải để cứu vớt linh hồn nhưng để gìn giữ làn da khổn nạn bao bọc thân thể loài người. Đây này, da con người. Trông thật dơ dáy, bẩn thỉu ! Có

đáng tóm không? Vậy mà ngày nay, xứ sở này đầy rẫy những kẻ sẵn sàng hy sinh đời sống của họ chỉ vì cái đó!

Đại tướng Guillaume trả lời :

— Thị ở đâu mà chẳng vậy. Đâu phải riêng gì xứ Âu Châu này.

— Làm gì có chuyện ở đâu cũng đều như vậy. Đâu có phải nơi nào người ta cũng đem bán trẻ con!

— Ở Âu Châu ít ra cũng còn có những người lương thiện như anh. Anh đâu có đem bán trẻ con?

— Làm sao biết được? Không phải chuyện lương thiện hay bất lương. Không phải vấn đề cá nhân! Đây là nền văn minh hiện đại nói chung. Một nền văn minh không còn Thượng đế. Một nền văn minh bắt buộc con người phải quý trọng làn da của mình hơn hết thảy mọi thứ khác! Chỉ có làn da là đáng kề. Ngoài ra là đồ bỏ! Ngay cả những lá quan kỳ cũng làm bằng da người. Người ta chiến đấu không phải để bảo vệ đất nước nhưng để bảo vệ làn da.

Đại tướng Guillaume ngắm nghĩa lưỡng bàn tay của mình và nhắc lại câu nói vừa rồi:

— Anh đâu có đem bán trẻ con. Chắc nhá vây!

— Nào ai biết được? Nếu tôi có đứa con, có thể tôi đem bán nó lấy tiền mua thuốc lá Mỹ. Phải sống như mọi người cùng thời với mình. Khi hèn nhát, phải hèn nhát thật đến nơi đến chốn! Vậy mới được!



CHƯƠNG V

MỘT CUỘC LỄ KHỦNG KHIẾP

NGÀY HÔM SAU. ĐẠI TÁ JACK HAMILTON LÁI xe đưa tôi tới Torre del Greco. Được tham dự vào cuộc lễ thiêng liêng cõi kinh *figliata* đại tá vừa vui thích vừa bối rối sợ sệt. Ông ta cũng còn cảm thấy tức giận chính mình chỉ vì tinh thần thành thiện kiều Mỹ của ông : Ta là người Mỹ kẻ chiến thắng, giải phóng thiên hạ cơ mà ? Cớ sao ta lại sợ ? Bỗn phận của những người Mỹ là không được bỏ qua dịp may khám phá xứ Âu Châu bí mật mà họ vừa mới giải phóng.

Tôi nói :

— Đây là dịp để anh hiểu rõ nước Mỹ hơn, khi anh được trở về đó.

— Đầu có dính dáng gì tới Mỹ Quốc ?

— Thôi đừng giả vờ ngày thơ. Các anh giải phóng Âu châu để làm gì nếu không phải là để hiểu rõ thêm nước Mỹ của các anh?

Trong xe của Jack còn có Georges, Jean Louis và Fred. Georges vừa mới tới Náp được vài ngày và mang theo cùng anh ta những tin tức mới nhất ở La mã và Ba lê. Anh ta tới bằng đường bè, trên một chiếc du thuyền của anh.

Tôi hỏi nhỏ Jean Louis :

— Georges cũng là một anh chàng Mác-xít?

— Ô ! Lẽ dĩ nhiên !

Mấy tiếng «dẽ dĩ nhiên» làm cho tôi khó chịu. Tôi không thể nào làm quen với tư tưởng, theo đó chủ nghĩa mác-xít là cớ biện minh cho những trò tự do phóng túng của giới trẻ Âu châu. Cái duyên cớ bè ngoài kia chỉ dùng để che dấu một nguyên nhân sâu xa hơn nhiều. Sau mỗi một cuộc chiến tranh, một cuộc cách mạng, ngay cả sau một trận đói kém, một trận dịch, tất cả những thuần phong mỹ tục, những luân lý, đạo đức bắt buộc phải trả nén suy đồi, tàn tật. Đối với giới trẻ Âu Châu, trò chơi sa đọa quen thuộc nhất của họ là trò hó-mô.

Tuy nhiên lần này, trò chơi sa đọa của họ lại đi trước thay vì đi sau cuộc chiến. Nó hầu như báo hiệu thảm kịch của Âu Châu, thay vì chỉ là một hậu quả tất nhiên. Điều làm tôi ngạc nhiên đó là trò chơi sa đọa này ảnh hưởng không những giới giàu có trưởng giả nhưng luôn cả giới vô sản nữa. Họ làm như đó là cách thức bắt buộc để làm quen với chủ nghĩa cộng sản. Người ta có thể cho rằng giới trẻ hành động như vậy để phản ứng chống

lại những hình thái đạo đức luân lý đẹp đẽ, những thiền kiến có sẵn từ lâu của giới tư bản. Họ so sánh giới trẻ hiện nay chơi trò hô mồ, đâu có khác gì trước kia họ chơi trò lăng mạn vào thời Musset, Byron rồi ít lâu sau đó lại đổi sang đóng vai những nhà thơ bất hạnh, đầu thai nhằm thế kỷ ! Những poètes maudits !

Và cứ như thế đầu óc tôi rối bời cả lên. Sau cùng, tôi cảm thấy rõ ràng tôi ao ước tham dự cuộc lễ *figliata* này vì tò mò thì ít nhưng muốn nhân dịp này hiểu rõ cái xấu của giới trẻ nguy hiểm đáng sợ tới cỡ nào !

Tôi càng ngạc nhiên hơn nữa khi nghe Jean Louis nói Georges hiện nay là một nhân vật chính trị ! (Hay nói cho đúng hơn một vị anh hùng ! Jean Louis bảo tôi anh ta giúp ích quân đội Đồng minh rất nhiều lần. Vào mùa hè năm 1940, anh ta đã nhảy dù xuống đất Ý trong những phi vụ phát từ Luân đôn. Sau đó, anh ta đã lén trở về Anh bằng ngã Tây ban nha Bồ đào nha, ba lần cả thảy, kể từ năm 1940. Và cũng đã ba lần, anh ta nhảy dù trở lại đất Ý để thi hành những nhiệm vụ thật nguy hiểm và rất là khó khăn tể nhị. Nhờ vậy đồng minh rất kính trọng anh ta và đặt anh vào hàng ngũ những tay cầm đầu tất cả mảng lục địa «hô mồ» ở Âu châu.

Những tay hô mồ rải rác toàn cõi Âu châu. Lê tự nhiên ở Đức, Nga sô cũng có bọn họ. Họ đã đem đến rất nhiều tin tức quý giá cho quân đội đồng minh. Họ đã hoàn thành rất nhiều nhiệm vụ chính trị, quân sự hết sức phiền toái, kể từ hồi đầu cuộc chiến tới nay. Những tay hô-mồ hợp thành xã hội

bí mật, tuân theo những luật lệ thật dịu dàng mê ái tình bạn ghen nén.

Một ngày nào đó, khi những bí mật về cuộc chiến có thể mở tung ra cho mọi người cùng biết chỉ tới lúc đó chúng ta mới thấy rằng bao nhiêu mạng đã được cứu thoát nhờ những cái vuốt ve mơn trớn của đám thanh niên hổ mô rải rác trên toàn cõi Âu châu. Trong cuộc chiến khủng khiếp và kỳ lạ này, tất cả mọi phương tiện đều được đem ra sử dụng cốt sao thành công. Kề cả trò đồng tình luyến ái. Chắc là mấy nhà đạo đức không được hài lòng về phương tiện này. Nhưng người ta không thể nhất quyết các vị anh hùng đều là những tay đạo đức, những kẻ lành mạnh. Đầu phải hẽ mắc bệnh đồng tình luyến ái là không thể làm anh hùng được ?

Chinh Georges là người đưa ra ý tưởng thành lập một đạo quân hổ mô rải rác khắp cõi Âu châu nhất là trong những vùng Đức chiếm đóng để phục vụ cho nền tự do của xứ sở này, vào những ngày của tháng chín năm 1943, Georges đã bí mật tới Ba lè gấp chỉ huy cao cấp của quân đội Đồng minh ở Caserta và bàn về kế hoạch theo đuổi tại Ý. Chính nhờ Georges mà tổ chinh trị thật sự của Hitler-La mã lúc là vị đại tá nổi tiếng Dolmann đã rơi vào tay bọn trai trẻ hổ mô dưới quyền chỉ huy của Georges.

Dolmann là một gã rất đẹp và rất tàn ác : chỉ nội hai đức tính đó đủ để gã trở thành con mồi của Georges. Dưới nghệ thuật tinh tế của anh, cuối cùng Dolmann ngã vào tay một chàng thanh niên quý phái đẹp trai đồng đội La mã. Cuộc tình hờ

mô này đã đưa gã tới phản bội Đức quốc trưởng Hit-Le ! Nhờ Dolmann can thiệp với Hit Le và Mut xô lini cho nên những xưởng kỹ nghệ phía Bắc nước Ý đã không bị tàn phá. Georges đã đóng một vai trò quyết định trong những nỗ lực bờ đó. Một vai trò người hùng trong những kịch bản của Corneille. Bởi vì, Georges cũng rất tượng tự người tinh Dolmann của anh, là đã biết hy sinh cho chính nghĩa quốc gia, cho nền tự do của xứ Âu châu.

Ngồi bên cạnh Jack, một tay choàng lên vai người bạn Hoa kỳ, Georges bắt đầu nói về Ba lê, đời sống dân chúng ở thủ đô nước Pháp dưới sự thống trị của ngoại xâm, về nước Pháp và những người lính Đức hàng ngày đi dạo trên đại lộ Champs Elysées, hoặc ngồi tại quán cà phê Deux Magots, Larue... Hắn ta nói đủ thứ truyện và Jack, trong khi lắng tai nghe, thỉnh thoảng lại quay đầu sang phía tôi như đê phản bội :

« Đấy, anh thấy không ? Người ta đương nói chuyện Ba lê »

Anh chàng cảm thấy sung sướng vì được xõa tiếng tay với một xù mũi lõi trăm phần trăm !

Sau cùng Georges bắt đầu nói những anh chàng da-du ở Ba lê. Jack kêu lên :

— Cái gì ? Tui da-du ? Da-du là cái giõng gi ?

Georges bật cười vì sự ngây thơ của Jack. Tiếp đó, anh ta giải thích da du là một nhóm thanh niên ăn mặc lố lăng, quần thật chật, áo vét thật dài, sơ mi cộc cao, tóc dài xuống tận gáy. Chúng bắt đầu xuất hiện ở Ba lê vào khoảng cuối năm 1940, đóng đở tại những quán cà phê ở vùng Saint Germain des Prés

Toàn một lũ con ông cháu cha luôn luôn tỏ vẻ

dứng đứng chán-chường, bắt cần đời. Ngoài những da-du đàn ông con trai, còn có những da-du đàn bà con gái nữa. Họ ăn mặc cũng khá kỳ cục, áo thùng lèi tới háng, jupe ngắn cũn cồn tới quẳng bên trên đầu gối. Họ đi thành từng đoàn giữa nơi công cộng không bao giờ ăn nói ồn ào, họ gần như nói thầm vào tai nhau. Và nếu có ai chú ý nghe sẽ thấy họ toàn bàn chuyện ci-né. Không thèm nói tới các tài tử, nhưng chỉ bàn về các phim hay, những nhà đạo diễn giỏi v.v.. Cảnh sát cũng ít khi chú ý đến bọn họ. Thỉnh thoảng, quá lầm họ chỉ giải tán những đám nào quá đông đúc bằng những cái vỗ tay nhẹ nhè kèm thêm một câu nói «Thôi nào ! Đi làm việc đi chứ ! mấy ông nội !» Hình như cả Cảnh sát Pháp lẫn cảnh sát Đức đều bỏ qua không thèm để ý đến phong trào da-du. Họ không cần biết khuynh hướng chính trị của tụi đó ra làm sao. Trong nội bộ đám thanh niên da-du, bọn chúng vẫn tự nghĩ chúng là những tay theo chủ nghĩa De Gaulle, kháng chiến chống Đức. Những Gaullistes ! Trong túi bọn chúng, ngoài những bao thuốc lá Anh Mỹ mua bán chợ đen ra, còn có vài tờ truyền đơn in từ bên Luân đôn ! Đối với những người trưởng thành ở Ba lê, họ đều coi đó chỉ là những trò trẻ con của một đám thanh niên vô cùng rỗi nghiề, bày đặt ra những trò chơi lảm cảm giết thời giờ. Nhưng nếu tụi họ mô luôn luôn hô hào họ là những người theo chủ nghĩa cộng sản, đám thanh niên theo phong trào da-du lại tự nhận họ là những người kháng chiến theo chủ nghĩa De Gaulle !

— A ! A ! Tui da-du ! Anh nghe không ? Tui da-du ! Da du !

Jack quay sang tôi là lớn, Georges đột nhiên lên tiếng :

— Tôi không thích tại đó một chút nào cả.

Tôi mỉm cười nói nhỏ vào tai Jean Louis :

— Anh chàng ghen với bọn nó !

Jean Louis tỏ vẻ khinh bỉ :

— Ghen với tụi ngu xuẩn đó ? Trong khi bọn chúng làm trò anh hùng ở Ba lè thì tụi tôi chết vì tự do ở nơi đây !



Khi tụi tôi tới Torre del Toro, lúc đó vào khoảng bốn giờ chiều. Chúng tôi cho xe chạy vòng quanh bờ biển rồi dừng trước một hàng rào, ở cuối một con đường chật hẹp hai bên là hai bờ tường cao, nơi có những khu vườn trồng nho chạy dài xuống tận mé biển. Chúng tôi đầy cửa bước vô một khu vườn rau bao quanh một căn nhà nghèo nàn kiều mẩy người chài lưới. Phía trước căn nhà có bầy một chiếc bàn trải chiếu, trên mặt chiếu có đặt một vài chai rượu vang. Đầu hè bạn của Jean Louis ngồi rải rác quanh vườn. Họ đón tiếp Georges, Fred và Jean Louis bằng những cử chỉ hân hoan mừng rõ kẻ mở rộng hai tay người uốn éo thân hình kẽ lắc lư cái đầu. Họ ôm nhau hôn, thì nhào nồi nhỏ bên tai àu yếm nhìn nhau làm như thè từ mười năm nay, bọn họ chưa gặp nhau tuy rằng họ chỉ mới chia tay từ giã cách đó đâu chừng một tiếng đồng hồ ?

Tất cả bọn, lần lượt tới hôn tay Georges. Và anh chàng này tiếp nhận vinh dự đó với một bộ mặt hân hoan, ra dáng ta là bậc trưởng giả, hoàng gia xen vào đó là một nụ cười khinh khỉnh !

Khi tận mưa kén kẽ thúc, Georges biến đi

hắn đi. Hình như đến lúc đó anh ta mới tỉnh dậy mở mắt nhìn sự vật chung quanh bằng cặp mắt ngạc nhiên, anh chàng bắt đầu đi lại lại, trông chẳng khác gì con chim sẻ đang lanh chanh bay nhảy từ cành cây này qua cành cây khác. Jack và tôi tìm một xó ngồi riêng để khỏi làm phiền nhóm tinh nhân đó. Jack vừa cười vừa lắc đầu :

— Anh nghĩ sao? Có thiệt họ...

— Thiệt chứ!

— A! A! Ở Âu châu mấy người gọi đó là anh hùng?

— Chính các anh đã làm mấy người đó thành những người anh hùng như vậy. Có thực sự mấy anh cần mấy tay hô mồ đó để chiến thắng cuộc chiến này hay không? May mắn một điều đó là những thứ anh hùng như vậy Âu châu chúng tôi có rất nhiều.

Jack bảo tôi :

— Biết đâu nhờ mấy tay hô mồ đó mà các anh khá hơn nhiều cũng nên.

— Tôi cũng bắt đầu tin tưởng chính nhờ mấy người đó nên mới thắng được người Đức!

— Tôi cũng tin như vậy.

Và Jack vừa cười vừa lắc đầu :

Tuy nhiên lúc này Georges cùng lũ bè bạn đang dạo quanh khu vườn rau, vừa đi vừa nói thầm, thỉnh thoảng lại nhìn vào phía trong căn nhà tôi tàn tò vè bồn chồn lo ngại.

Jack hỏi tôi :

— Họ đợi gì thế? Anh có nghĩ là họ đang chờ đợi một kẻ nào đó? Tôi bắt đầu cảm thấy sợ hãi.

Tôi có cảm tưởng chuyện này kết thúc một cách thảm thương.

Bỗng nhiên tôi nhìn về phía biển và nói thật nhỏ vào tai Jack :

— Coi mặt biển kia Jack ?

Biển cả nhìn tôi chết xứng ! Mắt mờ lớn, chẳng khác gì một con vật đang bám vào biển. Một con vật hung dữ đang thở haken hèn mở mắt chứng chừng nhìn tôi. Một mùi vị man rợ xông lên. Từ xa nơi hướng Tây mặt trời đang giãy chết trong đám sương mù dày đặc. Hàng trăm hàng ngàn cánh thuyền lờ lững giữa làn sương xám, những cánh chim hải âu bay loạn xạ. Một trận gió đông nam nổi lên, hung dữ như một trận bão, thổi tung những cánh buồm bat gió đang vội vã tìm nơi trú ẩn trong vùng biển Castellamarre. Cảnh sắc thực buồn bã thê lương. Xa xa, một hòn đảo nhỏ đang trôi dần vào đám sương mù dày đặc. Đúng là cảnh tượng thần thoại : Đầu dày, có tiếng khóc nức nở của thần Andromède, trong lúc thần Persée đang ra tay chém giết quái vật.

Biển cả giống như một con thú rừng bị thương đang dương mắt nài nỉ nhìn tôi. Tôi rùng mình : Đây là lần thứ nhứt biển cả nhìn tôi như vậy. Cặp mắt buồn bã đè nặng lên thân thể tôi. Và tôi cảm thấy trong lòng tràn đầy một mối bi thương sợ hãi.

Tôi đã quá chán ngán vì phải chứng kiến cảnh tượng chúng sinh đau đớn, khổ sở. Tôi chán ngán vì phải nghe tiếng kêu than của đồng loại. Lúc này tôi càng thêm chán ngán khi phải chứng kiến cảnh trời mây, biển cả đang rên rỉ quanh tôi. Quá chán ngán vì nỗi bi thảm của thiên nhiên và của chính

mình. A ! Ha ! Nỗi bi thảm ! Lòng thương hại ! Tôi cảm thấy xấu hổ vì lòng thương hại. Tuy nhiên lòng tôi lúc này lại tràn đầy những nỗi bi thương sợ hãi, mặc dầu chung quang tôi, khu vườn nơi những chùm cây khóm lá tạo nên một khu vực khá yên tĩnh so với biển cả đang rền rĩ ở nơi xa kia. Vargas vẫn đâu đây có tiếng than dài của thẳn núi lửa Vésuve đang lạc lõng trên lưng trời cao ! Từ phía trong căn nhà nghèo nàn có mùi xào nấu thơm phức bay ra cùng với tiếng nói nhẹ nhàng của một người đàn bà.

Một người đàn ông chài lưới già cả đi ra khỏi căn lều. Ông ta hô to cùng đám thanh niên đang tụ tập ở cuối khu vườn, bộ mặt người nào cũng lở ra vẻ bí mật. Tất cả đều đã sẵn sàng ! Tôi lại tưởng là tới giờ ăn, bèn kéo Jack tới bên cạnh chiếc bàn mờ chai vang rót ra ly. Tôi bảo Jack :

— Uống đi ! Rượu này làm bằng nho tại sườn núi Vésuve, trong có mùi vị bí ẩn của lửa thiêng nơi lòng trái đất, mùi tro tàn của thành phố Pompéi đã chôn vùi hàng ngàn năm trong lòng biển cả. Hãy uống ly rượu thiêng lâu đời này ! Anh bạn Jack !

— Dân tộc các anh thật kỳ lạ !

— Kỳ lạ, dơ dáy, bẩn thỉu huyền bí v.v..

Tôi lầm bầm kè ra một hồi...

Đúng lúc đó tôi nhận ra đám thanh niên đều biến đâu mất. Có tiếng xi xàò từ trong căn nhà vọng ra, tiếp theo là tiếng than dài, rền rĩ, giống như tiếng nức nở của một người đàn bà...

Kinh ngạc xen lẫn tò mò, cả hai chúng tôi đứng dậy đi vô căn nhà lần theo tiếng nức nở. Tiếng xi xàò xen lẫn tiếng than van hình như phát ra từ căn lầu bên trên. Chúng tôi lặng lẽ leo lên

cầu thang; đầy cánh cửa và đứng lại nơi ngưỡng cửa ra vô.

Đó là một căn phòng nghèo nàn của người chài lưới, gồm có một chiếc rương lớn trên trại một mảnh lụa mầu vàng. Một thân hình không rõ đàn ông hay đàn bà đang nằm bên trên chiếc giường. Đầu người chìm dưới một lớp đấng-ten. Hai mắt đen xám long lanh, chiếc miệng há rộng, đúng là một đầu người đàn ông. Một gã thanh niên độ chừng trên dưới hai mươi tuổi. Anh ta vừa hát, vừa than thở, miệng há to, đầu lắc lư trên chiếc gối, hai tay vung vẩy phía bên ngoài chiếc mền, anh ta làm như thế không làm sao chịu đựng nổi đau đớn đang hành hạ. Thỉnh thoảng, trong lúc đang hát, anh ta lại chém vô những tiếng than : Ài, ài, đau quá ! Khổn khổ thân tôi ! Anh chàng lấy hai tay ôm lấy cái bụng to lớn, chướng phèn chẳng khác gì chiếc bụng chứa của một người đàn bà !

Jean-Louis và đám bè bạn đứng xung quanh chiếc giường, gương mặt người nào cũng lộ vẻ sờ-sệt trước cơn hãi hùng của những thân nhân kẻ đang nằm trên giường bệnh. Một người lấy khăn lau trán bệnh nhân, người khác đỗ mũi và dầm vô một chiếc khăn rồi đè vô mũi người bệnh, một người nữa sửa soạn khăn lau, vải băng, một người khác loay hoay bên cạnh một bà già đang rót nước sôi từ hai chiếc bình ra hai chậu nước. Cử chỉ của bà cụ thật đều đặn, chậm chạp trái ngược hẳn với những cái lắc đầu tò vò bối rối, những lời than thở thảm thương, cùng cặp mắt thỉnh thoảng lại ngược lên trời ra về cầu khẩn của đám người đi đì

lại lại trong căn phòng. Thỉnh thoảng họ lại va vào nhau, người ôm chặt lấy đầu, kẻ la lớn : Trời hỡi trời ! mỗi lần nghe thấy người bệnh rên rỉ.

Georges đứng sững ngay giữa phòng, trong tay cầm một mớ bông gòn rồi cứ thế xé ra thành từng mẩu tung lén trời, những miếng bông từ từ rớt xuống chung quanh gã chẳng khác một trận mưa tuyết, trong Georges đứng là một bức tượng hiện thân của đau đớn khổ sở. Trong khi đó người bệnh lấy tay đập lên chiếc bụng giồng như đập lên mặt trống, miệng hát ư ử ! « Trời đất ơi ! Sao tôi khổn khổ thế này » ! Tiếng bàn tay đập bụng vang lên trong phòng, vọng đến tai Georges. Mắt mày tái mét, anh chàng cũng thốt lên thành những lời rên rỉ : Trời đất ơi ! Trời ơi !

Ngay khi vừa nhìn thấy chúng tôi đang đứng trên ngưỡng cửa ngõ vỏ, Jean Louis và cả bọn ùa ra, miệng cùng thốt lên một tiếng kêu quái gở. Bọn họ cố gắng đẩy chúng tôi ra ngoài bằng mọi cử chỉ vừa ngượng ngùng e lệ, vừa ngọt ngào dâm thầm, vừa hung bạo thô lỗ. Những cử chỉ của họ vừa có phần sung sướng vừa tỏ ra vẻ muối thở than năn nỉ. Đáng lẽ bọn họ đã thành công trong việc tống khứ tụi tôi ra ngoài, nhưng ngay lúc đó một tiếng la lớn vang lên trong căn phòng. Tất cả đều quay lại, và vừa rên rỉ đau đớn, vừa hãi hùng khiếp sợ, cả bọn đỗ xô về phía chiếc giường.

Vào đúng lúc đó, từ dưới cầu thang có tiếng người la lên « : Spaghetti ! Spaghetti ! » Rồi một mùi thơm của bột nấu chín xen lẫn mùi xốt cà tò mát lạnh vỏ trong căn phòng theo cùng với tiếng người

nói. Nghe tiếng la đó, Cicillo bèn bỏ hai chân xuống giường, rồi một tay tì lên vai Georges, tay còn lại cố gắng nhét những mảnh áo sơ mi vào trong ngực anh chàng đứng dậy, đặt chân lên nền nhà, và cứ thế anh chàng vừa rên rỉ vừa lẩn ra phía cửa phòng trên vai anh có một chiếc áo choàng tắm bằng lụa do mụ già vừa mới đặt lên, ngoài ra cả thân hình anh còn có đâu hơn chục bàn tay nâng đỡ, cộng thêm những xuýt xoa, những tiếng nài nỉ, xì xào những cặp mắt chan chứa yêu đương dán lên trên thân thể đó. Tất cả đám người còn lại di theo dằng sau.

Bữa cơm bắt đầu. Trước hết là món «nui» Ý Spaghetti. Rồi tới món cá, món thịt bò và sau cùng là món *Pastiera* một thứ *tarte* của người Ý làm bằng chân bò và phô-mát trắng bỗng đùng. Ngồi sau cuối bàn, tôi và Jack lặng thinh theo dõi mọi chuyện xảy ra. Cả hai cùng cảm thấy bối rối, khó chịu nhiều hơn là thích thú. Trong trưng lai chắc còn xảy ra nhiều chuyện khủng khiếp hơn nữa! Cả bọn ăn uống một cách vui vẻ, lúc đầu còn hơi say, sau cùng cả bọn đều bị hơi rượu làm cho như điên như khùng.

Bỗng chợt, nhận một lời nói vô ý của Georges lúc đó đang ngồi đề trán lên vai Cicillo, mặt ửng đỏ chăm chú nhìn đám bè bạn và địch thủ chung quanh bằng một cặp mắt khó thương, anh chàng Jean-Louis bèn ôa lên khóc. Chắc là khóc vì tủi hờn ghen tuông. Nhưng điều khiến tôi ngạc nhiên nhất, đó là anh chàng khóc lóc một cách thật chân thật, anh chàng thực sự đang đau đớn khổ sở vì lòng yêu đương xem lẩn thù hận, ghen tuông: Tôi bèn kêu tên anh ta. Tất

cả mọi người đều quay sang nhìn tôi bằng những cặp mắt khó chịu và ngạc nhiên. Họ làm như chính tôi đã đem phiền nhiễu đến cho tất cả bàn tiệc, đã ngăn trở cuộc vui đang tiến hành thật tốt đẹp. Jean Louis vẫn tiếp tục khóc lóc, và anh chàng chỉ cảm thấy được an ủi khi Cicillo éo lá đứng dậy đến gần anh ta hôn nhẹ bên tai, trong khi lấy tay vuốt tóc và nhở nhẹ nói chuyện thật dịu dàng cùng với Jean Louis. Hình như anh chàng này chú ý không phải làm dịu bớt nỗi buồn đau của người tình Jean Louis, nhưng mà là để chọc giận những địch thủ khác.

Đứng thẳng và ngó gần trông Cicillo coi bộ còn trẻ hơn lúc nằm trên giường rất nhiều. Anh chàng vừa trẻ vừa đẹp. Điều làm tôi ngạc nhiên đó là cứ chỉ cũng như giọng nói của anh tự nhiên vô cùng trong vai trò dẫn dắt mọi người tới những phần bí mật của cuộc lễ. Anh ta không những không tỏ vẻ xấu hổ hay rụt rè về những cử chỉ kỳ cục về vai trò anh ta đang đóng, hơn thế, anh ta còn tỏ ra kiêu hãnh vì nghệ thuật trình diễn của anh ta lúc đó.

Sau khi đã vuốt ve Jean Louis một hồi lâu, anh chàng quay lại chỗ cũ ngồi. Và, không biết có phải tại vì mùi thức ăn, mùi rượu vang, mùi biển cả trong sạch, anh chàng mỗi lúc một mệt dần đi về đòn bà éo lá, dịu dàng. Mắt anh dần dần trở thành sáng rực, tiếng nói mỗi lúc một mạnh, mỗi phút một trầm. Bắp tay bắp chân cứ thế căng phồng theo ánh mặt trời. Hai cánh tay dần dần cứng ngắc biến thành cánh tay đòn ông. Tôi cảm thấy mắt vui. Sự thay đổi đó coi bộ không hợp với cuộc chơi. Nhưng sau này tôi hiểu ra rằng sự hóa thân này cũng là một phần của

figliata sẽ không còn là figliata nữa nếu thiếu hẳn cái trò mệnh danh là *hôn tay* sau đó.

Đúng như vậy, vào một lúc đã định trước, Cicillo bắt đầu kích thích đám bè bạn ngồi chung quanh bằng giọng nói, cử chỉ yêu đương, xen lẫn vào đó là những tiếng kêu, những lời chửi rủa tục tằn, thô bỉ. Rồi bỗng nhiên anh chàng đứng thẳng dậy vòng tay qua trán cởi bỏ áo choàng bằng một dáng điệu thật là vương giả, làm như thèm đang cởi bỏ một chiếc vương miện. Sau đó anh chàng kiêu hãnh nhìn chung quanh, môi nở nụ cười vĩnh quang xen lẫn vẻ khinh khi, ủ rũ bộ tóc đen, và bỗng nhiên, anh chàng lấy chân lật bỏ ngửa chiếc ghế đang ngồi, rồi chạy trốn về phía căn nhà đầy mạnh cánh cửa, thốt lên tiếng cười chát chúa, rồi biến mất. Tất cả mọi người đều đứng dậy chạy đuổi theo, miệng kêu to những tiếng điên cuồng giận dữ, đầy rẫy bi thương, rồi cả bọn ủa vào bên trong căn nhà.

— Nào đi !

Jack la lớn, trong khi nắm chặt tay tôi kéo chạy theo mọi người. Tôi nhận thấy mặt mày anh ta ướt đẫm mồ hôi. Cả hai chúng tôi trèo vội lên cầu thang rồi đứng dừng lại nơi ngưỡng cửa căn phòng.

Cicillo bấy giờ lại nằm ngửa trên giường, hai chân doäng ra. Chỗng hai khuỷu tay, anh nhìn Georges chăm chăm, cái nhìn vừa có vẻ khôi hài bỗn cợt vừa có vẻ đe dọa. Georges đứng thẳng ngay cạnh, anh ta, thở hồn hồn, lưng quay về phía bè bạn, đang đứng đằng sau, dang rộng ngực đầy anh ra phía trước. Bỗng nhiên, Georges

thốt quỳ xuống trước mặt Cicillo, và dưới sự thúc đẩy của nỗi đau đớn xen lẫn lòng yêu đương điên cuồng, rồ dại sau một tiếng rống ghê rợn, anh chàng đầu úp mặt vào khoảng giữa hai đùi của Cicillo.

Bằng một cử động thật chậm chạp, nặng nề, gần như đầy vẻ độc ác, anh chàng thanh niên bật người trở lại, úp mặt xuống giường, chìa hai cái mông gầy nhom lên trên.

Jack mặt mày tái mét, nắm chặt lấy tay tôi. Tôi nhìn sang thấy môi anh run rẩy, mắt mờ đi, hai gò má phồng lên.

— Đิ thôi ! Malaparte ! ! Đิ lẹ thôi ! Anh bạn Hoa kỳ ấp úng nói. Ô ! Chuồn khỏi nơi đây, lẹ lén ! Tôi hết chịu nổi rồi ! Malaparte ! Làm ơn làm phước đá cho hắn ta một cái đi !

— Tôi không thể làm như vậy được ! Tôi cũng chỉ là một người Ý, một thằng thua trận thảm hại tôi không thể đá sau lưng vị anh hùng ! Tôi không có quyền làm như vậy ! Jack !

— Ô ! Tôi đếch cần thứ anh hùng đó ! Malaparte ! Anh hãy đá cho hắn một cái vào lưng ! Xin anh hãy làm dùm tôi ! Đá cho mỗi đứa một cái đi ! Tôi là người Mỹ, tôi đâu làm như vậy được ! Tôi là một đại tá, tôi đâu có thể gây thêm những rắc rối, còn anh là người Ý, đây là nhà anh, anh có quyền làm gì thì làm ! Ô ! Malaparte ! Đá đi !

— Tôi không thể nào làm như vậy. Tôi không thể nào đá sau lưng những vị anh hùng chiến đấu vì tự do. Tôi cũng đếch cần những vị anh hùng, nhưng tôi không làm được ! Thiệt tình như vậy, Jack !

— A ! Vậy là anh sợ ! Jack vừa hét lên vừa nắm chặt tay tôi.

— Phải rồi ! Tôi sợ ! Thú thật cùng anh, tôi sợ thiệt ! Anh đâu biết chúng tôi đã đau khổ đến như thế nào rồi vì mấy loại anh hùng đó ! Anh đâu biết thử anh hùng đó hèn nhát, độc ác tới cỡ nào lận ! Tui chúng sẽ trả thù, sẽ đem tôi bỏ tù ! Sẽ làm cho tôi thân bại danh liệt ! Anh đâu có biết mấy gã hô mô vừa hèn nhát vừa độc địa như rắn rít, nhất là những lúc tụi nó đang đóng vai những tay anh hùng cứu nước !

— Anh sợ ! Anh cũng hèn nhát như tụi nó ! Làm đi ! Đồ chó đẻ.

Jack la lớn trong khi dương mắt sáng rực nhìn tôi.

— Tôi sợ lắm ! Nhưng tôi không hèn nhát, tôi chỉ là một thằng dân khốn khổ, khốn nạn, một thằng dân trong một nước thua trận, Jack ! Tôi cũng muốn đá vào đít tụi nó một cái nhưng tôi không làm chỉ vì sợ ! Jack, anh đâu biết tụi khốn nạn đó dơ dáy đến cỡ nào !

— Ô ! Làm đi ! Malaparte ! Làm đi ! Jack vừa la lớn vừa bầu mạnh vào cánh tay tôi. Làm đi ! Tôi hết chịu nổi cảnh tượng này rồi ! Làm đi !

— Anh là một vị Đại tá Mỹ ! Anh có thể làm bất cứ chuyện gì ! Còn tôi chỉ là một tên Ý đại Lợi khốn nạn, dơ dáy, bẩn tiện. Tôi đâu có quyền làm điều tôi muốn làm ! Tha lỗi cho tôi, Jack.

Bỗng nhiên Jack lấy tay xô mạnh tôi ra rồi anh nhảy xô tới bên Georges, và đá mạnh vào hai chiếc móng đở hồng dày mờ của anh ta, trong khi la lớn :

— Xà lù ! Con heo !

Vừa la, anh ta vừa giăng lấy chiếc tượng quái vật khỏi tay Cicillo. Anh bạn của tôi hình như bị thúc đẩy bởi một cơn điên cuồng dữ dội. Tôi cũng lấy làm sợ cho anh. Trong lúc đó, Georges và lũ bạn quay tròn ở dưới mặt đất, miệng thốt ra những tiếng kêu la leó nhéo giỗng như một lũ đàn bà. Riêng có Cicillo là không tỏ vẻ ngạc nhiên, sợ sệt ; anh chàng ngồi trên mép giường và nhìn Jack băng cặp mắt thán phục trong khi la lên :

— Đây, mới là người đàn ông hùng dũng !
Đẹp biết bao, hùng dũng biết bao !

Tôi nắm vai Jack, cố gắng nhắc anh lên và kéo ra ngoài. Sau cùng tôi cũng kéo anh ta ra ngoài cửa đầy vào trong xe hơi. Tôi trèo lên cầm lái, vội vàng mở máy, chạy hết tốc lực, rời khỏi nơi đó. Jack vừa rên rỉ vừa úp mặt trong lòng bàn tay.

— Ô ! Malaparte ! Khốn khổ thiệt ! Không ai có thể chịu đựng nỗi cảnh tượng đó !

— Anh bạn của tôi ơi ! Anh có cái may mắn được là một người công dân lương thiện. Jack ! Tôi yêu mến anh lắm ! Anh thật tốt, thật lương thiện, đúng là một thứ công dân Hoa kỳ gương mẫu. Anh sung sướng hơn tôi nhiều ! You are a Wonderful Amerriican, Jack ! (1)

Jack ngồi lặng thinh nhìn thẳng về phía trước mặt. Tôi cảm thấy trong tay anh ta vẫn còn đang cầm chặt một vật gì đen đen, đđ đđ.

Tôi hỏi :

(1) Anh là một người Mỹ kỳ diệu, Jack !

— Anh cầm chi trong tay vậy ?

Jack mở tay ra và tôi nhìn thấy trong lòng bàn tay của anh nằm chính ịnh cái phallus to lớn của đứa trẻ sơ sinh.

Jack đỏ mặt nói :

— Tôi xin lỗi bạn. Đáng lẽ tôi không nên làm như vậy.

— Anh làm như vậy là phải lắm !

— Có lẽ tôi không nên làm điều tôi đã làm. Tôi không nên chửi rủa lăng nhục bọn họ.

— Anh làm vậy là phải lắm !

— Tôi không có quyền làm vậy. Tôi không có quyền đá vào lưng túi đó.

— Anh là một kẻ thắng trận. Anh làm gì cũng được hết. Jack, anh là kẻ chiến thắng. A winner (1).

— A winner ? Jack vừa nói vừa nện mạnh chiếc phallus (2) ra ngoài cửa kính xe hơi. Tôi là kẻ thắng trận ? Đừng nói dồn, cha nột !

(1) Người được cuộc, kẻ thua trận.

(2) Dương vật.



CHƯƠNG IV

GIÓ ĐEN

TRẬN GIÓ ĐEN BẮT ĐẦU THỜI VÀO LÚC RẠNG
đông. Tôi choàng dậy, mình mày ướt đẫm mồ hôi.
Trong giấc ngủ tôi vẫn nhận ra tiếng gió buồn bã.
Tôi đến bên cạnh cửa sổ tìm kiếm những dấu hiệu
báo tin trận gió trở về trên những bờ tường, mái
ngói, trên mặt vỉa hè, trong những chòm cây.
Giống như kẻ mù lòa lần tìm lối đi, trận gió đen,
trong lúc không biết đi về đâu, khi đung vô bờ
tường, lúc vuốt ve làn má, khuôn mặt, khi chạm
vô sườn núi, lúc lướt qua bờ biển, sau cùng đè lại
trong không khí và trên mặt những đồ vật một vết
đen mờ mờ. Lần đầu tiên tôi được nghe tiếng gió,
đó là mùa hè 1941, khi tôi đang sống Ukraine,
trong phần đất của người (osaques tại Dnipper).

Một buổi chiều, mấy cụ già người cosaques trong lúc ngồi ngâm ống điếu trên bức cửa ra vô, đã bảo tôi :

— Nhìn kia, trận gió đen !

Ngày đang chết dần, mặt trời từ từ lún sâu xuống lòng đất nới chân trời. Những tia nắng yếu ớt cuối cùng đang nhuộm hồng mấy ngọn cây phong lan trắng. Đúng vào lúc ngày lịm dần, trời đất đang buồn bã đó, tôi được chứng kiến trận gió đen lần thứ nhất trong đời.

Thật đúng là một cái bóng đen. Cái bóng của một con ngựa đen đang lang thang khắp cánh đồng. Có lúc trận gió tiến gần tới xóm làng, rồi hãi sợ lảng ra xa, trông như cánh một con chim ăn đêm đang phủ lên đám cây cối, mấy con ngựa, con chó thơ thẩn quanh làng. Ngay khi trận gió lướt tới, bóng dáng mấy con vật bỗng trở nên đen xám như màu đêm. Tiếng người nói, tiếng ngựa kêu, chó sủa đều giống như những mảnh giấy đen lờ lững bay trong bầu không khí màu hồng của buổi hoàng hôn.

Tôi đi về phía con sông. Mặt nước tối xám, dày đặc : Tôi đưa mắt lên nhìn những chòm cây : Lá cây đen nhánh. Tôi lượm một hòn đá : Cục đá nằm trong tay tôi vừa đen đùi vừa nặng nề. Con mắt nhìn vô không thấu. Những cô gái đi làm đồng trở về, cặp mắt người nào người, nẩy đèn nháy, tiếng cười tươi mát, tự nhiên bay lên trên không, như những cánh chim đen trong sáng. Mọi vật đều đen nhánh giữa ban ngày ban mặt, cảnh tượng thiệt cực kỳ khủng khiếp.

Mấy cụ già cosaques bảo tôi :

— Trận gió đen đó.

Rồi họ lắc đầu nhìn trận gió lang thang hết từ chốn này tới nơi khác, giống như một con ngựa đang cơn kinh sợ.

Tôi trả lời :

— Biết đâu đó chỉ là bóng đêm đang làm cho làn gió trở thành tối đen.

Mấy cụ già người cosaques lắc đầu nói :

— Không phải bóng đêm làm đen cơn gió nhưng cơn gió đen, *le ciorni velier* đang làm đen những vật nào nó đụng vỡ.

Sau đó, họ dậy cho tôi cách nhận ra tiếng gió thổi cũng như mùi vị của nó. Họ ôm chặt một con cừu, thổi nhẹ mờ lông đen của con vật : Mờ lông trôi nên trắng. Họ thổi lên mặt tường : Sau khi những bụi đen đã bay đi, màu vôi trắng, rồi sau đó ném viên đá vô trong lòng gió : Viên đá rớt xuống giống như một ngôi sao vừa tắt. Một ngôi sao đen tắt ngấm trong ánh sáng ban ngày. Tôi cũng học ngửi mùi cỏ khô, vị chát đắng của cơn gió đen và tiếng gió nghe buồn bã một cách tuyệt vời, như chưa đầy quãng đêm tối thăm sâu.

Ngày hôm sau, tôi rời nơi đó để đi Dorogo. Đường còn xa mà ngựa đã mệt. Tôi đến Dorogo tình thăm một kholkoze nổi tiếng nơi người ta chăm sóc, nuôi nấng những con ngựa tốt nhất vùng Ukraine. Tôi rời Consta intinowka lúc năm giờ chiều, và nhằm tình sẽ tới Dorogo trước khi đêm xuống. Nhưng những trận mưa vừa rồi đã biến con đường trở thành một cái hố đầy bùn và cuồn theo luồn cả những cây cầu nhỏ bắc qua mấy con suối. Vùng này có rất nhiều suối, mỗi lần gấp phải trường hợp như vậy, tôi bắt buộc phải đi lên đi

xuống dọc theo dòng nước cổ tìm cho ra một bờ đê. Tôi còn ở cách Dorogo rất xa, vậy mà mặt trời đã lún sâu vào lòng đất tiếp theo một tiếng động khô khan ở phía chân trời. Mặt trời ở vùng đồng bằng thường lặn một cách bất thình linh, nghe như một viên đá rớt xuống vô mặt đất. Khi rời khỏi Constantinowka được vài dặm, tôi nhập chung với một đoàn kỹ mã người Hung. Đoàn người tính tới Stalino. Họ vừa cười ngựa vừa ngâm những chiếc ống điếu thật dài. Thỉnh thoảng họ lại ngừng để bàn chuyện cùng nhau. Tiếng họ nói nghe thật êm tai như tiếng hát.

Tôi lại trở về bàn luận về cuộc hành trình. Nhưng một lúc sau, viên đội dẫn đầu dùng tiếng Đức hỏi tôi có muốn bán con ngựa đang cưỡi cho họ không. Đó là con ngựa giống cosaque, con vật biết rõ tất cả mọi thứ âm thanh, mùi vị của vùng cánh đồng.

— Con ngựa này là bạn của tôi. Tôi đâu có thể mang bán bè bạn.

Vिण đội mỉm cười nói :

— Con ngựa đẹp thật, nhưng anh mua nó chắc cũng không mắc. Nói thật cùng lui tôi đi, anh ăn trộm con vật này ở đâu ?

Tôi biết cách trả lời mấy tên ăn trộm ngựa :

— Đúng thế ! Con ngựa này đẹp thật. Nó chạy lẹ như gió suốt từ sáng cho tới tối mà không biết mệt. Nhưng nó mắc bệnh phong cùi.

Tôi nhìn tận mắt viên đội rồi phá lên cười. Hắn ngạc nhiên hỏi tôi :

— Nó có bệnh cùi ?

— Anh không tin cứ sờ thử coi. Chắc chắn là bệnh sẽ lây qua anh.

Rồi lấy mũi chân cọ nhẹ lên mình con vật, tôi từ từ bỏ đi không thèm nhìn lại.

Tôi nghe bọn họ vừa cười vừa la hét chửi bới ở phía sau. Rồi sau đó cả bọn nghiêng về phía bờ sông, vừa phi ngựa vừa dơ tay vấy.

Sau vài dặm, tôi gặp một nhóm kỹ sĩ Lỗ mã ni vừa mới ăn trộm về. Những chiếc áo choàng tắm bằng lụa, những tấm da cừu chất đầy lên mình ngựa. Chắc là bọn họ mới đi ăn trộm tại một làng dân tartare nào ở gần đó. Họ hỏi tôi đi đâu. Tôi trả lời :

— Tôi Dorogo.

Bọn họ tinh ý cùng tôi tội tận Dorogo nhưng mấy con ngựa đều đã quá mệt mỏi. Sau khi chúc tôi đi đường bằng an, cả bọn phóng ngựa vượt lên trước, thỉnh thoảng, một người trong bọn ngoại cõi lại giơ tay chào tôi.

Đêm xuống đã từ lâu, bỗng tôi nhận ra ánh lửa từ phía xa. Chắc đó là Dorogo. Và đột nhiên tôi nhận ra mùi gió đèn, và tim tôi như ngừng đập. Tôi xoè hai bàn tay : Chúng trở nên đen nhánh khô queo giống như đá. Cây cối, cỏ hoa, đất đá, tất cả mọi vật trên cánh đồng đều trở nên đen thui : Tuy nhiên bầu trời vẫn còn sáng long lanh như nạm bạc. Những tia sáng cuối cùng của một ngày vẫn le lói phía sau tôi. Rồi những con ngựa rừng hung tợn từ cuối phương Đông lao tới, tạo thành những đám bụi đen. Tôi cảm thấy trận gió đang ve vuốt khuôn mặt, lấp đầy mắt, mũi, miệng. Một thứ yên lặng nặng nề, nhảy nhua lan tràn ra khắp cánh đồng giống như một lớp bùn đặc. Tôi cui xuống vuốt nhẹ mình

ngựa, nỗi nhở bên tai con vật. Con ngựa vừa nghe tôi nói vừa khục khắc hí nhẹ nhẹ, rồi sau đó quay đầu ngó tôi bằng cặp mắt buồn bã, tức giận.

Đêm xuổug. Những đốm lửa mỗi lúc một gần. Bỗng nhiên tôi nghe tiếng người nói ngay trên đầu tôi.

Tôi ngẩng lên nhìn. Hai hàng cây hai bên đường uốn cong cành lá xuồng đầu tôi. Tuy nhiên tôi không nhìn thấy thân cây, cũng như cành lá. Tôi chỉ đoán thấy chúng đang vây bọc quanh tôi. Ngoài cây cối ra còn có sự hiện diện kỳ lạ của một vật chí sống động, ngọ ngoạy giữa bóng đêm chêt chóc, một sinh vật nằm trong bức tường tối đen của gió và của đêm. Tôi kìm ngựa, dỗng tay nghe ngóng. Rõ ràng tôi nghe có tiếng người nói ngay phía bên trên: những tiếng nói lào xào ngay trong quang không đen tối ngay trên đầu tôi.

Tôi la lên bằng tiếng Đức:

— Werda ? Ai đó ?

Đúng là tiếng người, khi nhẹ nhàng, êm dịu, khi tức tối, cục cằn, khi lạnh lùng yếu ớt, lâu lâu lại vỡ ra như tiếng thủy tinh chạm vô hòn đá. Tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Yiddish trộn lẫn vào nhau, nói đủ thứ chuyện, chuyện gia đình, con cái, tiền bạc...

Tôi lại kêu lên :

— Werda ?

— Anh là ai ? Muốn gì ? Ai đó ? Ai ? ...

Tiếng người ò lên trả lời ngay trên đầu tôi.

— Tôi là một người theo đạo !

Tiếng cười nghe thật chói tai, chạy dài trong quang không đen tối rồi sau đó mắt hút vào trong

bóng đêm. Một giọng nói lại vang lên :

— Một kẻ có đạo ? Anh theo đạo ?

— Đúng thế, tôi là kẻ có đạo !

— Ah ! Ah ! Ah ! Anh không cảm thấy xấu hổ vì theo đạo hả ?

— Không ! Tôi không xấu hổ vì theo đạo.

Tiếng chẽ giễu nồi lên trả lời câu nói của tôi :

— Thiệt sao ? Anh không xấu hổ vì theo đạo ?

Tôi lặng thinh.

— Tại sao anh không trả lời ?

Tôi yên lặng nhìn về phía đang mỗi lúc mỗi sáng dần. Một tia sáng yếu ớt màu vàng đang từ từ trải ra khắp bầu trời, giống như màu sáng nhạt của chiếc vỏ hộp gà. Thật đúng là một chiếc hộp gà đang từ từ ló ra khỏi mặt đất.

— Tại sao anh không trả lời ?

Tôi cảm thấy từng lá cây sột soạt vì gió thổi ngay bên trên đầu, rồi tiếng cười giận dữ nồi lên. Một vật gì như cánh chim chạm vào mặt tôi. Đúng là mấy con chim to lớn, đen đúa, có lẽ loài quạ đen giật mình thức giấc bay tán loạn.

Tôi la lên :

— Các anh là ai ? Làm ơn trả lời tôi đi !

Ánh sáng mặt trăng dần dần trải ra khắp bầu trời. Những hàng cây bên tường mỗi lúc một thêm rõ. Và trên đám lá cây có những bóng đen động đậy. Một tiếng kêu khủng khiếp thoát ra từ cổ họng tôi. Đó là những người bị đóng đinh vào thân cây, hai tay dơ ngang, hai chân chụm lại thành hình thánh giá. Kẻ gục đầu vào vai, vào ngực, kẻ ngẩng lên ngắm mặt trăng. Nhiều người choàng áo đen rộng, thứ áo của dân Do Thái,

những người khác mỉm mỉm trán trui, da thịt lấp lánh dưới ánh trăng lạnh lẽo.

Tôi giơ tay tinh gõ những chiếc đinh đóng ở dưới chân một kẻ trong bọn. Nhưng những tiếng kêu chát chúa thi nhau nồi lên, và người đàn ông bị đóng đinh đó la lớn :

— Đừng đụng vào tao ! Đồ chó chết !

— Tôi đâu muốn làm anh đau ! Xin anh đè yên cho tôi giúp đỡ.

Tiếng cười độc ác chạy dài từ thân cây này qua thân cây khác. Tôi thấy bằng ấy cái đầu động dật, bằng đó bộ râu rung lên và những cái miệng mở ra rồi đóng lại : Họ đều nghiến răng kẽm kẹt.

— Giúp đỡ tụi tao ? Bộ mày muốn thương hại chúng tao hả ? Bởi vì mày theo đạo cho nên mày ra điều thương hại chúng tao, phải vậy không ?

Tôi lặng thinh. Tiếng nói lại la lên to hơn :

— Chính những thằng theo đạo như mày đã đóng đinh chúng tao ! Đầu phải mấy con chó, con ngựa đã làm việc khốn nạn đó ! Chính mấy thằng theo đạo như mày !

Tôi yên lặng cúi rạp mình trên ngựa.

— Hãy trả lời đi ! Mày lấy quyền gì thương hại tụi tao ?

Tôi la lên :

— Không phải tôi đóng đinh mấy anh ! Không phải tôi !

— Không phải mày nhưng những thằng khác như mày.

Vào lúc đó, một tiếng kêu từ xa vang lên. Một tiếng than chạy dài dọc theo hàng cây. Rồi những tiếng nói hốt hải vang lên :

— Ai ? Ai đang chết đó ?

Nhiều tiếng nói vang lên từ phía xa :

— David ! David, con trai của Samuel. David !
David !

Tên người chết cứ thế chuyền từ thân cây này
tới thân cây khác, cùng với những tiếng thở dài,
tiếng khóc nức nở, tiếng la hét đau khổ, giận dữ.
Tiếng người lúc nãy lại cất lên :

— Chỉ là một đứa bé.

Tôi ngẩng đầu lên nhìn, Anh trăng chiếu rõ
khuôn mặt kẻ đang nói chuyện với tôi : Một người
đàn ông trần truật, ốm yếu. Hai tay người đó bị đóng
vào hai cành cây lớn, thành hình thập tự. Người đó
nhìn tôi chăm chú rồi bỗng nhiên kêu to :

— Lòng thương hại của Ông như thế nào ? Ông
muốn chúng tôi dùng lòng thương hại dơ dây đó
vào việc chi ? Chúng tôi phải nhô lên lòng thương hại
của Ông ! Và tất cả mọi người đều giận dữ la theo :

— Nhô lên đó đi ! Nhô lên đi !

Tôi cũng la lớn :

— Đừng xô đẩy tôi ! Hãy để cho tôi được giúp
dỡ mấy anh. Hãy để tôi cởi mọi người ra khỏi thập
tự ! Đừng xô tay tôi ra !

Tiếng cười day dứt trên đầu tôi nghe thấy
những cành lá chuyền động, run rẩy. Người đàn
ông bị đóng đinh trên cây thập tự hét lên :

— Ah ! Ah ! Ah ! Các anh nghe không ? Hắn ta
muốn gõ tai mình ra khỏi cây thập tự !

— Đừng xô đẩy tôi ! Làm ơn đừng xô đẩy tôi !

Người đàn ông trả lời bằng một giọng buồn
thảm :

— Thật tình anh muốn gõ tai tôi ? Anh có

biết sau đó sẽ xảy ra chuyện gì không ? Tui Đức sẽ giết chúng tôi như giết những con chó, và luôn cả anh nữa. Tui nó sẽ giết anh như giết một con chó dại.

Tôi lầm bầm nhắc lại :

— Tui nó sẽ giết tất cả như những con chó...

— Nếu thực tình anh muốn giúp đỡ tui tôi, xin anh làm ơn bắn mỗi người một phát vào đầu. Nào, hãy bắt đầu bắn tôi trước. Bắn đi ! Bộ anh không đủ can đảm hay sao ? Nếu anh thực sự là người theo đạo, nếu anh thực tiễn thương hại chúng tôi, xin cho chúng tôi ăn huệ cuối cùng đó. Nào, rút súng ra đi ! Anh sợ hãi ? Bộ anh sợ hãi ? Đức sẽ giết anh vì anh đã thương hại tui tôi hả ?

Nói xong, người đó chăm chú nhìn tôi. Tôi la lên :

— Không, không ! Đừng bắt tôi làm chuyện đó ! Tôi chưa hề bắn ai ! Tôi chưa hề cầm súng bắn một người nào hết. Tôi không phải là tên sát nhân ! Tôi không muốn trở thành sát nhân !

Rồi tôi vừa la khóc vừa cúi rạp người đập đầu vào cổ con ngựa.

Mấy người bị đóng đinh yên lặng. Tôi nghe tiếng họ thở, tiếng họ nghiến răng, tôi cảm thấy từng đó cắp mắt đè nặng lên tôi.

— Nếu anh thực tình thương hại tôi, xin anh hãy cứ bắn cho tôi một viên vào đầu. Hãy thương hại tôi ! Làm ơn giết tôi đi ! Giết tôi đi !

Tôi vừa than van vừa la khóc, trong khi cố gắng cự động hai cánh tay lúc đó trở lên nặng nề như hai hòn đá. Tôi đặt tay lên ngực lồng, nắm chặt cổ súng, rồi từ từ nâng cao khuỷu tay, rút

khẩu súng ra ngoài bao. Tôi đứng lên bàn đạp, một tay nắm chặt bờm ngựa, và tay kia nâng khẩu súng lên cao, kê ngay vào mặt người đàn ông bị đóng đinh. Tôi cảm thấy mình yếu ớt như một con sên. Tôi nhìn người đàn ông : Miệng người đó há ra, hai lỗ mũi đầy máu đông đặc thành từng cục, râu ria xồm xoàm, cặp mắt long lanh nhìn tôi. Người đó la lớn :

— A ! Đồ khốn kiếp ! Đồ hèn nhát ! Mi chỉ biết hành động như vầy hôi hả ? Tui bây đã đóng đinh chúng tao rồi bây giờ lại bắn vào đầu chúng tao nữa hả ? Lòng thương hại của tui bây là như vậy hả ?

Rồi cứ thế, người đó nhô liên tiếp hai, ba lần vào mặt tôi. Tôi té nhào xuống mình ngựa. Trong khi đó có tiếng cười kinh rợn nỗi lên khắp chòm cây. Con ngựa bị thúc đinh, bèn phóng đi. Còn tôi cúi đầu, hay tay ôm lấy yên ngựa, lướt qua đám người đóng đinh. Từng người một khặc nhô vào mặt tôi trong khi la lớn :

Đồ hèn nhát ! Đồ khốn kiếp !

Tôi cảm thấy những cục đờm quắt mạnh vào mặt tôi như những ngọn roi. Tôi nghiến răng lầm lũi cúi đầu đi giữa cơn mưa nhục nhã đó.

Tới Dorogo, tôi té từ trên yên xuống tay những người lính Ý đang trấn giữ làng này. Họ là những Khinh Kỵ Binh thuộc lữ đoàn Lodi dưới quyền chỉ huy của một thiếu úy còn quá trẻ. Đến đêm, tôi bị nóng sốt, nói lảm nhảm tới tận sáng. Viên sĩ quan trẻ tuổi săn sóc tôi. Trong cơn mê hoảng, không biết tôi nói những gì, nhưng khi tôi đã tỉnh viên sĩ quan bảo tôi không có gì cả. Số phận

của mấy người đó là như vậy. Anh ta còn cho tôi biết tin, ngay trong sáng hôm đó, đội tuần tiễu Đức đã xử bắn một người dân quê. Khi họ bắt gặp người đó đang cho mấy nạn nhân bị đóng đinh uống nước. Tôi la lên :

— Tôi không muốn theo đạo ! Tôi xấu hổ vì có đạo.

Rồi sau đó tôi cưỡng lại những người ngăn giữ không cho họ uống. Viên sĩ quan và hai người lính phải buộc chặt tôi vào mặt giường.

Tôi cố gắng chống cự mãi cho tới lúc ngất đi. Khi tỉnh lại, tôi lại rơi vào một cơn nóng sốt, nói lăm nhăm suốt một ngày một đêm.

Ngày hôm sau, tuy đã tỉnh nhưng quá yếu không sao dậy nổi, tôi nằm trên giường và nhìn qua cửa kính. Tôi nhìn bầu trời trăng toát bên trên cảnh đồng. Những đám mây xanh lơ lửng trên chân trời. Tai tôi nghe tiếng những người lính, những người dân quê nói chuyện trong lúc đi qua khu vườn bên ngoài. Viên sĩ quan khuyên tôi phải quên những cảnh tượng đó đi nếu không muốn trở lên điên khùng. Anh ta nói thêm, nếu tôi trong mình khá mạnh, anh ta đưa tôi đi thăm trại chăn nuôi ngựa nỗi tiếng ở Dorogo. Tôi cảm ơn anh ta và nói tôi muốn quay trở về Constantinowka càng sớm càng tốt. Ngày thứ ba, tôi trở dậy, chào từ giã viên sĩ quan (tôi nhớ lại trong lúc ôm anh ta hôn, người tôi run lẩy bẩy). Mặc dầu cảm thấy không còn một chút sức lực nhưng tôi vẫn cố gắng trèo lên mình ngựa. Buổi chiều tôi rời nơi nơi đó, đèo đi Constantinowka; có hai người lính đi kèm. Khi đi qua hàng cây, tôi nhắm mắt, rồi thúc đinh ngựa

lao đi giữa hai hàng người đóng đinh trên những thân cây, hàm răng nghiến chặt. Bỗng nhiên tôi ngừng ngựa lại; la lớn :

— Tôi đắt ! Tại sao tất cả đều yên lặng ?

Tôi mở mắt ra nhìn. Đám con chiên bị đóng đinh đinh chặt vào thân cây, mắt trợn to nhức tôi. Trận gió đen mẩy bừa nay lang thang khắp cánh đồng như một con ngựa mù loà, cuồn tung những mảnh vải che thân đám người khốn khổ; đám cành lá kêu xào xạc. Không còn tiếng thì thầm chạy dài suốt hàng cây. Những con quạ đen đậu im lìm trên vai những kẻ đã chết, chúng dương mắt chăm chăm nhìn tôi.

Một sự yên lặng khủng khiếp đè nặng lên vạn vật. Ánh sáng tắt ngấm, mũi cỏ, màu lá, những đám mây trời, những viên đá sỏi, tất cả chết lịm giữa cơn yên lặng trống rỗng, lạnh lẽo đó. Tôi thúc đinh ngựa. Con vật lao đi. Và cứ thế tôi chạy trốn trong khi khóc nức nở. Qua cánh đồng rỗng, trong lúc cơn gió đen vẫn lang thang khắp chốn này qua chốn khác, như một con ngựa mù loà giữa một ngày đẹp trời.

Tôi nhận ra sự yên lặng khủng khiếp đó. Mùa đông năm 1941, chạy trốn cuộc chiến tranh, (chạy trốn cuộc đau đớn nhục nhã do chiến tranh gây ra), tôi về Pise trú ẩn, trong một căn nhà hoang ở cuối một con phố đẹp đẽ nhưng hẻo lánh. Đi cùng với tôi là con chó Febo. Lúc gặp tôi, con vật gần chết đói trên bãi biển Marina Corta, thuộc đảo Lipari. Sau đó, nó trở thành người bạn độc nhất của tôi trong những năm dài đầy ái cô đơn trên

hòn đảo nhỏ thật buồn bãm nhưng cũng thật thân yêu đối với tôi.

Tôi chưa từng yêu một người nào như là đã yêu con vật nhỏ bé Febo đó. Nó là một con chó như tôi. Chính nó mà tôi viết lên những trang sách đẹp đẽ nhan đề : *Một con chó như tôi*. Một con vật cao quý nhất tôi gặp được trong đời. Con vật thuộc dòng dõi một loài chó săn từ những vùng bờ biển Á châu di cư qua Âu châu. Những người chăn cừu gọi chúng là *Cerneghi*. Đó là những con chó mà những thợ khắc Hy lạp khắc lên bia mộ, «Chúng xua đuổi được cả thần chết». Mấy người chăn cừu ở Lipari nói vậy.

Lông con vật màu hồng pha lẩn màu vàng, giống như ánh trăng sáng trên mặt biển, trên đám lá cây chanh, cây bưởi lấp lánh trong đêm, trên những vây cá long lanh sau khi nước biển rút đi để lại trên mặt cát ngay trước căn nhà hoang liêu của tôi ở trên hòn đảo. Đúng là màu mặt trăng sắp tàn vào lúc rạng đông. Tôi gọi là màu Trăng-Chó.

Con vật không hề rời tôi nửa bước. Nó theo tôi như một con chó. (Tôi nói lại : Nó theo tôi như một con chó). Trong căn nhà nghèo nàn, luôn luôn bị gió biển và thủy triều quật lên quật xuống, sự hiện diện của nó thật tuyệt vời, cao quý. Ban đêm, ánh mắt ấm áp, long lanh như ánh trăng của nó chiếu sáng căn phòng trần trụi. Con vật có đôi mắt màu xám nhạt, giống như màu nước biển mỗi khi mặt trăng sắp sửa lặn. Con vật như là một cái bóng bên tôi. Nó giúp tôi tìm lại sự khinh bỉ loài người, điều kiện tiên quyết để

lại sự bình thản sự khôn ngoan trong cuộc sống. Tôi có cảm tưởng con vật giống hệt tôi, nó chính là hình ảnh của lương tâm của những gì thật sâu xa thật bí ẩn trong tôi. Nó là phần vô thức, hay nói khác đi, nó chính là cái bóng ma của tôi.

Chính nhờ nó, tôi biết được một điều là đạo đức, luân lý vốn là những gì cho không. Ai muốn có cũng được. Đạo đức có một giá trị nội tại, một cứu cánh riêng của nó. Đạo đức không những chỉ dùng để cứu vớt đời sống, nó còn luôn luôn phát sinh thêm những cớ này, cớ nọ tùy theo ý thích của nó. Cuộc gặp gỡ của một người đàn ông và một con chó, đúng là cuộc gặp gỡ thật lẳng lặng giữa hai nền đạo đức cho không. Về phần chó cũng như về phía người, ai muốn hiều sao cũng được. Có thể coi đó như là cuộc gặp gỡ của hai tâm hồn cao thượng hai tư tưởng tự do... Tôi hiều ra những cử động thật sâu xa bí ẩn, những tri giác, những bản năng thật mơ hồ vu vơ, những bàng hoàng, lo sợ, những ước mơ đạt dào hy vọng của tôi ở trong đó. Cách cư xử lòng khinh khi tinh kêu ngạo, sự can đảm khi đối mặt với loài người của nó, cũng chính là của tôi. Nhưng nó hơn tôi ở chỗ rất nhanh cảm trước những dấu hiệu huyền bí của thiên nhiên. Nó có thể nhận ra sự hiện diện vô hình của cái chết quanh quất con người. Nhiều đêm, con vật nằm cạnh chừng một bóng ma vô hình quanh quần bên tôi, lúc xáp tới gần lúc lảng ra xa; hoặc rình rập hắng giờ bên ngoài cửa kính. Thỉnh thoảng bóng ma vô hình tiến lại quá gần chạm vô trán tôi, con vật gầm gừ doạ nạt, lông dựng ngược hẳn lên, và sau đó tôi nghe

có tiếng than van sợ sệt kéo dài mãi ra xa rồi mất thu trong bóng đêm.

Rồi một hôm, tôi bị còng tay dẫn từ Lipari tới một hòn đảo khác, và nhiều tháng sau, từ đó tới Toscane. Febo theo tôi từ đàng xa, nấp sau những chiếc thùng đựng cá và những đống dày thừng trên boong tàu Santa-Marina một chiếc tàu nhỏ chạy bằng hơi nước mỗi tuần khởi hành một lần từ Lipari tới Náp, hoặc nấp sau những giỏ đựng cá, đựng cà tó mát trên chiếc thuyền nhỏ chuyên vét lòng sông giữa Náp, Ischia và Ponza. Những người qua lại trên đường phố dừng lại nhìn tôi bằng con mắt chĩa đầy trách cứ và khinh bỉ, có người còn làm bầm những cậu chửi thề. Thỉnh thoảng tôi quay lại và nhìn thấy con vật mon men cúp đuôi lần theo bờ tường, hai mắt buồn bã nhìn tôi.

Tại thành phố Náp, trong lúc tôi đang đi xuống đường Partenope hai người lính đi kèm hai bên bỗng có hai người đàn bà tươi cười tiến lại gần : Đó là bà Benedetto Groce và Minnie Gasella, vợ một người bạn thân của tôi tên là Caspare Casella. Hai người đàn bà vui vẻ chào tôi và năn nỉ hai người lính cho phép tôi đi ăn sáng tại một tiệm ăn gần đó. Hai ngày qua tôi chưa ăn uống gì hết.

Bà Groce nói với hai người lính :

— Các anh ít nhất cũng nên cho anh ấy đi trong bóng đậm.

Bữa đó đang tháng sáu, trời nắng gay gắt. Tôi nói :

— Cám ơn hai bà. Tôi thì không cần chi nhưng xin các bà làm ơn cho con vật uống chút nước.

Febo ngừng lại cách tôi vài bước. Nò dương mắt

nhin bà Groce, tỏ vẻ hết sức đau đớn. Hình như lần đầu tiên nó nhìn thấy lòng thương hại, lòng từ thiện, cử chỉ ưu ái của những người đàn bà. Nó ngửi một hồi rồi mới ngừng. Vài tháng sau tôi bị chuyển tới Lucques thuộc Toscane. Người ta giam tôi trong nhà tù của thành phố. Tôi ở trong nhà tù đó một thời gian khá lâu. Khi tôi bị đưa khỏi nhà tù tới một nơi phát vãng mới, Febo đứng chờ tôi ở bên ngoài cửa. Con vật ẩn nhom, mày mày đầy bùn, mắt vẫn long lanh dịu dàng nhìn tôi.

Trong hai năm tù đầy, chúng tôi sống trong một căn nhà nhỏ ở mãi trong rừng. Febo và tôi cùng được ở trong một căn phòng, mấy người lính ở phòng bên cạnh. Sau cùng tôi được hưởng tự do. Đối với tôi, tự do đó chỉ có nghĩa được rời khỏi một căn phòng kín mít không cửa sổ, để tới một căn phòng nhỏ khác bốn bề không có bờ tường. Chúng tôi được chuyển tới La mã. Febo buồn rầu, cảm thấy nhục nhã vì tình trạng tự do của tôi. Còn vật biết rõ tự do không phải như vậy loài người không thể hiểu được tự do là gì. Đối với Ý đại lợi và đối với toàn thể Âu châu, tự do khi đó cũng thối tha như bần, như lô nô lệ.

Trong thời gian ở Pise, chúng tôi gần như giam hãm suốt ngày trong căn nhà. Gần trưa chúng tôi ra ngoài dạo mát dọc theo giòng sông, lang thang trên những bờ đá, bến tàu lạnh lẽo. Rồi sau đó chúng tôi tới công trường Phép lạ, nơi có ngọn tháp nghiêng Pise penchée nổi tiếng khắp hoàn cầu.

Chúng tôi trèo lên tháp. Và từ trên cao chúng tôi nhìn xuống cảnh đồng rộng chạy dài tới Livourne Massa, mặt biển xanh lơ, rặng núi Carrare trắng xóa vì tuyết và đá cầm thạch. Đó là xứ Toscane của tôi.

Buổi chiều chúng tôi tới ngồi tại bao lơi cầu sông Arno nhìn giòng nước chảy kéo theo những chiếc lá vàng, nhìn những đám mây trắng sáng long lanh như nạm bạc phủ lên nền trời Pise, khi ở nhà Febo thường nằm bưới chân tôi hằng giờ đồng hồ. Thỉnh thoảng nó nhôm dậy, đi lại gần cửa quay lại nhìn tôi. Tôi tới mở cửa, Febo đi ra ngoài, một hai giờ sau, con vật quay lại thở hồn hồn lồng nhẵn thin vì gió, hai mắt long lanh vì khí lạnh. Ban đêm con vật nằm yên lặng nghe tiếng nước chảy, tiếng mưa rơi trên mặt sông. Một bửa con vật đi ra ngoài rồi không quay trở lại. Tôi đợi tới chiều. Khi đêm xuống, tôi chạy khắp đường phố kêu lớn tên con vật thân yêu. Qua khuya, tôi quay về nhà, nằm trên giường ngóng nhìn ra cửa Lâu lâu tôi ra bên cạnh cửa sổ kêu tên con vật. Tôi rạng sáng tôi lại chạy đi tìm kiếm bóng dáng con vật trong những đường phố hoang tàn, giữa những căn nhà đổ nát. Khi trời sáng rõ, tôi chạy tới phủ de, ngo túng chiếc cũi dở ráy, nhìn túng con chó rên rỉ, cõi buộc thông lọng. Người gác cửa bảo tôi có lẽ con vật đã bị xe hơi cán chết, hoặc bị ăn trộm, hoặc bị mẩy đưa trẻ con mất dạy vứt xuống sông. Người đó khuyên tôi đi kiểm Febo, trong những căn nhà tôi tàn, có thể con vật đang ở trong một tiệm bán chó nào đó.

Suốt ngày hôm đó, tôi lần lượt đi hết nhà này

qua nhà người khác, và sau cùng một người thợ hớt tóc hỏi tôi đã đến Đường đường thú y Đại học nơi bọn ăn trộm thường đem chó đến bán làm vật thí nghiệm. Tôi chạy vội tới Đại học nhưng lúc đó đã qua trưa đường đường thú y, đã đóng cửa. Tôi quay về. Buổi chiều tôi quay lại Viện đại học, đi vô đường đường. Tim tôi đập mạnh, chân gần như không bước nổi. Tôi cảm thấy quá yếu ớt và quá kinh hoàng sợ sệt. Người thầy thuốc nhìn tôi thật lâu, không nói gì hết. Cuối cùng ông ta bảo tôi ông ta sẽ hết lòng giúp đỡ. Ông ta mở cửa, chúng tôi bước vội vô một căn phòng rộng sáng sủa. Dọc theo bờ tường, những chiếc nôi hình chiếc đàn vĩ cầm nằm thẳng hàng, giống như những chiếc giường trong một Đường đường trẻ sơ sinh. Trong mỗi một nôi có một con chó nằm ngửa, bụng phơi ra; sọ hởa đôi, ngực mở toang hoác. Những con chó đều đưa mắt nhìn chúng tôi tỏ vẻ van nài, khẩn cầu, cặp mắt chua đầy một nỗi sợ hãi khủng khiếp. Đứng chêt trân ngay giữa căn phòng, tôi cảm thấy mình mây tay chân đều biến dần dần thành đá lạnh. Người thầy thuốc đập lên vai tôi nói : «Can đảm lên» tiếng nói của ông làm tôi bừng tỉnh, tôi cố gắng bước từng bước và tiến lại gần chiếc nôi đầu tiên, tôi cúi xuống nhìn. Mỗi lần bước từ chiếc nôi này qua chiếc nôi khác, máu nóng bốc lên đỏ cả mặt, tim tôi mở ra đầy hy vọng... và tôi đã nhìn thấy Febo.

Con vật nằm ngửa, bụng mở toang, một sợi dây cao su cắm vào lá gan. Nó nhìn thấy tôi, ánh mắt trở thành chăm chú, trót sưng. Trong cái nhìn của nó chứa đầy một nỗi dịu dàng. Con vật thở nhẹ nhè

miệng hé mở, nhìn tôi đăm đăm. Cơn đau xé nát tim tôi. Tôi thầm gọi : «Febo» — Và con vật dịu dàng nhìn tôi. Tôi nhìn thấy Chúa ở trong Febo, tôi nhìn thấy Chúa đang bị đóng đinh trong Febo. Tôi nhìn thấy Chúa đang nhìn tôi bằng con mắt đầy dịu dàng yêu thương «Febo» Tôi gọi thầm và cúi xuống khẽ vuốt trán nó. Febo liếm tay tôi.

Người thầy thuốc đặt tay lên vai tôi :

— Luật lệ không cho ngưng ngay một cuộc thi nghiệm. Nhưng đối với Ông... Tôi sẽ chích cho con vật một mũi thuốc. Nó sẽ hết đau đớn.

Tôi ôm lấy bàn tay viên y sĩ, nói qua hàng nước mắt :

— Xin Ông cam đoan với tôi nó sẽ không còn đau đớn nữa.

— Nó sẽ ngủ luôn không thức dậy. Tôi cũng muốn cái chết của tôi được êm đềm như thế.

— Tôi sẽ nhắm lại. Tôi không muốn nhìn thấy nó chết. Nhưng xin Ông làm ơn làm ngay cho. Xin làm ngay dùm!

— Chỉ một chút xíu thôi. Viên y sĩ vừa trả lời vừa nhẹ nhàng rời khỏi nơi đó.

Ông ta tới cuối phòng, mở một ngăn tủ. Tôi đứng nhìn Febo con vật đang run rẩy đau đớn, ướt đầm nước mắt. Nó nhìn tôi đăm đăm. Không một tiếng rên rỉ, kêu than thoát ra khỏi cuống họng con vật. Trong mắt nó hiện lên sự dịu dàng êm ái. Mấy con chó khác đang nằm ngửa phơi bụng ra ở trong mẩy cùi bên cạnh đó cũng đăm đăm nhìn tôi, không một tiếng rên rỉ nào thoát ra từ cửa miệng những con vật đáng thương đó. Tất

cả đều đầm đầm nhìn tôi, cái nhìn chứa chan những dịu dàng êm ái.

Bỗng nhiên tôi khùng khiếp la lên :

— Tại sao tất cả đều yên lặng ? Tại sao lại yên lặng như thế này ?

Đúng là một sự yên lặng lạnh giá, chêt chóc ghê rợn.

Viên y sĩ tiến lại gần, trên tay cầm ống tiêm :

— Trước khi giải phẫu, chúng tôi phải cắt bỏ những tuyến phát âm của chúng.



Tôi choàng dậy, thản thè ướt đầm mồ hôi. Tôi đến bên cửa sổ, nhìn những căn nhà, mặt biển; bầu trời phía bên trên ngọn đồi Pausilippe, nhìn hòn đảo Capri lẳng lặng nơi chân trời trong lớp sương mù buông hoàng hôn. Tôi nhận ra tiếng gió đèn đang thổi. Tôi vội vàng mặc quần áo, ngồi bên thành giường, và tôi chờ đợi. Tôi biết tôi đang chờ đợi một chuyện gì thật buồn bã, thật đau thương. Tôi cũng biết tôi không thể nào ngăn cản nỗi buồn bã đau thương đó. Tôi gấp tôi.

Vào khoảng sáu giờ, một chiếc xe Jeep ngưng ngay trước cửa sổ. Tôi đợi tiếng gõ cửa. Đó là trung úy Campbell thuộc PBS. Trong đêm vừa qua Đại bản doanh Caserta đã ra lệnh cho tôi đến trình diện đại tá Jack Hamilton tại Cassino. Thời giờ này, kè như đã trễ. Chúng tôi phải đi ngay lập tức. Tôi mặc áo trận, đeo súng rồi nhảy lên xe.

Campbell dáng người cao lớn, tóc hung cặp mắt màu xanh điểm một vài chấn trắng. Tôi đã ra trận cùng anh rất nhiều lần. Tôi yêu thích thái độ bình

tinh luôn luôn mỉm cười trước những nguy hiểm của anh. Tuy vậy, anh là một thanh niên u sầu, sinh quán tại Viscosin. Hình như anh ta biết trước sẽ không có ngày được trở lại quê hương: Vài tháng sau đó, anh trúng mìn từ thương trên con đường giữa Milan và Bologne, hai ngày trước khi cuộc chiến chấm dứt. Anh là người ít nói, và mỗi khi nói thường hay đỏ mặt.

Ngay khi vượt qua cây cầu Capone, chúng tôi gặp một đoàn công voa chờ thương binh. Đó là những ngày chiến đấu vừa buồn thảm vừa vô ích chống lại những cuộc tấn công của Đức quân tại chiến tuyến Cassino. Ởng nhiên chúng tôi rơi vào giữa vùng giao tranh. Những quả đạn, trái phá rơi xuống Via Casilina và nổ tung lên. Tôi *cheek point* nơi cách xa những căn nhà đầu tiên của chiến tuyến Cassino độ một dặm, một viên trung sĩ ra đón chúng tôi dẫn vò trú ẩn đằng sau một bờ dốc chờ đợi trận mưa trái phá giảm dần.

Nhưng thời giờ cứ thế trôi, tình trạng mỗi lúc mỗi thêm chậm trễ. Sau cùng chúng tôi quyết định rời Via Casilina để tới Đài quan sát trọng pháo nơi đại tá Jack Hamilton đang chờ đợi. Chúng tôi tinh bǎng ngang cánh đồng, theo hướng trái phá tương đối nhẹ. Viện trung sĩ M.P giơ tay chào và nói: «Good luck» (Chúc may mắn).

Campbell cho xe lạo xuống một cái hố, rồi chúng tôi rời khỏi bờ dốc lên đường lộ và bò theo một con dốc đầy đá sỏi qua một vùng trồng ô-liu rộng lớn phủ kín lưng chừng mấy ngọn đồi đối mặt với chiến tuyến Cassino. Một chiếc xe Jeep khác đã theo con đường này đi trước tôi, bánh xe còn in rõ

trên mặt đất. Tại một vài nơi, bánh xe lọt vào một vùng đất sét, quay tròn trong quãng không, chúng tôi phải chạy xe thật chậm, thật nhẹ nhàng giữa những viên đá lớn ngồn ngang trên mặt dốc.

Đột nhiên, trước mặt chúng tôi, từ dưới một thung lũng nhỏ lọt thỏm giữa hai ngọn đồi, chúng tôi nhìn thấy một trận mưa sỏi đá đập vụn bắn tung lên trời, tiếp theo là một tiếng nổ vang rền khắp mây ngọn đồi. Trung úy Campbell nói :

— Min nồ !

Anh cần thận cho xe chạy theo vết bánh xe Jeep đi trước để tránh những trái mìn rải rác khắp vùng đó.

Một lát sau, chúng tôi nghe tiếng người nói xen lẫn những tiếng rên rỉ và qua đám ô liu, chúng tôi nhìn thấy một số người xúm quanh một chiếc xe Jeep lật ngửa. Một chiếc xe khác ngừng kế bên chiếc xe lật. Hai bánh xe trước chiếc xe này cũng bị cong vênh lên vì tiếng nổ.

Hai người lính Hoa kỳ bị thương đang ngồi trên bờ cỏ. Những người khác lảng xăng săn sóc một người bị thương nặng nằm ngửa trên mặt đất. Mấy người lính khinh hỉ nhìn bộ binh phục của tôi. Một trong những người đó, một viên trung sĩ lên tiếng hỏi Campbell :

— Đò chó chết kia, đến đây làm gì ?

— Anh ta là sĩ quan liên lạc Ý !

Vìen trung sĩ quay sang tôi ra lệnh :

— Đi xuống ! Hãy nhường chỗ cho người bị thương !

Tôi nhảy xuống xe Jeep và hỏi :

— Anh ta bị thương ra sao ?

— Bị thương ở bụng. Phải đưa anh tới bệnh viện ngay lập tức.

— Đề tôi coi xem sao.

— Anh là y sĩ hả ?

— Không. Tôi không phải là y sĩ.

Vừa nói tôi vừa cúi xuống nhìn kẻ bị thương. Đó là một thanh niên mảnh khảnh trông như một đứa trẻ, mặt mày nhăn nhó. Vết thương lớn ở bụng làm cho mờ ruột lòi cả ra ngoài, chảy xuống tận đùi cuộn thành một đống ngay trên đầu gối. Tôi nói :

— Đem cho tôi một cái mền.

Một người lính mang mền lại. Tôi cầm lấy phủ lên ngang người kẻ bị thương. Sau đó tôi lôi viên trung sĩ ra một chỗ và bảo anh ta không thể di chuyền người bị thương, tốt hơn hết nên để anh ta nằm ở đó trong khi đợi Campbell lái xe đi tìm y sĩ. Tôi bảo anh ta :

— Tôi đã tham dự chiến tranh này. Một cuộc chiến khác nữa, không phải cuộc chiến tranh này. Tôi đã nhìn thấy rất nhiều kẻ bị thương, rất nhiều trường hợp như kẻ nằm kia. Đó là những vết thương chí tử. Chúng ta chỉ có thể làm có mỗi một việc, đó là làm sao cho anh ta đỡ phải đau đớn khổ sở. Nếu di chuyền tới bệnh viện, anh ta sẽ chết dọc đường giữa những cơn đau hành hạ. Tốt nhất là đừng dụng võ anh ta. Để anh ta nằm yên như vậy. Không có cách nào khác nữa.

Mấy người lính vây quanh lấy tôi. Tất cả đều yên lặng. Campbell lên tiếng :

— Đại úy nói có lý. Tôi sẽ tới Capone kiểm y sĩ và mang theo hai kẻ bị thương nhẹ.

Viên trung sĩ nói :

— Không thể để anh ta anh chờ chết như thế kia. Tại bệnh viện, người ta có thể giải phẫu cứu sống anh ta chứ ở đây chúng ta không làm gì được hết. Để anh ta nằm chờ chết đúng là một tội ác.

Tôi nói :

— Khi đi đường anh ta sẽ đau đớn ghê gớm và anh ta sẽ chết trước khi tới bệnh viện. Tôi biết rõ điều tôi nói ra. Xin cứ để anh ta nằm đó và đừng động gì tới anh.

Viên trung sĩ nói :

— Anh đau phải y sĩ !

— Tôi không phải là y sĩ nhưng tôi biết phải làm gì trong trường hợp này. Tôi đã chứng kiến rất nhiều người bị thương ở bụng. Tôi biết chắc chắn một điều không được dụng vô, không được di chuyển anh ta. Hãy để cho anh ta chết một cách bình yên. Tại sao các anh lại muốn kẻ bị thương phải đau đớn khổ sở trước khi chết ?

Mấy người lính yên lặng nhìn tôi. Viên trung sĩ nói :

— Không thể để anh ta chết ở đây như một con vật.

— Anh ta sẽ không chết như một con vật. Anh ta sẽ ngủ như một đứa trẻ, không một chút đớn đau, khổ sở. Dù có đứa anh ta đến được nhà thương, anh ta vẫn chết. Hãy tin tôi đi. Cứ để yên anh ta nằm đó. Đừng làm cho anh ấy đau đớn. Khi y sĩ tới, ông ta sẽ chứng thực lời nói của tôi.

— Thôi lui mìnhead đi !

Campbell lên tiếng trong khi quay về phía hai kẻ bị thương.

Viên trung sĩ nói :

— Đợi một chút ! Anh là sĩ quan Hoa kỳ. Anh có nhiệm vụ phải quyết định. Chinh anh là nhân chứng. Nếu kẻ bị thương chết, đó không phải lỗi tại tôi. Lỗi tại viên sĩ quan Ý này.

Campbell nói ,

— Tôi nghĩ không ai có lỗi hết. Tôi không phải y sĩ nhưng tôi biết rõ viên sĩ quan người Ý này. Tôi biết chúng ta có thè tin cậy nơi ông ta. Ông ta đâu được ích lợi chi khi khuyên chúng ta hãy để người bị thương nằm lại đây, thay vì đưa về bệnh viện. Nếu ông ta nói vậy, chúng ta hãy tin tưởng ở ông, nghe theo lời ông nói. Ông ta không phải là y sĩ nhưng ông ta có nhiều kinh nghiệm hơn chúng ta về chiến tranh cũng như về những vết thương.

Và quay sang tôi, anh nói :

— Theo như tôi hiểu, ông phải lãnh trách nhiệm về quyết định không di chuyển này.

— Vâng, tôi xin lãnh hoàn toàn trách nhiệm. Bởi vì số phận anh ta như vậy, xin hãy để cho anh ta chết yên ổn, không chút đau khổ.

Trung úy Campbell nói :

— Vậy là xong. Thời bây giờ lên đường.

Hai kẻ bị thương leo lên xe và Campbell cho xe chạy theo con dốc đầy đá sỏi rồi mất hút sau rặng ô liu.

Viên trung úy yên lặng nhìn tôi một lúc, sau đó anh ta hỏi tôi :

— Bây giờ anh tĩnh sao ?

— Phải làm sao cho kẻ bị thương được vui vẻ. Hãy kể chuyện này chuyện nọ cho anh ta nghe,

Đừng đè cho anh ta có thi giờ nghĩ tới việc anh ta bị thương và sắp chết.

— Kè chuyện cho anh ta nghe ?

— Đúng thế, hãy kè những chuyện vui, chuyện khôi hài. Đừng đè cho anh ta có thi giờ suy nghĩ. Nếu anh ta nghĩ tới việc anh ta bị thương, anh ta sẽ cảm thấy đau đớn, khổ sở.

— Tôi không khoái mấy trò hề. Chúng tôi không phải là người Ý khốn nạn, dơ bẩn. Nếu anh khoái làm trò, cứ việc làm. Nhưng nếu Fred chết, anh sẽ biết tay tụi này.

— Tại sao anh chửi chúng tôi ? Đầu phải lối tôi khi tôi không cùng dòng máu Mỹ như các anh hay như những người Đức. Tôi đã nói với anh là thanh niên đó sẽ chết nhưng chết một cách êm thấm, không đau đớn. Tôi chỉ trách nhiệm về những cơn đau chứ không về cái chết của anh ta.

— Được rồi !

Và quay sang những người lính lúc đó đang yên lặng nhìn tôi, viên trung sĩ nói thêm :

— Các anh làm chứng nghe. Tên Ý dơ bẩn này nói rằng...

Tôi là lớn :

— Cảm mến ! Ai cho phép anh chửi tôi hoài như vậy ? Có phải nhiệm vụ các anh tới đây là đè chửi rủa chúng tôi, hay là đè chiến đấu chống người Đức ?

— Đáng lý là một kẻ như anh chết nãm kia chứ không phải một người Mỹ như tụi tôi. Tại sao các anh không tự mình đuổi người Đức ?

— Tại sao các anh không ở nước các anh ? Các anh tới đây làm gì ? Có ai kêu các anh tới đây đâu ?

Các anh kệ mẹ tại tôi xoay xở với tại Đức, tại sao các anh xia vô ?

— Vừa vừa thôi ! Các anh chẳng đáng được một đồng xu ! Các anh chỉ đáng để cho người ta bỏ đói !

Mấy người lính cười lớn và chăm chú nhìn tôi.

— Lê tự nhiên, chúng tôi đâu có được nuôi nấng đầy đủ như các anh. Nhưng tôi cũng ra mặt trận, cũng chịu chung những nguy hiểm như mấy anh. Tại sao các anh chửi tôi ?

Viên trung sĩ nói :

— Đò dơ đây !

— Còn các anh thì sao ? Chỉ cần mười tên lính Đức cùng với một tên đội là đủ đuổi các anh chạy dài.

— Câm miệng ? Viên trung sĩ la lớn, tinh xắn lại phía tôi. Ngay lúc đó, người lính bị thương bỗng rên rỉ khiến tất cả đều quay lại. Viên Trung sĩ tái mặt :

— Hắn ta đang đau !

Tôi nói :

— Đúng thế. Anh ta đang đau. Anh ta đau vì lỗi ở chúng ta. Anh ta xấu hổ vì mọi người ở đây. Thay vì săn sóc, giúp đỡ anh ta, tất cả xùm lại chửi nhau. Nhưng tôi biết tại sao các anh chửi tôi. Bởi vì các anh đau đớn. Tôi cũng tiếc đã thốt ra một vài lời khiếm nhã. Bộ các anh tưởng tôi không đau đớn như mấy anh ?

— Thời bỏ qua đi Đại Úy !

Viên trung sĩ ngượng nghẹn nói, mặt anh hơi ửng đỏ.

Anh chàng bị thương vừa cố chống khuỷu tay

nhoèm dậy. Tôi nói với anh ta trong khi chỉ viên trung sĩ :

— Cha nội đang ghèn với anh đó. Hắn ta cũng muốn được bị thương như anh để được trở về nhà.

Vिण trung sĩ dám ngực la lớn :

— Không đúng ! Nói bậy ! Anh biết tại sao anh được trở về Mỹ trong khi tự tôi thì không ?

Người bị thương mỉm cười. Tôi nói :

— Xe cứu thương lát nữa sẽ tới, đưa anh về bệnh viện Napoli. Hai ngày sau anh sẽ đi máy bay trở về Mỹ. Anh may mắn nhất nghe !

Viên trung sĩ la lên :

— Anh được trở về nhà còn chúng tôi phải ở lại đây chết dần chết mòn. Số phận chúng tôi là như vậy, nếu chúng tôi còn ở lại cái xó xỉnh Cassino này.

Và anh ta cúi xuống với một nắm bùn chất lên mặt, lấy tay vò đầu vò tóc, trong khi nhăn mặt nhăn mũi. Chung quanh anh ta bọn lính cười ồ. Một người lính cũng bắt chước la lớn :

— Nhưng mấy người Ý sẽ đến thế chỗ chúng ta rồi sau đó tất cả chúng ta đều được về nhà.

Anh ta vươn tay chớp chiếc nón sĩ quan của tôi ẩn sâu vào đầu anh ta và sau đó nhảy cả tung chung quanh kẻ bị thương, làm bộ nhăn mặt và la lên :

— Vino ! Spaghetti ! Signorina !

— Làm theo đi ! Viên trung sĩ vừa la vừa đẩy tôi tới phía trước.

Tôi đỏ mặt. Viên sĩ quan ra vẻ khinh tềm tôi làm trò hề. Nhưng tôi bắt buộc phải đóng trọn vai trò, chính tôi đã đề nghị trò hề buồn thảm đó. Tôi

không có quyền từ chối làm trò hề. Nếu cần làm trò hề để cứu vớt quốc gia, nhân loại, tự do, tôi sẽ từ chối. Chúng tôi đều biết rõ có cả ngàn cách làm trò hề, ở xứ Âu châu này. Đóng vai anh hùng, làm kẻ hèn nhát, phản bội, đóng vai cách mạng, cứu nguy dân tộc, tuẫn tiết, chết vì tự do... đó là muôn ngàn cách làm trò hề. Ngay cả việc đầy một người vào chán tường rồi sau đó bắn vào bụng anh ta, ngay cả chuyện thắng trận hoặc thua trận, đó cũng là những cách làm trò hề trong muôn ngàn cách khác. Nhưng hiện tại tôi không thể nào từ chối đóng trò hề để giúp cho một người bị thương, một gã thanh niên Mỹ đáng thương được chết êm ái không một chút đau đớn. Dù sao đó là một cách làm trò hề thật cao quý thật đẹp đẽ. Tôi không có quyền từ chối. Tôi có thể cạo đất, gặm đá, ăn gạch để giúp cho một kẻ bị thương chết êm ái. Cái chết đau làm tôi sợ. Tôi không thù ghét cái chết. Nó cũng không chán ghét tôi. Thực ra, chuyện chết chắc không dính dáng gì tới tôi. Nhưng chuyện đau đớn, khổ sở, tôi thù ghét nó, căm hờn nó, kè cả những cơn đau khổ của người khác, không phải của tôi. Tôi sẵn sàng làm tất cả mọi chuyện, kè cả chuyện hèn nhát nhất, anh hùng nhất, cốt sao kè khóc khỏi đau đớn khổ sở, đỡ bi thương nhục nhã, được chết êm ái. Chính vì thế mà mặc dù mặt tôi đỏ gay tôi vẫn sung sướng được làm hề, không phải để cứu nguy dân tộc, để bảo vệ danh dự, lò quốc, tự do,... nhưng để cho riêng tôi: giúp cho kẻ bị thương chết một cách êm ái, chết như đi vào giấc ngủ êm đềm.

— Xa guynh-găm ! Xa guynh-găm, tôi la lên trong khi nhảy lòi choi trước mặt kẽ bị thương. Tôi nhăn mặt nhăn mũi, làm bộ đang nhai một cục kẹo cao su to tò bở, làm ra vẻ hai hàm răng dính chặt vào nhau, không sao mở miệng, không sao thở, không nói, không cười được nữa, chỉ vì mấy sợi cao su. Sau cùng, sau bao cố gắng, tôi có thể mở miệng, và la lớn :

— Spam ! Spam !

Tiếng kêu đó làm họ nhớ lại món Spam, thịt heo paté nồi tiếng ở Chicago, một trong những món ăn quen thuộc của lính Mỹ. Cả bọn phá lén cười ; ngay cả người bị thương cũng mỉm cười làm bầm nhắc lại : Spam ! Spam !

Nồi cơn điên, tất cả mấy người lính nhảy cà tung, giơ tay múa chân. Người nào cũng làm điệu dính răng vì kẹo cao su, không sao thở, không sao nói được, và lấy hai tay ôm hàm dưới cố hết sức mở miệng. Tôi cũng bắt chước họ, vừa nhảy vừa la : « Spam ! Spam ! » Và phu họa chúng tôi, những tiếng đạn trái phá từ phía bên kia những ngọn đồi vọng tới, những tiếng Spam ! Spam ! Spam ! đều đều nghe thật nặng nề, khủng khiếp. Bỗng nhiên có tiếng người vang lên từ cuối khu rừng ô liu. Những tiếng « Ohoho ! Ohoho ! Ohoho ! » nghe thật vui tươi, mát mẻ. Tất cả chúng tôi đều ngừng lại và quay về phía có tiếng nói. Một người mọi đang từ từ xuống đồi. Trong gã cao lèu nghêu, hai chân dài lồng không, dáng người mảnh khảnh. Trên vai mang một cái bì, gã đi hơi cúi đầu về phía trước. Thỉnh thoảng gã há to miệng la lớn : Ohoho !

Ohoho ! Ohoho ! trong khi lắc lư cái đầu làm như gã đương đau khổ vì một chuyện chi.

Người bị thương quay đầu nhìn tên mọi, một nụ cười trẻ con nở ra trên môi. Khi đi tới gần túi chúng tôi, người mọi ngừng lại, đặt chiếc xác xuống đất, tiếng chai lọ đụng vỗ nhau kêu leng keng. Sau đó hắn ta đưa tay lên trán và nói bằng một giọng yếu ớt :

— Trời đất ! Vui quá ta !

Viên trung sĩ hỏi :

— Anh mang món gì trong chiếc bị đó ?

— Khoai tây.

— Tôi ưa món khoai tây lắm !

Và quay sang người bị thương viên trung sĩ nói tiếp :

— An cũng ưa món khoai tây lắm phải không ?

—Ồ ! Vâng. Fred vừa nói vừa cười.

Viên trung sĩ bảo người mọi :

— An chàng bị thương cũng ưa khoai tây. Mì có thể cho anh ta một củ, được không ?

An chàng mọi khóc nước nở :

— Khoai tây không tốt cho người bị thương. Bị thương mà ăn khoai tây là chết.

— Cho anh ta một củ đi. Viên trung sĩ nói giọng đe dọa.

—Ồ ! Không được đâu ! Khoai tây ăn vỏ là chết.

— Mở chiếc bị ra coi !

Người mọi den lắc lư cái đầu trong khi rên rỉ :

— Aie ! Aie !

Hắn ta cúi xuống mở chiếc bị, lôi ra một chai

rượu chát. Hắn ta giờ cao chai rượu, nhìn ánh sáng mặt trời chiếu qua, rồi chép chép miệng kêu lên : «Ouah ! Ouah ! » Tất cả mọi người bắt chước anh ta. Viên trung sĩ nói :

— Đưa đây !

Anh ta mở chai rượu bằng mũi dao, rót rượu vô chiếc ly thiếc rồi đưa lên miệng uống :

— Mừng sức khỏe của anh, Fred !

— Cho tôi uống một chút. Tôi đang khát.

Người bị thương năn nỉ. Tôi nói :

— Không được đâu ? Anh không được uống.

Viên trung sĩ hỏi :

— Rượu vang tốt đâu có sao ?

— Người nào bị thương ở bụng cũng không được uống. Anh muốn giết anh ta hay sao ? Rượu đốt cháy ruột, anh ta sẽ đau đớn vô cùng trước khi chết.

— Đồ khốn nạn ! Viên trung sĩ chửi. Tôi nói :

— Cho tôi uống với ! Tôi cũng muốn chúc mừng sức khỏe người bị thương.

Viên trung sĩ đưa tôi chiếc ly bằng thiếc. Tôi giờ cao lên :

— Uống mừng anh ! Mừng tất cả mọi người thân của anh. Uống mừng những người thương yêu anh !

— Uống mừng Mary ! Người bị thương mỉm cười nói :

Viên trung sĩ lên tiếng :

— Mọi người tất cả đều uống mừng Mary.

Và quay sang người mọi, anh ta ra lệnh :

— Mang tất cả mẩy chai rượu ra đây !

— Ô ! Không được ! Không ! Mấy người đi mua mà uống, Ô ! Không ! Không !

— Anh không thấy xấu hổ vì từ chối một kẻ bị thương hả ? Đưa đây !

Viên trung sĩ sấn tới giăng lấy một chai. Cả bọn đều lấy ly ra và sau đó chúng tôi nâng cao ly rượu.

Viên trung sĩ nói :

— Uống mừng nàng Mary xinh tươi trẻ đẹp !

Tất cả mọi người uống. Người mọi đen nói :

— Tôi cũng muốn uống mừng người đẹp Mary.

Viên trung sĩ uối :

— Lê tự nhiên. Rồi sau đó mi sẽ hát vì Fred.

Mi biết tại sao mi hát mừng Fred ? Bởi vì hai ngày nữa Fred đáp phi cơ trở về Mỹ.

— Ô hô ! Người mọi đen tròn tròn mắt.

— Và mi biết ai sẽ đợi Fred ở phi trường ? Nói cho hắn hay đi, Fred. Làm cho hắn thèm rỏ nước miếng đi !

— Má tôi... Fred nói bằng một giọng yếu đuối. Cha tôi và Bob, anh tôi.

Anh ta ngừng lại, mặt hơi tái. Viên trung sĩ nhắc lại :

«... và anh Bob...»

Người bị thương cố gắng thở. Sau đó anh ta nói :

— Em gái tôi Dorothy, Di Leonor...

Viên trung sĩ nói theo :

— Và cả Mary nữa.

Người bị thương gật đầu mỉm cười. Viên trung sĩ quay qua người mọi :

— Còn mi, mi sẽ làm gì nếu mi là Di Leonor ?

Mi sẽ tới phi trường đón Fred, phải không ?

— Ô ! Ô ! Dì Leonor ? Tôi đâu phải dì Leonor !

— Nhìn Fred kia ! Tôi nói với viên trung sĩ.

Người bị thương chăm chú nhìn người mọi đèn, miệng anh mỉm cười, Anh tỏ vẻ sung sướng. Một chút màu hồng hiện lên vàng trán. Những giọt mồ hôi chảy dài trên mặt anh ta.

— Hắn đang đau đớn. Viên trung sĩ nói khẽ trong khi nắm chặt tay tôi.

— Không ! Anh ta không đau đớn.

— Hắn đang chết. Thấy không ? Anh ta đang chết ! Viên trung sĩ hoảng hốt nói.

— Hắn ta chết một cách thật nhẹ nhàng, không chút đau đớn. Tôi trả lời.

— Đồ chó đẻ !

Viên trung sĩ vừa chửi rủa vừa thù hận nhìn tôi. Vào lúc đó Fred thốt tiếng rên rỉ. Anh cố gắng nhắc khuyễn tay. Mặt anh xanh rờn. Bóng dáng hắn chết đã hiện ra trên vàng trán. Mắt anh mờ dần. Tất cả đều yên lặng. Tên mọi đứng chết xứng, mắt dương lên nhìn Fred đầy vẻ sợ hãi.

Tiếng súng lớn nghè vân ầm ầm từ phía xa, đằng sau mấy ngọn đồi. Bóng nhiên tôi nhìn thấy trận gió đen lang thang đi lại giữa khu rừng ô liu, trận gió in những vết đen lên chùm lá, mặt sỏi, khóm cây. Mắt tôi nhìn thấy trận gió đen, tai tôi nghe tiếng gió thổi và tôi rung mình sợ hãi.

— Hắn đang chết kia ! Trời ơi ! Hắn đang chết. Viên trung sĩ nghiêm răng nói, hai bàn tay nắm chặt lại.

Người bị thương cố chống khuyễn tay nhưng

té xuống, mắt mờ to, nhìn chung quanh và mỉm cười.

— Tôi thấy lạnh lắm ! Anh ta nói.

Trời bắt đầu mưa. Một trận mưa đá nhỏ hạt. Tiếng mưa rớt trên mặt đất nghe như tiếng thi thảm. Tôi cởi áo ngoài phủ lên chân người bị thương. Viên trung sĩ bắt chước tôi và lấy áo ngoài phủ lên vai anh ta.

— Anh thấy đỡ lạnh chưa ? Viên trung sĩ hỏi.

— Cảm ơn anh, khá hơn một chút !

Anh mỉm cười tỏ dấu cảm ơn. Viên trung sĩ bảo người mọi ден :

— Hát đi !

— Ô ! Không ! Tôi sợ lắm !

— Hát ! Viên trung sĩ la lớn trong khi dơ tay đe dọa. Tên mọi lùi lại nhưng viên trung sĩ nắm lấy tay hắn.

— A ! Mì không hát hả ? Nếu mì không hát, ta sẽ giết mì.

Người mọi ngồi xuống đất và bắt đầu hát. Một bài hát buồn thảm, tiếng than van của một tên mọi đau ốm, ngồi bên cạnh bờ sông dưới trận mưa trắng xóa nhũng cục bông gòn. Người bị thương bắt đầu rên rỉ. Nước mắt chảy dài trên khuôn mặt anh ta. Viên trung sĩ hé lỏng :

— Cảm ơn !

Người mọi ngừng hát và nhìn viên trung sĩ bằng cặp mắt của một con chó đau ốm. Viên trung sĩ nói :

— Ta không ưa bài hát đó. Bài hát buồn quá !
Hát bài hát khác đi.

— Nhưng... Đó là một bài hát rất hay !

— Ta đã nói bài hát chẳng ra gì hết. Nhìn Mút xô li ni kia. Bài hát của mi, ngay cả Mút xô li ni cũng không hài lòng !

Và anh đưa tay chỉ tôi. Tất cả bật cười. Người bị thương quay nhìn tôi vẻ ngạc nhiên. Viên trung sĩ la lớn :

— Yên lặng ! Hãy để yên cho Mút xô li ni đọc diễn văn ! Đọc đi ! Mút xô li ni !

Người bị thương cười. Anh ta sụng sướng. Tất cả mọi người quay quanh tôi. Người mọi nói :

— Anh không phải Mút xô li ni. Mút xô li ni mập thù lù ! Hắn ta là một ông già ! Anh đâu phải Mút xô li ni !

Tôi nói :

— A ! Anh bảo tôi không phải là Mút xô li ni ? Trông đây nè !

Tôi xoạc chân, chống hai tay lên háng đi khệnh khạng, phồng má lên, đưa cái cầm về phía trước, mím chặt môi rồi hét lớn :

— Đảng áo đen Ý nghe đây ! Cuộc chiến mà chúng ta tưởng chừng hoàn toàn thất bại nay đã thành công. Những kẻ thù đáng yêu của chúng ta, theo lời yêu cầu của toàn thể dân Ý, đã xuống tàu qua đây giúp chúng ta chống lại Đồng minh của chúng ta. Đồng minh Đức quốc mà chúng ta thù ghét. Đảng áo đen Ý nghe đây ! Hoan hô nước Mỹ !

— Hoan hô Mút xô li-ni !

Mấy người kia vừa cười vừa la lớn. Và người bị thương cũng lấy tay ra khỏi tấm mền hoan hô một cách yếu ớt,

— Nói nữa đi ! Viên trung sĩ bảo tôi.

— Đáng áo đen khắp nước Ý nghe đây...

Tôi hét to. Nhưng tôi nín bặt và đưa mắt nhìn một đám thiếu nữ từ phía khu rừng ô liu đang tiến lại gần chúng tôi. Đám thiếu nữ mặc những bộ quân phục của Đức và của Mỹ nhưng đã rách tả tơi, tóc bó lại trong chiếc khăn mù xoa, họ vừa chui ra khỏi những căn hầm, những khu nhà đồ nát. Đó là đám dân cư chung quanh chiến lũy Cassino hiện giờ sinh sống trong những kô xinh chả ng khác chi mấy con thú rừng. Những tiếng cười đùa, ca hát của chúng tôi đã kéo họ rời khỏi những nơi trú ẩn kéo nhau ra đây hy vọng kiếm chắc một chút đồ ăn. Tuy vậy, không có một dấu hiệu gì tỏ ra họ muốn ăn mà xin : Tất cả đều lộ vẻ cao quý, hanh diện. Tôi cảm thấy xấu hổ. Không phải vẻ thiêng thốn, cũng không phải dáng điệu hung tợn của họ đã làm cho tôi bị nhục nhã. Tôi cảm thấy chính họ sa đọa nhục nhã hơn tôi, đau đớn khổ sở hơn tôi, tuy nhiên trong dáng điệu vui tươi của họ toát ra một niềm kiêu hãnh. Cứ chỉ của họ thật rõ ràng, linh động hơn hẳn những cứ chỉ dứt dè của tôi. Họ ngừng lại khi tới gần chúng tôi, và người nọ nắm tay người kia, tất cả yên lặng, hết nhìn kẻ bị thương lại quay sang ngó tên mọi.

— Tiếp tục đi ! Viên trung sĩ la lên.

— Tôi không thể...

— Tại sao ?... Giọng viên trung sĩ đầy đe doạ.

— Tôi không thể nào...

Tôi biết tôi đang đỏ mặt vì xấu hổ. Tôi xấu hổ cho tôi.

— Nếu anh không tiếp tục... Viên trung sĩ tiến lên.. Tôi nói :

— Anh không thấy xấu hổ dùm cho tôi hả ?

— Tại sao tôi phải xấu hổ dùm cho anh ?

— Mặc dù ông ta đã đưa dân tộc chúng tôi xuống bùn, đã làm cho chúng tôi điêu đứng, kiệt quệ nhưng không phải vì thế mà tôi có quyền chế nhạo những nỗi đau đớn nhục nhã của chính chúng tôi.

— Tôi không hiểu anh nói gì? Viên trung sĩ nhìn tôi ngạc nhiên.

— Anh không hiểu hả ? Càng tốt !

— Tiếp tục !

— Tôi không thể tiếp tục. Cố gắng hiểu dùm. Tôi không thể !

— Ô ! Làm ơn... Người bị thương rên rỉ. Làm ơn tiếp tục ! Tôi mỉm cười nhìn viên trung sĩ :

— Xin lỗi ! Xin lỗi không làm sao nói cho anh hiểu được. Nhưng cũng không sao ! Thành thực xin lỗi anh !

Và tôi tiếp tục làm hề, tay đỡ cao làm bộ chào theo kiểu phát xít, miệng la lớn :

— Đảng áo đen nghe đây ! Người Mỹ đã xuống tàu qua đây giúp chúng ta chống lại quân Đức. Ngọn lửa thiêng liêng của đảng phát xít đã không bị tắt ! Chúng ta sẽ trao lại cho những người bạn Đồng minh ngọn lửa phát xít thiêng liêng đó. Từ những vùng bờ biển xa xôi bên Mỹ Quốc, ngọn lửa sẽ tiếp tục soi sáng thế giới, Hồi đảng viên áo đen toàn cõi Ý đại lợi. Hoan hô Mỹ Quốc !

Một trận cười ròn rã nồi lên. Người bị thương cũng vỗ tay. Cả mấy cô gái cũng bắt chước. Họ nhìn tôi, ánh mắt thật kỳ lạ.

— Làm ơn tiếp tục nữa đi ! Người bị thương nói.

Viên trung sĩ chen vô :

— Thôi, bắt chước Mút xô li ni như vậy đủ rồi. Tôi không khoái nghe Mút xô li ni lên giọng hoan hô nước Mỹ. Và quay sang tôi, anh ta nói tiếp :

— Anh hiểu tôi nói gì không ?

— Không ! Chẳng hiểu gì cả ? Toàn thè Âu châu đều hô to hoan hô Mỹ quốc !

— Tôi không tra trò đó !

Quay sang mấy cô gái viên trung sĩ hét lớn :

— *Signorine, ballare !*

Tên mọi cũng bắt chước.

— Ý a ! Ý a ! *Vino, signorine !*

Và rút từ trong người rạ một chiếc khẩu cầm, tên mọi đưa chiếc kèn lên môi thổi. Viên trung sĩ tiến lại bên một cô gái rồi cả hai bắt đầu khiêu vũ. Mấy người khác cũng bắt chước. Tôi ngồi xuống bên cạnh người bị thương và đặt tay lên trán anh. Trán anh lạnh ngắt, ướt đẫm mồ hôi. Tôi nói :

— Họ đang vui đùa. Thỉnh thoảng cũng nên vui đùa nháy nhót như vậy để quên chiến tranh !

— Họ đều là những thanh niên can đảm. Người bị thương nói.

— Ô ! Đúng như thế ! Binhsĩ người Mỹ nào cũng can đảm. Họ có một con tim thật tốt, thật giản dị. Tôi yêu họ lắm.

— Tôi cũng yêu dân tộc Ý lắm. Người bị thương nói.

Tôi nắm chặt bàn tay anh rồi quay mặt đi. Tôi cảm thấy cõi họng như mắc nghẹt không sao thở nổi. Tôi không muốn nhìn thấy cảnh một người bị thương đang quằn quại vì đau đớn. Tôi muốn tự tay giết họ còn hơn nhìn thấy họ đau đớn. Người tôi bừng bừng khi nghĩ người thanh niên nắm trong bùn, bụng mở toang hoặc kia là một người Mỹ. Tôi mong muốn đó là một thanh niên Ý như tôi, thay vì là một thanh niên Mỹ. Tôi không thể nào chịu đựng nổi ý nghĩ gã thanh niên đáng thương người Mỹ kia đang đau đớn khổ sở vì lỗi ở chúng tôi. Lỗi ở tôi nữa. Tôi cảm thấy tay người bị thương cứ mỗi lúc lạnh thêm.

Tôi la lên. Tất cả mọi người ngừng nhảy. Họ quay lại nhìn chúng tôi. Người bị thương nắm ngửa, mắt nhắm lại. Khuôn mặt anh như được bao bọc bởi một chiếc mặt nạ màu trắng.

Viên trung sĩ nói nhỏ :

— Anh ta đang chết.

Tôi trả lời :

— Anh ta đang ngủ. Anh ta thiu thiu ngủ không một chút đau đớn.

Vừa nói tôi vừa vuốt trán người bị thương.

Viên trung sĩ hé lỏng :

— Không được đúng vô hắn !

Vừa hé lỏng vừa giựt mạnh tay tôi ra. Tôi nói nhỏ :

— Anh ta chết rồi. Đừng la lớn !

— Lỗi ở mi ! Chính vì mì mà nó chết ! Chính vì mì mà nó chết ! Chính mì đã giết nó. Nó chết

trong đống bùn, như một con chó. Lối tại mi ! Đò chó đẻ !

Và hắn đấm 1 cái thật mạnh ngay giữa mặt tôi. Mấy tên kia cũng xúm lại, dơ tay dơ chân đe dọa và hét lớn :

— Đò chó đẻ !

Tôi nói :

— Anh ta chết êm à ! Anh ta chết mà không biết mình đang chết !

— Câm miệng ! Đò chó đẻ ! Viên trung sĩ đập vào mặt tôi.

Tôi té xuống. Một dòng máu úa ra từ miệng. Cả bọn lao lên người tôi, kẻ đấm, người đá. Tôi mặc kệ không thèm chống lại. Tôi cũng không kêu la, không nói một tiếng nào cả. Fred đã chết êm à. Không một chút đau đớn. Tôi đã mang tinh mạng tôi ra để giúp đỡ gã thanh niên đáng thương đó được chết một cách nhẹ nhàng êm ái. Tôi quỵ xuống, tất cả bọn cứ thế đấm đá, còn tôi chỉ nghĩ tới một điều Fred đã chết một cách êm ái, không đau đớn, không quắn quại.

Bỗng nhiên chúng tôi nghe có tiếng xe hơi và liền sau đó là tiếng xe thắng ken két. Có tiếng Campbell la lớn :

— Chuyện gì thế ?

Tất cả bọn lùi ra xa và đứng yên lặng. Tôi vẫn cứ quỳ như vậy bên cạnh người chết. Mặt mũi tôi cũng đầm đìa những máu, và tôi cứ thế yên lặng. Schwartz, viên y sĩ trưởng bệnh viện Hoa kỳ ở Caserta tiễn lại gần chúng tôi lên tiếng hỏi :

— Người này làm chi ở đây ?

Viên trung sĩ vừa nói vừa đưa mắt giật dù, thu

hắn nhìn tôi, trong khi nước mắt ràn rụa trên khuôn mặt của anh ta :

— Thằng chó đẻ Ý này đã làm anh ấy chết. Nó không muốn chúng tôi đưa anh ấy về bệnh viện. Nó muốn để anh ấy chết như một con chó.

Tôi cố gắng nhởm dậy. Rồi tôi đứng thẳng người, không nói năng gì hết. Schwartz hỏi tôi :

— Tại sao anh chống lại ý kiến đưa kẻ bị thương về bệnh viện ?

Ông ta là một người đàn ông nhỏ bé xanh xao, mắt màu đen.

Tôi trả lời :

— Làm cách nào thì anh ấy vẫn chết. Anh sẽ chết một cách thật là đau đớn & dọc đường, nếu mọi người chở anh về bệnh viện. Tôi không muốn anh đau đớn. Anh bị thương ở bụng và đã chết một cách êm ái. Anh đâu nhận ra mình đang chết ? Anh ta chết như một đứa bé.

Schwartz chăm chú nhìn tôi không nói một tiếng. Sau đó ông ta lại gần người chết, lật chiếc mền che bụng và ngắm nghĩa thật lâu vết thương ghê rợn. Ông ta bỏ chiếc mền xuống như cũ, rồi quay sang xiết chặt tay tôi trong yên lặng.

Sau hết ông ta nói :

— Thay mặt bà mẹ kẻ đã chết, tôi cảm ơn anh !



CHƯƠNG VII

MỘT CÁI CHẾT DỊU DÀNG

— QUÂN ĐỘI HOA KỲ CÓ MÙI GIÓNG MẤY
cô gái tóc hung ! Vừa ấm lại vừa êm !

— Cám ơn ông Hoàng !

— Một đạo quân hách nhất thế giới ! Được bại
trận vì đạo quân hùng dũng đó, đúng là một vinh
dự đối với chúng tôi. Hân hạnh lắm mới được như
vậy !

— Cám ơn lòng tốt của ông Hoàng !

— Các ông xuống tàu tới nước Ý chúng tôi
một cách thật là lịch sự ! Bá tước Antonio Nun-
zia nante nói. Trước khi vào nhà các ông đã gõ cửa
theo đúng tư cách những người lịch sự, có học.
Nếu các ông không gõ, chắc chắn chúng tôi không
mở !

Đại tá Jack cười nói :

— Thật sự thì chúng tôi đã gõ hơi quá mạnh tay một chút. Nhà cửa rung rinh đồ nhào chỉ vì những tiếng gõ cửa của chúng tôi !

— Chi tiết nhỏ nhất đó đâu có gì đáng kể. Ông Hoàng Candie nói. Điều quan trọng là các ông đã có gõ cửa. Tôi hy vọng các ông không phiền lòng vì cách cư xử của chúng tôi.

Jack trả lời :

— Chúng tôi thành thật xin mấy người tha lỗi đã thắng cuộc chiến tranh này.

Ông Hoàng Candie nói bằng một giọng thật ngày thơ, pha lẫn một chút xíu châm biếm — Thứ ngày thơ, châm biếm của mấy ông già người Ý.

— Tôi chắc chắn sau cùng thế nào các ông cũng phải xin lỗi lui tới.

— Đâu phải chỉ có chúng tôi phải xin lỗi các ông. Còn mấy người Anh cũng thắng trận này nữa. Nhưng có bao giờ họ mở miệng xin lỗi đâu ?

Bá tước Remano Avezzana nói :

— Nếu mấy ông Đại sứ Anh ở Ba lê hay Hoa thịnh đốn luôn luôn trung thành với truyền thống cổ hủu của ngành ngoại giao Âu châu, nếu họ vẫn hy vọng chờ đợi chúng tôi xin lỗi họ vì đã thua trận, như vậy là họ lầm. Vì quyền lợi của nước Ý cho nên luôn luôn có một kẻ khác phải bại trận. Đó là nguyên tắc căn bản của nền chính trị Ý đại lợi !

Đại tá Jack cười nói :

— Tôi hơi tò mò muốn biết lần này ai là kẻ khác phải bại trận, vì quyền lợi của nước Ý ?

— Ô ! Lẽ tự nhiên kẻ đó là Nga xô !

— Nga sô? Jack ngạc nhiên hỏi. Tại sao lại Nga sô?

Ông Hoàng Candie trả lời:

— Một bữa tối dùng cơm tại nhà bá tước Sforza. Trong số quan khách có ông Vichinsky, Phụ tá cố vấn Ngoại giao Nga xô. Ông ta kể chuyện có lần ông hỏi một đứa bé người Ý: Ai là kẻ thắng trận? Đứa bé trả lời người Anh và người Ý là những kẻ thắng trận. Tại sao? Bởi vì người Anh họ hàng với người Mỹ, còn người Ý họ hàng với người Pháp. Còn người Nga thì sao? Họ cũng thắng trận hả? È! Không, đứa trẻ phản đối. Nga sô là kẻ thua trận. Tại sao? Bởi vì mấy thắng cha đáng thương đó họ hàng với người Đức!

— Hay lắm! Jack kêu lêu. Trong lúc đó, có tiếng cười ranh mãnh chạy dài khắp mặt bàn.

Dáng người cao lớn, mãnh khảnh, khuôn mặt nám đen vì ánh nắng mặt trời và gió biển, ông Hoàng Candie tượng trưng lớp người thượng lưu kinh thành Náp, một trong những giai cấp nổi tiếng nhất, lâu đời nhất của toàn thể xứ Âu châu. Mái tóc mầu trắng, cặp mắt sáng long lanh, đôi môi thật mỏng, đầu nhỏ trông giống như đầu một bức tượng, hai tay lạnh lẽo, ngón tay dài, mãnh mai, những chi tiết đó coi bộ tương phản với đôi vai thật rộng, với dáng điệu uy nghi của một người đàn ông ham tập luyện những môn thể thao dữ dội, nguy hiểm. Tên tuổi của ông Hoàng được nhắc nhở nhiều nhất kể từ năm 1938, nhân một chuyến Hitler viếng thăm Náp, ông Hoàng Candie đã từ chối lời mời tham dự bữa tiệc khoản đãi Fuhrer. Bị bắt giữ, bị giam tại Poggio Reale trong vài tuần

lẽ, sau đó bị đầy tới vùng đất Calabre theo lệnh Mùt xô li ni, nhờ đó ông nổi tiếng là người trung thực, đại diện cho những người Ý tự do trong thời kỳ đó.

Ông Hoàng càng nổi tiếng thêm khi gần đây, ông từ chối gia nhập phái đoàn những nhân sĩ được tuyển chọn để đăng lên đại tướng Clark chìa khóa kinh thành Náp. Ông Hoàng đã trả lời một cách thật giản dị gia đình ông từ xưa tới nay không có thói quen dâng chìa khóa kinh thành cho những người xâm lăng. Và ông phải tuân theo tác phong cõi truyền trong gia đình của ông. Tò tiên ông là Berard de Candie, đã từ chối không giao chìa khóa kinh thành cho Hoàng đế nước Pháp Charles Đệ Tam, kẻ chiến thắng thành Náp dù rằng Hoàng đế cũng nổi tiếng là một người phóng khoáng.

Ngài Đồng đốc thành Náp ngạc nhiên kêu to :

— Nhưng Đại tướng Clark là người giải phóng Náp mà ?

Ông Hoàng lịch sự trả lời vị Đồng đốc :

— Thưa ngài, điều đó ai cũng biết hết ! Nhưng thưa ngài, tôi là một người tự do và chỉ những kẻ nô lệ mới cần được giải phóng !

Mọi người ai nấy đều tin rằng Đại tướng Clark sẽ cho bắt giam ông Hoàng để trả đũa sự phách lối, ngạo mạn đó, nhưng thay vì vậy, Đại tướng đã đích thân mời ông Hoàng dự bữa cơm thân mật. Ông ta đã tiếp đón ông Hoàng một cách thật lịch sự và nói rằng, ông ta rất hân hạnh được quen biết một công dân Ý tự trọng như vậy.

Công chúa Consuelo cũng góp chuyện :

— Người Nga cũng là những người hiết súc

lịch sự, và được giáo dục tử tế. Một bữa trên đường Via Toledo, chiếc xe của Vichinsky đã cán phải con chó của bà quận công Amalfi. Vichinsky bèn xuống xe đích thân lượm con chó lên, và sau khi xin lỗi chuyện đáng tiếc đó, ông ta ngỏ lời xin phép đánh xe ô tô đưa bà quận công về lâu đài. Bà quận công già đã kiêu hãnh trả lời viên phó công sứ Nga xò nhẹ sau :

— Cảm ơn ngài! tôi thích đi bộ về nhà hơn!

Bà cụ vừa nói vừa khinh bỉ nhìn ngọn cờ bữa liềm nhỏ xiu cẩm trên đầu chiếc xe hơi.

Vichinsky yên lặng cúi rạp người xuống rồi lên xe chạy thật烈. Tới lúc đó bà quận công già mới nhận ra con chó đã chết của bà còn nằm trong xe hơi của Vichinsky. Ngày hôm qua, Vichinsky cho người mang biếu bà cụ một hũ mứt. Bà cụ nếm thử một chút và thốt kêu to một tiếng khủng khiếp rồi té ngửa, bất tỉnh luôn : Mứt có mùi thịt chó. Tôi cũng thử nếm và tôi xin cam đoan với mọi người quả là mứt có mùi thịt chó !

— Một khi đã có giáo dục đàng hoàng như vậy những người Nga xô dám làm tất cả mọi chuyện. Marie-Therese-Orilia kết luận.

Đại tá Jack sững sờ hỏi :

— Mà công chúa chắc chắn mứt có mùi thịt chó không ?

Ông Hoàng Candie trả lời :

— Có thể lắm chứ ! Vichinsky muốn tỏ lòng thành kính đối với lớp người trưởng giả thương lưu ở kinh thành Náp, một trong những lớp người trưởng giả nhất Âu châu. Theo ý ông, chúng tôi

không xứng đáng nhận món quà hũ mứt thịt chó hay sao ?

— Các ông xứng đáng hơn thế nhiều ! Jack ngây ngô trả lời.

Công chúa Consuelo nói :

— Dù sao tôi cũng khoái mứt thịt chó hơn là món spam của người Mỹ !

— Spam của chúng tôi chỉ là mứt heo thôi !

— Nếu người Mỹ không ăn spam, họ chiếm đóng Bá linh từ lâu rồi. Một người Mỹ đen đã tuyên bố như vậy !

Consuelo nói :

— Tôi rất có cảm tình với mấy người Mỹ đen. Một bữa có một sĩ quan Ăng lê kè cho tôi nghe câu chuyện này : Tại Ăng lê cũng có nhiều binh sĩ da đen. Một lần trong bữa tiệc tại Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Luân đôn, vị đại sứ Hoa Kỳ đã hỏi phu nhân Witermere bà nghĩ sao về quân đội Hoa Kỳ.

Phu nhân bèn trả lời :

— Ô ! Họ là những người rất niềm nở, lịch sự. Nhưng tôi không hiểu tại sao họ đi đâu cũng kéo theo mấy người da trắng đáng thương làm chi vậy ?

Jack cười nói :

— Chính tôi cũng không hiểu tại sao.

— Bữa hôm qua, bá tước Romano Avezzana nói tôi đi ngang công trường San Ferdinando, thấy một đứa bé đang đánh giầy cho một người lính da đen. Người lính hỏi đứa bé : Mày là Ý hả ? Đứa bé trả lời : « Không ! Tao là mọi ! »

Jack nói :

— Đứa bé như vậy mà có khiếu chính trị ! Tôi

không hiểu tại sao người Ý yêu thích mấy người lính da đen nhiều như thế !

— Người Ý đều tốt cả, họ yêu người da đen bởi vì người da đen cũng tốt như họ. Tôi không hiểu tại sao người da đen đỏ mặt xấu hổ vì màu da đen của họ. Không hiểu mấy người da trắng có đỏ mặt xấu hổ vì da họ trắng hay không ?

Công chúa Consuelo nói thêm :

— Mấy người da đen trong khi tán gái Ý đã nói như thế này : ở Mỹ họ cũng da trắng như mấy người kia nhưng trước khi xuống tàu sang Ý, người ta đã đem sơn đen da họ, để cho dễ đánh nhau trong đêm tối. Hết chiến tranh, quay về Mỹ, da của họ lại trở thành trắng !

— A ! Ha ! Chuyện vui thật !

Jack kêu to và cười rũ rượi đến chảy cả nước mắt.

Ông Hoàng Candie nói :

— Nhiều khi tôi cũng xấu hổ vì màu da của mình. Nhưng được cái may, tôi còn là kẻ theo đạo.

Bá tước Romano Avezzana trả lời :

— Chính vì có đạo cho nên chúng ta không đáng được tha thứ một chút nào hết !

Ông Hoàng Candie nói tiếp :

— Dân Ý ngoan đạo nhất Âu châu ! Và sau đó ông kể chuyện ngày 9 tháng 9 năm 1943 khi quân Mỹ đè bộ xuống Salerne, dân chúng Ý lúc đó mặc dầu trong tay không một chút vũ khí, nhưng vẫn nồi dập chống lại quân Đức. Trong ba ngày liền, chiến trận diễn ra thật ác liệt giữa dân thành Náp và lính Đức, ở trong các đường phố. Nghĩ rằng quân đội Đồng minh sẽ tới tiếp tay họ,

cho nên dân chúng đã chiến đấu một cách thật điên cuồng, dữ dội. Nhưng binh lính Hoa kỳ, dưới quyền điều khiển của đại tướng Clark, đã bị quân Đức cầm chân tại bờ biển Paestum. Dân thành phố Náp tưởng rằng bị bỏ rơi, họ chửi bởi Đồng minh phản bội và chiến đấu một cách điên cuồng tuyệt vọng bằng máu và nước mắt. Sau ba ngày bị dân chúng bị đánh đuổi phải rút về ngả Capone, đám quân Đức quay trở lại chiếm đóng thành phố, nhất quyết đè bẹp cuộc nổi dậy của dân chúng. Chiến tranh căng dài giữa hai bên. Con số tù binh Đức ở trong tay dân chúng mỗi lúc một thêm nhiều. Đám dân quân không biết đối xử với tù binh ra sao ? Chẳng lẽ thả họ ra để họ quay lại trả thù những kẻ đã bắt họ ? Giết bỏ ? Dân Náp là những người ngoan đạo, đâu phải là những kẻ sát nhân ? Họ bèn trói chặt tù binh đem nhốt ngay trong nhà của họ và chờ đợi trao trả Đồng minh. Nhưng khốn nỗi, còn phải nuôi nấng tù binh, không lẽ bỏ họ chết đói ? Trong khi đó dân thành Náp lại đang đói ăn, đang chết đói ! Việc coi sóc đám tù binh giao cho đàn bà. Ngọn lửa thù hận trong lòng các bà mỗi lúc một nhạt dần nhường chỗ cho lòng thương hại. Các bà bèn gỡ thức ăn khỏi miệng con cái để đem cho tù binh ! Không những nuôi nấng mà các bà còn tắm rửa, coi tù binh như con cái của các bà ! Mỗi ngày hai bận trước khi cởi trói cho tù binh ăn uống, các bà cũng có đánh đập qua loa tù binh không phải phép, và mặc dù ăn uống thiếu thốn, mặc dù bị đánh đập, tù binh mỗi ngày một thêm mập ra. Ngoài ăn và ngủ, họ đâu còn phải lo lắng chuyện gì khác ?

Sau cùng, tới đầu tháng mười, sau bao nhiêu chờ đợi, quân đội Mỹ đặt chân lên Náp. Một vài ngày sau, dân chúng Náp đọc trên tường thành, thông cáo của nhà cầm quyền yêu cầu dân chúng trao trả tù binh trong vòng 24 tiếng cho nhà chức trách đồng minh. Tiền thưởng trao trả một tù binh là năm trăm lires. Nhưng một phái đoàn dân chúng tới gặp ông Đồng trấn, và họ chứng minh cho ngài thấy rằng số tiền năm trăm lires đó không đủ so với số tiền dân chúng bỏ ra để nuôi mấy tù binh trong mấy tháng trời.

— Thưa ngài, xin ngài hiểu cho, chúng tôi chỉ có thể trao trả tù binh với giá một ngàn năm trăm lires mỗi người.

Nhà cầm quyền Hoa kỳ cương quyết giữ vững lập trường.

— Tôi đã nói năm trăm là năm trăm. Một xu cũng không trả hơn.

— Nếu vậy, chúng tôi đành phải giữ lại tù binh!

Vài ngày sau, nhà cầm quyền ra thông cáo bằng lòng trả một ngàn liers mỗi tù binh. Phái đoàn dân chúng lại tới gặp Đồng trấn và họ tuyên bố kè từ bữa trước tới bữa nay, bao nhiêu ngày tháng đã trôi qua, tù binh được nuôi nấng tử tế, hơn nữa giá cả thực phẩm thị trường mỗi ngày một tăng, cho nên số tiền một ngàn lires trở nên ít ỏi?

— Thưa ngài! Xin ngài hiểu dùm cho. Mỗi ngày qua là già tù binh lại tăng thêm lên! Tính tới bữa nay, chúng tôi chỉ bằng lòng trao tù binh với giá hai ngàn lires một người. Không phải chúng tôi chủ意大 đầu cơ tích trữ, nhưng mỗi

người chỉ mong lấy lại tiền vốn bỏ ra mà thôi !

Nhà cầm quyền Hoa kỳ la lên :

— Tôi đã nói rồi, một ngàn lires ! Một xu hơn cũng không được ! Và nếu trong vòng 24 tiếng đồng hồ, các người không trả tù binh, tất cả sẽ bị bỏ tù !

— Thưa Ngài, xin Ngài cứ việc bắt bỏ tù chúng tôi ! Nếu Ngài thấy rằng việc làm đó có ích ! Nhưng về giá cả tù binh, chúng tôi không thể nào bán với giá hai ngàn lires, Nếu Ngài không muốn tiếp nhận tù binh, chúng tôi sẽ mang họ ra làm xà bông !

— Cái gì ? Viên Tông trấn la lên.

— Chúng tôi sẽ đem tù binh chế thành xà bông ! Đại diện dân chúng nô nhô nhẹ, rồi cúi rạp người đi ra. Nghe lời đó, Jack mặt tái đi vội hỏi :

— Có thiệt họ đem tù binh làm xà bông không ?

Viên Tông trấn nghĩ thầm : « Nếu ở bên Mỹ họ biết rằng chỉ vì lỗi ở ông mà tù binh bị dân chúng đem ra đun sôi làm xà bông, nhẹ nhàng lấm ông cũng bị mất chức ! » Thế là ông đành phải bằng lòng với giá hai ngàn lires một đầu người !

Jack la lên :

— Hay thiệt ! A ha ! Hay thiệt !

Anh chàng khoái chí thật tình nên cười rũ rượi đến chảy cả nước mắt. Công chúa Consuelo la lên :

— Ô ! Coi kia ! Anh ta đang khóc !

Jack đâu có khóc ! Nước mắt của chàng chỉ để biếu lộ những vui mừng quá mức, quá thật tình. Anh chẳng vừa chùi mắt vừa nói :

— Chuyện hay thiệt ! Nhưng giả sử viên Tông trấn không chịu giá hai ngàn liệu dân chúng Náp có dám đem tù binh ra làm xà bông không ?

Ông Hoàng Candie nói :

— Xà bông ở Napoli tuy rất hiếm, nhưng không phải vì vậy mà người dân thành Napoli trở nên xấu xa!

Công chúa Consuelo chêm vỗ:

— Họ tốt thiệt, nhưng chỉ cần một mảnh xà bông cũng đủ để cho họ làm tất cả mọi chuyện bậy bạ.

Vừa nói Công chúa Consuelo vừa lấy ngón tay gõ nhẹ lên chiếc cúp bằng thủy tinh Bohême.

Chúng tôi ai nấy đều ngồi yên lặng ngồi ra ngoài mấy khung cửa sổ lớn. Bỗng nhiên tất cả mọi người đều nghe có tiếng phi cơ từ xa vọng lại. Chắc chắn là phi cơ Đức đang đợi bom xuống hải cảng đầy đặc chiến thuyền Hoa Kỳ. Chúng tôi lắng tai nghe, ai nấy đều tỏ vẻ lo lắng. Antonio Nunzante nói nhỏ:

— Tại sao súng phòng không lại im tiếng nhỉ?

Bá tước Romano Avezzana trả lời:

— Mấy người Hoa Kỳ ngủ say lắm!

Ông đã có hồi làm Đại Sứ Ý tại Hoa Kỳ. Người Mỹ, theo như Bá tước nhận xét, có thói quen dậy sớm, nhưng ngủ rất say sưa, thức giấc rất chậm trễ.

Đúng lúc đó mọi người đều nghe có một tiếng động thật kinh khủng từ xa vọng lại. Và sau đó mặt đất rung chuyển dữ dội. Một tiếng nổ lớn xé toang màn đêm dày đặc. Bom nổ!



Ngay giữa căn phòng, một đám đàn bà đứng dum lại thành một đống, người nọ ôm lấy người kia, đa số không còn một mảnh vải che thân, kể thì la hét, người rên rỉ. Tiếng la hét của họ có lúc

chó lói, có lúc khàn khản giống như tiếng kêu của mẩy con thú. Tất cả đều quay mặt về phía cửa, nơi họ chạy vô: Hình như họ vẫn còn sợ hãi thầm chết đang đeo đuổi họ và sẽ theo cửa đó để tiến vào căn phòng. Ngay cả khi chúng tôi lên tiếng an ủi, vỗ về, họ vẫn không quay đầu trở lại.

Và sau cùng, khi đám đàn bà quay mặt lại, tất cả chúng tôi ai nấy đều băng hoàng sợ hãi. Đám đàn bà trông thật khủng khiếp chẳng khác chi thú dữ: Mặt mũi hốc hác, xanh xao, đầy những vết bùn. Đầu tóc rũ rượi, trán dâng mồ hôi, cặp mắt đục ngầu chết sưng, đa số các bà chắc đang say sura ngủ khi bom nổ. Họ cố gắng dùng một miếu chăn, mền dấu điểm cặp vú hở hang, đôi vai gầy guộc. Có người dùng hai tay đắp che. Mấy đứa trẻ con sợ sệt nép sau đũng quần người mẹ và đưa mắt ngơ ngác nhìn lũ chúng tôi. Trên mặt bàn có một mớ báo chí, ông Hoàng bèn sai người phân phát cho các nạn nhân tạm dừng đắp che thân. Đám đàn bà chắc có lẽ đều là những láng giềng gần đó. Nhờ không khí thân mật, họ lần lần lấy lại bình tĩnh, không còn la hét như lúc đầu nữa. Mấy người đàn bà khe khẽ rên rỉ hoặc lầm bầm tụng niệm, cầu khấn Đức Mẹ hằng cứu giúp. Chủ nhà yêu cầu tất cả mọi người hãy an vị, và sai người mang bàn ghế tới. Tất cả đám đàn bà đáng thương ngồi yên lặng. Chủ nhà xin lỗi vì tình trạng khó khăn cho nên trong nhà không có sẵn bánh trái, và sai người làm rót rượu và sửa soạn cà phê cho đám trẻ con.

Đám người làm sau khi rót rượu ra ly và bày biện lên mặt bàn, họ lui ra một góc nhà chờ đợi chủ

nhân sai khiến. Đúng lúc đó, chúng tôi ngạc nhiên nhìn thấy một người đàn ông nhỏ bé gù lưng từ, một góc phòng tiến lại gần bàn. Gã lấy hai tay cầm bình rượu và lần lượt đỗ đầy ly của mấy nạn nhân, cho tới khi bình rượu cạn trơn. Khi đó, hắn tiến lại gần vị chủ nhà, hắn ta cúi rạp người và nói bằng một giọng khàn khàn :« Xin Ngài cho phép ». Rồi hắn ta lấy một bình rượu khác rót đầy chiếc ly đang cầm trên tay và sau đó đưa lên miệng uống một hơi.

Đến lúc đó, chúng tôi nhận thấy hắn ta gù lưng. Đó là một người đàn ông cõi chừng năm chục tuổi, hói đầu, mặt dài ngoẵng đè râu mép, cặp mắt đen thui. Có tiếng cười nồi lên khắp căn phòng. Một người nào đó lén tiếng gọi gã gù lưng :« Gennar-ello ! » Nghe thấy tiếng gọi quen thuộc, gã gù quay người lại và mỉm cười với một mụ già, mặt ốm nhom. Mụ già liền dang hai tay, lại gần gã gù lưng. Tất cả những người còn lại vây quanh gã gù kè đưa ly người tinh giáng lấy bình rượu ..

Vợ chủ nhân ra hiệu cho đám người làm mặc kệ mấy người đàn bà muốn làm gì thì làm. Ông ta nhìn quang cảnh đó với vẻ mặt ngạc nhiên và chán ngán. Có lẽ, nếu được chứng kiến cảnh tượng đó vào một lúc khác ông sẽ lấy làm thích thú cũng nên ! Tôi đứng bên cạnh Jack, và chăm chú nhìn anh ta : Jack cũng bị lôi cuốn bởi quang cảnh đó. Anh chăm chú nhìn, nhưng vừa ra vẻ nghiêm khắc vừa kinh ngạc vừa khinh khi ! Còn Consuelo và Marie Thérèse thì lui lại phía sau lưng chúng tôi. Hai nàng cầm thấy ngượng ngùng xấu hổ nhiều hơn là sợ hãi. Sau đó chúng tôi được biết gã gù

lưng là một người chuyên bán hàng rong cho mấy người đàn bà, ngày nào cũng cõng qua những căn nhà lồi tàn ở khu Pallonetto.

Hình ảnh mấy người đàn bà tràn trề, cộng thêm ảnh hưởng của mấy ly rượu đã khiến cho gã gù nồi cơn điên nhảy ra giữa đám đông đóng vai trò người cầm kẽ lại mấy chuyện cổ tích, chuyện thần tiên, nhí đồng. Tôi nín thở, nắm chặt tay Jack, ra hiệu cho anh chú ý theo dõi cảnh tượng kỳ lạ đó.

Trước khi làm trò, gã gù quay mặt về phía chủ nhân và nghiêng người nói :Xin phép Ngài. Sau một vài cái nhảy nhót kèm theo những điệu bộ nhăn mặt, nhăn mũi, gã bắt đầu chạy quanh chiếc bàn, vung tay múa chân, đấm ngực, những âm thanh tục tĩu phát ra từ cửa miệng. Hắn ta giơ tay làm điệu bộ như đang cầm một con chim, một bông hoa, một vật gì nhẹ nhàng, biết bay... Bỗng nhiên một người đàn bà, rồi một người nữa, tất cả hình như đều bị xúc động như nhau, họ thở hồn hồn, mặt trắng bệch, mắt ngơ ngác, tất cả đồng đứng vây quanh người gù. Người khác lấy tay vuốt ve gã, người khác nữa hai tay ôm lấy chiếc bưởu. Trong khi đó, những người đàn bà còn lại, những đứa trẻ con và ngay cả mấy người hầu cận trang nhã, hình như tất cả mọi người đều biết rõ ràng diễn tiến của vở tuồng, tất cả đều chăm chú theo dõi, hoặc cười đùa và vỗ tay hô hào những diễn viên, hoặc thốt ra những tiếng kêu khàn khàn, lúc lắc thân hình một cách thật kỳ cục.

Rồi một số đàn bà khác, đứng dậy bắt chước mấy người khi nãy. Chung quanh gã gù bây giờ

là một đám đàn bà điên cuồng, họ ồn ào tranh nhau cung nồi, lúc đầu còn nhỏ, càng về sau càng thêm hối hả, mạnh mẽ, sau cùng là những tiếng la chót lóe thoát ra từ hăng đó chiếc miệng sùi bọt. Họ vây chặt và bắt đầu đánh đập gã gù lưng chẳng khác gì hành hạ một kẻ phóng đãng đã làm hại đời một thiếu nữ còn nhỏ, con gái của đám đàn bà đó.

Gã gù lưng lấy hai tay che mặt, đầu cúi xuống thật thấp cõi gắng chống cự lại đám đàn bà mỗi lúc một vây chặt lấy gã. Gã lấy chân đá, khi vào bụng một người đàn bà, lúc vào ngực một người khác, trong khi thốt ra những tiếng kêu kỳ quặc, khó hiểu. Dần dần, từ trạng thái say sưa, điên cuồng pha lẫn sung sướng, gã gù sau cùng đâm ra sợ hãi. Gã bỗng lâng lớn một tiếng thật dài, âm thanh đầy khoái lạc xen lẫn kinh sợ. Sau đó gã nằm dài xuống đất, cuộn tròn mình chống đỡ những cái đánh đập giận dữ của mấy người đàn bà. Họ leo lên mình gã, người xé quần áo, kẻ cẩu kẻ cắn tất cả cõi gắng lật ngửa gã gù lên. Dáng điệu của đám đàn bà giống như của một đám ngự phủ đang hết sức lật ngửa một con rùa. Bỗng nhiên chúng tôi nghe một tiếng nô nức dội, và tiếp theo là một đám bụi mù bay vào căn phòng từ những khung cửa sổ. Một luồng gió nóng hổi thổi tắt ngấm mẩy ngọn nến trong phòng. Trong sự yên lặng bất chấp đó người ta chỉ nghe thấy những tiếng thở hồn hồn, tiếng tường đồ rào rào, rồi sau đó một tiếng hú man rợ vang lên trong căn phòng tiếp theo là những tiếng rên rỉ, tiếng khóc than,

tiếng thở dài... Khi ánh sáng mờ ngọn đèn cầy trở lại, mọi người thấy ở giữa phòng một đám đàn bà ngơ ngác xùm quanh gã gù lưng quần áo rách rưới; mặt mày xám xanh. Vừa thấy có ánh sáng, gã gù bèn lập tức chun qua đám đàn bà, chạy tuôn ra cửa.

— Đừng sợ hãi gì cả ! Cứ ở lại đây !

Vị chủ nhân nói lớn khi nhìn thấy đám đàn bà khiếp sợ tinh ôm mẩy đứa nhỏ chạy theo gã gù lưng.

— Mấy người chạy đi đâu đâu giờ ?

Mấy người làm đứng ở ngưỡng cửa cũng dở tay ngăn đám đàn bà. Đúng lúc đó, người ta lại nghe thấy một tiếng động rất lớn ngay ở phòng bên cạnh, và một đám đàn ông khiêng trên tay một thiếu nữ đã bất tỉnh hiện ra tại ngưỡng cửa.

Vị chủ nhân ra lệnh cùng đám người làm :

— Cho họ vô !

Ông lấy tay gạt đám đàn bà qua hai bên, và đi trước dẫn đường, rồi sau đó nhìn quanh quất coi có chỗ nào thuận tiện để đặt người thiếu nữ bất hạnh. Ông gạt đồ hết tất cả những ly chén, đồ đạc trên mặt bàn và nói với đám đàn ông :

— Đặt cô ta lên đây !

Người thiếu nữ trông như đã chết một tay buông thõng, một tay đặt nhẹ trên ngực phía bên trái. Cái chết khủng khiếp, bất thình linh không biến đổi khuôn mặt người thiếu nữ. Người ta không đọc được trên khuôn mặt đó một dấu hiệu ngạc nhiên, hoảng hốt của những người biết rằng họ sắp chết. Đôi mắt vẫn dịu dàng, vầng trán thanh thoát, đôi môi hé cười. Nhưng ngoài cái nhìn ấm áp, ngoài

nụ cười sống động đó ra, tất cả toàn thân người thiếu nữ toát ra vẻ im lìm lạnh lẽo.

Thân xác người thiếu nữ đặt nằm dài trên mặt bàn đã đem lại cho căn phòng một vẻ trong sáng bình yên. Tất cả mọi người mọi vật đều trở nên trang trọng trước cái chết đứng đằng sau lạnh lẽo của người thiếu nữ xấu số.

Vị chủ nhân tòa lâu đài nắm chặt cổ tay người thiếu nữ. Và ông cứ đứng im lìm như vậy. Tất cả mọi người chăm chú nhìn ông. Họ yên lặng, trang nghiêm đợi chờ sự phán quyết của ông Hoàng. Đối với đám người bình dân đó, cái chết của cô gái tùy thuộc nơi « đức ông », chỉ ngài mới có quyền quyết định tính mệnh của cô gái.

Cuối cùng ông Hoàng Candie nói :

— Chúa đã gọi cô gái đến bên người !

Nghe thấy thế, tất cả mọi người cùng rú lên. Tiếp theo đó là những màn đập ngực, dứt tóc, vò đầu. Một vài người còn kêu lớn tên người thiếu nữ đã chết :

— Concetti ! Concetti !

Hai mụ chủ chưa ôm chầm lấy xác người thiếu nữ, họ hồn h拍拍 khắp thân thể cô gái, thỉnh thoảng lại lay lay làm như đang đánh thức nàng dậy. « Ô ! Dậy đi, Concetti ! Dậy đi, em ơi ! » Trong tiếng kêu la, gào thét đó chưa đầy những điên cuồng, giận dữ, những phiền hà, oán trách. Tôi có cảm tưởng hai mụ chủ chưa sấp sửa đánh đập lên thân xác cô gái.

Vị chủ nhân ra lệnh cho người làm :

— Đem cô gái vô phòng khách !

Mấy người làm kéo mạnh hai mụ chủ chưa ra

khỏi xác cô gái xô đầy đám đàn bà. Cứ chỉ của họ thật tàn nhẫn khiến tôi cảm thấy khó chịu. Sau đó họ nhẹ nhàng nâng cô gái dậy, rồi khiêng qua phòng khách, đặt nằm lên chiếc bàn rỗng, trên phủ một tấm lụa Sicile thật lâu đời.

Cô gái như hoàn toàn trần tuồng. Vị chủ nhân lấy tay kéo mấy góc chiếc khăn bàn quý giá phủ lên mảnh nàng. Công chúa Consuelo đặt tay lên vai vị chủ nhân.

Nàng nói :

— Xin ngài để đó. Công việc này là của đàn bà chúng tôi.

Chúng tôi đi ra ngoài. Trong phòng chỉ còn Consuelo, Marie Thérèse và một vài người đàn bà khác. Chắc họ là thân nhân của cô gái.

Ngồi trong căn phòng nhỏ mở ra khu vườn chúng tôi nhìn ra bầu trời sáng trăng, nhìn mặt biển lồng lánh như nạm bạc. Gió biển thổi vô căn phòng mang theo hơi muối trộn cùng với hương thơm mấy loài hoa, loài cỏ trong khu vườn. Tôi bỗng có cảm tưởng tai đang được nghe tiếng hát của một người thủy thủ cô đơn lang thang trên mặt biển. Bình minh mỗi lúc một thêm gần. Không gian trong sáng. Trời đất run run trong gió núi giống như một chiếc lá. Tiếng chim ríu rít trong những khu vườn phía bên dưới. Bình minh không ló lên từ chân trời, nhưng từ từ nhô lên khỏi mặt biển.

Vị chủ nhân lên tiếng trước tiên :

— Chúng ta hãy đi coi Consuelo đang làm gì,

Đứng trên bức cửa nhìn vô trong phòng. một cảnh tượng lạ lùng diễn ra dưới mắt

chúng tôi. Cô gái vẫn trần truồng nằm dài. Marie Thérèse đang lau rửa mình mẩy cho nàng. Một vài người đàn bà lăng xăng giúp đỡ người bụng chật nước, người cầm bình nước thơm cầm dẻ lau, khăn tay... Trong khi đó Consuelo, một tay nâng đầu cô gái, một tay chải tóc cho nàng.

Chúng tôi lặng yên theo dõi cảnh tượng êm đềm sống động đó. Không ai lên tiếng. Chỉ có những tiếng nức nở của mấy người đàn bà cộng thêm tiếng khóc của đứa bé, hình như nó khóc vì ngạc nhiên nhiều hơn là sợ hãi.

Bỗng nhiên công chúa Consuelo từ từ cởi những món đồ nàng đang mang trên người mặc lên người cô gái. Trước hết là đôi giày, đôi vớ bằng lụa, rồi tới cái nịt vú bằng xa tanh, cái jupe, bộ đồ lót... Nàng từ từ thoát y, mặt hơi tái đi một chút, đôi mắt nàng toát ra một thứ ánh sáng kỳ lạ. Mấy người đàn bà đang đứng bên bức cửa, từng người một tiến vào trong phòng, người nọ nắm lấy tay người kia, kẻ khóc, người cười, nhưng trên mặt họ đều phản chiếu một nỗi vui mừng kỳ diệu. Từng người một tiến tới chiêm ngưỡng cô gái đang nằm dài trên chiếc giường sang trọng.

Rồi một đám đàn ông, đàn bà khác hiện ra trên ngưỡng cửa phòng. Họ lần lượt tiến vào, tay nắm tay, tất cả cùng kêu lớn «Ô ! Người đẹp, xin vĩnh biệt ! » Nhiều người quỳ xuống cầu nguyện. Cái chết của cô gái trở thành một hình ảnh thiêng liêng.

Bỗng nhiên có tiếng người la lớn «Phép lạ ! Phép lạ ! » Tất cả mọi người đang xúm quanh cô gái đều kính cẩn sợ hãi, lui ra xa. Phép lạ đã biến đổi cô gái làm thường Concetti trở thành nữ thần mẫu

nhiệm Madone. Nhiều tiếng người la theo. «Phép lạ! Phép lạ! Tất cả đám người bình dân trong khu phố Pallonette đều lũ lượt chạy tới chiêm ngưỡng phép lạ.

Công chúa Consuelo run rẩy đứng bên cạnh xác chết. Trên người nàng không còn một mảnh vải. Nàng nhìn chết trân cô gái. Trong mắt nàng vẫn chưa nỗi sợ hãi và một chút tình cảm chí thật bị ẩn không làm sao cất nghĩa nỗi. Sau cùng Marie-Thérèse phải ôm lấy Consuelo và diu dàng ra ngoài.



CHƯƠNG VIII

LÍNH MỸ GIẢI PHÓNG LA MÃ

BỊ ĐE DỌA Ở ĐẮNG SAU LUNG BỎI NGỌN NÚI
Vésuve đang giật dữ phun lửa, đắc trước bởi chiến
tuyến Cassino của quân đội Đức, toàn quân Hoa
kỳ, sau bao nhiêu tháng đứng đậm chân tại chỗ,
cuối cùng đã phá vỡ phòng tuyến Đức, trải khắp
vùng đồng bằng Latium rồi tiến dần về La mã.

Nằm dài trên bãi cỏ bờ hồ Albano, vốn là miệng
hỏa diệm sơn đã tắt lửa từ lâu, trông như một chiếc
chậu băng đồng bên trong chứa một loại nước màu
đen, chừng tôi nhìn xuống kinh thành La mã ở
cuối cánh đồng phía dưới. Có một vài tiếng súng
lẽ tẻ vọng tới từ xa. Mái nhà thờ Saint Pierre lung
linh ở nơi chân trời, giữa một khói mây trắng.
Ánh mặt trời chiếu qua trông như những mũi tên

màu vàng. Tôi nói thật nhỏ, vừa đủ cho mình nghe «La mã ! Thành phố yêu quí của tôi ơi !» Và Jack nắm bên cạnh, nhìn tôi mỉm cười.

Tôi đỏ mặt xấu hổ. Bùa nay, tôi cố gắng không nghĩ đến những quả khứ vàng son, những vinh quang chói lọi của một kinh thành La Mã nổi tiếng khắp hoàn cầu. La Mã của bạo chúa Néron, của César, La Mã của vinh quang chiến thắng, *the glory that was Rome*. Bùa nay, vào lúc này, tôi cảm thấy hài lòng khi nghĩ về một thành phố La mã có thè bị chết chóc, mai một với bao nhiêu dân cư, sống nay chết mai chen chúc ở bên trong...

Kỷ niệm cuối cùng của tôi về thành phố La mã, đó là những ngày tôi bị cầm tù trong ngục Regina Coeli. Bây giờ, trở về với vinh quang chiến thắng (dù là vinh quang, chiến thắng vay mượn của người khác, của nước Mỹ, người Mỹ) tôi cũng chỉ muốn lòng mình hướng về những tình cảm giản dị, êm đềm. Nhưng thay vì vậy, bên tai tôi vẫn vang lên những tiếng kèn, tiếng thanh la, tiếng reo hò chiến thắng và tôi bỗng rùng mình vì sợ hãi, xấu hổ.

Đúng lúc đó có tiếng cười nói ở phía sau, chúng tôi quay lại. Đó là Đại tướng Guillaumé chỉ huy trưởng Lữ đoàn Maroc, bên cạnh ông là một nhóm sĩ quan người Pháp.

Đại tướng nói :

— Voilà Rome (La mã kia !)

Trung úy Pierre Lyautey tiếp lời :

— Tôi mong muốn được nhìn ngọn tháp Eiffel thay vì ngọn tháp nhà thờ Saint Pierre ở phía dưới kia !

Đại tướng cười nói :

— Thị ngọn tháp ở ngay phía sau nóc nhà thờ đó. Anh không nhìn thấy sao?

Một người khác lên tiếng:

— Kỳ lạ thật! Tôi thấy xúc động như thế nhìn về thành phố Ba lê vậy!

Một người khác ra vẻ giải thích:

— Thị chính nhà văn Stendhal đã đem đến cho khung cảnh này một dáng vẻ của người Pháp.

Đại tướng Guillaume cũng nói:

— Muốn hiểu rõ La mã, tôi xin mọi người đừng quá tin vào nhà văn Chateaubriand. Chỉ nên tin vào Stendhal mà thôi.

Trung úy P. Lyautey nói:

— Tôi chỉ trách Stendhal một điều là ông ta yêu La mã nhiều quá. Nhiều hơn cả Ba lê!

Đại tướng cau mặt:

— Stendhal có bao giờ nói như vậy đâu?

— Dù sao, ông ta cũng yêu thành phố Milan nhiều hơn là Ba lê!

Một người lên tiếng giải thích:

— Đó là do ái tình hất hùi! Ba lê giống như một người nhân tình đã lừa dối nhà văn của chúng ta rất nhiều lần!

Đại tướng nói:

— Thôi đi các ngài! Tôi không muốn nghe các ngài nói về Stendhal như vậy. Ông ta là một người bạn rất thân của tôi!

Và quay sang Trung úy Lyautey, Đại Tướng nói tiếp:

— Chiều nay, biết bao cô gái đẹp đang chờ đón anh ở La mã. Chắc là anh sẽ choáng mắt lên vì các cô đó!

Viên Trung úy đẹp trai tươi cười :

— Mấy cô gái đẹp đó chính là con cháu của mấy cô ngày trước đã chờ đón Stendhal !

Và sau đó cả bọn chúng tôi đứng yên lặng nhìn mái nhà thờ St. Pierre hình tròn đang lung linh ở cuối cánh đồng phía dưới. Đại tướng Guillaume vỗ vai tôi nói :

— Anh hên thiệt !

Tôi nghĩ thầm chắc ông ta đang nghĩ tới thành phố Ba lê của ông.

Jack lên tiếng :

— Xin lỗi Đại tướng ! Bay giờ chúng tôi phải cáo từ. Chắc là Đại tướng Cook đang chờ đợi hai đứa chúng tôi.

Sáng nay, chúng tôi rời khỏi đoàn quân Hoa kỳ do Đại tướng Cook chỉ huy, để tới gặp binh đoàn lính Ma rốc của Đại tướng Guillaume. Đã đến lúc chúng tôi phải trở lại vị trí cũ. Đại tướng Guillaume tỏ vẻ chua chát. Ông nói :

— Đệ ngũ quân đoàn Hoa kỳ được vinh dự giải phóng La mã... Đầu cần tới các anh có mặt ở đó. Và đâu cần tới cả chúng tôi nữa !

Và ông đồi giọng, với nụ cười chế diễu, pha lẫn buồn bã :

— Các anh dùng bữa cùng với tụi tôi rồi sau đó hãy đi.



Trước mặt chúng tôi, là những người lính chiến xa dẫn đầu đoàn quân Hoa kỳ, Thỉnh thoảng, mấy người lính lại cho nô một vài tiếng súng lớn. Qua một khúc đường quặt, thành phố La mã bỗng

thinh linh hiện ra trước mắt mọi người. Cả một vùng trắng toát trong đám khói, lửa. Trông xa, chúng tôi có cảm tưởng một cơn hỏa hoạn lớn đang tàn phá La mã.

Một tiếng la lớn vang lên, chạy dài dọc theo cả đoàn quân : « La mã ! La mã ! » Tôi cũng bắt chước mọi người. Bằng tiếng la khàn khàn, tôi cảm thấy trong tôi nỗi bùng ra tất cả những nỗi thù hận, giận dữ, những đớn đau, kinh hoàng, những buồn bã, bi thương, những hân hoan hạnh phúc, vì phút giây chờ đợi đã đến. Khi đến trước căn cứ không quân Ciampino còn đang bốc khói nghi ngút, đoàn quân dừng lại. Hai chiếc xe tăng « Mạnh hổ » của Đức, nằm ngửa chǎn ngang con lô. Toàn lính Mỹ òn ào cười nói, không tỏ vẻ lo ngại, sợ sệt chi hết. Có người vẫn không quên nhai kẹo cao su.

Tôi bảo Jack :

— Con đường này coi bộ có nhiều chướng ngại vật. Tại sao không đề nghị với Đại tướng chọn con đường khác ?

Đúng lúc đó, đại tướng Cook quay đầu lại, trong tay vẫn cầm bản đồ hành quân, ông lấy đầu ra hiệu cho Jack. Anh chàng nhảy xuống xe jeep, chạy lại gần Đại tướng, nói với ông ta vài điều gì đó, thỉnh thoảng lại chỉ tay lên bản đồ.

Sau cùng anh quay lại bên tôi :

— Đại tướng muốn biết coi còn con đường nào khác nữa gần hơn, ít nguy hiểm hơn để tiến vào Rome ?

— Ở vào địa vị của ông, tôi sẽ quay qua trái, vượt qua quảng này tới con đường Voie Appienne

cũ rồi tiến vào Rome bằng ngã Via dei Trionfi. Đi như vậy tuy dài nhưng chắc chắn và hơn nữa ngã đó đẹp hơn nhiều.

Jack chạy tới bên Đại Tướng, rồi sau đó ít phút lại quay về chỗ tôi.

— Đại tướng muốn biết coi liệu anh có thể làm hướng dẫn viên cho toán quân được không?

— Tại sao không được?

— Anh có dám bảo đảm tự mình không lọt vô ô phục kích?

— Làm sao bảo đảm chuyện đó được? Bộ hết chiến tranh rồi hay sao?

Jack quay lại trình bày với Đại tướng Cook.

Lát sau anh quay lại bảo tôi Đại tướng muốn biết César ngày xưa đã tiến vào Rome bằng ngã nào.

— Khi ông ta từ Đông Phương trở về, ông dùng ngã Voie Appienne.

Jack chạy lại bên Đại tướng. Rồi sau đó anh quay lại bảo tôi; bởi vì Đại tướng Cook từ Mỹ tới, cho nên ông cũng sẽ dùng con đường mà César ngày trước đã dùng.

Tôi bảo anh:

— Tôi không ngạc nhiên về quyết định đó.

Và tôi nói thêm:

— Chính con đường Voie Appienne cũ là con đường mà những Marus, Sylla, Jules César, Cicéron, Pompée, Antoine, Cléopâtre... và tất cả những đại đế khác nữa, đã dùng để tiến vào Rome.

Jack chạy lại gần bên Đại tướng, nói nhỏ với ông ta. Sau đó Đại tướng quay lại phía tôi, mỉm cười, la lớn : «Ô-kê!»

Jack nhảy lên xe nói :

— Đi thôi !

Tôi cho xe jeep vượt lên dẫn đầu đoàn quân, ngay đằng sau đội pháo thủ. Chúng tôi đi theo một con đường nhỏ, rời Đại lộ Voie Appienne mới tiến qua đại lộ cũ cùng tên. Một lúc sau chúng tôi tiến vào một con đường thật đẹp, đẹp nhất thế giới, hai bên hè đường lát đá, bên trên mặt đá vẫn còn in hằn dấu vết những chiếc bánh xe của chiến xa để quốc La mã ngày trước.

Đại Tướng Cook dơ tay chỉ những nấm mồ nằm dưới bóng những cây thông chạy dài hai bên đường.

— Gi thế ?

— Đó là những ngôi mộ của những gia đình quyền quý thời kỳ đế quốc La mã.

— Cái chi ?

Tiếng súng đại bác làm ông ta không nghe rõ câu trả lời của tôi. Jack héto :

— *The tombs of the noblest roman families !*

Và câu nói truyền đi từ xe này tới xe khác. Tất cả lính Mỹ đứng lên xe đều thi nhau bấm những chiếc máy hình.

Đứng trên xe jeep tôi chỉ tay về từng nấm mồ, lên tiếng giải thích :

— Đây là mộ Jules César, kia là của Cicéron, của Cléopâtre... tên Cléopâtre truyền từ miệng người này qua người kia, từ xe này tới xe khác, và Đại Tướng la lớn, hỏi tôi :

« *A famous signorina, was'nt she ? (người đàn bà tiếng danh thế giới, phải nàng không ?)* »

Một người lính la lên :

— Tôi muốn đè lại chữ ký trên bức tường gạch đỏ kia!

Và dám lính ào ào nhảy xuống xe chạy đến bên bức tường, chỉ một lúc sau mặt tường đã phủ đầy những chữ ký!

Đại tướng Cook la to :

— Đi thôi!

Đúng lúc đó, tôi ngang đầu lên và nhìn thấy một người lính Đức ngồi im lìm trên một bậc đá dẫn lên một phần mộ. Trông gã gần như một đứa trẻ con, mặt mày phủ đầy bụi, đầu tóc bờ phờ, hai con mắt trắng dã tràng như cặp mắt giả của người mù. Gã ngồi im lìm, vẻ mệt mỏi, xa vắng, mặt ngửa ra đằng sau, tay tỳ lên bậc đá coi như tách rời ra khỏi mọi chuyện, từ chiến tranh, cho tới nơi chốn, phong cảnh... Không ai nhìn thấy gã, ngoài tôi ra.

— Đi thôi! Đại tướng tiếp tục la lên.

Đoàn quân lục đục lên đường. Khi đi ngang hai nấm mồ thật lớn, trên phủ đầy cỏ xanh, trông giống như hai kim tự tháp bằng đất, tôi bảo Jack ngừng xe lại. Và tôi la to cho mọi người nghe rõ :

— Đây là phần mộ của những Horaces và Curiaces. Sau đó tôi cất cao giọng kêu lại vắn tắt cuộc tranh chấp, thách đố đưa đến chém giết lẫn nhau của hai dòng họ, mưu mẹo thâm kín của người Horaces cuối cùng, chuyện cô em gái bị người anh dám gươm xuyên qua người ngay trước ngực cửa gia đình chỉ vì tôi đã dám yêu một người dòng họ Curiaces...

Tất cả toán GI nhảy ào xuống xe và leo lên trên hai nấm mồ. Đại tướng Cook cũng có ý muốn leo lên đỉnh một kim tự tháp nhỏ đó.

Jack và tôi đi theo ông. Từ trên đỉnh mộ nhìn về La mã, chúng tôi nhận thấy đám cháy lớn lúc nãy đã tàn lui, thành phố trở nên u tối, êm đềm dưới ánh trời chiều. Một đám mây xanh to lớn che lấp mái nhà thờ, ngọn tháp, những mái nhà nhấp nhô, những pho tượng. Người ta có cảm tưởng một trận mưa cỏ xanh đang rơi từ trên trời, thành phố lấp lánh giỗng như một cánh đồng cỏ xanh tươi.

Đại tướng Cook từ từ bước xuống ngôi mộ, rồi leo lên xe jeep. Bằng một giọng giận giữ, ông ra lệnh cho đoàn quân khởi hành; ông ta coi bộ vừa kinh ngạc vừa khó chịu.

— Tôi phải nhắc nhở mấy người...

Và ông đồi giọng la to :

— Đì thôi !

Đoàn quân lại khởi hành. Nhưng khi tới trước một quán nước nồi tiếng ở ngoại ô thành La mã có tên là : « Qui non si muore mai » (ở đây, người ta không bao giờ chết !), tôi quay về phía Đại tướng, chỉ cho ông nhìn thấy bảng hiệu và la lớn :

— Ici, on ne meurt jamais ! (ở đây, người ta không bao giờ chết !)

— What ? (cái gì ?)

Jack là lớn thay tôi :

— Here, we never die.

— What, we never die ? (Cái gì ? Chúng ta không bao giờ ăn hả ?) Đại tướng la lên.

— Never die (Không bao giờ chết) Jack nhắc lại.

— Why not ? (Tại sao không ?) Đại Tướng la lớn. I will dine, I am hungry ! Go on ! Go on ! (Tôi sẽ ăn, tôi đang đói ! Đì thôi ! Đì thôi !).

Sau cùng khi đoàn quân tôi trước một ngôi nhà thờ nhỏ có tên là nhà thờ Quo Vadis tôi chỉ cho Đại Tướng Cook hay.

— Quo what ? (Quo cái chi ?) Ông ta la to.

— Quo vadis church (Nhà thờ Quo vadis).

— Cái gì ? Quo vadis là nghĩa gì ?

Tôi trả lời :

— Where ae you going ? (Anh đang đi đâu ?)

— Tới La mã chờ còn đi đâu nữa ? Anh muốn tôi đi đâu bây giờ ? Tôi đi tới Rome. Tôi đang đi tới Rome !

Đứng trên xe, tôi giải thích bằng giọng khá lớn, nơi đây chính là chỗ Thánh Pierre đã gặp Chúa Jê-su.

Toán lính ồn ào. Một GI la to :

— Which Jesus ? (Jê-su nào ?)

Đại tướng Cook la to :

— The Christ !

Tất cả đều im lặng. Vài toán GI xúm lại đứng trước cửa nhà thờ, tỏ ra kinh nè. Họ muốn tiến vô nhưng cửa đóng chặt. Một vài người lính thử lấy vải đầy cửa, một vài người khác hoặc nắm tay đấm hoặc dơ chân đá. Một người lính họ còn dùng một thanh sắt đập bầy. Bỗng nhiên, cánh cửa sập một căn nhà phía đối diện nhà thờ mở toang ra, một người đàn bà thò đầu ra ngoài, ném đá xuống đầu một người lính, trong khi la hét :

— Đồ khốn nạn ! Tui Đức chó đẻ !

Đại tướng Cook bảo tôi :

— Anh làm ơn bảo cho người đàn bà can đảm đó biết chúng tôi là lính Mỹ, không phải lính Đức !

— Đây là người Mỹ.

Nghé mấy tiếng đó, tất cả mọi cửa sổ mở toang ra, bao nhiêu cái đầu chen chúc, và bằng đó cái miệng kêu lên cùng một lúc :

— Hoan hô người Mỹ ! Người Mỹ muôn năm ! Tự do muôn năm !

Một đám người lớn, bé, già, trẻ ò ra ngoài, ném bỏ gậy gộc và chạy tới ôm chầm lấy những người lính Mỹ, trong khi la to.

— À ha ! Người Mỹ ! Người Mỹ !

Trong khi mọi người tiu tít ôm nhau, hôn hít. Đại tướng Cook, từ trên xe jeep ra hiệu cho tôi lại gần và hỏi nhỏ thiệt có phải đây là nơi gặp gỡ giữa Thánh Pierre và Chúa cứu thế.

— Tại sao không thật, thưa Đại Tướng ? Tại La mã, phép lạ xảy ra hàng ngày, có gì đáng ngạc nhiên đâu !

— Nuts ! Đại tướng kêu to :

Và sau một phút yên lặng, ông ta bảo tôi kê một cách cẩn kẽ câu chuyện xảy ra. Tôi kê cho ông ta nghe về Thánh Pierre, cuộc gặp gỡ của Ngài với Chúa cứu thế và câu hỏi của Thánh Pierre : *Quo vadis Domine ?* (Ngài đi đâu ?) Đại tướng coi bộ rất bối rối, nhất là về những lời nói của Thánh Pierre.

— Có thật Thánh Pierre đã hỏi Ngài đi đâu không ?

— Đại tướng muốn Thánh Pierre hỏi điều gì bây giờ ? Nếu là Đại tướng, ông sẽ hỏi Ngài điều chi ?

— Lẽ tự nhiên tôi cũng hỏi Ngài đi đâu ?

Và ông nín hặt, rồi hắt đầu, ông nói thêm :

— La mã là như vậy đó !

Chúng tôi tiến vào La mã bằng Khải hoàn môn *Port de Saint Sébastien*. Khi đi qua những ngôi mộ Scipion, Đại tướng dừng lại ngắm nghĩa tháp lâu nơi an nghỉ của kẻ đã chiến thắng Annibal.

Ông ta nhìn tôi la to :

— La mã đó!

Ông ta coi bộ cảm động.

Đúng vào lúc đó, đoàn quân tiểu vò *Via dell Impero*; trong lúc tôi quay qua Đại tướng vừa chỉ tay về phía tòa nhà Capitole, vừa tính la to : «Đây là điện Capitole», đúng lúc đó 1 tiếng động khủng khiếp cắt ngang lời tôi : Một đám động vĩ đại gồm toàn là đàn bà ào về phía đoàn quân. Họ vừa chạy vừa la hét, như muốn nhào vô tấn công mọi người. Trong khoảnh khắc, cả đoàn quân bị bao vây bởi một lớp người điên cuồng, kẻ giơ tay vung chân, kẻ khóc người cười... Đoàn quân GI biến mất giữa một biển những cánh tay, cắp giò, giữa một rồng đầu tóc đen ngòm, rồi nùi, cắp vai trăng hếu (Và đúng như thường lệ, ngày hôm sau những kẻ theo phát xít la lối, buộc tội đoàn quân GI đã tấn công đám phụ nữ, trong khi sự thật, chính họ đã tấn công toán lính Mỹ, và đó cũng là luận điệu tuyên truyền của một vài ông cha quá yêu nước !) Tiếng động cơ xe hơi, tiếng xiết sắt của chiến xa đều tắt ngúm trong những tiếng la hét điên cuồng của đám phụ nữ.

Nhưng khi đoàn quân tiến tới *Tor di Nona*, một người đàn ông chạy ngang đường vừa giơ tay vẫy, vừa la to «Mỹ quốc muôn năm!» chẳng may người đó loạng choạng rồi té ngã ngay dưới bánh xe thiết giáp.

Một tiếng la khủng khiếp thoát ra từ đám đông. Một người đàn bà chạy đến bên cạnh kẻ đang hấp hối. Bà ta vừa vò đầu bứt tai, vừa dơ hai tay tinh ôm lấy nạn nhân, trong khi đó một số đàn ông đưa nắm tay về phía mày người lính Mỹ, miệng họ la to : «Đò sát nhân ! ». Mấy người quan cảnh phải dùng dùi cui đe dọa đám đông để mở đường.

Tôi tiến lại gần Đại tướng và cho Ông ta hay người đàn ông đã chết. Ông ta la to :

— Lẽ dĩ nhiên hắn ta phải chết !

Và ông bức tức nói tiếp :

— Anh nên kiểm coi gia đình nạn nhân ở đâu ?

Tôi cố gắng lách mình qua đám đông tiến đến bên cạnh người đàn bà. Tôi nâng bà ta đứng dậy, và sau đó hỏi bà ta tên và chỗ ở của nạn nhân.. Bà ta thoi la thét nhưng đưa mắt ngoác nhìn tôi, ra vẻ không hiểu tôi đang nói gì. Ngay lúc đó, một người đàn bà khác tiến ra khỏi đám đông đến kề bên tôi. Bà này cho hay, người chết tên là gì, ở đâu và nói thêm người đàn bà kia không phải là bà con của nạn nhân nhưng chỉ là một người láng giềng mà thôi. Nghe thấy thế, bà kia lại khóc lầm lén, vừa khóc vừa vò đầu, dứt tóc một cách thật hung dữ, làm ra vẻ đau đớn lầm. Sau cùng, tiếng nói sang sảng của Đại tướng Cook làm cho đám đông dịu đi và yên lặng dần dần, toàn quân lại tiếp tục tiến tới. Một người lính GI nghiêng người từ trên xe jeep thả xuống một bông hoa lên xác nạn nhân, và chỉ một lát sau, xác chết đã được phủ kín, biến thành một nấm mồ bằng hoa.

Tại công trường Venise, một đám đông khác đang chờ đón đoàn quân. Họ la hét om xòm, nhiều người ò chạy tới trước đoàn quân, vừa chạy vừa vỗ tay hoan hô. Ngay lúc đó, một người lính Mỹ thuộc *Binh đoàn Truyền tin* leo lên một bao lớn và bằng một giọng nửa Mỹ nửa Ý đại lợi, anh ta héto :

— Các người tướng rằng Mút xô li ni sẽ tiến ra đây để đọc diễn văn cho các người nghe hả ? Ngày hôm nay, không phải Mút xô li ni mà chính là ta đang nói cùng với các người. Hãy nghe đây, ta là John Esposito, lính Mỹ và công dân nước Hoa kỳ tự do, ta muốn nói cho các người biết các người chỉ là một lũ khốn nạn ! Không bao giờ các người trở nên người Mỹ được. Không bao giờ !

Và đám đông la to : Không bao giờ ! Không bao giờ ! Ó có người cười lớn, có kẻ vỗ tay hoan hô. Cuối cùng tiếng xích sắt chiến-xa che lấp tất cả mọi sự ồn ào...

CHƯƠNG IX

CHIẾN TRANH KẾT LIỄU.

TRƯỚC NHÀ THỜ SANTA MARIA NOVELLA, một đám thanh niên ngồi dài trên những bức thềm, một đám đông tò mò đứng xum xít chung quanh dài tưởng niệm. Trên sân cỏ nhà thờ, viên sĩ quan Địa phương quàn ngồi xoạc cẳng trên chiếc ghế đầu khuyỷ tay tì trên chiếc bàn quay bằng sắt lấy từ một tiệm cà phê nào đó tại Công trường. Đám lính *pac ti-giang*, tất cả đều còn trẻ, vũ trang súng liên thanh đứng xếp hàng tại sân nhà thờ, đằng trước mặt họ là những xác chết ng่อน ngang, chồng chất lên nhau. Tất cả đám lính đều yên lặng quay về cùng một phía. Một dòng máu chảy dài dọc theo những bậc thềm.

Đám thanh niên ngồi trên bức thềm trạc cỗ mười lăm, mười sáu tuổi, thuộc đoàn thể thanh niên phát xít. Mặt mày xanh lét, nhưng cặp mắt lạnh lợi tóc phủ lòa xòa trên vúng trán cao, đứa trẻ nhất trong bọn mặc áo đen, quần cộc đê lộ cặp giò khẳng khiu trông đúng như một đứa trẻ con. Trong bọn còn có một cô gái nhỏ xíu, mắt đen láng, tóc xoã ngang vai, ngồi xếp xuống đất, đầu ngửa về phía sau nhìn những đám mây bay lờ lững phía bên trên những mái nhà lấp láng nước mía, nhìn bầu trời nắng nè, âm đục.

Khi tiếng súng nổ, chúng tôi lúc đó còn đang ở cuối đường Via della scala. Đến nơi chúng tôi ngừng xe phía sau viên sĩ quan. Tiếng xe jeep thăng ken két cũng không làm cho viên sĩ quan động đậy, hoặc quay người lại. Một lúc sau đó, ông ta đưa một ngón tay về một người trong đám thanh niên và nói :

- Đến lượt mày. Tên là gì ?
- Bùa nay đến lượt Tao nhưng một ngày nào đó sẽ đến lượt mày.
- Tên mày là gì ?
- Tao khoái tên nào là lấy tên đó !
- Một thanh niên ngồi bên cạnh anh ta lên tiếng :
- Tại sao mày lại trả lời thằng ngu đó ?
- Thị tao phải dạy dỗ cho nó biết phép lịch sự là gì chứ !

Gã thanh niên vừa trả lời vừa đưa cánh tay áo lên chùi mồ hôi ướt đẫm trán.

Mặt anh ta xanh lét, môi run lẩy bẩy. Nhưng anh ta vẫn cười rộn ràng, trong lúc nhìn đầm đẵm

viên sĩ quan. Ông này cúi đầu, loay hoay ngibblech cây viết chì.

Đám thanh niên bắt đầu cười nói.

— Còn tụi đang đứng coi kia ? Bộ chúng chưa từng thấy một người công giáo bị ám sát hay sao ?

— Ôi chao ! Kệ tụi nó ! Đồ chúng coi cho sướng mắt.

— Tao muốn thấy chúng ở địa vị chúng mình qua ! Không biết chúng nó lúc đó ra sao nhỉ ?

— Tao cá tụi chúng quỳ gối xuống để van lạy !

— Mày sẽ nghe thấy tụi chúng nó than khóc giỗng như mấy con heo !

Đám thanh niên cứ thế cười nói. Mặt mày xanh lèt, chúng đăm đắm nhìn bàn tay cầm cây viết của viên sĩ quan.

— Coi kia ! Với chiếc khăn đỏ buộc quanh cổ trông hắn ta đẹp dữ !

— Hắn tính tự coi mình là nhân vật chi không biết,

— Mày thử nghĩ coi ?

Gã thanh niên đứng trên bức thềm nói :

— Phiền nhất là mình lại bị giết bởi một tên ngu xuẩn như vậy.

Một người trong đám đồng la to :

— Sao không mang nó đi cho rồi !

— Nếu mi vội vã muốn coi, hãy đến chỗ tao mà đứng !

Viên sĩ quan ngẩng đầu lên nói :

— Lẹ lên ! Đừng làm tao mất thời giờ ! Đến lượt mày rồi !

Gã thanh niên nói bằng một giọng chế riết :
 — Thưa ngài, có tôi đây !

Và nhảy lên đám bè bạn, gã đi tới trước mặt
 đám lính mang súng liên thanh đứng ngay bên
 cạnh đám tử thi, giữa vũng máu đang lan rộng dần
 ra khắp mặt sân nhà thờ.

Một trong những bè bạn gã thanh niên la to :
 — Đừng dè dơ đôi giày !

Cả bọn cười to.

Jack và tôi vội nhảy ra khỏi xe. Jack la to :

— Ngừng lại !

Nhưng cùng lúc đó gã thanh niên la lớn :

— Mút xô li ni muôn năm !

Và từ từ ngã xuống sau loạt đạn.

Jack la lên :

— Trời đất, ma quỷ ơi !

Mặt anh ta tái ngắt giổng như mặt người chết.

Viên sĩ quan ngang đầu lên nhìn :

— Sĩ quan Gia nã đại hả ?

— Không, Đại tá Hoa kỳ !

Vừa đưa tay chỉ đám thanh niên ngồi trên bục,
 Jack nói thêm :

— Giết trẻ con, khoái nhỉ !

Viên sĩ quan nghiêng mắt liếc hai chiếc xe jeep
 đầy nhóc lính Gia nã đại, người nào cũng cầm súng
 liên thanh ở tay, sau đó, ông ta quay sang nhìn
 tôi, chăm chú quan sát bộ binh phục tôi đang mang
 trên người, rồi ông ta đặt cây viết lên mặt bàn và
 mỉm cười nói với tôi bằng một giọng thiện :
 — Tại sao anh không trả lời viên sĩ quan Hoa

kỳ của anh

Tôi nhìn ngay mặt viên sĩ quan và nhận ra liền

ông ta là ai. Đó là một trong những phu tá của Potence, viên Thiếu tướng trẻ tuổi chỉ huy Lữ đoàn địa phương quân chiến đấu bên cạnh đạo binh Gia nã đại tham dự công cuộc vây hãm và tấn công vào thành phố Florence, Potence vừa mới từ trận trước đây vài ngày ở Oltrarno, ngay bên cạnh tôi và Jack.

Tôi lên tiếng :

— Chỉ huy trưởng đồng minh đã ra lệnh cấm xử tử đồng loạt như thế! Hãy để cho tụi nhỏ yên, nếu ông không muốn xảy ra những vụ rắc rối về sau này.

Viên sĩ quan nói :

— Anh cũng là một người trong bọn tôi, vậy mà anh dám nói như thế!

— Tôi cũng như ông, nhưng tôi phải tôn trọng những mệnh lệnh của chỉ huy trưởng đồng minh.

— Hình như tôi đã gặp anh rồi. Có phải anh ở kẽ bên Potene lúc ông ta tử trận?

— Đúng vậy, rồi sao?

— Có phải anh muốn những xác chết kia, phải vậy không? Tôi đâu biết anh đã trở nên một tên phu đám ma!

— Tôi muốn những đứa trẻ đang còn sống kia!

— Hãy lấy những xác chết, tôi bán cho anh đầy không mặc đâu. Anh có thuốc lá không?

— Tôi muốn những đứa trẻ còn sống. Bọn chúng sẽ được đem ra tòa xử.

Vừa nói tôi vừa đưa ông ta bao thuốc.

— Tòa án xử? Viên sĩ quan châm thuốc hút. Sao mà sang quá vậy!

— Ông không có quyền phán xét tai nó.

— Tôi, tôi không bao giờ thèm xét xử. Tôi chỉ việc giết bỏ tai nó.

— Tại sao ? Quyền gì ?

— Quyền gì hả ?

Jack lén tiếng :

— Tại sao ông muốn giết mấy đứa trẻ đó ?

— Tôi giết bởi vì chúng hô Mút xò li ni muốn nấm.

Tôi nói :

— Chúng kêu như vậy bởi vì ông giết chúng nó.

Một người trong đám đông la lên :

— Hai thằng cha đó muốn gì vậy ?

Tôi quay lại phía đó.

— Chúng tôi muốn biết tại sao ông ta giết trẻ con.

Một giọng nói vang lên :

— Ông ta giết bởi vì chúng nó nấp trên mái nhà bắn xuống.

Cô gái cười khúc khích :

— Trên mái nhà ? Bộ tai nó tưởng chúng mình là mèo hay sao ?

Một gã thanh niên trong đám đông la lên :

— Ông đứng đứng đó mà lải nhải. Chính tôi nói đây này : Tai nó nấp trên mái nhà bắn xuống.

— Anh có chính mắt trông thấy ?

— Tôi hả ! Không ! Gã thiếu niên trả lời,

— Vậy tại sao anh nói vậy ?

— Thì chúng nó chờ còn ai ! Còn nhiều đứa nữa. Anh không nghe thấy tiếng súng hả ?

— Từ cuối Via della Scala có tiếng súng nhỏ xen lẫn tiếng súng liên thanh bắn từng loạt.

— Còn anh, có khi nào anh lên mái nhà chơi không?

— Nay, hãy cần thận lời nói nghe!

Gã thanh niên trả lời bằng cái giọng đe dọa, trong lúc dởm chân hước tới.

Jack tới bên tôi nói nhỏ:

— Từ từ thôi!

Sau đó anh ta quay lại ra dấu chờ đám lính Gia nã đại tới bên tui tôi.

Cô gái nói:

— Đánh nhau to đến nơi rồi!

Một gã thiếu niên thuộc loại đảng Phát xít nhìn tôi bằng vẻ hăm học. Gã la to:

— Tại sao mấy người xen vô chuyện này? Bộ mấy người nghĩ tui này sợ hãi?

Cô gái nói:

— Trông hắn ta run rẩy sợ hãi còn hơn tui mình kia! Thấy không? Mắt hắn tái ngắt! Cho hắn ta viên thuốc uống cho đỡ sợ đi!

Cả bọn cười to. Jack quay sang nói với viên sĩ quan:

— Tôi lãnh trách nhiệm về đám thiếu niên kia. Bọn họ sẽ bị Toà án xét xử.

— Luật lệ nào?

— Luật của Toà án nhà binh. Hoặc là anh bắn chúng ngay tại chỗ. Còn bây giờ thì đã quá muộn. Hãy để Toà án phân xử. Anh không có quyền phán xét.

Viên sĩ quan hỏi Jack:

— Bộ chúng là bạn của anh hả?

— Họ là người Ý!

— Người Ý! Tui nó mà là người Ý!

Cô gái la to :

— Chúng tưởng tựi mình người Thổ Nhĩ Kỳ, anh em ơi ! Chúng làm như là người Ý hãnh diện lắm !

— Nếu là người Ý, tại sao mấy người là Đồng minh lại xen vô chuyện nội bộ của chúng tôi ? Hay để cho tựi chúng tôi tự lo giải quyết kỵ.

Tôi thêm vỗ :

— Như trong gia đình giữa anh em với nhau ?

— Như trong gia đình, Đúng thế, còn anh, tại sao anh lại đứng về phía những Đồng minh ? Nếu là một người như bọn tôi, anh phải ở phía chúng tôi mới được chứ ?

Tôi nói :

— Họ là người Ý.

Một người trong đám đông la lên :

— Người Ý ! Hãy để cho Tòa án Ý xét xử.

Jack nói :

— Vậy là được rồi !

Và anh ra hiệu cho những người lính dồn đám thanh niên về phía xe jeep.

Viên sĩ quan mặt xám lại, không còn hột máu, gã nhìn Jack dăm đăm, hai tay nắm chặt lại. Bất thình lính, hắn nắm lấy cánh tay Jack.

Anh la lên :

— Bỏ tay xuống !

— Không !

Đúng lúc đó, một người tu sĩ từ trong nhà thờ bước ra. Tay cầm một cái chổi, ông tinh quét dọn rác rưởi ở sân nhà thờ. Khi nhìn thấy đồng xác chết nằm ngordon ngang và dòng máu chảy dài dọc theo bậc thềm, ông ta ngừng lại, hai chân xoặc ra :

— Cái chi thế kia ?

Và quay lại đám lính Địa Phương Quân đang đứng xắp hàng, tay bồng súng ông thấy tu la hét :

— Thế này là làm sao ? Thiếu chi chõ, tại sao mấy người lại kéo nhau đến trước cửa nhà thờ mà giết người. Đi chõ khác ngay. Về nhà mấy người mà giết ! Đừng giết ở đây. Hiểu chưa ?

Viên sĩ quan bỏ tay ra khỏi người Jack

— Bớt nóng đi ông cha ! Đầu phải lúc nào cũng hung hăng như vậy !

— Ông nói không phải lúc hả ? Mấy người hãy coi đây !

Và, ông ta vung cây chõi đập lên đầu viên sĩ quan. Lúc đầu còn nhẹ nhàng, càng về sau càng mạnh thêm, vừa đập ông cha vừa hét lớn :

— Tại sao các anh đến đây làm bần nhà thờ. Làm chi kỳ vậy ! Thôi đi chõi khác chơi đi, thay vì giết nhau trước nhà tôi !

Giống như mấy bà nội trợ xưa đuổi đàn gà, ông cha hết cầm chõi đập lên đầu viên sĩ quan lại đập lên đầu đám binh sĩ

Cứ thế ông nhảy từ người này tới người khác miệng Ja bai bài :

— Đi đi ! Đi đi ! Bọn khốn kiếp ! Đi chõi khác chơi đi...

Cho đến một lúc, cảm thấy đã làm chủ được tình hình, ông cha quay người lại, và miệng không ngừng xô nho, ông cha quét loạn xạ những bát thèm đầy vết máu.

Đám đông lặng lẽ tản ra mọi phía.

Viên sĩ quan hồn hồn tôi :

— Mi ! Có ngày tao sẽ gặp lại mi !

Và hắn ta bỏ đi, thỉnh thoảng quay lại nhìn tôi bằng cặp mắt lạnh lẽo. Tôi hỏi Jack :

— Tôi muốn đâm một viên vào bụng hắn ta quá đi !

Nhưng Jack đến gần bên tôi, và anh đặt một tay lên vai tôi, trong lúc miệng cười buồn bã. Khi đó tôi mới nhận ra hai bàn tay của anh đang nắm chặt lại, và mắt đầy lệ. Jack nói với ông cha :

— Cám ơn cha !

Ông cha cầm cây chổi xuống bức đá :

— Anh nghĩ coi đúng không ? Trong một thành phố như Florence, người ta giết những kẻ theo đạo ngay trước cửa nhà thờ ? Chuyện chết chóc, giết lẫn nhau ngày nào mà chẳng có, đâu có gì đáng nói. Nhưng giết nhau ở đâu, ngay trước nhà thờ Santa Maria Novella ! Tại sao họ không kéo nhau tới trước nhà thờ Santa Croce ? Ở đó, có một ông cha vẫn thường cho phép họ làm như thế. Nhưng ở đây không thể như vậy được. Tôi nói phải không ?

Jack trả lời :

— Đây cũng không, dưới đó cũng không !

— Không thể ở đây được ! Ông cha tiếp tục nói. Anh thấy cách tôi xử sự không ? Nhún nhặt với bọn họ đâu có ăn thua gì. Phải dùng cây chổi ! Tôi đã đập cán chổi lên đầu tai Đức khá nhiều, tại sao tôi không thể dùng nó đập lên đầu mấy người Ý ?

Nghe tôi nói đây này : nếu người Mỹ tính qua đây để làm vẩy máu dơ lên những bức thềm nhà thờ, tôi cũng sẽ dùng cây chổi đập lên đầu bọn họ ! Anh là người Mỹ, phải không ?

— Đúng vậy, thưa cha. Tôi là người Mỹ.

— Nếu vậy, anh hãy coi như tôi không nói gì

hết ! Nhưng xin anh hiều dùm cho tôi. Lâu lâu tôi, cũng có những ý tưởng thật tốt : hãy cầm chổi đập lên đầu mấy người đó !

— Chúng tôi là nhà binh, đâu có thè vở trang bắng cày chổi để đi dạo.

— Thế thì chán quá ! Người ta không nên đánh nhau bằng súng. Nên đánh nhau bằng chổi. Nhất là cuộc chiến này. Mấy thằng cha không ra gì đó, tôi biết, tại nó cũng đau khổ nhiều rồi. Tôi hiều tại nó. Thắng sinh kiêu, bại sinh nản. Khi một người công giáo trở thành một kẻ chiến thắng, gần hết còn là công giáo. Chào giã từ Chúa Giê-su ! Anh cũng là dân công giáo, phải không ?

Jack trả lời :

— Vâng, tôi vẫn là dân công giáo.

— Vậy là tốt. Thà là dân công giáo còn hơn là dân vô thần.

Jack mỉm cười nói thêm :

— Thà là dân công giáo còn hơn dân Mẽo !

— Vậy đó. Thà là công giáo còn hơn dân Mẽo.

Nhưng thôi... chào cáo anh !

Sau đó ông cha vừa lầu nhẫu vừa đi lại gần cửa nhà thờ, trên tay còn cầm cây chổi đẫm máu.



Tôi cảm thấy quá chán ngán khi nhìn thấy người ta giết nhau. Nhìn người khác chết là một chuyện nhìn người ta giết kẻ khác, đó là một chuyện khác.

Người ta có ý nghĩ mong được ở bên kẻ đang bị giết. Tôi chán ngán quá rồi. Hết chịu đựng nổi. Bay giờ chỉ nội ngó một xác chết, là tôi nôn mửa ngay lập tức : không những nôn mửa

vì chán ngán, kinh tởm nhưng còn vì giận dữ, thù hận. Tôi bắt đầu trở nên thù ghét những cái xác chết. Lòng thương hại đã hết rồi. Lòng thù hận dâng lên. Thù ghét những xác chết! Muốn hiểu con người sa đọa đến cùng cực, phải hiểu rõ ý nghĩa của lòng thù ghét xác chết.

Trong bốn năm chiến tranh, tôi chưa hề cầm súng bắn vào một người nào : Người chết rồi cũng như người còn sống. Tôi vẫn còn là người Công giáo. Là Công giáo trong bốn năm chiến tranh vừa qua, điều đó còn có nghĩa như là kẻ phản bội, bởi vì cuộc chiến tranh bần thiu này không phải cuộc chiến tranh chống lại con người nhưng chống lại Đức Chúa Jê-su Christ. Trong bốn năm chiến tranh tôi đã từng chứng kiến hàng ngàn đoàn vũ trang hùng hổ tìm kiếm Đức Chúa, giống như đoàn người đi săn hăng say tìm kiếm con mồi. Từ Ba Lan, từ Nga sô, từ khắp cõi Âu châu, đâu đâu cũng có những đoàn người vũ trang lục lạo khắp các căn nhà, khắp các nẻo đường... cõi đè xua đuổi Đức Chúa Jêsus ra khỏi nơi trú ẩn đe giết Đức Chúa như một con chó ghẻ, một con chó dại. Nhưng riêng tôi, tôi vẫn còn là dân Công giáo.

Vậy mà bây giờ, chỉ trong khoảng hai tháng rưỡi kể từ ngày thành phố La mã được giải phóng quãng đầu tháng sáu, chúng tôi lao vào một cuộc săn tìm, xua đuổi những người lính Đức dọc từ Via Cassia tới Via Aurelia, (Jack và tôi giữ nhiệm vụ liên lạc giữa binh đội Pháp dưới quyền chỉ huy của tướng Juin và binh đội Hoa kỳ của Đại tướng Clark) và giờ đây, tôi bắt đầu cảm thấy

trong đây lòng tôi đang lên lòng ham muốn giết người.

Gần như đêm nào tôi cũng mơ thấy tôi đang cầm súng bắn, giết. Mỗi lần như thế, tôi tỉnh dậy mình mẩy ướt đầm mồ hôi, n gón tay ghì chặt cò súng. Tôi chưa từng có những eon mộng dữ như thế. Trước kia, chưa bao giờ tôi nằm mơ cầm súng giết kẻ khác. Vậy mà ngày nay tôi nằm mơ giờ súng nhắm vào kẻ khác, bóp cò, nhả đạn. Và nhìn thấy kẻ khác từ từ ngã xuống. Nhưng tôi không nghe có tiếng súng nổ : Người bị giết từ từ ngã xuống, giữa niềm yên lặng khủng khiếp. Một đêm, Jack nghe thấy tôi la lên trong lúc đang mê, rồi khóc lóc và nghiến răng ken két. Hình như là trong tôi, có một con chó sói đang thức giấc, và cố gắng thoát ra khỏi những sợi dây cầm giữ. Cơn điên cuồng giết người thèm khát máu nóng đó chỉ bắt đầu đốt cháy bên trong thân thể tôi khi chúng tôi hiểu ra rằng, trong số những người lính Đức bị giết chết, còn có cả những người Ý nữa. Vào hồi đó, cuộc chiến tranh giải phóng chống lại người Đức đang dần dần tàn lụi, nhường chỗ cho một cuộc chiến tranh nội da xáo thịt giữa những người Ý với nhau.

Lắc an ủi tôi :

— Đừng buồn, chuyện đó, than ôi, dù sao cũng đang xảy ra trên toàn cõi Âu Châu, không riêng gì tại Ý,

Đúng như vậy, bên trong cuộc chiến đấu chống lại những người Đức theo Hitler, bắt đầu phát sinh một cuộc nội chiến thảm khốc giữa những người Âu châu cùng sống trên một lục địa. Để xua đuổi

người Đức ra khỏi bờ cõi, những người Ba Lan «ai quốc» bắt đầu giết hại những người Ba Lan bán nước, theo giặc (và ngược lại) người Hy lạp giết người Hy lạp, Pháp giết Pháp... Tại Ý, những người Ý theo Đức họ không xả súng bắn lên đầu những người lính Đồng minh, nhưng lại tàn sát những người Ý đứng về phía đó. Và cũng vậy, những người Ý theo phe Đồng minh chỉ tóm những người Ý phản quốc bám gót tại Đức để mà tàn sát Bên nào cũng rêu rao chính họ mới là kẻ giải phóng đất nước ra khỏi ngoại xâm! Thảm một nỗi là, tôi bây giờ cũng bị lây cái căn bệnh quái ác đó! Tôi cũng bắt đầu cảm thấy thèm khát máu người đồng bào. Trong bốn năm chiến tranh, lúc nào tôi cũng vẫn là người theo đạo Thiên chúa, vậy mà, bây giờ chỉ trong vòng hai tháng trời! Than ôi! Trên người tôi đang lở lói vì lòng thù hận, tôi cũng đang bước đi từng bước, súng lăm lăm ở tay, mặt xám ngắt vì ý muốn giết người.

Khi chúng tôi bắt đầu tấn công Florence và khi chúng tôi theo các cửa ô tràn vào thành phố, tôi tháo băng đạn súng liên thanh đang cầm trên tay và đưa cho Jack.

Tôi bảo anh :

— Hãy giúp tôi, anh bạn! Tôi không muốn trở nên một kẻ sát nhân.

Anh mỉm cười nhìn tôi. Mặt anh hơi xanh, môi run rẩy. Anh cầm lấy băng đạn và bỏ vào túi. Sau đó, tôi lấy băng đạn ra khỏi khẩu súng Mauser và đưa cho anh. Vẫn nụ cười buồn bã nở trên môi, anh ta dịu dàng bảo tôi, trong lúc giờ tay cầm

dùm cho tôi tất cả mấy băng đạn còn đè trong túi áo ngoài :

— Tui nó sẽ giết anh như một con chó.

— Chết như vậy cũng đẹp chán ! Tôi vẫn mong một ngày nào đó, được chết như một con chó !

Khi tôi đầu Via di Porta Romana, con phố nhỏ chạy xiên vô Via Maggio, chúng tôi bắt đầu được đón tiếp bằng những tràng súng liên thanh điện cuồng bắn ra từ những cửa sổ, những mái nhà. Chúng tôi phải nhảy vội xuống xe và cúi người chạy men vào các bờ tường, trong khi những viên đạn bắn ra cày nát hè đường, rồi nẩy tung lên, réo meo meo nghe như tiếng mèo kêu. Jack và toán lính Gia nã đại cũng nổ súng đáp lễ lại đối phương. Và viên chỉ huy trưởng toán lính Gia nã đại thỉnh thoảng lại quay lại nhìn tôi và la lên : « Tại sao anh không bắn ? » Jack trả lời thay tôi.

— Anh ta là người Ý. Một người dân thành phố này. Anh ta không muốn giết những người cùng tinh ?

Và anh nhìn tôi mỉm cười buồn bã.

Thiếu tướng Bradley la to :

— Anh sẽ hối tiếc việc anh làm !

Và mấy người lính Gia nã đại cũng quay lại nhìn tôi một cách ngạc nhiên. Họ cười to và héto lớn bằng một thứ tiếng Pháp theo giọng Normand ngày xưa : « Xin đại úy tha lỗi, lui tôi không phải là dân thành Florence » và họ cứ thế vừa cười vừa bắn trả lại về hướng những cửa sổ. Dù sao tôi cũng

cảm thấy trong tiếng cười đó xen lẫn một tình quý mến, và một chút buồn rầu.

Chúng tôi phải chiến đấu trong vòng 15 ngày trong mẩy con phố ở khu Oltrarno trước khi vượt qua nồi con sông tiến về trung tâm thành phố ! Trong lúc chiến đấu, nhiều lúc chúng tôi phải nằm bò xuống đất để tránh những lẩn đạn của quân Đức bắn từ đằng sau những khung cửa số Piazza Ferroni, quãng đầu cầu Santa Trinita, phía bên kia Arno, ngay trước mặt chúng tôi. Ban đêm, nằm xấp mặt trên nền gạch, tôi cố gắng ngăn mình khỏi nhòm dậy, chạy xuống phố, vó từng nhà, bắn vào bụng, vào đầu những kẻ đang run rẩy, chờ đợi những giờ phút qua đi, và sau đó họ sẽ chạy vội vã ra ngoài đường phố, ngực đeo huy hiệu, cổ quấn khăn đỏ, miệng hô to : « Tự do muôn năm ! Tự do muôn năm ! » Tôi cảm thấy xấu hổ vì lòng thù hận nho nhỏ của tôi đối với những kẻ tự cho mình là thây thời, một khi quân đội Đức đã bỏ rơi thành phố, vội vã chạy ra khỏi gầm giường, hầm trú ẩn là lớn : Tự do muôn năm ! và nhìn chúng tôi những kẻ đầu tóc bờm xờm, râu ria tua tủa, quần áo rách bươm, băng con mắt khinh bỉ, ghê tởm xen lẫn thù hận.

Jack hỏi tôi :

— Tại sao anh không ngủ ? Đang nghĩ tới những vị anh hùng ngày mai hả ?

— Đúng vậy !

— Đừng buồn ! Chuyện như vậy đang xảy ra trên toàn cõi Âu châu. Những người anh hùng của

ngày mai đã mang lại tự do cho miền đất cõi lõi này.

— Tại sao các anh lại qua đây giải phóng chúng tôi, Jack, tại sao không để chúng tôi chết nhục chết nhã vì nô lệ?

— Tôi băng lòng đòi tất cả nền tự do của xứ Âu châu lấy nửa ly lade lạnh.

Đại tá Bradley la lớn trong lúc giật mình tỉnh giấc.

Một đêm, tôi cùng Jack ngồi trên một mái nhà nhìn xuống thành phố. Tôi chỉ cho anh ta coi:

— Nay Jack, kia là Prato, thành phố của tôi. Đó là căn nhà của mẹ tôi, nơi tôi sanh ra và lớn lên.

Vài ngày trước đó, tôi, Jack và một người sĩ quan Gia nã đại, chúng tôi đi tuần tra sát bên chiến tuyến của quân Đức, để kiểm soát những tin tức do quân đội địa phương cho biết, theo đó, quân Đức tình bờ Prato, nơi được coi như cửa ngõ trấn giữ vùng thung lũng Bisenjo và con đường từ Prato đi Bologne. Biết rõ địa hình, tôi được chỉ định làm kẻ dẫn đường. Còn Jack và viên sĩ quan Gia nã đại có nhiệm vụ báo cho bộ chỉ huy lực lượng không quân Hoa Kỳ quyết định có nên thực hiện một cuộc không tập kích thật dữ dội lên trên thành phố Prato hay không.

Sự sống chết của thành phố của tôi nằm ở trong tay Jack, viên sĩ quan Gia nã đại và ở chính tôi. Chúng tôi tiến về Prato, giống như những Thiên Thần tiến về Sodomme. Chúng tôi sẽ cứu thoát thành phố khỏi cơn mưa lửa.

Chúng tôi quan sát bằng ống nhòm từ ngọn đồi, thung lũng, khu rừng, và không tìm thấy một dấu vết nhỏ nhặt nào chứng tỏ nơi đó có hầm trú ẩn, giao thông hào, dây kẽm gai, trại lính, nơi đặt pháo v.v... Thành phố không những đã bị quân Đức bỏ rơi mà luôn cả dân chúng nữa. Không một sợi khói bay lên từ những ống khói, mái nhà, xưởng thợ, Prato gần như một sa mạc...

— Tôi thật sung sướng vì người đàn ông tóc hung đã lấy người đàn bà mắt nâu làm vợ.

Và Jack vội vã đáp lời :

— Tôi cũng sung sướng giống như là bạn.

Vừa mỉm cười, anh bạn Mỹ của tôi vừa cho máy Radio truyền đi mật hiệu kè trên : *Người đàn ông tóc hung đã cưới cô gái mắt nâu làm vợ.* Câu đó có nghĩa : *Quân Đức đã bỏ rơi Prato.*

Chiều hôm nay cũng vậy, tôi, Jack và một người bạn của tôi tên là Lumbroso, cả ba cùng nằm trên mái ngói căn nhà Pension Bartolini, nhìn mặt trăng từ từ lên cao trên bầu trời mờ nhạt. Tôi cảm thấy sung sướng. Nhưng trái tim tôi vẫn đau thương thồn thức. Mùi người chết dâng lên từ những con hẻm Oltrarno. Khi nghiêng người nhìn xuống phía dưới, tôi nhìn thấy ở giữa cây cầu Santa Trinita và lối vô Via Maggio, một người lính Đức nằm chết tay vẫn còn ôm chặt khẩu súng, một người đàn bà cũng đã chết, mặt úp xuống, đống trái cây cà chua đỏ ối, một chiếc xe ngựa với người xà ích hai tay đè trên bụng và đầu gục xuống đầu gối, còn con ngựa nằm chết giữa mớ cành xé đằng trước, một người thanh

niên tuy chết mà tay vẫn còn khư khư một chiếc vỏ chai không.

Tất cả những người, những vật đã chết đó chỉ làm cho tôi ghù ghét. Tôi thù ghét tất cả những người đã chết. Họ trở thành những kẻ lạ hoắc, giữa đồng người còn sống, cùng ở trong tổ quốc chung, cùng chia nhau hơi thở, nước uống. Những người Pháp, người Anh, người Ba Lan còn sống họ thuộc vào cùng một thứ người như tôi, cùng nói một thứ tiếng người nóng hổi, cùng đi đứng, cười cợt. Nhưng những kẻ đã chết, họ là những kẻ khác, họ thuộc vào nước khác, người khác. Họ thuộc về cái chết. Họ trở thành những kẻ thù của cái sống. Chính bọn họ đã xâm chiếm toàn thể xứ sở Âu châu này. Chúng tôi đang chiến đấu để chống lại bọn người đã chết, những kẻ lạ mặt đó.

Và giờ đây, tôi hiểu rõ nguyên nhân của lòng thù hận, cơn khát máu điên cuồng đang vò xé thân thể tôi, đang đốt cháy tim gan tất cả mọi dân tộc Âu châu, trong đó có dân tộc Ý của chúng tôi. Đó chính là nhu cầu thù hận. Thù hận bắt cứ một cái chi còn đang sống, còn đang nóng hổi, tươi mát. Một cái chi giống như là chính tôi, cùng một thứ người như tôi, một cái chi thuộc vào đời sống. Không phải chỉ riêng những người chết, những kẻ lạ hoắc đó đã chiếm toàn thể xứ Âu châu, đã dùng cái xác chết lạnh giá của chúng để ngăn chặn tất cả mọi ao ước, mơ mong, tự do, phẩm giá, tình ái, tuổi trẻ của toàn thể mọi người đang còn sống đang còn thở. Không phải chỉ có như vậy. Ngoài cái chết ra, lòng thù hận mènh mong đã xô đẩy lũ chúng tôi, những con chó sói dữ dằn nồi hung lên,

nhiều xô lại cắn xé những người anh em. Nhân danh tự do, những người Ba Lan giết hại những người Ba Lan, Pháp giết hại Pháp, Đức giết Đức... Thực ra, đó chỉ là nhu cầu, lòng ham muốn được thù hận. Thù hận những gì giống mình. Thù hận cái làm cho con người nhận ra nhau để rồi thù ghét lẫn nhau.

Lumbroso, người bạn cùng quê hương của tôi, anh cũng đang nghĩ đến sự chết. Có lẽ anh ta đã biết trước cái chết đang chờ đợi anh, một vài ngày sau đó, ngay ngày đầu thành phố Florence được giải phóng khỏi tay quân Đức. Buổi sáng hôm đó, anh trở về nhà sau bao nhiêu năm tháng đau khổ, anh giơ tay gõ cửa và một người đang nấp trong căn hầm nhà bên cạnh đã bắn chết anh. Có lẽ anh đã linh cảm thấy cái chết chờ đợi anh ở ngưỡng cửa căn nhà yêu dấu và anh chết như một con chó đau đớn, bệnh hoạn, bởi vì giờ đây trên天堂 trán của anh đã thấp thoáng hiện hình bóng của thần chết, khuôn mặt anh đã trở nên trắng bệch, giống như màu sáp ong.

Và tất cả những người đã chết đang nằm dài dưới ánh trăng trên hè phố, họ muốn gì ở nơi tôi? Một mùi vị chết chóc dâng lên từ những con hẻm chật hẹp của khu phố Oltrarno. Giống như một giọng hát, một lời chào... Biết đâu có khi lại chết rất thú vị, đẹp đẽ? Có lẽ vậy. Nhưng kẻ đã chết đang muốn làm cho những kẻ còn sống tin rằng chết sướng hơn là sống rất nhiều...

Một buổi sáng, một nghĩa quân tới gấp tôi và hỏi tôi có muốn gấp lại Magi hay không? Một vài ngày trước đó, khi chúng tôi tới Forte dei Marimi

và đang trên đường truy kích quân Đức, tôi đã cùng Jack tới gỗ cửa căn nhà của Magi. Nhà bờ hoang. Những người nghĩa quân bảo cho tôi biết Magi đã chạy trốn ngay khi toán quân giải phóng đầu tiên tiến vào Viareggio. Nếu tôi bắt gặp hắn ló ra khỏi cửa, chắc chắn tôi sẽ nả đạn vào người hắn ta. Không phải tôi thù hận vì những lời tố cáo của hắn đã khiến cho tôi phải tù tội; nhưng vì những điều xấu xa tàn ác hắn đã làm đối với bao nhiêu người thân thuộc khác.

Theo chân người nghĩa quân, tôi tới gặp Magi. Trong một cảnh đồng cỏ gần làng, người nghĩa quân từ xa lấy tay chỉ một vật ló ra khỏi mặt đất.

Anh ta nói :

— Magi đó !

Tôi nghe thấy mùi vị chết chóc toát ra đầy cảnh đồng. Jack bảo tôi :

— Thôi đi đi !

Nhưng tôi muốn tiến gần lại để coi cho rõ. Và sau cùng tôi nhận ra đó là một cái chân người vẫn còn mang giầy, đậm lên từ dưới mặt đất, trông như một khúc cây.

Tôi hỏi người nghĩa quân :

— Tại sao không đem chôn khúc chân còn lại ?

— Không được, phải để y nguyên như vậy.

Vợ gã tới. Cả con gái gã nữa. Họ muốn xác chết gã. Nhưng xác chết đó thuộc về chúng tôi. Đời không được cái xác, họ đòi chôn cái chân còn lại. Cũng không được. Cái chân đó cũng thuộc về tôi. Phải để y nguyên như vậy,

— Ghê quá !

— Ghê hả ! Bữa trước còn có hai chú chim sẻ tới đậu lên trên khúc chân đó. Chúng làm tình với nhau nữa chứ !

— Đi kiểm ngay cho tôi một cái cuốc.

— Không được, người nghĩa quân cứng đầu cãi lại. Phải đẻ y nguyên như thế.

“Tôi nghĩ đến Magi nay đang nằm trong mộ, dơ cái chân ra ngoài. Làm sao kéo chiếc chân xuống đẻ ngủ ? Như thế là hắn đang lơ lửng trên miệng hổ thầm, đầu chui xuống đất, nhờ còn dính chiếc chân cho nên thân hình gã chưa rớt thẳng xuống địa ngục. Và cứ như thế, hắn ta «chết» lơ lửng giữa bầu trời và địa ngục, giữa không khí, ánh mặt trời, cơn mưa, cơn gió... Lâu lâu lại có một đôi chim tới đậu trên khúc chân đẻ làm tình, gù gù rìa lồng, rìa cánh cho nhau !

— Đi kiểm ngay cho tôi một cây cuốc. Khi sống gã làm cho tôi gấp bao nhiêu đau đớn, khổ sở. Nhưng bây giờ gã chết rồi. Đừng làm tội gã thêm nữa. Gã cũng là dân công giáo vậy.

— Không ! Gã không phải là dân công giáo. Nếu gã là công giáo thì tôi là gì ? Cả hai đều là dân công giáo hả ? Đâu được !

— Có nhiều cách làm người theo đạo. Một gã dơ dây, bần thiểu cũng có thể là người theo đạo được.

— Không, chỉ có một cách độc nhất đẻ theo đạo.

— Nếu anh muốn cho tôi được vui lòng, xin làm ơn kiểm cho tôi cái cuốc.

— Cái cuốc hả ? Không được ! Nếu ông muốn

tôi sẽ kiếm cho ông một cái cưa. Thay vì chôn
chiếc chân đó, tôi sẽ cưa cho lũ heo ăn !

Buổi chiều hôm đó, trước ống khói căn nhà của
tôi ở vùng Forte dei Marimi, trong khi lặng nghe
tiếng đạn quân Đức réo ngang trên đầu, đập vỡ
bờ tường, mái nhà, khu rừng cây... tôi nghĩ tới cái
chết, ghê tởm nhục nhã của Magi và bỗng nhiên
tôi hiểu được những cái xác chết đang nằm dài
trên hè đường, trên mái nhà, trong rừng... chúng
muốn gì ở nơi tôi, ở nơi những người đang còn
sống ? Tôi hiểu được tại sao mùi vị chết chóc lại
giống như một giọng hát, một lời chào. Hiểu được
tại sao những cái xác chết đang kêu gọi chúng tôi
cùng tiến tới, cùng gia nhập vào cõi mênh mông
là sự chết đó. Chúng tôi hỏi một vật gì mà chỉ
chúng tôi, những người còn sống mới có thể đem
đến cho chúng được. Không, không phải sự bình
 yên, an giấc ngàn thu. Không phải lòng thương hại,
xót xa. Một cái xâu xa bí hiểm hơn nhiều. Một cái
chiến từ một nơi xa xôi lắm, xa hơn cả con người,
xa hơn cả đời sống.

Mùa xuân tới, chúng tôi vượt qua Pô và tiến
gần tới Milan. Chiến tranh đang tàn dần, nhưng
một cuộc chém giết khác đang nổ bùng ra giữa
người Ý cùng quê hương máu mủ. Cuộc chém giết
xảy ra trong từng căn nhà, từng ngả đường, con
phố. Một bữa, tôi nhìn thấy Jack chết ngay trước
mặt tôi. Nhìn anh nằm giữa đống máu miệng mím
cười và hai mắt tắt dần, tôi hiểu rõ ràng cái chết
đang ở chung quanh tôi, và đang ở trong tôi. Lần
đầu tiên tôi cảm thấy rõ ràng có người vì tôi mà
chết.

Ngày chúng tôi tiến vào Milan, chúng tôi chạm phải một đám đông đang hò hét ở nơi công trường Đứng trên xe Jeep, tôi nhìn thấy xác Mút xô li ni treo lồng teo vào một sợi dây, đầu chúc xuống đất. Thân hình ông ta phồng to thành một đống, da trắng bệch. Và tôi mửa ngay trên nệm xe. Chiến tranh đã hoàn toàn kết liễu. Trong khi nôn mửa, tôi hiểu rằng, từ nay, ngoài những cơn nôn mửa đó ra, tôi không còn làm được điều gì cho những người khác, cho xứ sở, cho những người thân yêu đã chết.



CHƯƠNG X

THƯỢNG ĐẾ ĐÃ CHẾT

CHIỀU NÀO JIMMY VÀ TÔI CŨNG XUỐNG BẾN
tàu coi cho biết ngày giờ các đơn vị Hoa kỳ đáp
tầu về nước. Một tấm bảng mỏc vô cửa sắt Văn
phòng Thuyền Trưởng, trên có ghi rõ thứ tự triệt
thoái của từng đơn vị Hoa kỳ, và ngày giờ khởi
hành của những chuyến tàu từ Náp. Những chuyến
tàu này có nhiệm vụ hồi hương các quân nhân
thuộc quân đoàn V Hoa kỳ. Jimmy vừa nói vừa
nhô xuống đất : «Vẫn chưa đến lượt tôi». Sau đó,
chúng tôi ngồi xuống chiếc ghế dài dưới gốc cây
tại một nơi rộng lớn trông ra bến tàu. Chỗ chúng
tôi ngồi bị bao, vậy chung quanh bởi những ngọn
tháp cao lêu nghêu của tòa lâu đài Angevin.

Tôi theo Jimmy đến Náp để sống với anh những giờ phút chót, để chào từ biệt anh ngay trên boeng tàu chở anh về Mỹ. Trong hai năm qua, trong đám bạn bè Hoa kỳ đã cùng tôi chia sẻ những nỗi nguy hiểm nơi chiến trường, cùng niềm vui đau đớn khi được giải phóng, hiện giờ tôi chỉ còn có mỗi mình Jimmy. Jimmy Wrenn, sinh quán tỉnh Cleveland, tiểu bang Ohio, sĩ quan *Signal Corps* (1). Còn những người kia đã phân tán đi Âu châu, Đức, Pháp, Áo hoặc hồi hương về Mỹ hoặc đã chết cho tôi, cho chúng tôi, cho xứ sở của tôi, những người như Jack, như Campbell. Ngày mà tôi chia tay với Jimmy trên boeng tàu, tôi sẽ chào từ biệt anh chàng Jack đáng thương, anh chàng Campbell đáng thương... Tôi sẽ trơ trọi một mình ở giữa đám bạn bè của tôi, trên đất nước tôi. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi sẽ trơ trọi một mình, thực sự một mình.

Ngay khi bông chiudu lướt nhẹ trên các mặt tường và khi làn gió mạnh từ biển cả thổi tới làm nhạt dần mầu lá cây, một đám người rầm rộ chậm chạp im lìm, tràn ngập những con phố nhỏ ở Toledo. Đó là đám người khốn khổ, điên rồ, thoái hóa, thuộc thành phố Náp, một cái gì trong họ đã chết, đó là niềm vui của sự đói khát, ngay cả nỗi khốn khổ của họ cũng mang vẻ buồn rầu xanh nhợt, chết chóc. Nắng chiudu dần buông trên mặt biển; và đám đông người mắt đỏ ngầu vì nước mắt nhìn hỏa diệm son Vésure đứng sững sững, trắng toát lạnh lẽo đầy vẻ ma quái trong bầu trời đen

ngòm. Một chút khói bốc ra từ miệng hỏa diệm sơn. Không một ánh sáng bao quanh mặt trước ngọn núi lửa. Đám người vẫn đứng im lìm hàng giờ đồng hồ cho tới nửa đêm, họ mới chịu lặng lẽ phân tán. Jimmy và tôi vẫn còn đứng lại, bơ vơ giữa một vùng rộng bao la, ngay trước mặt là biển cả đen ngòm, thỉnh thoảng quay lại nhìn cái xác nặng nề, trăng toát của hỏa diệm sơn Vésuve dần dần tan vào bóng đêm.

Khoảng tháng 4 năm 1944 hỏa diệm sơn Vésuve tắt ngầm sau bao năm thăng rung chuyền mặt đất và phun lửa ào ào như nước cuộn. Không tắt dần dần, nhưng tắt ngay một lúc : mặt tiền có những đám mây bao phủ như giải khăn trắng, trái núi lửa bỗng nhiên hú lên một tiếng thật lớn và cái lạnh chêt chóc đã ăn sâu vào những mạch lửa. Thần linh thành phố Náp, linh vật của dân thành phố Náp đã chết. Một bức màn đêm to lớn, phủ lên thành phố biển cả. Ngoài đường phố, người ta đi rón rén, nói chuyện khe khẽ như thế sợ không dám đánh thức tử thần.

Một vẻ im lìm sâu thẳm đe nặng trên thành phố tang tóc. Tiếng nói của Náp tiếng nói cao sang, quý phái, cõi điện, tiếng nói của đói ăn, của lòng bác ái, của nỗi đơn đau của niềm vui, của tình thương yêu, cái giọng to lớn khàn khàn hoạt bát rền rảng, cái giọng chiến thắng của thành Náp, đã bị cấm nín.

Và đôi khi, ánh nắng chiếu tà, ánh trăng bạc hay ánh mặt trời lúc ban mai hìn như đốt cháy, trở lại cái bóng ma hỏa diệm sơn trăng toát. Vào lúc đó, có tiếng kêu thất thanh như tiếng đàn bà

đè trồi lên trong thành phố. Mọi người đứng bên cửa sổ, đỗ xô ra đường phố, vừa ôm nhau vừa khóc, vui mừng, hy vọng một phép lạ sẽ làm sống lại những mạch tàn úa của hỏa diệm son. Vết sáng đậm máu của mặt trời lúc chiều tà, ánh trăng phản chiếu, bình minh le lói, tất cả như muốn báo hiệu như hỏa diệm son đã phục hồi (vì thần linh đã chết khiến cho bầu trời Náp u buồn mãi mãi). Sau cơn thắt vọng điên cuồng, dân chúng lại le lói một niềm hy vọng : những giọt nước mắt vội khóc ngay và đám người nới rộng bàn tay đang khít nhau trong một dáng điệu cầu khẩn, giờ dầm tay lên vừa đe dọa hay lăng nhục hỏa diệm son, vừa than van nài nỉ. « Hãy cứu vớt chúng con ! Xin cứu vớt chúng con ! »

Rồi tới những ngày đầu tuần trăng, khi mặt trăng mọc từ từ dưới bờ vai lạnh lẽo của hỏa diệm son Vésuve, một nỗi sầu thảm đè nặng trĩu trên thành Náp. Ánh trăng mới mọc chiếu sáng vào những nơi hoang địa tát lịm gồm những đầm tro tàn đỏ xám và những khối lớn phún xuất thạch xám nhạt, giống như những tầng băng son đèn ngòm. Những tiếng rên rỉ và những tiếng khóc lóc phát lên từ đây đó, trong lòng những khu phố nhỏ hẹp tối tăm, và dọc theo bờ sông Santa Lucia, Mergellina, Paüsilippe. Trên mặt cát ướt, có những bác chài nằm ngủ dưới sóng thuyền, vội nhôm dậy trong cơn mê, chống khuyễn tay mặt, hướng nhìn về ngọn núi lửa quái đản, vừa run rẩy nghe ngóng những lời than van của những đợt sóng và tiếng thồn thồn của bầy hải âu.

Một buổi chiều, vào tháng tám trong khi từ Amalfi trở về, chúng tôi thoáng thấy tại sườn hỏa diệm sơn có vô số ánh lửa dài màu đỏ nhạt lan lên tới miệng núi lửa. Chúng tôi hỏi 1 bác chài những ánh lửa đó là gì? Đó là một đám rực lửa đi lên sườn hỏa diệm sơn Vesuvius mang theo những đồ lễ tạ để xoa dịu mối ác cảm của thần núi; cầu xin Ngài đừng bỏ rơi dân chúng của Ngài. Sau cả ngày trời cầu khẩn tại thánh điện Pompei, đám rực gồm có, một đoàn giáo sĩ đi trước, ăn mặc tề phục rồi tới những thanh niên cầm cờ lệnh, cờ giáo đoàn và những cây thánh giá không lồ màu đen, sau cùng là đàn bà, trẻ nít và các cụ già vừa đi vừa khóc vừa cầu khẩn trên xa lộ từ Bosco Trecase đến miệng núi lửa. Có người ve vẩy những bó ô liu, cành thông, cành nho nặng trĩu trái xanh tươi, có kẻ mang những thúng đầy phô mát, hoa quả, bún trái, có người lại mang những bánh pizza (1) cùng những bánh ngọt làm bằng phô mát đặt trên đĩa đồng, sau cùng lại có kẻ mang những cùu nón, gà vịt, thỏ cùng những giò đầy ắp cá. Khi đã tới đỉnh núi lửa, đám người đi chân không, ăn mặc rách rưới, mặt và tóc phủ đầy tro than, đứng im phẳng phắc, theo sau là những tu sĩ tụng thánh thi đứng trên một đai hòn trường lợ thiên ngay miệng một hỏa sơn thật cồ.

Mặt trăng ló dạng đỏ ối, những dãy núi Cilento phía xa sáng lóng lánh trong tấm gương xanh của bầu trời. Trời đã rất khuya và nóng bức. Đây đó trong đám người, vẫn vắng có những tiếng

Nguyên tác : (1) bánh nhân kem có phủ cà chua và ô liu.

khóc lóc, tiếng rên rỉ ấm ức, những tiếng kêu diếc tai, những giọng khàn khàn đầy vẻ sợ sệt đau đớn. Thỉnh thoảng có ai quì gối và thọc ngón tay vào kẽ hở của lớp vỏ phun xuất thạch lạnh giá như thọc tay vào giữa kẽ đá hoa một nấm mồ để thử xem hơi lửa có còn bùng cháy trong mạch núi lửa hay không : và khi rút tay ra, họ kêu lên một tiếng đau khổ và bất mãn : « È muerto, è muerto ! »

Nghe thấy thế, cả đám đông đều ôn ôn thồn thồn, nhịp theo tiếng bàn tay đấm ngực và bụng thình thình, và tiếng rên rỉ thất thanh của bầy tín đồ tự lấy móng tay và răng cào trầy da, xứt thịt thân thể mình.

Miệng núi lửa đã chết từ xưa có hình dáng giống một vỏ ốc, rộng cỡ chừng một dặm, những cạnh xung quanh đều sắc, đen nhánh vì phun xuất thạch nguội lại thành những hình người (một đám không lồ đang im lìm đánh nhau và vật lộn loạn xà ngầu trong bóng đêm). Đó là những tượng băng phun xuất thạch mà dân làng quanh vùng hỏa diệm sơn Vésuse gọi là bọn « nô lệ » chắc hẳn để nhớ tới đám tiễn dân nô lệ khi xưa đã từng theo Spartacus sống lẩn khuất trong đám ruộng nho hàng tháng trời chờ đợi hiệu lệnh nổi loạn, trước ngày hỏa diệm sơn phun lửa tàn phá cả hai đô thị Herculaneum và Pompéi. Những bức thạch tượng ngày nay phủ đầy sườn và đỉnh núi lửa Vésuve hiền lành. Mặt trăng lâu lâu đánh thức bọn lính nô lệ và trong từ từ thức tỉnh, họ vươn cánh tay tiến lên gấp đoàn người súng tìn, phá tan màn sương mù trong ánh trăng. Ở giữa đại hỷ trường lộ thiên trên miệng núi lửa cổ xưa này đứng súng sừng một miệng

núi lửa hình tháp nón, giờ đây cảm nín và lạnh lẽo. Gần hai ngàn năm trước đây ngọn núi đã phun lửa, tro, than đá và những giòng phún xuất thạch chảy cuồn cuộn như sông. Sau khi đã leo trèo dọc theo sườn chót núi biền trở, đoàn người giờ đây tụ tập quanh miệng núi lửa đã tắt, và vừa khóc vừa kêu la, họ ném vào mõm con quái vật những đồ lễ tạ, nào là bánh trái, hoa quả, phó mát, rượu, và tươi trên những tảng phún xuất thạch máu cùu non, gà, thỏ bị bóp cõi, sau cùng họ ném luôn những con vật này còn dang ngắc ngoài xuống tận đáy vực thẳm,

Jimmy và tôi, cả hai trèo lên tận đỉnh hỏa diệm sơn Vésuve vào giờ lúc người ta cùi hành xong cuộc lễ cầu phước cõi thời, họ đang quỳ gối vừa bứt tóc cào mặt và ngực, vừa hát những bài hát đạo xen lẫn những tiếng oán than, những lời cầu khấn thánh nữ Đồng Trinh huyền diệu của xứ Pompéi, những lời cầu đạo sao cho ngọn núi lửa tàn ác sống lại. Mặt trăng giống như một miếng bọt biển đẫm máu, dần dần nhô lên trong bầu trời, tiếng khóc than và tung kinh lên cao dần. Những âm thanh nghe rất chói tai. Tới một lúc, đám người hoàn toàn giận dữ, thốt lên những lời chửi rủa và bắt đầu ném những mảnh phún xuất thạch, những nắm tro thản vào miệng núi lửa.

Một cơn gió mạnh thổi tới, và qua ánh chớp, từ biển bốc lên đám mây dày bao lấy đỉnh hỏa diệm sơn Vésuve. Một tia sáng đậm thủng đám mây màu vàng và qua những đám mây tối tá vì tiếng sét, những cây thánh giá lớn màu đen, những cõi, phường oằn oại trong gió, chúng trở nên rộng

tớn và đám người trở thành khồng lồ, những bài hát đạo, những lời chửi rủa, những tiếng khóc lóc hét như trồi lên từ trong vùng lửa và khói của một địa ngục đột nhiên rộng mở. Sau cùng, đám tu sĩ, những người cầm cờ Giáo hội, rồi tới đám tín đồ chạy ào ào xuống sườn núi dưới cơn mưa nặng hạt, và tất cả mọi người biến mất trong cảnh tối tăm đầy khí lưu hoảng tràn ngập miệng hỏa diệm sơn, đã tắt. Còn trơ trọi Jimmy và tôi, cả hai đi về phía chiếc xe jeep. Tôi có cảm tưởng như đi trên lớp vỏ nguội lạnh của một hành tinh đã chết: Như thế chúng tôi là hai người đàn ông cuối cùng đã sống sót sau ngày tận thế. Khi đi tới bờ núi lửa cơn bão đã tan, và mặt trăng lại chiếu sáng nhợt nhạt trong một bầu trời xanh đậm.

Chúng tôi ngồi tạm trú ở dưới một khối Phùn-xuất-thạch, chung quanh là đám người «nô lệ», những ngôi tượng lạnh lẽo và đen xì, và chúng tôi ngồi rất lâu để ngắm nghĩa cái khuôn mặt xanh nhợt của đất và biển, những nhà cửa rải rác dưới chân núi lửa, những quần đảo chạy xà tit ngoài chân trời, và thành phố Náp ở dưới kia chỉ còn là một đống đá chết.

Chúng tôi là những người sống trong một thế giới chết. Tôi không còn tuis hổ khi trót sinh làm kiếp người. Con người cần gì phải vô tội hay có tội? Trên trái đất này chỉ có những người sống và những người chết. Tất cả cái gì còn lại đều không đáng kể. Tất cả những cái gì còn lại chỉ là lòng esợ, tuyệt vọng, hối tiếc, hận thù, khoan dung và hy vọng. Chúng tôi đang đứng trên một đỉnh núi lửa

TRONG THÀNH PHỐ

đã tắt. Trong hàng triệu năm trước đây, ngọn lửa đã thiêu đốt những mạch ngầm của trái núi này, của mặt đất này. Thành phố nằm ở dưới kia, ngay tại bờ biển, và mặt biển ngoài kia đang phủ một lớp vỏ lóng lánh. Dưới bầu trời đầy mây báo hiệu cơn bão sắp tới lúc nhúc một đám người không phải vô tội hay phạm tội, không phải kẻ chiến thắng hay bại trận, chỉ là những người còn sống, đang lang thang tìm kiếm đồ ăn, và những người chết đã bị chôn vùi dưới những căn nhà đồ nát.

Ở dưới kia, xa tít nhưng mắt tôi vẫn có thể nhìn thấy, có hàng triệu xác chết nằm dài trên mặt đất. Những người chết này, nếu trong số đó có một kẻ nào đã tình nguyện hy sinh để cứu những người khác, để cứu thế gian, để cho những kẻ vô tội và phạm tội, những kẻ chiến thắng và bại trận, được sống qua những năm dài đầy máu và nước mắt : Những kẻ đã hy sinh đó không còn thấy tủi hổ khi đã trót sinh làm kiếp người.

Trong số hàng tỉ người chết này, chắc đã có một thày ma của dǎng Cứu-thế. Nếu trong số biết bao nhiêu kẻ đã chết mà không có một dǎng cứu thế, cõi đời này và bọn chúng ta sẽ ra sao nhỉ ?

Jimmy nói : « Có thèm một dǎng Cứu-thế nữa thì ích chi ? Dǎng Cứu-thế đã từng cứu đời một lần là đủ rồi ».

Tôi nói : « Ô ! Jimmy ơi ! Tại sao bạn lại không chịu hiểu rằng tất cả những người chết đây sẽ chẳng ích chi nếu trong số đó không có một dǎng Cứu-thế khác trong số những người chết này ? Chính bạn cũng cần biết đâu phải dǎng Cứu-thế chỉ cứu đời một lần là đủ. Dǎng Cứu-thế đã dạy cho chúng

ta hiểu rằng mỗi người trong bọn chúng ta đều có thể trở thành Chúa cứu-thế, rằng mỗi người có thể cứu đời nếu chịu hy sinh cá nhân mình. Chúa cứu-thế sẽ chết không vô ích nếu ai cũng trở nên một Chúa cứu-thế để cứu đời»

Jimmy nói :

— Một người luôn luôn chỉ là một người.
— Ô ! Jimmy ! Tại sao bạn lại không biết rằng hằng tử người đã chết để cho đời sống được tiếp tục.

Jimmy nói : «Anh quá quan trọng hoá bọn người chết, con người chỉ đáng giá khi còn sống. Một người chết rồi là chết rồi ! Tôi nói : «Ở bên Âu-châu chúng tôi chỉ dám xả tội những người chết.»

Jimmy nói : «Nếu phải sống chung với bọn người chết, thà chết cho rồi ! Tôi ao ước được trở về Mỹ để sống với những người sống. Sao anh không sang Mỹ sinh sống ? Anh là một người còn sống mà. Mỹ là một nước giàu có sung sướng.»

Tôi nói : «Điều đó tôi biết chứ. Mỹ là một nước giàu có và sung sướng. Nhưng tôi sẽ không đi, tôi cần phải ở lại đây. Tôi không phải là thằng hèn. Sự khổ cực, đói khát, sợ sệt, hy vọng đều là những điều huyền diệu. Huyền diệu hơn cả sự giàu sang và hạnh phúc.»

Jimmy nói : «Âu-châu chỉ là một bãi cát, một xứ nghèo khổ bị thắt chặt. Hì sang với chúng tôi đi. Mỹ là một nước tự do dân chủ.» Tôi nói : «Tôi không muốn bỏ rơi những người chết của tôi. Đến chính các bạn cũng còn mang những người chết về Mỹ cơ mà. Ngày nào mà chẳng có những chuyến tàu

đầy ắp xác chết đưa về Mỹ. Họ là những người chết giàu có, sung sướng, tự do. Nhưng những người chết của chúng tôi không mua nổi lấy một vé tàu về Mỹ, họ cũng khổ quá mà. Sẽ chẳng bao giờ họ biết thế nào là phong phú, hạnh phúc và tự do. Họ sẽ thường xuyên sống trong nô lệ; họ luôn luôn phải chịu cảnh đói khát và sợ sệt. Ngay chính những người chết cũng thường xuyên là bọn nô lệ, thường xuyên bị đói khát, sợ sệt. Số của họ là thế rồi. Nếu bạn biết rằng Chúa Cứu-thế khi xưa đã sống chung với họ trong đám những người chết khổn khổn này, thì liệu bạn có bỏ ngài không? »

Jimmy nói: «Anh có vẻ không muốn hiểu tôi. Thế Chúa Cứu Thế cũng đã thua trận?»

Tôi nói nhỏ, dù một mình nghe: «Thắng trận nhục nhã lắm!»

HẾT

VÀI HÀNG VỀ MALAPARTE

Curzio Malaparte sinh năm 1898 tại Prato, gần thành phố Florence, Ý Đại Lợi. Vào năm 1914, mặc dù Ý-quốc còn là 1 quốc gia trung lập, Malaparte khi đó mới 16 tuổi và đang theo đuổi các môn học cõi diễn tại học đường Cicognini, nhưng tác giả bỏ học, vượt biên giới tình nguyện gia nhập đoàn quân Pháp-quốc. Bị thương tại Champagne, và được ban thưởng chiến công bội tinh (Croix de Guerre). Tới năm 1931, tác giả xuất bản.

Kỹ thuật đảo chánh (Technique du Coup d'Etat)

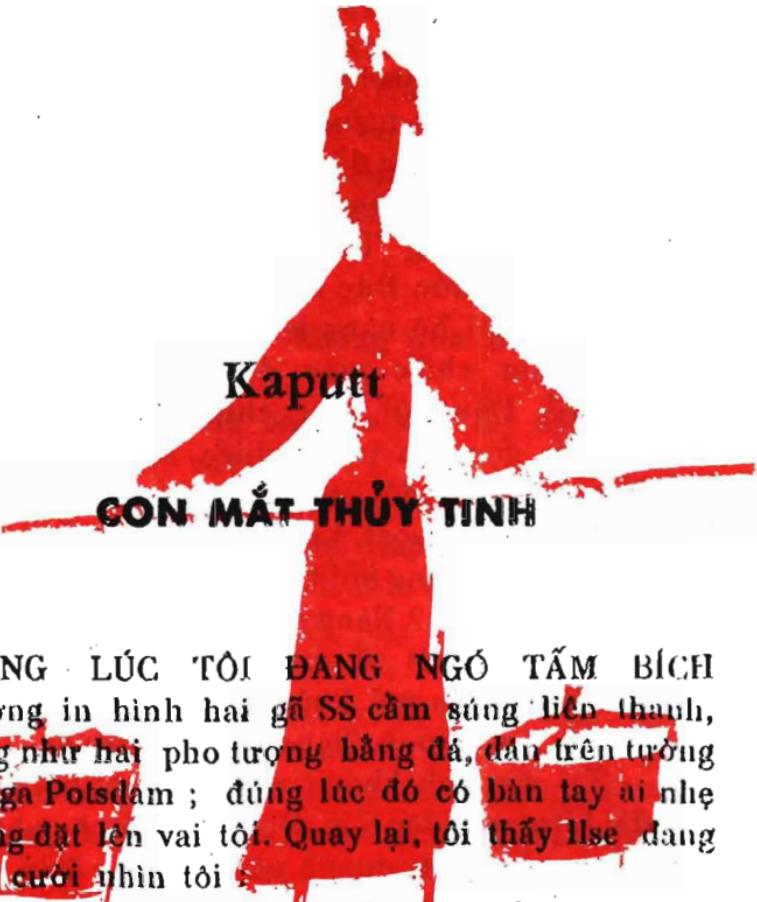
Cuốn sách đầu tiên chống lại Hitler xuất hiện tại Âu-châu. Bị cấm bày bán, lưu hành tại Ý và Đức, cuốn sách mang lại cho tác giả 5 năm tù đày tại đảo Lipari. Tới năm 1941, Malaparte lại bị người Đức bắt giam và bị quản thúc 4 tháng trời

vì những bài báo viết từ mặt trận Nga-sô gửi về Ý, trong lúc tác giả là 1 phóng viên chiến trường tại mặt trận đó.

Tác phẩm **La Peau** trên đây, trình bày thành phố Naples, thủ đô Ý Đại Lợi, sau khi đã được Đồng minh giải phóng. Thủ đô Naples, Ý-quốc chỉ là những khuôn mặt đại diện đích thực cho một lục địa Âu-châu hậu chiến. Chiến-tranh đã hoàn toàn kết thúc nhưng một trận giặc khác tiếp tục tàn phá Âu-châu : trận giặc đói. Và song song với trận giặc đói là 1 tai họa thật độc địa nhưng cũng thật « táo cưởi » 1 bắt ngòi giáng xuống đầu xuống cổ những người dân Âu-châu sống sót sau trận giặc Hitler, Mussolini. Sự xuất hiện của Đồng minh — đặc biệt là Hoa-kỳ — đã làm đảo lộn tất cả nếp sống cho tới sự suy tư của 1 dân tộc có 1 quá khứ lâu dài như dân tộc Ý Đại Lợi. Độc giả Việt nam khi đọc **La Peau** «**Thượng đế đã chết trong thành phố**» chắc là không khỏi Trông người ngãm đến ta. Lịch sử chỉ là 1 tái diễn không ngừng...

Malaparte viết hai tác phẩm **Kaputt** và **Le Peau**, nối đuôi nhau, cuốn nẹp bồ túc cho cuốn kia. Nếu không có **Kaputt** không thể có **La Peau**, cũng như nếu không có Hitler, Mussolini không thể có trận giặc « Đô-la ». Để độc giả hiểu biết tường tận bi hài kịch Âu-châu thời kỳ Đệ nhị thế chiến, tiếp theo **Thượng đế đã chết trong thành phố** chúng tôi sẽ cống hiến độc giả bản Việt văn tác phẩm **Kaputt**.

Trước hết, xin trân trọng giới thiệu độc giả 1 đoạn văn trích từ tác phẩm kể trên : **Con mồi thủy tinh (L'œil de verre)**.



Kaputt

CON MẮT THỦY TINH

TRONG LÚC TÔI ĐANG NGÓ TẤM BÌCH
chương in hình hai gã SS cầm súng liên thanh,
trông như hai pho tượng bằng đá, đặt trên tường
nhà ga Potsdam ; đúng lúc đó có bàn tay ai nhẹ
nhàng đặt lên vai tôi. Quay lại, tôi thấy Ilse đang
tươi cười nhìn tôi.

— Chào anh ! Louise đang đợi ở bên ngoài.
Nàng còn phải lo giữ 2 chiếc xe đạp.

Rồi nàng nói nhỏ nhõm thêm bằng tiếng Anh
như để dặn dò :

— *She's very sad, poor child, be nice to her.*
(Nàng rất buồn bã, thật tội nghiệp. Hãy đối xử tử
tế với nàng).

Bên ngoài nhà ga, Louise, nàng Công của nước Phổ, tay đeo trên chiếc *guidon* xe, đang chờ đợi hai đứa chúng tôi bên cạnh chiếc đèn khí.

Nàng hỏi tôi bằng tiếng Pháp, thứ tiếng Pháp đặc biệt của dân Potsdam :

— Anh có được mạnh khỏe không ?

Rồi nàng nghiêng đầu, mỉm cười ngắm nghia tôi từ đầu cho tới chân. Sau đó, Louise hỏi tôi có cây dinh nào không. Tôi lắc đầu, Louise vừa cười vừa nói. « Cả nước Đức không kiếm đâu ra một cây dinh ! » Coi bộ nàng bối rối vì tai nạn té xe vừa qua làm chiếc *jupe* đang mặc bị rách 1 đường nhỏ. Đầu đội một chiếc nón màu xanh, thân mình gọn lỏn trong chiếc áo vét bằng da theo kiểu con trai, đôi chân trần, trông nàng thật nhẹ nhàng thanh thoát. Louise coi bộ rất hài lòng khi gặp lại tôi. Nàng hỏi tại sao tôi không đi cùng nàng tới Litzensee ? Nàng sẵn sàng cho tôi mượn chiếc xe đạp, và tôi sẽ qua đêm tại tòa lâu đài. Nhưng tôi lắc đầu nói không thể được, ngày mai tôi đã phải lên đường thật sớm đi Helsinki.

— Tại sao anh không nán lại một hai bữa ? Lâu đài Litzensee đẹp lắm. Đúng là một căn nhà cổ, tại miền quê, chung quanh có rừng cây bao bọc, với từng đàn hoẵng, hươu, nai...

Chúng tôi đi về phía trung tâm thành phố. Tôi đi bên cạnh Louise. Nàng dựa người lên chiếc xe đạp. Trời đã hết mưa, đêm tuy không trăng nhưng khá sáng sủa, ấm áp. Tôi có cảm tưởng sống lại thời thơ ấu, tại thành phố nơi quê hương, chiều chiều, khi những người thơ ra khỏi nhà máy, tôi đứng đợi Bianca trên hè phố rồi đưa

nàng về nhà. Mặt đường có một vài vũng bùn, nhưng Louise không để ý, cứ bước tràn, chẳng khác gì những cô gái con nhà dân già, chẳng khác gì Bianca của tôi khi xưa. Khi qua cầu, chúng tôi ngừng lại nhìn dòng nước chảy phía bên dưới. Một chiếc thuyền nhỏ, trên có 2 người lính, từ từ trôi theo dòng nước. Dựa vào thành cầu bằng đá, Louise lặng lẽ nhìn dòng sông lèn lỏi giữa những bờ đất cỏ mọc um tùm.

Tôi bảo nàng :

— Tại sao Louise không qua bên Ý hưởng tuần lễ trăng mật?

— Ủa ! Sao anh biết tôi sắp lấy chồng ? Ai nói cho anh hay vậy ?

— Agata Ratibor bảo cho tôi hay từ bữa nọ. Louise hãy đến nhà tôi, tại Capri, trong lúc tôi đã Phản lan Louise một mình làm chủ căn nhà. Thời tiết ở Capri rất mát mẻ, rất hợp với 1 cặp vợ chồng mới cưới.

— Tôi không đi được. Họ đã tịch thu giấy thông hành của tôi rồi. Gia đình tôi không được phép rời khỏi nước Đức. Tại Litzensee, chúng tôi sống như mây kẽ bị dì dày. Muốn tới Bá linh, chúng tôi cũng phải xin phép đặc biệt ! Đời sống của những gia đình vương giả bây giờ là như vậy !

Và nàng ngoéo đầu qua một bên vai, cười lớn.

Chúng tôi đi khỏi cây cầu được một quãng khá xa, bỗng có 1 viên sĩ quan trẻ tuổi dừng lại chào cả bọn. Louise mặt đỏ bừng kêu to :

— Ô ! Hans !

Vिएन सी बान ट्रेड तुडी Hans Reinholt đứng nghiêng theo thế chào nhá binh trước mặt Louise,

mặt anh ta mỉm cười. Dần dần, khuôn mặt anh ta xoay nghiêng về phía những binh sĩ đang rời khỏi phiên gác trở về trại lính. Louise hỏi nhỏ Hans.

- Tại sao anh không cùng đi với tụi này ?
- Bữa nay tôi phải trực.
- Chào anh, hẹn gặp lại, Hans !
- Chào Louise.

Sau đó, Louise yên lặng tiếp tục bước không một ai lên tiếng. Cuối cùng, tôi nghe tiếng nàng thở dài, nói :

— Tháng tới Hans phải lên đường đi ra mặt trận. Chúng tôi chỉ còn đủ ngày giờ để làm lễ cưới... Cuộc chiến tranh này...

Tôi tiếp lời nàng.

- Louise sợ hãi cuộc chiến hiện tại ?
- Không hẳn như vậy. Nhưng trong cuộc chiến hiện tại có 1 điều gì thật kỳ cục...
- Điều chi ?
- Ô ! Khó nói lắm ! Vả lại, nói ra cũng vô ích !

Chúng tôi vô 1 tiệm ăn ngay gần cầu. Bên trong chật ních người. Vất vả lắm chúng tôi mới kiếm ra bàn ngồi trong 1 căn phòng nhỏ cách biệt hẳn phòng ăn lớn. Trong phòng còn có một vài người lính ngồi chung quanh 1 chiếc bàn kế bên họ là hai cô gái còn nhỏ tuổi cùng với một bà già, chắc là mụ quản gia. Louise coi bộ túng túng, khó chịu. Nàng nhìn quanh, như muốn kiểm người quen.

Trước mặt nàng, tôi cảm thấy dễ chịu, tự nhiên, không nghĩ rằng đó là một cô Công chúa.

Một nàng Công chúa buồn rầu, bến lén. Tất cả vẻ đẹp của nàng toát ra từ cái dáng điệu tự nhiên, giản dị. Trông nàng chẳng khác gì một cô gái bình dân. Nàng cũng không tỏ ra kiêu ngạo, giống như những người quyền quý khi bị sa sút, khinh bỉ.

Tôi lặng lẽ quan sát bàn tay của Louise. Tay nàng thật nhỏ nhắn, duyên dáng, nhưng trên đó đã để lại những dấu vết những công việc nặng nhọc, giống như bàn tay của mấy người thợ, hay mấy người *esclaves blanches* (nô lệ da trắng) ở phương Đông. Tôi đã nhìn thấy nhiều bàn tay của những người thợ giống như vậy, những người thợ đan bà người Nga làm trong mây xưởng kim khí hóa học, buỗi chiều tan sở, họ xếp hàng ngồi trên vỉa hè tại những khu kỹ nghệ ở Pankow, và Spandau, tay cầm miếng bánh mì đen, chậm chạp đưa lên miệng...

Louise chắc biết tôi đang quan sát đôi bàn tay của nàng, nàng hơi xấu hổ đưa tay xuống dưới mặt bàn và bảo tôi :

— Anh có thể mang về cho tôi mấy bánh xà bông từ bên Ý hoặc Thụy Điển. Nhất là thứ xà bông giặt đồ, được không ?

Rồi nàng nói thêm :

— Tôi chỉ muốn làm việc trong một xưởng thợ, còn hơn sống đời vương giả tú túng như bây giờ.

— Cũng chẳng lâu đâu. Rồi họ sẽ gửi Louise tới một xưởng thợ nào đó.

— Ô ! Không đâu ! Nước Đức hiện tại không muốn nghe nhắc đến lũ người vương giả như lui

tôi. Chúng tôi là những phần tử nguy hiểm như 1 *Altese Impériale*.

Trong giọng nói của nàng có đôi chút khinh khi. Vừa lúc đó có 2 người lính, cặp mắt bị băng kin, đi vô phòng ăn. Một người nữ y tá đi cùng họ. Cả 3 ngồi tại 1 bàn khá xa bụi tôi. Thỉnh thoảng người nữ y tá quay qua nhìn bụi này. Louise nói nhỏ :

— Họ còn trẻ quá ! Chẳng khác gì hai đứa bé !

— Họ cũng vẫn còn may bởi vì chiến tranh đã không ăn thịt họ. Chiến tranh không ăn thịt những xác chết, chỉ cắn xé những kẻ còn sống. Chiến tranh ăn từng bàn chân, cánh tay, cặp mắt những binh sĩ, trong khi họ ngủ, giống như loài chuột. Nhưng nhân loại càng ngày càng thêm văn minh. Họ không thèm ăn thịt kẻ sống mà là xác chết tại Smolensk, tôi đã thấy những người tù nhân Nga số ăn thịt những xác chết bè bạn. Trong lúc đó, lính gác người Đức yên lặng nhìn, tỏ vẻ kính trọng và lịch sự. Dân Đức vốn đầy tính chất nhân bản, phải vậy không ? Vả lại họ không có gì đè cho tù nhân ăn, thành thử họ dành phải lặng yên nhìn, thỉnh thoảng lắc đầu nói : « Arme Leute ! May kẽ đó đáng thương làm sao ! » Dân Đức vốn nhiều tình cảm. Đó là 1 dân tộc văn minh và nhiều tình cảm nhất thế giới ! Dân Đức không ăn xác chết. Những dân tộc văn minh không bao giờ ăn xác chết. Họ chỉ ăn thịt những người còn sống.

— Tôi xin anh, đừng tỏ ra độc ác. Đừng kè những câu chuyện khủng khiếp như vậy.

Louise đặt tay lên vai tôi. Tôi cảm thấy nàng run rẩy và bỗng nhiên thấy thương hại lẩn tặc giận. Tôi tiếp tục kẽ thêm :

— Ở đó lạnh vô cùng, và tôi ghê tởm quá nên phát mửa. Tôi cảm thấy xấu hổ vì tỏ ra yếu hèn trước mặt tui lính Đức. Tui họ nhìn tôi khinh bỉ giống như nhìn tui đàn bà con gái.

Louise nhắm mắt lại. Tôi có cảm tưởng nàng ngừng thở. Một lát sau, nàng run rẩy nói :

— Nhiều lúc tôi tự hỏi, gia đình tôi không hiểu có phải gánh một phần trách nhiệm vì tất cả những gì xảy ra ngày hôm nay hay không ?

— Ai cũng có phần trách nhiệm cả ! Tuy không thuộc階級 vương giả nhưng tôi cũng cảm thấy phần trách nhiệm của mình đối với những chuyện đang xảy ra.

— Đôi khi tôi tự hỏi, là đàn bà người Đức, tôi có bắt buộc phải yêu mến dân tộc Đức hay không ?

— Không ai bắt buộc Louise điều đó. Nhưng dù sao người Đức cũng rất lịch sự.

Ilse cười lớn :

— Đúng như vậy !

— Các cô có muốn tôi kể chuyện con mèo thủy tinh không ?

— Thôi, tôi không muốn nghe mấy chuyện khủng khiếp ! Louise nói.

— Không, đây là một câu chuyện của người Đức, một câu chuyện tình cảm.

— Kẽ nho nhỏ thôi, đừng để cho hai người lính mù kia nghe tiếng !

— Trên thế giới, mấy người mù thường được

coi là lịch sự nhất. Nhưng mấy người có con mắt hẳng thủy tinh còn lịch sự hơn mấy người mù nhiều ! Vậy mà bùa nọ tôi còn gấp một kẽ không mù, cũng không có con mắt bằng thủy tinh nhưng lịch sự hơn cả hai hạng người kẽ trên. Bùa đó tôi từ mặt trận Smolensk trở về Varsovie, và vô tiệm cà phê Europeiski ; mệt mỏi vô cùng, chẳng khác gì vừa mới ăn một miếng thịt người sống ! Dàn nhạc trong tiệm cà phê đang chơi một bản nhạc bình dân xứ Polonais, một bản nhạc thật xưa. Bên cạnh bàn tôi ngồi có mấy người lính Đức cùng với một người y tá. Đó là một tiệm cà phê nổi tiếng thanh lịch của Varsovie, lúc nào cũng đầy khách. Họ đại diện cho cái xã hội Polonais tuy buồn rầu vì chiến tranh, nghèo nàn và nô lệ nhưng vẫn giữ được phẩm giá của mình. Mấy người khách đàm bà trong lúc nào cũng tuyệt vời, cao quý tuy vẫn phảng phất vẻ nghèo đói. Trong họ chẳng khác gì một loài chim hiếm bị thương, bị nhốt trong lồng ; giống như loài Hải âu bị gió bão vùi dập... Bên cạnh tôi là một bàn có hai người lính Đức, cặp mắt họ mờ to, khuôn mặt dữ dội. Nhìn sâu vào mắt họ, tôi thấy cặp đồng tử mờ rộng hoặc thu nhỏ lại một cách thật khác thường. Tôi bỗng nhận ra mi mắt của họ không hề cử động. Nhưng họ không mù ! Một vài người lính đang đọc báo, mấy người khác nhìn lên ban nhạc, hoặc ngắm nghĩa những người qua lại, ngắm tuyet rơi bên ngoài cửa kính.

Bỗng nhiên tôi nhận ra họ không có mi mắt ! Tôi đã nhìn thấy những người lính không có mi mắt tại nhà ga Minsk mấy ngày trước đó, khi tôi

từ Smolensk trở về. Cái lạnh khủng khiếp của mùa Đông năm đó đã gây nên những trường hợp thật quái dị. Hàng trăm ngàn người lính bị mất đi một phần thân thể vì lạnh. Có người bị mất tai, mũi, ngón tay. Rất nhiều người bị rụng hết tóc, chỉ trong một đêm, sáng hôm sau ngủ dậy, có người đã trở nên trọc đầu! Một vài người khác tóc rụng từng mảng. Rất nhiều người không còn mí mắt. Lạnh giá làm cho mí mắt khô đi rồi rụng mất chẳng khác gì một mảng da chết...

— Thôi đủ rồi!

— Hãy nghe tôi kể chuyện con mắt thủy tinh...

— Anh không có quyền làm cho tôi đau khổ.

— Không đâu! Chuyện này dân Công-giáo nghe được, không có chi gọi là độc ác.

— Thôi, nếu vậy hãy nghe chuyện trẻ con vậy. Vào hồi đầu cuộc chiến, tôi ở Náp, Đồng-minh đã bắt đầu dội bom thành phố. Bữa đó, tôi tới nhà một người bạn chơi, và ở lại dùng cơm tối. Khi mặt trăng bắt đầu nhô lên, người bạn tôi bỗng tuyên bố: « Đêm nay chắc chắn họ sẽ tới. Tôi phải ra vườn, sau sắp đặt mấy món đồ chơi của phi công Đồng-minh! » Nghe nói tôi không hiểu chi cả, và càng ngạc nhiên hơn khi thấy anh bạn lôi từ trong nhà ra nào là búp bê, ngựa gỗ, kẹo bánh... Anh mang tất cả ra vườn sau, đặt mỗi chỗ một món đồ, vừa làm vừa giải thích cho tôi. « Hai đứa con của anh, bữa đầu tiên xảy ra dội bom, đã suýt chết vì sợ hãi. Bởi vậy, anh bèn nghĩ ra trò chơi biến đổi những cuộc dội bom thành một ngày hội trẻ con. Mỗi lần còi báo động nồi lên, vợ chồng anh ta nhảy khỏi giường.

Ôm lấy hai đứa nhỏ la to mừng rỡ. Máy bay Đồng-minh mang kẹo bánh, đồ chơi cho trẻ con, đã tới rồi ! Hoan hô ! Những phi công Ăng-lê sẽ ném xuống cho trẻ con rất nhiều đồ chơi ! »

Cả hai vợ chồng cứ phải mừng rỡ như điên cho tới khi hai đứa trẻ ngủ yên. Mỗi lần có tiếng bom nổ là họ lại la to : « Đấy ! Họ đang ném đồ chơi xuống ! » Hai đứa bé tranh nhau đòi đồ chơi. Tới sáng sớm, hai vợ chồng dẫn con ra ngoài vườn tìm kiếm những món đồ chơi tối hôm trước họ đã mang ra để sẵn đó. Nhờ vậy, hai đứa trẻ hết sợ hãi và còn mong đợi những lần dội bom ! Có bữa chúng kiểm thấy một chiếc máy bay nhỏ chạy bằng lò so. Bố mẹ chúng bèn giải thích : « Đấy là máy bay Đồng-minh chẳng may bị bọn Đức bắn rớt ! »...

Louise bật cười vỗ tay :

— Ô ! Tui nhỏ thích thật !

— Bây giờ tôi kể chuyện Siegfried và con mèo. Đây là chuyện của Đức. Người Đức như cô, chắc là phải thích chuyện này !

— Người Đức yêu thích tất cả những gì mang tính chất Đức quốc. Siegfried có nghĩa là dân tộc Đức !

— Nhưng còn con mèo ? Louise, bộ cô có nghĩ rằng con mèo theo một ý nghĩa nào đó cũng là Siegfried ?

— Chỉ có một Siegfried là độc nhất !

— Cô nói đúng lắm. Siegfried là độc nhất, còn những dân tộc khác đều là mèo ! Hãy nghe tôi kể chuyện Siegfried và con mèo ! Bữa đó tôi đi ngang làng Rita, phía trước Belgrade và đang tình vượt qua dòng sông Danube. Một đơn vị SS

có nhiệm vụ kiểm soát sự qua lại ở nơi đó. Bọn lính Đức tất cả đều còn trẻ, cặp mắt đứa nào cũng trong sáng nhưng cũng thật độc ác, tàn nhẫn, đúng như Siegfried vậy. Cả bọn ngồi ngay bờ sông, súng đê trên đầu. Mỗi đứa ngồi riêng ra một chỗ, ngay cạnh chỗ tôi đứng. Trong gã độ chừng 18 tuổi. Chúng tôi bắt đầu nói chuyện lăng nhăng về những tang thương đồ nát do chiến tranh gây nên. Tên lính trẻ với cặp mắt thật trong sáng, thơ ngây, bèn trả lời tôi rằng : một người lính SS phải tỏ ra xứng đáng bằng cách một tay nắm lưng con mèo xách lên, còn tay kia cầm dao móc cặp mắt con vật. Người ta đã dạy cách giết dân Do Thái như thế đó !

— Anh không có quyền nói với tôi như vậy...

— Ô ! Xin lỗi Louise, tôi cũng rất ghê tởm sự tàn bạo, nhưng có những sự thực cô cần phải biết. Siegfried cũng là một loài mèo. Cô có biết ý nghĩa của tiếng *Kaputt* là gì không ? *Kaputt* nghĩa là *nạn nhân* ; do tiếng Do thái *Koppároth* mà ra. Mèo là một *Koppároth*, tức là một nạn nhân, ngược lại với *Siegfried*. Mèo là một Siegfried bị hy sinh. Đó là định mệnh của dân Đức : Biển thành *Koppároth* ; thành nạn nhân. Đó cũng là định mệnh của tất cả mọi người như chúng ta. Chính vì vậy mà chúng ta là dân Công-giáo, có đạo.

— Tôi muốn làm việc trong một xưởng thợ. Tôi không còn là Công-chúa, là Siegfried nữa. Tôi muốn thay đổi luôn cả cái tên Louise...

— Tại sao thay đổi tên ?

— Những người khác liệu sẽ kính trọng tôi, nếu họ biết tôi là một Công-chúa ? Nhưng thôi, hãy kể cho tôi nghe chuyện Con mắt thủy tinh đi !



Mùa thu năm 1941, tôi tới vùng Ukraine, gần Poltawa. Khu vực này do Địa-phương-quân cai quản. Những đơn vị Địa-phương-quân, mạnh ai nấy làm chủ, mỗi toán làm vua một vùng chẳng khác chi thời kỳ loạn Cô-dắc Pougatcheff. Một bùa có một viên sĩ-quan Đức dẫn đầu một đơn vị đi ngang qua một làng nhỏ, một làng bỏ hoang, không một bóng người. Hàng trăm con ngựa nằm chết đói trong chuồng. Viên sĩ-quan sau khi quan sát một hồi, bèn ra lệnh cho đơn vị khởi hành. Bất ngờ vừa mới ra khỏi làng, có tiếng súng từ bên trong bắn ra, nhắm vào đơn vị Đức. Nồi giận, viên sĩ-quan Đức ra lệnh nồi lửa đốt hết làng đó. Chỗng cự không nồi, nhóm du-kích-quân đành phải ra hàng. Viên sĩ-quan Đức ra lệnh giết hết. Trong số nạn nhân có một đứa trẻ, chừng 10 tuổi, ốm nhom, tay chân đã bị phỏng vì lửa. Viên sĩ-quan xuống ngựa, đến trước đứa bé ngắm nghĩa một hồi. Coi bộ ông ta cũng mệt mỏi sau khi ra lệnh giết bao nhiêu người rồi. Viên sĩ-quan cũng có một đứa con trai trạc tuổi đó, hiện đang ở nhà, tại Bá-linh suy nghĩ một hồi, cuối cùng viên sĩ-quan bảo thằng bé :

— Nay nhỏ con ! Mi còn bé quá, lui tao không thèm đánh nhau với trẻ con. Tao sẽ tha không giết nếu mày trả lời được một câu đố của tao. Nghe đây này, tao hiện mang một con mắt

bằng thủy tinh, nhưng cả hai con đều giống nhau. Đố mày nhận ra được con nào là giả, nói đúng tao tha.

— Mắt bên trái. Thằng bé con trả lời liền không cần suy nghĩ.

— Đúng rồi ! Nhưng tại sao mày nhận ra nè ?

— Bởi vì con mắt đó có vẻ linh hoạt, giống như mắt người hơn con mắt còn lại.



THƯỢNG ĐẾ ĐÃ CHẾT TRONG THÀNH PHỐ

Nguyên tác : LA PEAU của MALAPARTE
NGUYỄN QUỐC TRỤ chuyền ngữ. Bìa :
NGUYỄN TRỌNG KHÔI trình bày do
VÀNG SON xuất bản lần thứ nhất tại SAIGON
VIỆT NAM. Án hành 2500 cuốn trên giấy
thường. Giấy phép xuất bản số : 10/74 —
PTVDV/KSALPQN/TP ngày 3 tháng 1 năm 1974
phát hành ngày 5-3-1974